

JOHNNY DANG & CO "Proud To Be The Largest Custom Jewelry store!"

FLAGSHIP LOCATION:
6224 RICHMOND AVE
HOUSTON, TX 77057

SHARPSTOWN LOCATION:
253 SHARPSTOWN CTR
HOUSTON, TX 77036

JOHNNY DANG & CO
TEL: (832) 846 - 9669
WWW.JOJOHNNYDANG.COM

JOHNNY DANG & CO
FINE JEWELRY

Instagram, Facebook, Twitter, YouTube icons



32

TIN VAN

HỆ THU 2021

TIN VAN
thông tin-nghệ luận-sáng tác-văn học nghệ thuật



Tranh sơn dầu của họa sĩ Nguyễn Văn Bút

TRUNG TÂM VĂN BÚT NAM HOA KỲ CHÙ TRƯỜNG



TinVấn

Thông tin-nghị luận-sáng tác-văn học-nghệ thuật

Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ

7103 Plaza Del Sol Dr. Houston TX77083

Email: tinvanhk2018@gmail.com

Email: vinhtuan@sbcglobal.net



Chủ biên: Vĩnh Tuấn

Tổng Thư Ký: Lê Thị Hoài Niệm

Biên tập và Trình bày: Yên Sơn

Tác giả thường trực:

Vĩnh Tuấn – Huỳnh Công Ánh – Thu Nga

Lê Thị Hoài Niệm - Phạm Tương Như - Nguyễn

Đức Nhơn - Huỳnh Quang Thế – Lan Cao - Trương Sĩ Lương - Vô Tình - Lưu

Nguyễn Từ Thức - Dương Phước Luyện - Dương Thượng Trúc - Song An

Châu - Như Phong - Mai Thanh Tuyết - Hoàng Thị Thanh Nga - Linh Vàng

- Thiên Lý - Ngô Sỹ Hân - Nhật Hồng Nguyễn Thanh Vân - Long Điền –

Phạm Trần Anh - Cao Nguyên - Trường Sơn Lê Xuân Nhị - Cao Trúc Giang -

Phí Ngọc Hùng - Song Thy - Như Ly - Đào Lê - Bạch Cúc Trần – Nguyễn Lập

Đông - Mỹ Nhung - Út Bạch Lan - Đào Kinh Doanh – Nguyễn Đình Từ Lam -

Hoàng Lan – Ánh Nguyệt - Túy Hà - Mây Ngàn -Yên Sơn.

Cộng tác viên:

Phạm Ngũ Yên - Quan Dương – Lâm Vân An - Đoàn Thy Vân - Nguyễn

Minh Triết – Phạm Tín An Ninh - Trang Y Hạ - Tiểu Thu - Nguyễn Thị

Thanh Dương - Thy Lan Thảo – Ngọc Tự - Trần Việt Cường - Chu Thụy

Nguyên - Trần Yên Thụy - Văn Nguyên Dưỡng - Châm Hồ - Vương Hồng

Ngọc - Minh Xuân 538 - Trần Văn Lệ - Trầm Vân -Thái Bạch Vân - Nguyễn

Bá Thận - Nguyễn Nhật Tân -Trần Quốc Bảo - Phan Xuân Sinh.

Phụ trách trang Web: BBT Tin Văn

Thực hiện bìa: Bảo Bình



<http://www.vanbutnamhoaky.com>

Lời Ngỏ



Tháng Tư lại về! Đã bao nhiêu cái Tháng Tư trên quê hương tạm dung này? Cứ mỗi lần Tháng Tư đến thì hầu như một khoảng trời mệnh mang đau buồn lại hiển hiện trong lòng những đứa con xa xứ. Đã 46 năm xa lìa quê hương; đã 46 năm nhưng vết thương vẫn không thể lành để rồi mỗi dịp Tháng Tư về vết thương lại bung mủ vỡ máu. Hỡi ôi! Làm sao để có thể quên được khi mà lũ Cộng sản bạo quyền vẫn còn thống trị trên mảnh giang san tội nghiệp!

Những trại tù mệnh danh là học tập, những sự cướp đoạt trắng trợn được mệnh danh là đưa lên “vùng kinh tế mới”; vợ xa chồng, con xa cha... những thước phim đau buồn một lần nữa lại được chiếu lên trong hồn những người con xa xứ.

*Lửa bùng lên tình người xa lạ
Trời quê hương mưa bụi mịt mù
Dân tôi ơi bước trong ngấn ngor
Xin tui nhục ghi vào BI SỬ...*

Năm nay sau một năm khủng hoảng toàn cầu vì đại dịch COVID-19 của Tàu cộng, đời sống mọi người ai cũng bị chông chênh, lao đao không nhiều thì ít. Văn Bút Nam Hoa Kỳ cũng không ngoại lệ, nhiều chương trình phải huỷ bỏ không thực hiện được; nhiều VH có những sáng tác mới cũng phải chịu chung số phận, không thể trình làng được. Nhưng với hoài bão gìn giữ Văn

Hoá Việt Nam trên đất khách quê người, BCH Văn Bút Nam Hoa Kỳ vẫn cố gắng duy trì tờ Tin Văn, tiếng nói chính thức và là tiếng nói chung của toàn thể hội viên, để làm phương tiện sáng tác và sợi dây kết nối giữa người viết và độc giả. Ngoài ra, chúng tôi cũng duy trì tập Kỷ Yếu, là một ấn phẩm đặc biệt của Trung Tâm, gom góp những sáng tác phẩm đặc biệt của toàn thể hội viên vào những mốc thời gian đặc biệt nào đó.

Bây giờ cơn đại dịch hầu như đã được kềm chế và mọi sinh hoạt trong đời sống hàng ngày tại tiểu bang Texas nói chung và thành phố Houston nói riêng, hầu như đã trở lại bình thường sau vài tháng đầu năm 2021; chúng tôi dự định sẽ trở lại sinh hoạt bình thường để có cơ hội gặp lại quý độc giả, quý đồng hương và các Văn Thi hữu khoảng tháng 7 sắp đến. Rất mong mọi việc sẽ được thuận lợi.

Mùa xuân đã về, muôn hoa đang khoe sắc, cỏ cây tươi thắm khắp nơi sau trận bão tuyết kinh hoàng của thế kỷ. Chúng tôi xin được chia sẻ những mát mát, những buồn lo, ưu tư với tất cả quý vị. Cầu mong tất cả mọi người sẽ như hoa lá mùa xuân, trở lại cuộc sống bình an, vượt qua được tất cả khó khăn, mát mát sau trận thiên tai.

Một lần nữa, thay mặt BCH VBNHK và BBT Tin Văn, xin gửi lời chúc lành đến với toàn thể gia đình hội viên; hy vọng mọi việc sẽ sáng sủa hơn trong những tháng ngày sắp tới.

Trân Trọng,

Đào Vĩnh Tuấn

Chủ tịch Trung tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ

Bản Tường Trình Buổi Sinh Hoạt Trung tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ Chào Mừng Xuân Tân Sửu 2021

Lê Thị Hoài Niệm



Kính gửi quý hội Viên VBNHK tại Houston và viễn cư

Theo thông lệ hàng năm, Ban chấp hành Trung Tâm VBNHK sẽ tổ chức một kỳ “đại hội mở rộng” để chào mừng năm mới vào mỗi tháng Ba, cũng là cơ hội cho tất cả hội viên VB, gia đình, bạn bè, thân hữu và những người quan tâm đến văn chương chữ nghĩa đến tham dự chung vui, tạo thêm tình thân mật...

Nhưng năm 2020, 2021 vì tình trạng đất nước bị nạn dịch, nên tất cả đã không được tổ chức như ý muốn, nhưng không vì thế mà sinh hoạt của VBNHK bị ngưng hẳn mọi sinh hoạt.

Chiều ngày 13 tháng Ba năm 2021, tại “Quán Chiều Tương Như”, một buổi họp mặt “bỏ túi” để chào mừng Văn Hữu về định cư vĩnh viễn tại Houston, cùng lúc bầu cử Ban Chấp Hành mới cho nhiệm kỳ 2021-2024 đã được tổ chức vào lúc 4 giờ chiều với sự tham dự của hội viên VB và gia đình.

Những hội viên từ xa về:

- VH Thu Nga (phu quân) (Dallas)
- VH Huỳnh Công Ánh (phu nhân) (New Orleans)
- VH Hoàng Lan (Dallas)
- VH Như Phong (Dallas)
- VH Cao Trúc Giang (Ca.)

Những Văn hữu viễn cư không về tham dự được, nhưng gửi lời chúc mừng cho buổi sinh hoạt thành công: vh Trương Sĩ Lương, vh Phạm Trần Anh, vh Linh Vang, vh Trường Sơn Lê Xuân Nhị, vh Cao Nguyên, vh Ngô Sỹ Hân, vh Thiên Lý, vh Hoàng Thị Thanh Nga, vh Nguyễn Đình Từ Lam, vh Nguyễn Đức Nhơn, vh Võ Thanh Văn, vh Nhật Hồng, vh Song An Châu, vh Long Điền...

Tại địa phương có sự hiện diện: vh Túy Hà, Yên Sơn, Mây Ngàn, Phạm Tương Như, Lưu Nguyễn Từ Thúc, Mai Thanh Truyết, Huỳnh Quang Thế, Vĩnh Tuấn, Lê Thị Hoài Niệm, Mỹ

Nhung, Phí Ngọc Hùng, Song Thy, Khải Đào, Như Ly, Út Bạch Lan, Ánh Nguyệt, Bạch Cúc, Đào Kinh Doanh.

Vài Văn hữu tại địa phương vì lý do sức khỏe không thể đến tham dự được: vh Vô Tình, Dương Phước Luyến, Nguyễn Lập Đông, Lan Cao.

Đặc biệt là sự hiện diện của vh Dương thượng Trúc về định cư hẳn tại Houston được quý ACE chào đón thân tình.

Sau những lời chào mừng sự hiện diện của thành viên VB, vh chủ tịch Tuý Hà đã ngỏ lời chào mừng đến tất cả những thành viên viễn cư đã không ngại đường xa về tham gia buổi sinh hoạt đồng vui.

Buổi họp được “chủ tọa” bởi vh Yên Sơn, đề bầu cử lại Ban chấp hành cho nhiệm kỳ tới (2021-2024). Không có vh nào ứng cử vào các chức vụ Ban Chấp Hành, nên các vh đề cử người có thể đảm nhiệm chức vụ.

Đầu tiên vh Lưu Nguyễn Từ Thức được đề cử, nhưng anh vì lý do sức khỏe nên từ chối. Sau đó thì vh Vĩnh Tuấn được tín nhiệm của những vh hiện diện, cuối cùng Ban Chấp Hành được thành lập:

- Chủ Tịch: vh Đào Vĩnh Tuấn
- Phó chủ tịch nội vụ: vh Huỳnh Công Ánh
- Phó chủ tịch ngoại Vụ: vh Thu Nga
- Tổng thư ký: vh Lê thị Hoài Niệm
- Thủ quỹ: vh Phạm Tương Như

Sau khi biểu quyết, 100% hội viên có mặt đều “vote” đồng thuận.

Chủ tịch cũ từ chức và Chủ tịch mới nhận nhiệm vụ, tân Ban Chấp Hành mới... trình diện nội bộ, chờ ngày đẹp trời ra mắt với công chúng.



Tiếp tục là một chương trình văn nghệ rất phong phú với sự điều hợp linh động của hai anh MC Yên Sơn và Đặng Minh Hùng, cùng sự góp vui của các ca nhạc sĩ của hội và những bài thơ của “thi sĩ nhà”, được “nhạc sĩ nhà” phổ thơ và trình bày rất chuyên nghiệp, và ban nhạc One-man-band của nhạc sĩ Võ Trường Trình (con trai vh Mỹ Nhung).

Đóng góp văn nghệ: Ca nhạc sĩ Hoàng Lan, Trần Thanh Tùng, Khải Đào, Như Ly, Huỳnh Công Ánh, Phan Đức Châu (cựu hội

trưởng KQ tại Houston), Như Phong, Dương Thượng Trúc, Đào Kinh Doanh, Xuân Diệp, Thu Nga (với ban hợp ca “The Rap” của quý chị với nhạc phẩm “Anh Cho Em Mùa Xuân”, thật vui nhộn); có Vĩnh Tuấn, Cao Trúc Giang, Vũ Khoa và nhiều thân hữu cùng góp tiếng hát...



Buổi sinh hoạt có sự hiện diện của chị Nguyễn Kim Kiều, phu nhân cố chủ tịch VBNHK Nguyễn Mạnh An Dân; chị rất cảm

động và nói lời cảm ơn sự giúp đỡ và lo lắng tận tình của ACE VBNHK cho tang lễ của anh năm trước.

Thức ăn cho buổi sinh hoạt thật dồi dào là công khó của anh Khải Đào, anh Phạm tương Như, các anh đã bỏ... ba ngày để chuẩn bị và nấu những món ăn rất ngon, và vñ Song Thy, vñ Yên Sơn cùng phụ trang trí cho khu vực sinh hoạt thật thẩm mỹ. Ngoài ra, cũng còn nhiều món ăn ngon khác do các anh chị mang đến góp phần.

Hầu hết những hội viên vb đã đóng lệ phí hằng năm đầy đủ, chúc mừng cho anh thủ quỹ khỏi... lo lắng cho quỹ sinh hoạt thiếu hụt. Nếu vñ nào chưa kịp đóng, xin liên lạc với vñ Thủ Quỹ.

Buổi sinh hoạt chấm dứt trong bầu không khí ấm cúng và vui nhộn.

Thành thật cảm ơn tất cả hội viên VBNHK và gia đình đã đến tham dự buổi sinh hoạt thật đông đủ và thân tình.

- Thông báo gửi bài cho Tin Văn. Dùng địa chỉ này mà thôi:
tinvanhk2018@gmail.com
- Số Xuân Hạ: hạn chót nhận bài 30/4
- Số Hè Thu: hạn chót nhận bài 30/8
- Số Thu Đông: hạn chót nhận bài 30/12

Truyện ngắn

Thằng Thời

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

... Một bài thơ trước 75

*Xin thầy mẹ đừng nuôi con ăn học
Hoặc tìm con một nghề nghiệp ám thân
Bởi mai này con sẽ làm tên lính
Học làm gì cho vô ích phù vân*

*Xin thầy mẹ mài con ra gan dạ
Để lớn lên khỏi sợ trước kẻ thù
Chẳng ói mửa khi chìm trong biển máu
Chẳng hãi hùng khi lạc giữa rừng sâu*

*Con ước muốn thầy cho con cây súng
Ngay bây giờ để tập bắn cho quen...
Xin Thầy mẹ đừng bắt con phải học
Nghĩa lý gì với cuộc sống hôm nay*

*Giống nòi ta bao nhiêu năm khổ nhục
Tiếng quạ kêu ang ác suốt đêm ngày...
Xin thầy mẹ đừng nuôi con ăn học
Hoặc tìm con một nghề nghiệp ám thân*

*Bởi mai này con sẽ làm tên lính
Học làm gì cho vô ích phù vân...*

(Vô Danh)

Ngày xưa, ở Ban Mê Thuột, trước nhà tôi, trong cái xóm nhỏ gọi là xóm đạo, có tay kia tên Thời, cũng bặm trợn lắm chứ chẳng hiền lành gì. Thằng Thời thích chơi với tôi và tôi cũng thích chơi với nó vì cả hai thằng đều con nhà nghèo và đều có chút tánh khí ngang tàng trong người. Thằng Thời lớn hơn tôi cỡ chừng vài tuổi gì đó, nhưng không hiểu tại sao chúng tôi nói chuyện với nhau lại xưng mày tao, và mỗi lần nhắc tới Thời thì thiên hạ ai cũng đều gọi nó là thằng Thời. Có lẽ, khi một thằng con trai đã sinh ra trong một gia đình nghèo thì thiên hạ có quyền muốn gọi bằng bất cứ danh từ gì cũng được.

Gia đình thằng Thời người gốc Bình Định, ăn nói nghe hơi “lạ” tai nên chúng tôi thỉnh thoảng còn gọi nó là Thời nẫu. Cái tiếng Thời nẫu này chỉ có mình tôi dám gọi, những đứa khác trong xóm mà vô ý gọi như thế là sẽ bị cú đầu liền.

Gia đình thằng Thời rất nghèo. Nhà tôi tuy nghèo nhưng dù sao thì cũng còn được cấp sách đi học và có cơm ăn áo mặc, dù không phải là loại mắc tiền nhưng cũng không đến nỗi vá đùm vá đụp, lu gạo trong nhà ít khi cạn lảng. Nhưng nhà thằng Thời thì nghèo đến độ phải chạy cơm từng bữa, con cái chẳng được đi học, không có cả quần áo tươm tất để mặc, mấy anh em mặc quần áo vá đùm vá đụp coi rất thảm thương.

Ba thằng Thời làm phu khuân vác ngoài chợ. Nói là phu khuân vác cho sang nhưng thật ra thì hễ ai cần bất cứ việc gì, từ việc khuân vác cho đến việc gánh phân heo, ba nó đều làm tuốt. Má thằng Thời cũng đi làm hay đi ở nhà nào đó không biết mà sáng sớm ra đi mãi cho đến tối mịt mới trở về. Thằng Thời ở nhà coi hai đứa em. Lâu lâu ba thằng Thời về nhà, miệng toàn mùi rượu, đi đứng nghiêng ngả và ca hát om sòm. Ông hát nhiều bài nhưng chỉ có một bài bọn tôi thích nhất là bài (xin quý vị lượng thứ cho danh từ tục tĩu) “Ăn L... giăng phăng” vì nó là tiếng Pháp, lời nghe ngộ nghĩnh như sau, “Ăn L... giăng phăng đờ la Ba Trí à...” Mãi sau này tôi mới biết đó là bài quốc ca La Marseillaise của Pháp, bắt đầu bằng câu, “Allons enfants de la patrie, le jour de gloire est arrivé...” Nghe ông ca như thế, đàn ông thì ôm bụng cười khoái chí, còn đàn bà thì nhăn mặt khó chịu, bảo chú Bảy “Hát hò gì mà vô duyên tục tĩu.” Mỗi lần bọn con nít chúng tôi gặp ba thằng Thời, đều chạy theo năn nỉ, “Chú Bảy, chú Bảy hát bài... ăn L... cho tụi con nghe đi.” Thôi, tôi kể lại, xin quý vị đừng chấp chúng tôi, chuyện con nít mà....

Nhưng chú Bảy không bao giờ hát khi tỉnh táo, ông chỉ làm làm lì lì.

Được cái là ba thằng Thời, dù có tật rượu chè nhưng khi uống rượu say về nhà thì chỉ hát hò, không bao giờ la mắng hay đánh đập vợ con như nhiều người Việt Nam khác. Đúng ra, chú Bảy rất thương mấy đứa con của chú. Hôm nào ông làm được ra tiền thì thế nào cũng đem về mấy ổ bánh mì thịt, hay gói xôi, hay củ khoai, hay con khô mực (có lẽ để dành từ bàn nhậu) cho con cái ăn. Nhưng cũng có vài khi, cả đêm ba má nó không về, bỏ ba anh

em ở nhà bị đói meo râu. Thằng Thời thương em, tự động đi kiếm củi nấu cơm cho các em ăn. Có khi hết gạo, nó qua nhà tôi mượn gạo. Hồi đó chưa có mì gói cho nên nấu một nồi cơm bằng củi không phải là chuyện đơn giản. Vào lúc mùa mưa củi ướt, có khi nó lục đục tới khuya mới nấu chín được nồi cơm. Anh em chúng nó ngồi quây quần ăn cơm trên nền đất với chén nước mắm, dưới ngọn đèn dầu leo lét, coi thấy vừa tội nghiệp và lại vừa dễ thương đầm ấm, chan chứa tình người làm sao.

Nhà nó chỉ là một cái chòi nhỏ vách bằng ván, cũng vá đùm vá đục như áo quần của anh em thằng Thời. Nhà lợp mái tôn, lại cũng là thứ tôn cũ đi lượm ở đâu về, cái dài cái ngắn, cái đen cái trắng, cũng vá đùm vá đục lên nhau cũng như vách ván. Nền nhà bằng đất nên mùa mưa thì đi trong nhà mà như lội bùn và mùa hè thì bụi tung mù, làm thằng Thời lâu lâu phải xách nước tạt xuống cho đỡ bụi. Trong nhà độc nhất chỉ có một cái giường tre, một cái bàn nhỏ cũ kỹ chắc lượm ở đâu đem về, mấy cái ghế cao thấp không bằng nhau, một cái tủ đựng chén bát, một cái bếp nhỏ và một hũ gạo. Sau nhà là một thùng phuy nước cho cả gia đình tắm gội, giặt giũ.

Hồi đó tôi rất thích qua nhà thằng Thời chơi, dù nhà nó chẳng có gì. Có lẽ tôi thích qua nhà nó chơi vì thằng Thời có nhiều tài vật. Hình như, trời thường đãi những thằng con nhà nghèo bằng những cái tài đặc biệt mà bọn nhóc con nhà giàu không thể có được.

Cái tài đầu tiên của thằng Thời là tài chơi đánh trống. Không biết ai còn nhớ trò chơi đánh trống ở Việt Nam mình không. Trò chơi rất đơn giản gồm hai khúc cây, một dài một ngắn. Trước khi

chơi, người ta khoét một cái lỗ nhỏ trên mặt đất rồi để khúc cây nhỏ nằm nửa trong nửa ngoài cái lỗ này. Khi đánh vào phần đuôi của cây gỗ nhỏ này, nó sẽ văng lên cao và người chơi sẽ đánh vào khúc cây vừa bay lên. Ai đánh cho nó đi xa nhất thì người đó thắng.

Trò chơi đánh trống coi rất đơn giản nhưng rất khó và nếu chơi thì rất mê vì khi đánh được khúc cây nhỏ từ dưới đất lên cao, người chơi khó mà đánh trúng được nó. Riêng tôi, đánh 10 lần thì bị hụt đến 9 lần, và nếu có đánh trúng thì cũng khó mà đánh cho xa được.

Riêng thằng Thời thì khỏi nói. Nó khum người, gõ một phát cho cây gỗ nhỏ tung lên cao. Thay vì quất một phát vào lưng khúc gỗ, nó còn gõ vào khúc cây hai ba cái như người ta nhồi một trái banh trong tay rồi mới nghiêng răng quất một phát thật là chính xác và thật mạnh. Nhiều khi, nó đánh xa quá, khúc cây trống văng mất tiêu, không ai kiểm ra được...

Thằng Thời còn có tài kể chuyện. Không hiểu nó nghe ai kể vì nó không biết đọc, nhưng những chuyện trong Tam Quốc Chí như Quan Công Phò Nhị Tẩu, Tào Tháo rượt Lưu Bị, Triệu Tử Long đại phá quân Tào như thế nào nó kể nghe rất hay và hấp dẫn. Kể hoài và kể nhiều thì lâu lâu cũng bị bí. Khi nào bí quá thì anh chàng lại tự phịa ra thêm để tiếp tục kể cho chúng tôi nghe. Tôi biết nó phịa vì sau này lớn lên đọc Tam Quốc Chí, tôi tìm mãi chẳng thấy có khúc nào đã xảy ra như lời nó kể ngày xưa. Có điều, chuyện nó phịa mà tình tiết cũng lâm ly hấp dẫn chẳng khác gì chuyện Tam Quốc thật. Thế mới tài.

Thằng Thời còn có tài làm điều. Muốn làm điều thì phải có keo nhưng nhà thằng Thời làm gì có cho nên nó phải "cộng tác" với tôi vì tôi đi học, luôn luôn có keo sẵn trong cặp táp. Chúng tôi mỗi đứa dán một cái điều và trăm lần như một, điều của thằng Thời luôn luôn là đẹp hơn và nhẹ hơn nên luôn luôn bay cao hơn của tôi.

Nó còn có tài đá đế và bắt đế. Năm nào cũng thế, hễ mùa đế tới thì cu cậu bận rộn tung bừng và xu hào rùng rình.

Dân nhà quê chúng tôi có những thú giải trí mà dân thành phố không bao giờ có được, đá đế là một thí dụ. Mùa đá đế, mỗi buổi chiều, sau khi đi học về, vừa quăng cạc-táp xuống là tôi phóng qua nhà thằng Thời để... coi đế và theo nó đi đá đế. Thằng Thời cho tôi làm phụ tá... đá đế. Nó sai gì tôi làm đó. Chúng tôi luôn luôn mỗi đứa cầm hai cái lon. Một cái lon dành để chứa đế đá, cái kia dùng để chứa đế bán.

Một trận đá đế cũng hào hứng chẳng kém gì một trận đá gà hay một trận đánh võ. Trước khi đấu, chúng tôi thường đem đế ra khoe rồi cấp độ. Khi thì cá độ bằng tiền, một đồng, hai đồng, khi thì chỉ một cây kẹo hoặc cây bút chì, cục gôm. Nghĩa là có thứ gì trong tay thì cá thứ đó. Thường thì một trận đấu kéo dài chỉ chừng chục giây đồng hồ là cao lắm, nhưng chuẩn bị cho nó đá thì mất rất nhiều thì giờ và công sức. Công sức bắt đầu từ lúc đi bắt đế, nuôi đế, chọc cho đế tức vân vân và vân vân...

Tôi không hiểu thằng Thời đi rình ở đâu mà mỗi ngày bắt về chừng chục con đế lửa, loại to con và chiến nhất thế giới. Thằng Thời đá đế nổi tiếng xóm tôi, không ai hạ được. Và cứ đến mùa đế, như đã nói, thằng Thời tiền bạc luôn luôn rùng rình vì nhờ bán

đế. Hồi đó, tôi nhớ mãi, thuốc lá Ruby người ta bán 3 đồng 4 điều mà thằng Thời bán có con đế có khi được tới 5 đồng một con. Mỗi ngày bán được vài con là cu cậu có quyền cà rem kẹo bánh vì vút và tôi cũng được hưởng ké.

Tại sao lại có chuyện 3 đồng 4 điều Ruby vào đây? Xin thưa, một lần, bán được mấy con đế được gần 10 đồng, thằng Thời ra tiệm "bà Quán" bỏ ra 3 đồng mua 4 điều thuốc lá Ruby. Tôi hỏi nó mày biết hút thuốc à, thằng Thời trả lời, "Không, tao mua cho cha tao, tôi về hút."

Hồi đó nghe nó nói như thế tôi chẳng nghĩ gì thêm, nhưng sau này nghĩ lại tôi mới thấy phục thằng Thời. Một lần nữa, tôi không biết trên thế giới này có bao nhiêu thằng con trai đi bán đế để ăn kẹo mà còn nghĩ đến cha mình như thằng Thời?

Nhưng ngoài những chuyện đá đế và thả điều trên, thằng Thời còn nổi tiếng là một thằng bặm trợn. Nó đánh nhau gan lì, không thua ai và ai cũng nói thằng Thời có võ. Người Bình Định, nghe nói, ai cũng có chút ít võ nghệ dần thân. Xóm tôi ai cũng ngán nó nhưng với những người trong xóm, nó hiền khô, không hề bắt nạt ai. Nhưng con nít xóm khác mà đi lạc qua xóm tôi, gặp thằng Thời mà ăn nói loạng quạng thì thế nào cũng bị ăn đòn. Khi đụng độ, thằng Thời không có tật nói nhiều. Câu trước câu sau là nó đã vung tay đánh người ta bật ngửa ra sau rồi, không ai đỡ kịp. Lâu lâu, nó cũng sang xóm khác sinh sự đánh nhau và có lần đánh thua, cu cậu bị một bọn nào đó tới tận nhà kiếm, làm nó phải ra ngoài rầy trốn mấy ngày mới dám mò về.

Tôi phục thằng Thời ở chỗ là nó đi ăn thua ở đâu chứ không đi ăn thua với người trong xóm. Trong xóm, thằng Thời chẳng

bao giờ làm phiền ai. Gặp người lớn tuổi, nó nói chuyện một tiếng xưng ông bà, hai tiếng xưng con...

Một ngày nọ, tôi đang ngồi trên chiếc giường tre trong nhà thằng Thời đọc nhật trình cho nó nghe thì bà Mậu, một người đàn bà khó tánh và điệu ngoa nhất xóm, chạy thẳng vào trong nhà nó, mặt mày hầm hầm làm như chỉ muốn gây sự.

Bà Mậu là một người đàn bà bí mật và khó tánh nhất xóm, nhưng theo lời nhiều người nói, là một người đàn bà đẹp. Bà người Huế, không có chồng, nhưng nhà cửa ở rất sang trọng bề thế so với những căn nhà bình dân trong xóm tôi. Nhà bà lớn, lại có điện, và cái hàng rào kẽm gai chung quanh càng làm cho nó có vẻ riêng biệt và sang trọng. Lâu lâu trong nhà bà, từ ngoài hàng rào nhìn vào, chúng tôi thấy có thấp thoáng bóng đàn ông, thường là đàn ông Tây, dân chủ đồn điền cafe. Tết nhất, xe hơi đậu hàng đồng trước nhà bà, nhảy đầm tung bừng bên trong, nhạc vang ra ầm ĩ làm bọn con nít chúng tôi cứ chen lấn nhau ngoài hàng rào mà xem, chỉ mong nhìn thấy được cảnh bà Mậu “nút lưỡi” ông Tây. Nhưng chẳng bao giờ nhìn thấy vì bà Mậu khôn tổ mẹ, màn cửa phủ kín như bung, chúng tôi chỉ nhìn thấy những cái bóng ôm nhau nhảy đầm.

Có người đồn bà là gái giang hồ mà hồi tôi còn nhỏ chẳng biết gái giang hồ là gái gì. Mãi sau này mới biết là dĩ, nhưng đó chỉ toàn là thứ tin đồn nói nhỏ với nhau nghe thôi chứ không ai có bằng chứng gì. Nhưng sau này khi lớn hơn một chút, khi nhìn bà, tôi phải công nhận bà là một người đàn bà mà ai nhìn vào cũng thấy thích, kể cả tôi. Thêm vào đó, bà ăn mặc lịch sự và sang trọng. Chưa nhìn thấy bà Mậu là người ta đã ngửi được mùi nước

hoa thơm lừng. Có lẽ bà là một trong vài người đàn bà hiếm hoi xúc nước hoa trong xóm tôi.

Thấy bà Mậu vào nhà mình một cách ngang ngược như thế, thằng Thời vẫn ngồi yên trên ghế, hỏi bà:

- Chào bác, bác kiếm ai?

Bà không thèm trả lời, nhìn láo liên khắp nhà để kiểm soát một lúc rồi mới cất cái giọng Huế kiêu sa của bà hỏi:

- Cha mẹ mi có nhà không hí?

Thằng Thời lễ phép trả lời:

- Thưa, cha mẹ con đi làm hết rồi.

Không nói gì thêm, bà Mậu khom người chống bộ mônng dít tròn trịa và vĩ đại về phía chúng tôi, nhìn xuống đáy giường một lúc như tìm kiếm vật gì. Tôi ngấm nghĩa cặp mônng dít của bà với nhiều thắc mắc nhưng không nói gì. Rồi bà đứng lên, đi thẳng tới bên cái tủ quần áo đã xiêu vẹo không có cửa, nhả mặt lại, thò tay vào đóng quần áo cũ của cả nhà thằng Thời xới qua xới lại một lúc. Lại cũng chẳng kiếm ra cái gì cả. May mà cái tủ không rớt.

Thằng Thời hỏi, bắt đầu thấy hơi bực mình vì bị xúc phạm quá đáng:

- Bác kiếm chi?

Con mụ không thèm trả lời, lại tới bên hũ gạo, mở nắp nhìn vào. Nhưng hũ gạo tối quá, bà không nhìn thấy gì được nên bà lại thò tay vào trong hũ gạo ngoáy qua ngoáy lại một lúc. Cặp vú to lớn và trắng như trứng gà bóc của bà lắc qua lắc lại trong chiếc

áo hở ngực theo từng động tác. Hồi đó còn nhỏ tôi chẳng biết gì nhưng nhìn cặp vú bà lắc qua lắc lại cũng thấy... vui mắt.

Rồi bà nhăn mặt, rút tay ra, đẩy nắp lại.

Thấy bà ngang ngược như thế thì tôi bất mãn ra mặt. Mẹ, nhà tôi mà ai tới sục sạo kiểu này thì tôi chém chết liền tại chỗ. Nhưng thằng Thời, tuy là một thằng chẳng hiền lành gì, thậm chí nổi tiếng là hung tợn nhất xóm, lại ngồi im không nói năng gì.

Rồi bà đứng lên, tới gần cái tủ để đồ ăn nhỏ tí tẹo mở cửa ra nhìn vào. Không thấy gì, bà xoay người, tới bên cái giường tre duy nhất của nhà thằng Thời, lật tung mấy cái mền, cái gối, rồi giở luôn cả chiếc chiếu lên để tìm cái gì bà đang kiếm. Bà nhăn mặt phê bình:

- Ăn ở chi mà dơ như mọi rúa hỉ?

Tôi nhìn thằng Thời, toan xúi nó chửi cho con mẹ mất dạy một trận, nhưng nó lắc đầu quay đi, không nói gì. Nó không nói gì nhưng ánh mắt lóe lên vẻ buồn thảm và chịu đựng của một thằng thấp cổ bé miệng đang bị người ta hiếp đáp.

Rồi bà Mậu nạt lớn:

- Thời, mấy đứa em mi đi mô rồi hỉ?
- Tụi nó chơi phía trước.
- Mi đem tụi hần vô đây cho tao nói chuyện hỉ?

Thằng Thời đứng lên đi liền, đầu cúi xuống, không nói một lời. Ra ngoài, nó gọi lớn:

- Con Ba thằng Tư đâu, về nhà anh Hai biểu...

Trong nhà, còn lại mình tôi, bà Mậu đưa mắt nhìn tôi. Tôi chẳng sợ con mẹ gì cả, trừng mắt nhìn lại bà, mặt kênh kênh, làm như muốn gây lộn. Bà Mậu có vẻ không ưa cái nhìn xác xược của tôi, liền nhăn mặt lại, hỏi:

- Còn thằng ni, mi mần chi ở đây hỉ?

Tôi phạng liền:

- Tui làm chi thì mắc mớ gì tới bà mà bà hỏi, hử?

Chỉ có thể là bà tru tréo lên liền như một con thú đang bị ai chọc tiết:

- Trời ơi là trời, học trò học trệt chi mà ăn nói mất dạy như rứa hỉ. Tau hỏi là hỏi cho vui, mi mần chi mà trả lời như quân du côn đầu đường xó chợ rứa hỉ. Cha mẹ mi tốn tiền cho mi đi học, mi để cho người ta dạy mi ăn nói như rứa hỉ? Mi con nhà đảng hoàng, cha mẹ mi dạy mi ra rằng tau không biết, nhưng mi đi theo với thằng Thời chơi riết rồi mi mất dạy như hần.

Đúng là một con quỷ cái... vú bự. Chỉ một câu nói, nó đã mang gia đình tôi ra chửi, chửi luôn cả trường học của tôi, chửi luôn cả nhà thằng Thời. Nhưng tôi đâu ngán nó. Đã chuẩn bị, tôi sẵn sàng ăn thua đủ với con đĩ vú to này. Tôi tính phùng mang chửi lại một trận thì thằng Thời dắt mấy đứa em nó vào nhà.

Bà Mậu chỉ mặt thằng Thời và 2 đứa em nó, hỏi:

- Tụi bây có đứa nào lấy cái quần sa-tanh màu đen tao phơi ngoài hàng rào không hỉ? Tụi bây thấy quần đẹp có lờ ăn cắp, đem trả lại tau, tau bỏ qua, còn không thì tau cho cảnh sát nhốt

hết cả nhà tụi bây, cha mẹ tụi bây vô tù hết. Tau quen hết mấy quan lớn trong thành phố này, tụi bây biết không hỉ?

Trời đất, lúc ấy tôi mới biết là bà Mậu mất cái quần Sa-tanh. Lúc ấy tôi chẳng biết Sa-tanh là cái quái gì, nhưng thiên hạ bảo mắc tiền lắm.

Nghe nói vô tù, hai đứa em thằng Thời trốn 2 cặp mắt khiếp đảm nhìn bà Mậu, nước mắt bắt đầu muốn chảy ra. Thằng Thời nói liền, giọng chẳng hề sợ hãi:

- Bác đừng có nói vậy oan cho tụi con. Nhà tụi con nghèo thiệt nhưng không có phải là quân ăn cắp đâu bác. Bác vào nhà con bác sục sọi khắp nơi, bác có tìm thấy cái gì đâu.

Nghe thằng Thời nói có lý, bà lại nói:

- Tau nói cho tụi bây biết hỉ, nếu tụi bây thấy cái quần Sa-tanh màu đen bây rút ở đâu thì phải lượm đem tới nhà tau, không được ăn cắp hỉ...

Rồi bà Mậu bỏ đi ra, không quên lườm cho tôi một phát, ngụ ý bảo mấy liệu hồn, lần sau là tao tới nhà mày đấy. Tôi cũng gườm lại, thách thức.

Bà Mậu đi rồi, hai đứa em thằng Thời mới oà lên khóc nức nở. Thằng Thời vỗ về hai em, căn dặn:

- Anh Hai dặn tụi bây hoài mà tụi bây không nghe. Nhà mình nghèo, tụi bây đi chơi nhớ đừng có bày trò chơi gần mấy nhà giàu như nhà bà Mậu, lỡ người ta có mất cái gì, người ta có cứ đổ tội cho tụi bây. Tụi bây làm khổ tao, làm phiền luôn cả cha mẹ.

Con Ba lau nước mắt nói:

- Dạ anh Hai đã dặn, tụi em đâu có dám đi đâu đâu, tụi em chỉ chơi trước nhà thôi mà...

Thằng Thời lắc đầu, mặt mày chua xót bảo:

- Thôi đi chơi đi, nhớ lời anh Hai dặn.

Hai đưa nhỏ lau nước mắt bước ra. Chỉ chừng vài phút sau là tôi nghe được những tiếng cười hồn nhiên và vui tươi của chúng nó ở trước nhà...

Tôi hỏi thằng Thời:

- Thời, nhà của mày, sao mày để cho con đĩ thúì vô nhà lục soát khắp nơi rồi còn chửi bới mày tùm lum như vậy?

Thằng Thời lắc đầu, cặp mắt buồn buồn nói:

- Mày không biết, đâu phải chỉ có con mẹ Mậu mới hung tợn như vậy. Trong xóm này ai cũng vậy hết... Nhà tao nghèo nên bị thiên hạ coi rẻ, hễ ai mất cái gì thì việc đầu tiên là họ chạy vào đây lục soát trước, coi thử tụi tao có ăn cắp không. Nhưng không sao, nhà tao không phải là dân ăn cắp, ban ngày lại mở cửa, ai muốn vào chẳng được. Minh vàng thiệt đâu sợ lửa mày...

Tôi nói rất là thành thật với lòng mình:

- Dù mẹ con đĩ đó dám vô nhà tao mà làm như thế thì tao chém nó chết liền tại chỗ. Tao đang chờ.

Thằng Thời lắc đầu, giọng buồn buồn:

- Thôi kệ mày ơi, nhà mình nghèo, mình có nói cỡ nào đi nữa thì cũng chẳng ai thèm tin, thôi thì cứ để cho thiên hạ vô lục soát thì người ta mới tin được. Minh vàng thiệt đâu sợ lửa mày...

“*Mình vàng thiệt đâu sợ lửa mây...*,” câu nói đơn giản này của thằng Thời đã ám ảnh tôi không biết bao nhiêu năm rồi. Tại làm sao trong những hoàn cảnh nhục nhã bị thương như thế mà cái con người nghèo khổ này lại nói được những câu hiền lành và dễ thương như thế. Tôi không hiểu được.

Rồi theo thời gian, cái tình bạn của tuổi thơ hiền lành vô tội của hai thằng cũng lần lần phai nhạt đi. Càng lớn hơn thì chúng tôi càng ít có dịp gần gũi nhau vì khi thằng Thời đã bắt đầu có chút ít vóc dáng và sức lực, ba nó cho nó đi làm mướn ở đâu không biết, một tuần nó mới về nhà vài lần. Phần tôi, vì lên Trung học nên việc học hành cũng bắt đầu bận rộn, và càng lớn thì khoảng cách của tôi với nó như càng xa đi, không còn như hồi còn nhỏ. Dù hai gia đình sau này cũng vẫn còn nghèo nàn khốn khổ như xưa, nhưng tâm hồn hai thằng bé con ngày nào ắt đã có nhiều sự thay đổi quan trọng. Thằng Thời thất học, lúc nhỏ tôi thích chơi với nó để khi thì nghe chuyện Tam Quốc, khi thì đi đánh trống, khi thì đi thả diều, đá dế. Nhưng lớn lên thì nó cũng chỉ có chừng đó mà thôi, không có gì mới hơn. Phần tôi, những trò chơi ngày xưa không còn hấp dẫn nữa. Tôi bắt đầu biết mê đọc sách, đọc báo, ham coi xi-nê, mê tài tử xi-nê như Alain Delon, Marlon Brando, biết những thú giải trí khác của những thằng học sinh còn được may mắn cắp sách tới trường. Chúng tôi nói chuyện không còn hợp nhau nữa...

Rồi đến một ngày nào đó, tôi cũng không còn nhớ đến thằng Thời nữa, dù biết rằng gia đình nó vẫn còn ở chỗ cũ, ngay trước nhà tôi, phía sau một căn nhà lớn.

Một ngày, lúc này tôi đã gần xong Trung học, tôi gặp thằng Thời và ngạc nhiên khi thấy nó mặc áo trắng, quần ống túm, để tóc dài kiểu Beatles. Mới nhìn qua thì coi cũng giống như trai... Sài gòn, nhưng nhìn kỹ... thì không giống. Nó diện phần trên rất ngon nhưng phần dưới bị kẹt... mang đôi dép nên coi có vẻ quê mùa chứ không được... Beatles lắm. Cu cậu còn biết hút cả thuốc lá...

Tôi lúc ấy đang còn đi học, chưa ra đời nên thấy nó như thế thì cũng phục lắm. Quần áo nó sang hơn tôi là cái chắc. Tôi rá tới hỏi thăm và trò chuyện.

Thằng Thời gặp tôi cũng mừng lắm. Nó khoe nó đi làm ở Nha Trang mới về. Tôi hỏi làm gì, nó bảo làm đủ thứ cho một nhà hàng bán cho lính Mỹ. Rồi nó kể chuyện Nha Trang cho tôi nghe làm tôi muốn chảy nước miếng. Nó kể chuyện tiếp Nha Trang lộng lẫy to lớn như thế nào, rạp xi-nê Tân Tân sang trọng làm sao, người ta đi lại như thế nào, bờ biển đẹp và con gái đi tắm biển mặc quần xì-líp lòi đít, áo xú chiêng lòi vú ra làm sao khiến cho tôi mê quá. Nói tới đâu có hình ảnh chứng minh tới đó. Tôi chảy nước miếng. Nó khoe tôi là nó còn nói được cả tiếng Mỹ. Rồi nó xỏ luôn một tràng cho tôi nghe để chứng minh, “Du ô kê, Ai ô kê, Du nốt ô kê, Ai nốt ô kê, ô kếp... moa-đờ-phéc...”

Đúng ra thì phải là “Ma-đờ-phắc” nhưng thằng Thời người Nẫu, nói trọ thành “Moa-Đờ Phéc.” Tôi không biết nó nói Mỹ có hiểu không nhưng tôi thì hiểu.

Hồi đó Mỹ bắt đầu đổ quân vào Việt Nam, nhưng chỉ ở Nha Trang, còn Ban Mê Thuột thì chưa có. Nó khoe nó cho ba nó tiền mua một chiếc Xích Lô đạp cho nên nhà nó bây giờ đã có đầy đủ

cơm ăn áo mặc. Mặt thằng Thời rạng rỡ. Tôi cũng thành thật mừng cho nó, nhất là gia đình nó.

Sau đó chừng một năm, tôi lại gặp thằng Thời lần nữa. Lần này, tôi giật nảy mình khi nhìn thấy nó trong bộ đồ lính, mang huy hiệu con ó của Sư Đoàn 23 Bộ Binh, đang từ trên phố đi bộ lững thững về nhà. Tôi gặp nó, hai đứa đứng giữa đường nói chuyện. Tôi hỏi mấy đi lính hồi nào, nó nói chừng sáu tháng, mới huấn luyện xong, về Trung đoàn, còn huấn luyện tiếp.

Tôi hỏi đủ thứ những câu hỏi... ngu dốt như, đi lính có khổ không mấy, ăn uống thế nào, bắn súng sướng tay không, vân vân... Tôi hỏi tùm lum vì mừng tượng, một ngày nào đó, tôi cũng sẽ mặc đồ lính như nó thôi. Đất nước mình đang có chiến tranh mà, làm sao tránh được.

Thằng Thời trả lời:

- Đi lính thì nhớ nhà lắm, nhưng mà vui.

- Vui làm sao?

- Người ta sao mình vậy. Chính phủ cho cái gì ăn cái đó, phát cái gì mặc cái đó, thằng nào cũng giống thằng nào, không có thằng nào giàu hơn thằng nào hay mặc đồ sang hơn thằng nào để nó khi dễ mình...

Thì ra nó vẫn còn bị cái dĩ vãng nghèo khổ, bị người ta khi dễ ám ảnh... Nó mời tôi vô một cái quán cóc, uống chai bia.

Mặt mũi thằng Thời dù mới đi lính nhưng không hiểu sao đã có dáng dấp phong sương. Hình như ai mặc đồ lính cũng đều

có vẻ dày dặn phong sương cả. Chúng tôi ngồi nói chuyện, thằng Thời khoe:

- Tao bây giờ biết đọc chữ quốc ngữ, đọc nhật trình được rồi.
- Ai dạy mày?
- Quân đội dạy, có thầy đảng hoàng, bạn bè dạy thêm nữa...

Nó kể chuyện những ngày ở quân trường thật là... thoải mái sung sướng. Ăn uống đầy đủ ngày tới 3 bữa lận, mà bữa nào cũng no say, được ăn thả dạn, không bao giờ thiếu. Còn ngủ thì có giường riêng, có mùng riêng, mền riêng, gối riêng, chiếu riêng. Nó còn được chính phủ phát cho “một núi” quần áo, có cả áo lót, quần lót, hai đôi giày, ba đôi vớ. Cuối tháng lại được lãnh tiền, cuối tuần được cho nghỉ ngơi, ra phố uống cà phê, đi dạo phố hay tắm biển Nha Trang.

Hồi đó đất nước mình chiến tranh, mỗi ngày không biết có bao nhiêu thanh niên bị lừa vào quân trường để tập làm lính, ai cũng than cực, ai cũng than khổ, ai cũng chê cơm lính tanh hôi, nuốt không vào. Tôi không biết có bao nhiêu người lại khen đời sống quân trường là đời sống thoải mái, được ăn uống đầy đủ như thằng Thời. Có lẽ không nhiều lắm...

Ai bảo sinh ra trong gia đình nghèo thì khổ. Nhà nghèo cũng có những cái hay đặc biệt của nó.

Nhưng thằng Thời cũng có chuyện để than phiền về đời lính. Nó bảo:

- Chuyện khổ nhất đời lính là chuyện... phải mang giày. Tao từ nhỏ tới lớn chưa bao giờ biết mang đôi giày, bây giờ chính phủ

bắt mang giày, đút cặp giò vô đôi bốt-đờ-sô thấy ngứa ngáy khó chịu quá chừng. Mà phải mang suốt ngày, cởi ra là bị phạt.

Ngồi nói chuyện một lúc, có tay kia trong xóm, tên là Quới, lớn tuổi hơn chúng tôi và khá trải đời. Tay này làm gì không biết nhưng đầu tóc lúc nào cũng Bi-dăng-tin bóng lộn, mang giày mũi nhọn, hút thuốc lá Basto Xanh. Chúng tôi quen tay này nhưng không hiểu vì sao không ưa hẳn được. Hẳn bước vào quán, nhìn thấy thằng Thời liền hỏi:

- Trời đất, Thời, mày mà cũng đi lính à?

Thằng Thời hãnh diện trả lời:

- Dạ em đi lính năm ngoái.

Tay Quới ngồi xuống bàn gần đó, đưa tay trịnh trọng tháo cặp mắt kính đen bỏ xuống bàn, nói lớn, làm như muốn cho mọi người trong quán biết hẳn là một tay sành đời:

- Mày con trai một trong nhà, đáng lý phải được hoãn dịch, và mày cũng chưa tới tuổi, tại sao lại phải bỏ nhà đi lính?

Thằng Thời trả lời tỉnh bơ:

- Dạ tại em muốn đi.

Tay kia bủi môi:

- Nhà chỉ có mình mày, mày không ở nhà giúp đỡ cha mẹ, tại sao lại đi lính? Bộ muốn làm anh hùng hả?

- Dạ em đâu có muốn làm ông gì anh Quới? Nước mình nổi giặc, em phải xung phong đóng góp một tay chớ anh. Em có hỏi

cha, cha em nói mi muốn đi lính thì cứ đi đi, hai em lớn rồi, ở nhà phụ cha được...

Tay kia lại nói:

- Ai cũng muốn trốn lính ở nhà cho yên thân, chỉ có mày là ham đi lính. Thiệt tình.

- Nói như anh thì chính phủ lấy ai mà đánh giặc.

Tôi ngồi suy nghĩ về những gì hai người nói với nhau, tự hỏi lòng, tại sao thằng Thòi được hoãn dịch vì gia cảnh và chưa tới tuổi đi lính mà lại tình nguyện đi. Nếu nói nó đi lính vì nhà nó nghèo khổ thì không phải bởi vì lúc sau này thằng Thòi đi làm công sở Mỹ, tiền bạc rủng rỉnh và đem tiền về khá nhiều để nuôi gia đình. Mấy con em gái nó bắt đầu lớn và ăn mặc cũng bảnh choẹ ra, không lồi thoi như hồi xưa nữa. Nó đi lính, tôi nghĩ, vì thích cuộc sống giang hồ hoặc muốn làm một cuộc mạo hiểm. Đối với tuổi trẻ thì bất kỳ lý do nào cho quyết định của mình, dù tốt hay xấu, đều là chính đáng cả.

Đó là lần cuối cùng tôi gặp thằng Thòi...

Một buổi chiều, cách đó chừng một năm, khoảng gần Tết, tôi đang ngồi trong nhà học bài thì có một thằng hàng xóm xông thẳng vào nhà, la toáng lên:

- Người ta đem xác thằng Thòi về rồi...

Tôi giật nảy mình lên, rùng rờ hỏi:

- Thằng Thòi chết rồi à?

- Ừ, mày ra coi, người ta đem xác nó về...

Tôi phóng ra ngoài, nhìn thấy một chiếc xe nhà binh đậu bên kia đường, trước nhà thằng Thời. Máy người lính chụm nhau khiêng xuống một cái hòm màu đỏ.

Hàng xóm mọi người đều bu quanh cái hòm đông quá nên tôi không thể tới gần được. Tôi cũng chen lấn và mãi một lúc lâu sau, tôi mới chun vào nhà nó được, nơi cái quan tài đỏ còn mở nắp để giữa nhà, chiếm gần hết diện tích...

Đã không biết bao nhiêu năm bây giờ tôi mới vào nhà thằng Thời, và ngạc nhiên vì nhà nó bây giờ có khá nhiều thay đổi. Cái nền đất của nhà thằng Thời bây giờ đã được tráng xi-măng, cái giường tre cũ đã được thay thế bằng cái giường nệm, bàn ghế trong nhà cũng hoàn toàn khác xưa. Hình như căn nhà cũng được nới rộng ra một chút xíu...

Cuối cùng thì thằng Thời cũng trở về mái nhà xưa, nhưng về trong chiếc quan tài màu đỏ có phủ lá quốc kỳ của tổ quốc thân yêu. Về giữa tiếng khóc than của cha mẹ nó, anh em nó, và của cả nhiều người khác, trong đó có tôi. Suốt đời nó phải ở nhà nền đất, bây giờ nền nhà đã được tráng xi măng, không biết nó đã hưởng cái sự sang trọng này được bao nhiêu lâu mà bây giờ phải nằm im lìm bất động, không phải trên giường mà trong một cái hòm, trên cái nền nhà yêu dấu xa xưa của mình.

Tôi tới gần cái hòm, nhìn vào...

Mặt thằng Thời tươi tỉnh, cặp mắt nhắm nghiền như người đang ngủ. Chiếc áo lính xanh của nó bị máu nhuộm đỏ một nửa từ ngực trở xuống vì hình như không có ai thay đồ cho nó. Không hiểu tại sao, tôi nhớ mãi cái gói Basto xanh trong túi áo nó. Cái

vỏ là vỏ bao thuốc lá Basto xanh, nhưng máu đã biến nó thành một gói Basto đỏ...

Tôi chỉ ngồi gần xác thằng Thời được chút xíu thì bị đẩy ra, nhường chỗ cho người khác...

Chú Bảy ba thằng Thời ngồi xổm ngay trước cửa nhà, tay cầm một điếu thuốc lá, mặt thần thờ, cặp mắt hoang dại. Trong nhà, sâu hơn một chút, con Ba đang ôm thiếp Bảy. Bà khóc không nên tiếng, ôm lấy đứa con gái, bàn tay run lên từng hồi...

Đó là lần đầu tiên trong đời, tôi có cảm giác thấy mình gần gũi với chiến tranh. Xưa nay, dù chiến tranh đã bùng lên dữ dội khắp quê hương mình, nhưng tôi chỉ biết qua báo chí và radio. Bây giờ thì tôi đang nhìn thấy thảm cảnh chiến tranh ngay trước mặt mình.

Tôi lang thang gần đó, tới chỗ những đám người đang tụ tập để nghe người ta nói về thằng Thời. Người thì bảo thằng Thời xung phong lên chiếm đồi thì bị bắn, người thì bảo nó bị phục kích, có người lại bảo rằng chính tai họ nghe Đại đội trưởng của thằng Thời nói với chú Bảy là nó tình nguyện đi lên lấy xác của bạn, bị bắn chết nửa đường. Toàn là những chuyện nói để mà nói với nhau, còn sự thật thì ai mà biết được....

Theo tôi, thằng Thời chết bằng cách nào, chết như thế nào đi nữa thì cũng không quan trọng. Cái quan trọng là nó đã chết cho Tổ quốc. Cái quan trọng là kể từ đây, gia đình thằng Thời sẽ thiếu vắng nó. Cha mẹ nó sẽ thiếu một người con. Một người con mà thuở còn thơ ấu, đi bán để ăn quà còn dám bỏ ra 3 đồng để mua 4 điếu thuốc lá Ruby cho cha, một người con lưu lạc phương xa cầu

thực còn nhớ đến cha già đói khổ và đã dành dụm tiền bạc để mua cho cha mình một chiếc xe xích-lô. Một người con mà ngay từ hồi còn nhỏ, đã biết đối đáp như sau để bảo vệ danh dự cho gia đình mình, “Thưa bác, nhà tui con nghèo thật nhưng không phải là quân ăn cắp...”

Kể từ đây, con Ba thằng Tư, hai đứa em thằng Thời sẽ thiếu vắng một người anh đáng kính, một con chim đầu đàn đã biết thương yêu đùm bọc cho chúng nó từ những ngày xưa, khi cả 3 anh em đều vẫn còn quá nhỏ dại, quá ngây thơ, quá hiền lành trước những cơn bão tàn khốc của cuộc đời. Một Người anh đã nửa đêm chạy đi khắp xóm để mượn gạo về nấu cơm cho các em ăn. Người anh dù thất học, rặn mười lần không ra được một chữ nhưng đủ khôn ngoan hiểu biết để dạy dỗ khuyên răn các em, *“Nhà mình nghèo, tui bây đi chơi đừng chơi gần nhà bọn nhà giàu để hễ có mất đồ đạc, người ta đổ thừa cho mình, làm khổ tao, làm phiền cha mẹ...”*

Kể từ đây, xóm tôi sẽ mất đi một thằng Thời bặm trợn, du đãng xóm nào cũng chẳng dám bén mảng tới. Nhưng nói như thế thì oan cho mày Thời ạ. Mày du côn bặm trợn ở đâu không biết nhưng ở xóm này thì mày có làm gì ai đâu. Thậm chí mày còn bảo vệ con nít hàng xóm nữa.

Kể từ đây, quân đội tôi sẽ mất đi một người lính tốt, một chiến sĩ can trường.

Tôi không biết quê hương đất nước mình có bao nhiêu người lính trẻ như thằng Thời. Tôi biết chắc chắn là rất nhiều bởi nước mình nghèo, dân tộc mình hiền lành hiếu thảo và ngay thật...

Sau ngày thăng Thời chết thì chiến tranh càng tăng cường độ. Tôi vẫn tiếp tục đi học và sau Tết Mậu Thân, nhìn cảnh quê hương tôi bị tàn phá, dân tôi bị tàn sát dã man thì tôi quyết định đi lính. Dù mẹ bọn Việt Cộng khôn nạn chúng mày muốn máu, tao sẽ có máu cho chúng mày.

Ai cũng sợ quân trường cực khổ nhưng tôi, giống như thằng Thời, cực khổ đời lính quân trường chẳng có một nghĩa lý tí ti con mẹ gì hết. Chê cơm nhà bàn của lính tanh hôi nuốt không vô hả? Hãy để đấy cho ông, ông sẽ thanh toán đẹp. Có cơm, có cá, có rau, có thịt, có canh, đầy đủ như thế, dù có tanh thật và hơi dơ một chút (Mẹ bố, đi tập làm lính chứ có phải đi du lịch đâu, sao lại đòi hỏi vô lý thế!) mà chúng mày chê thì để tao đớp hết cho. Ăn xong, chưa đã, còn xuống nhà bếp mách mung kiếm thêm cơm cháy cắt trong đáy ba lô để ra bãi tập ăn tiếp...

Một hôm đang đi lang thang, bị một huynh trưởng chặn lại, trợn mắt quát lớn, “Anh Tân Khóa Sinh kia đi đâu loạng quạng, làm cho tôi hai chục cái bom (hít đất).”

Tôi quát trả, “Tuân lệnh” và bay liền xuống đất, nhủ thầm trong lòng, “Mẹ, Trường Bộ Binh Thủ Đức tiếng tăm vang lừng thế giới gì mà bắt lính... bom yếu vậy, chỉ có hai chục cái thôi sao?” Hai chục cái thì ai bom chả được, kể cả đàn bà con gái. Tôi bom luôn một lần 100 cái mà không nghỉ làm huynh trưởng... thất kinh rụng rời, không biết tính sao. Thất kinh rụng rời là phải. Ngày xưa năm 10 tuổi, lúc huynh trưởng đi học về, vất cạc-táp còn đi đánh đáo hay lang thang với bạn bè thì thằng này đi học về đã biết xách cái xà beng... cao gần đầu mình đi đào lỗ trồng cà phê cho bố, phụ giúp ngân quỹ gia đình. Mỗi một lỗ rộng nửa

thước, sâu nửa thước, đào một nghỉ, khoẻ đào tiếp. Đất Ban Mê Thuật lại chẳng mềm gì, chỉ thua... đá một chút xiu. Đào chừng một năm thì tay chân cứng và mạnh như hổ báo rừng xanh, vô trường chẳng có thằng nào dám loạn quạng với tôi. Đào thêm một năm nữa thì đương nhiên trở thành... mầm non lãnh tụ, chẳng ai dám tới gần, muốn gì có đó. Cái sắc ma-ranh chính phủ phát, đựng vài bộ quân trang vớ vẩn, nặng không tới 10 kí, kê lên vai, mới chạy có một vòng Vũ Đình Trường mà đã có anh xị... khời ra đằng đít, có anh làm rớt mẹ nó xuống, có anh lại lăn đùng ra xiu (không biết là xiu thật hay lại giở trò ma giáo mánh mung), lại có anh vừa chạy vừa... khóc nữa chứ. Nhìn... đàn vịt chung quanh mình, tôi muốn cười quá nhưng không nở, bèn ra tay đẩy phụ và kéo phụ những thằng gần mình nhất. Dân thành phố mềm yếu quá, bắt chúng nó đi lính nghĩ cũng tội nghiệp. Lính với tráng như thế này thì mai mốt đánh với đám con mẹ gì hờ trời?

Đối với những thằng bé sinh ra và lớn lên trong những gia đình nghèo khổ, phải lao động quần quật từ lúc nhỏ như chúng tôi thì đi bất kỳ chỗ nào, làm bất kỳ chuyện gì trên cái quê hương miền Nam Việt Nam yêu dấu này cũng chẳng có gì ghê gớm cả.

Sau ngày thằng Thời chết, chú Bảy uống rượu nhiều hơn và về nhà trễ hơn xưa. Ông không còn ca hát nghêu ngao như những ngày thằng Thời còn sống nữa. Buổi tối đi làm về, ông không còn hát, chỉ cúi đầu đạp chiếc xe xích lô về nhà, lưng cong lại như phải mang nặng tất cả sầu khổ của trời đất trên đôi vai già nua nhỏ bé của mình. Nhiều người trong xóm đồn là họ đã nhìn thấy có đêm, thằng Thời ngồi vắt vẻo trên chiếc xích lô do cha nó đạp, miệng hút thuốc lá phì phèo. Người ta còn đồn rằng, có lần, chú

Bảy say rượu té, để xích-lô lọt xuống mương, thằng Thời còn hiện hồn về, phụ cha nó đẩy xe lên. Đây chỉ là những tiếng đồn đãi trong xóm, tôi chưa bao giờ nhìn thấy. Nhưng tôi biết, nếu thằng Thời có về thì nó không bao giờ ngồi trên xe cho cha nó đạp mà nó sẽ phụ cha nó để đạp chiếc xe. Tôi biết tính thằng Thời mà...

Kính thưa quý vị, tôi vừa kể lại chuyện một thằng hàng xóm bạn tôi chết trận. Đất nước mình chiến tranh, thanh niên đi đánh giặc chết là chuyện thường, chẳng có gì đáng nói ở đây. Cái đáng nói là tại sao, xin nhấn mạnh rằng tại sao, tại sao những con người như thằng Thời, và những thằng con nhà nghèo khác trên khắp quê hương mình, như nhà tôi chẳng hạn, những gia đình mà tụi Việt cộng gọi là “giai cấp bản cổ nông hay giai cấp vô sản”, đã tình nguyện đi lính để chống lại chúng nó cho đến giọt máu cuối cùng? Đối với những con người nghèo khổ này thì nói thật, Cộng sản hay tư bản, chế độ này hay chế độ kia, có khác nhau con mẹ gì đâu? Quốc Gia hay Cộng sản có gì khác với chúng tôi, một giai cấp lầm than nghèo khổ nhất của chế độ, thấp cổ bé miệng, cơm không bao giờ đủ ăn, áo không bao giờ đủ ấm, luôn luôn bị thiên hạ coi thường khinh rẻ?

Câu trả lời rất là đơn giản. Họ chiến đấu bởi vì, chính phủ mình ngày xưa, dù không phải là tuyệt đối hoàn toàn, dù có nhiều khuyết điểm và lầm lỗi, nhưng là một chính quyền của nhân bản và đạo đức, còn biết tôn trọng tự do của người dân, còn biết bảo vệ tài sản của người dân, lo cho dân, cho người dân những cơ hội để tiến thân. Gia đình họ tuy nghèo nhưng vẫn còn có được cuộc sống êm đềm hạnh phúc, được có cơm ăn ngày ba bữa, được luật pháp bảo vệ, không bị chính quyền hay ai hà hiếp.

Cuối cùng, quan trọng nhất, chính quyền miền Nam VNCH mình còn cho họ một hy vọng, một niềm tin để chiến đấu và để sống. Hy vọng gì và niềm tin gì, xin thưa, là một ngày nào đó, cho dù nếu thế hệ tuổi trẻ cực khổ của miền Nam này không còn ngẩng mặt lên được để làm người thì con cháu họ cũng sẽ có cơ hội để ngẩng mặt lên, sẽ được tiến thân, sẽ được làm người. Bây giờ thì chỉ có họ khổ, nhưng họ chấp nhận làm bóng tối để nuôi dưỡng mặt trời, nuôi dưỡng hy vọng, nuôi dưỡng ngày mai... Nhưng nếu họ buông súng, cả dân tộc mình và những thế hệ về sau sẽ mãi mãi lâm than khôn nạn.

Họ chẳng bao giờ muốn thế. Chẳng thà họ chết, họ không bao giờ muốn cả thế hệ này, cả quê hương đất nước này chết theo họ.

Đó là lý do tại sao tuổi trẻ miền Nam đã ùn ùn đổ ra chiến trường cầm súng chiến đấu, sẵn sàng hy sinh, sẵn sàng chết bất kỳ giờ phút nào, tại bất kỳ chỗ nào, trong bất kỳ hoàn cảnh nào để chống lại bọn Cộng phỉ ác ôn côn đồ, trắng trợn xâm lăng miền Nam, giang sơn cẩm tú của họ...

*Một buổi thu sang lấm lá vàng,
Có đàn chim nhỏ hát ca vang....*

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

Người lính và vợ lính

Thu Nga

Hình ảnh người lính cầm súng đứng gác bên những lô cốt, chung quanh có dây rào kẽm gai, hay hình ảnh những chiếc trực thăng bay xình xịch đang đáp xuống bãi để tải thương, hay hình ảnh những ổ súng bốc khói trong những trận chiến ác liệt đầy trên báo, trên TV, ngay trên hình bìa của một cuốn CD... cũng gây trong lòng chúng ta, những người Việt ly hương, một ấn tượng thân thương, gần gũi.

Lòng tôi cũng chợt bồi hồi cảm động nhớ ra rằng, chính cuộc đời tôi cũng đã gắn liền với “lính” không biết từ thuở nào, cho tới bây giờ tôi cũng vẫn là người vợ lính, vì đức lang quân của tôi cũng như các anh, chưa bao giờ giải ngũ, chỉ vì vận nước đen tối, điêu linh nên các anh đã không còn được khoác trên mình bộ quân phục oai hùng thuở nào nữa.

Lính là hình ảnh hiên ngang “...*Đoàn quân thiện chiến lúc tuổi còn xanh, vấy vùng cho máu đỏ loang thành suối...*” Họ là những người đã hy sinh, đã chịu thiệt thòi nhất cho đất nước, cho gia đình, cho chính bản thân của họ; và cũng thiệt thòi nhất cho những người mà họ thương quý nhất đời, đó chính là vợ của họ,

người vợ lính. Lòng hy sinh của các bậc nữ nhi này cũng vô bờ bến như sự hy sinh của người lính, chịu đựng dai dẳng hết cuộc chiến này, đến cuộc chiến khác.

Chiến tranh đã kéo dài cả phần tư thế kỷ giữa hai chiến tuyến Quốc Cộng. Giặc phương Bắc lúc nào cũng chực chờ xâm lấn miền Nam. Bồn phận của các chiến sĩ trong QLVNCH là giữ gìn bờ cõi, đất nước, ngăn chặn bước quân thù để dân lành được sống an vui. Hầu như lúc nào các anh cũng ở trong tình trạng báo động, cắm trại 100%.

Chiến tranh có thể cảm nhận được, hoặc thấy được ở trong thành phố:

*“...Giờ này thành phố chợt bùng lên
Để rồi tắt nghỉ sớm
Ôi Sài Gòn, Sài Gòn rộng giới nghiêm...”*

(Thơ Tô Thùy Yên)

Những đoàn “convoy” nối đuôi nhau; ngay trong thành phố cũng thấy những bộ quân phục, trên đầu thì đội mũ nâu, mũ đỏ, mũ xanh... lính không quân với bộ áo liền quần, hải quân với bộ quần áo thủy thủ màu trắng, các anh bộ binh với áo bốn túi, các binh chủng khác với áo hoa rừng rần rì, những hình bóng đó trở nên thân quen, thương mến trong lòng người dân.

Chiến tranh thật sôi động trong lứa tuổi học trò của chúng tôi, thời con gái thuở ấy, quen lính, có cảm tình với lính. Các cô học sinh lúc bấy giờ đa số cũng có người yêu là lính chiến, những giây phút tay trong tay bên cạnh người yêu oai hùng, hiên ngang, các cô rất hạnh diện. Có nhiều mối tình đơm bông, kết trái giữa anh

tiền tuyến, em hậu phương. Nhưng cũng có nhiều cảnh bi thảm đau lòng, người trai bỏ mình ngoài trận địa, nên chuyện lừa dối xin hẹn đến kiếp sau. Những đứa con trai, mới ngày nào còn chải chuốt trong chiếc quần xanh, áo trắng thư sinh, bây giờ đã biến khỏi thành phố, khi gặp lại, tóc đã húi cua, da sạm nắng phong sương, đã biến thành những người lính chiến vì “...*đi quân dịch là thương nòi giống...*” và “*thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu.*”

*“Ta bỏ lại đời sinh viên mộng mị
Nhìn đỉnh Lâm Viên nghiêng bóng quân trường
Alpha ơi! Màu đỏ đẹp vô cùng
Chiều doanh trại nhớ về em bất tận”*
“...Tôi đã thấy một sinh viên tuần tú
Xếp bút nghiên mong thỏa chí tang bồng” (thơ Quốc Nam)

Cũng là con người, chắc chắn lòng kẻ ra đi cũng bùi ngùi, không kém người ở lại mang mang tâm sự:

*“Đưa người ta không đưa sang sông
Sao nghe tiếng sóng ở trong lòng
Bóng chiều không thấm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong”* (Thâm Tâm)

Có khác gì nỗi lòng người lính thú khi xưa:

*“Thùng thùng trong đánh ngũ liên
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa”*

Ra đi bỏ cha mẹ già, đàn em nhỏ dại, mong đem sức trai trả nợ non sông. Sau khi trui luyện, học tập tại các quân trường, đã

được đưa đi khắp bốn vùng chiến thuật. Đôi khi nơi địa đầu giới tuyến, gác tay súng, nhớ người yêu:

*“Chiều trên Phá Tam Giang
Anh sức nhớ em
Nhớ bất tận...”* (Tô Thùy Yên)

Chiến tranh lan tràn từ miền quê cho đến phố thị. Những người con yêu đất nước không có thời gian cho gia đình, cho vợ, cho con cho người tình nơi chốn hậu phương. Những giây phút về thăm gia đình trong 24 giờ phép thật vội vã chưa nói được lời yêu thương nồng ấm, tiếng súng đã vọng về thôi thúc trở lại chiến trường, *“chưa vui sum họp, đã sầu chia phôi.”* Chia tay lần này có thể *“một đi không trở lại.”* Có nhiều gia đình có 4 người con trai mà có đến 3 người đã đền nợ nước. Có em gái hậu phương vừa bước lên xe bông với anh trai tiền tuyến tháng trước, tháng sau đã trở thành *“góa phụ thơ ngây.”*

Thời gian này, nhiều cô cũng vừa từ bỏ áo trắng *“theo chồng bỏ cuộc chơi”*, đã sớm tay bế tay bồng, bỏ mẹ già, cha yếu, theo chồng đến những nơi đèo heo, gió hút. Khi người chồng đang xông pha trong lửa đạn, vợ sống chen chúc với nhau trong những khu gia binh chật chội hay thuê nhà chung với những người trong xóm; phải buôn gánh, bán bưng kiếm ít tiền lời để phụ với chồng nuôi con; đêm về nghe tiếng đại bác ầm ầm vọng lên hình như từ cuối chân trời, nơi có chồng nàng hiện diện. Lòng người thiếu phụ trẻ bồi hồi, lo âu:

*“Đêm đêm bên ngọn đèn khuya
Ôm con nghe tiếng đạn ‘mọt ché’ giạt mình”*

Hàng ngày nghe tin có đụng độ lớn, biết bao kẻ đã hy sinh nơi chiến địa, người thiếu phụ lâm râm khẩn vái, “*cho chồng con trở về được bình an, con xin xuống tóc tạ ơn.*” Cũng có khi người lính trở về chỉ còn một chân, hoặc một tay, hoặc với một mảnh đạn trong đầu, trong lưng; hoặc, “*anh về với hòm gỗ cài hoa.*” Hàng hàng lớp lớp ra đi, hàng hàng lớp lớp ngã xuống, “*một tác khăn xô, một tác đường.*”

Hình ảnh bi thảm của người góa phụ:

“*Ngọn đèn hư ảo chong linh vị
Thắp trắng thời gian mái tóc em...*” (Tô Thùy Yên)

Bên cạnh những người vợ sống lủi thủi hết năm này, tháng khác ở nhà chờ chồng hành quân về, thì cũng có những bà vợ, anh ở đâu, thì em ở đó; như những người vợ của địa phương quân, nghĩa quân, đã hiện diện bên các anh trong những giờ phút mà sự sống và sự chết không còn phân biệt, các bà cũng đã tải thương, cũng cầm súng chiến đấu hào hùng bên cạnh chồng trong khi thuốc súng bay mờ mịt không gian.

Chưa có một quân đội nào mà người lính phải chịu gian nan, lao khổ trong một tình trạng thiếu thốn như quân đội VNCH. Nhưng trên môi các anh lúc nào cũng nở một nụ cười rộng lượng. Các anh đến đâu cũng chiếm được cảm tình và những sự tiếp đón nồng hậu, thân mến của người dân. Một tháng 30 ngày, anh không thấy mặt vợ con, ngay cả những lúc vợ anh cần anh nhất:

“*Vợ sanh đưa con đầu lòng
anh cũng không về được
vì mãi mê đánh giặc*”

để giữ vững non sông.”

Dãi dầu mưa nắng, ai biết được những gian truân của người lính chiến:

*“Đò ghen đoàn quân xa tiếp vận
Mưa lâu trời mốc buồn hôi xưa*

...

*Quán chật xanh lên rừng lính ướt
Mặt bơ phờ dính gió bao la*

...

*Tiếp tế khó đôi lần phải lục
Trên người bạn gục, đạn mười viên
Di tản khó sâu dòi lúc nhúc
Trong vết thương người bạn nín rên
Người chết mấy ngày chưa lấy xác
Thây sinh mặt nát lạch mương tanh...” (Tô Thùy Yên)*

Chiến cuộc leo thang cho đến ngày sảy đàn, tan ghé. Ván bài chính trị do ngoại bang làm cái đã đến hồi kết thúc. Người lính phải nuốt hờn buông súng. Thân phận của họ theo vận nước tối đen, kéo lê cuộc đời tù tội, nhẹ thì đôi năm, nặng thì cả đến trên dưới 20 năm!

“...

*Nhục đau này để lại cho con
Dòng máu đỏ muôn đời bất khuất
Trên bản đồ không còn đất nước
Nhưng trong lòng tổ quốc muôn năm*

*Tôi vào tù trả nợ tiền khiên
Miền đất khô, em làm cô phụ
Biết bao năm trả hoài mới đủ
Cho nên em mưa nắng đợi chờ...” (Quan Dương)*

Những chuyện não lòng của người vợ khi băng rừng lội suối, có bà phải đi bộ cả 30 cây số, gian lao như thế, mà có khi còn không được công an cho phép thăm chồng, có cảnh nào đau đớn bằng. Người chồng thấy dung nhan vợ đã tiêu tụy, đôi bàn tay khô héo vì lam lũ đã thốt lên rằng:

*“...Anh cầm tay em, bàn tay khô héo,
Anh nhìn mắt em, gió lùa lạnh lẽo...” (Hà Thượng Nhân),*

Vợ chồng gặp nhau, chia tay, biết có còn gặp nhau không hay chỉ “xin làm cỏ biếc vương chân em đi”

*Xin làm cỏ biếc
Vương chân em đi
Xin làm giọt mưa
Mưa dầm rừng rít
Trên vai người yêu
Anh cầm tay em
Bàn tay khô héo
Anh nhìn mắt em
Gió lùa lạnh lẽo
Anh nhìn lòng mình
Mùa đông mộng mên
Cỏ non mùa xuân
Còn xanh dấu chân
Trắng non mùa hạ*

*Uớt đôi vai trần
Có xa không nhỉ
Ngày xưa thật gần
Có xa không em?
Ngày xưa thật gần.* ” (Hà Thượng Nhân)

Nhìn nhau một vài giây phút rồi người vợ lại cúi đầu trở về, đêm đêm nhìn ánh trăng, khóc cho chồng, khóc cho con, khóc cho chính thân phận của mình:

*“Trăng khuya mờ tỏ
Xanh xao ngọn gió qua nhà
Đàn trẻ nhỏ trông cha
Đã thành ma trên đất Bắc
Lòng goá phụ năm canh dài quặn thắt
Vách khuê phòng lạnh ngắt lưới buông giăng”*

(thơ Trần Văn Lương)

Người chiến sĩ sa cơ:

*“...Củ khoai mì lột da thay cơm
Trên rừng cải tạo
Quần quật mồ hôi không khô chiếc áo
Ăn đám rau dại bên đường không kịp trở lá non...”*

(Quan Dương)

Đó là thân phận của người lính miền Nam, những người con yêu của đất nước, những kẻ đã ra đi, những người còn sống sót lê cuộc đời thảm thương với một thân thể không lành lặn, gia đình ly tan. Và rồi “chí thì còn mong tiến bước, nhưng sức không kham

nổi đoạn đường”, nhiều người đã gục ngã, không mộ bia, không nhang khói, oan hồn của họ bay vất vưởng cùng với anh linh của chiến sĩ tại nghĩa trang quân đội trên đầu cây ngọn cỏ, nhìn xuống chính quê hương mình đã trải máu xương gìn giữ, tâm can uất nghẹn:

*“Ta như người lính vừa thua trận
Nằm giữa sa trường nát gió mưa
Nhắm mắt cố quên đời chiến sĩ
Làm thân cây cỏ gục ven bờ
Bỗng nghe từ đáy hồn thương tích
Vẳng tiếng kèn truy điệu mộng xưa.”* (Thanh Nam)

Những người may mắn, còn sống sót đã đến được bến bờ tự do, vẫn bền tâm kiên chí tiếp tục đấu tranh. Đôi mắt nhìn về quê hương, lòng canh cánh:

*“...Con mộng đến
Môi rung lời trăng trối
Đường lưu vong, không có nghĩa quên về...”* (Lan Cao)

Vì:

*“...Ai không có mẹ trên đời
Ai xa tổ quốc mà vui nổi sầu...”* (Lan Cao)

Hình ảnh những chiếc GMC chạy rầm rầm trong đường phố, có lúc ngay trong đêm Giao Thừa, những tiếng khóc than bên ánh nến chập chùng tại Tiểu Khu Tuy Hòa, cùng những tiếng nhạc quân hành dồn dập, tiếng kèn truy điệu trong những ngày đầu năm vẫn còn văng vẳng đâu đây trong tiềm thức... và những bộ quân phục của thủy thủ, không quân, bộ binh, thiết giáp v.v... mãi mãi

vẫn là những hình ảnh thân yêu nhất trong lòng mọi người, trong lòng tôi, trong lòng những người vợ lính - cùng với chồng một lòng son sắt yêu quê hương tổ quốc, cùng chung một ước mơ:

“...

*Ôi ta mơ ngày được lau khô dòng lệ
Trong buổi đoàn viên dậy tiếng quân reo
Ta ngẩng mặt nhìn lên tổ Quốc thân yêu
Bóng cờ vàng đang tung bay ngạo nghễ
Mẹ nở nụ cười rạng rỡ
Cha quệt mồ hôi ánh mắt rục vui
Anh chị em lòng sung sướng bồi hồi
Chúng con về đây ngày hội lớn
Nghe đâu đây vang dậy tiếng quân reo
Việt Nam ơi!
Việt Nam ơi!
Ta mới mắt mỗi chiều!” (TN)*

Bên cạnh người chồng đầu tóc không còn xanh, mắt không còn sáng như thuở xa xưa, thì người vợ nay cũng theo thời gian, má nhợt môi phai nhưng bên cạnh người chiến sĩ già, xa quê hương, các bà vợ vẫn là hậu thuẫn kiên cố nhất, trung kiên nhất để người chồng lại tiếp tục nhiệm vụ của người chiến sĩ đã bị gián đoạn vào ngày 30-4-75. Tổ Quốc đang réo gọi, danh dự một tập thể cần được phục hồi với trách nhiệm của toàn thể các anh lính chiến và chúng tôi, những bà vợ luôn luôn ở bên cạnh các anh:

*Bên anh, lính, em, một người vợ lính
Tự thuở nào đã thề nguyện sắt son
Thù nhà chưa yên, hận nước vẫn còn*

Anh người lính, em vẫn là vợ lính (TN)

Cho đến khi nước mắt nhà tan, người vợ một mình lặn lội nuôi chồng trong chốn ngục tù tây nã Cộng Sản được gọi xách mé "cải tạo", một mặt nuôi một đàn con thơ dại, và cha mẹ chồng già yếu, bóng nàng ốm yếu, ngả nghiêng trên những chuyến xe đò chật chội, rồi lội bộ một đoạn đường vài cây số, chỉ để nhìn được chồng trong đám phút rồi lại gạt nước mắt, lội bộ trở lại con đường cũ bụi bặm, lầy lội, khác gì hình ảnh con cò gầy guộc kiếm miếng ăn cho gia đình

*“Con cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo theo chồng tiếng khóc nỉ non” (Ca dao)*

Làm gì có gạo mà ăn, mẹ con, bà cháu chỉ có cơm trộn khoai sắn qua ngày. Lòng nhớ thương chồng còn quặn thắt.

*"Già đừng nhớ nhung nhau
Thì nhíp cầu thiên cổ
Không nữa chừng gãy đổ
Dập vùi theo mệnh số lao đao" (Thơ Trần Văn Lương)*

Tôi đã chứng kiến những “Người Lính Già Xa Quê Hương” lúc nào cũng nhớ thương về cuộc đời binh nghiệp cũ, vẫn mơ một ngày về giải phóng quê hương, thoát khỏi ách bạo tàn của Cộng Sản, nhưng “chí thì còn mong tiến bước, mà sức thì không kham nổi đoạn đường (trích Truy Diệu Truyền Thống Võ Bị), họ ngậm ngùi bỏ thây nơi xứ lạ quê người mà trong tâm tưởng, vẫn còn nghe tiếng kèn xuất quân trong gió

*“Ta như người người lính vừa thua trận
Nằm giữa sa trường nát gió mưa*

*Nhắm mắt cố quên đời chiến sĩ
Làm thân cây cỏ mọc ven bờ
Vẫn nghe từ đáy hồn thương tích
Vẳng tiếng kèn truy điệu mộng xưa” (thơ Thanh Nam)*

Nhắc đến người lính Việt Nam Cộng Hòa mà rơi nước mắt!

Thu Nga



Cánh Đồng Bao La

Nguyễn Đức Nhơn

Long và Quỳnh dìu nhau đến ngồi trên chiếc cầu gỗ bắc ngang con mương nhỏ ở khu vườn phía sau nhà. Con mương với dòng chảy hiền hòa, êm ả cung cấp nước quanh năm cho hai vụ mùa ở khu vực này. Hai bên bờ mương, lau lách mọc đầy. Những chú cá đủ loại, thỉnh thoảng trồi lên mặt nước đớp mồi dưới ánh trăng tạo nên những gợn sóng lăn tăn trông rất đẹp. Đây là lần sau cùng hai người gặp nhau vì ngày mai Quỳnh phải theo Bác sĩ Tân về Sài Gòn sau khi lễ cưới hoàn tất.

Ba má Quỳnh là một cặp vợ chồng nông dân nghèo, suốt đời lam lũ trên hai thửa ruộng và một miếng vườn nhỏ bao bọc xung quanh nhà. Họ luôn ước mơ có một ngày nào đó, đời sống của họ khá giả hơn. Niềm mơ ước đó kéo dài lê thê cho đến một hôm có người mai mối Quỳnh cho Tân, một Bác sĩ góa vợ, con của một gia đình giàu có ở Sài Gòn. Ông bà Trần mừng hóm. Niềm ước mơ của ông bà giờ đây được gởi thác trên người Quỳnh. Ông bà dùng đủ mọi cách thuyết phục nàng. Cuối cùng Quỳnh cũng phải khuất phục trước quyết tâm sắt đá của ông bà Trần. Nàng đem hết

mọi việc kể cho Long nghe. Với bản chất hiền hòa đôn hậu của một chàng trai miệt vườn, Long chỉ biết chấp nhận sự tan vỡ của mối tình đầu như một việc tất nhiên vì gia đình chàng quá nghèo.

Sau đêm gặp Quỳnh, Long bỏ lên Sài Gòn. Với cuộc sống lang bạt rày đây mai đó khiến Long cảm thấy buồn chán và cuối cùng chàng quyết định tình nguyện vào quân đội. Sau khi ra trường Bộ Binh Thủ Đức, Long bị đưa ra Vùng I chiến thuật, phục vụ tại Trung Đoàn 51BB.

Cưới nhau gần 3 năm mà Quỳnh và Tân vẫn chưa có mặt con nào. Tân suốt ngày ở bệnh viện. Khi tan sở lại đi đâu đó cho đến gần nửa đêm mới về. Quỳnh thui thủi ở nhà một mình. Nguồn vui duy nhất của nàng là đọc sách. Ngồi một mình ở phòng khách. Cái vắng lặng về đêm trong căn nhà rộng lớn làm Quỳnh rùng mình. Nàng với tay lấy tờ tạp chí mở ra đọc. Những hàng chữ nhảy múa nhòe nhoẹt trước mắt Quỳnh. Nàng đưa tay quệt nước mắt định trở về phòng thì Tân bước vào:

“Em chưa ngủ à?”

“Em đang chờ anh.”

Tân không nói gì thêm, với tay cầm tờ báo, nhìn thoáng qua rồi lặng lẽ về phòng. Thái độ lạnh lùng của Tân càng kéo dài càng làm cho Quỳnh bồn chồn, lo lắng. Quỳnh đang chờ đợi một cái gì đó sẽ xảy ra sau lần Tân vô tình bắt gặp lá thư của Long gửi cho nàng sau ngày đám cưới, nhưng đã gần một năm rồi mà chưa thấy Tân tỏ ra một thái độ rõ rệt nào. Cũng với cái vẻ lầm lì cố hữu. Cũng đêm đêm lăm lăm hiện về như một bóng ma.

Ông bà Trần dưới quê lên thăm, đang trò chuyện với Quỳnh ở phòng khách thì Tân bước vào. Nhìn thấy ông bà Trần, Tân chào lấy lệ rồi quay ra cửa đi luôn. Ông bà Trần ngẩn người nhìn Quỳnh. Nàng cúi đầu nói khẽ:

“Ba má về đi!”

Ông Trần nhìn Quỳnh với đôi mắt đầy ngạc nhiên, lo lắng nói:

“Vợ chồng phải hòa thuận với nhau...”

Trên chiếc taxi, ông Trần ngồi ở ghế trước đăm chiêu nhìn ra bên ngoài. Bà Trần ngồi ghế sau với Quỳnh:

“Hai người xảy ra chuyện gì vậy?”

Quỳnh nói khẽ vào tai bà Trần:

“Chuyện dài dòng. Vài bữa nữa về thăm nhà, con sẽ nói cho ba má biết.”

Bà Trần biết có hặc hỏi thêm cũng chẳng được gì, nên ngồi yên, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn ra bên ngoài. Cảnh phồn hoa đô hội của Sài Gòn làm bà choáng mắt. Bà thở dài sườn sượt...

Đưa ông bà Trần về xong, Quỳnh ghé qua nhà Loan, một người bạn chí thân từ thời còn đi học. Nhìn vẻ mặt buồn buồn của Quỳnh, Loan ái ngại:

“Có chuyện không vui à? Độ này anh Tân ra sao rồi?”

“Cũng vậy thôi.”

Loan nhìn thẳng vào mặt Quỳnh không nháy mắt. Quỳnh bối rối trước cái nhìn quái gở này của bạn:

“Làm gì mà mày nhìn tao như muốn ăn tươi nuốt sống vậy?”

“Quỳnh à! Có việc này muốn nói với mày từ lâu, nhưng tao cứ ngần ngại mãi.”

“Có gì cứ nói. Hai đứa mình là bạn chí thân mà.”

“Anh Tân đã... đã...”

Quỳnh đoán biết Loan muốn nói gì, nhưng nàng tỏ ra vẻ tò mò:

“Nói đi. Sao cứ ấp úng hoài vậy?”

“Anh Tân có bồ bên ngoài!”

Quỳnh tỉnh bơ như chẳng có gì quan trọng:

“Thì có sao đâu!”

“Hả? Chuyện như sét đánh mà mày tỉnh queo. Tao phục mày sát đất rồi đó Quỳnh.”

“Thực ra tao cũng biết việc này từ lâu. Có điều tao không muốn làm lớn chuyện. Cứ xuôi theo tự nhiên thì hơn.”

Loan giương cặp mắt tròn xoe nhìn Quỳnh:

“Bộ mày điên rồi sao?”

“Thôi tao về!”

Quỳnh vừa nói vừa đứng lên bước ra cửa. Loan ngả người trên ghế salon lẩm bẩm, có thiệt không vậy, chồng có bồ khác mà tỉnh queo!...

Về đến nhà, bước lên lầu, Quỳnh thấy Tân đang ngồi với một người đàn bà trẻ đẹp. Quỳnh khựng lại. Tân vừa dìu người đàn bà đứng lên vừa ném xuống bàn một xấp giấy rồi cả hai cùng bỏ xuống lầu. Quỳnh mở xấp giấy ra xem, thì ra đây là bản sao tập hồ sơ xin ly dị của Tân. Quỳnh lẩm bẩm, “Việc phải đến cuối cùng rồi cũng đến!”

Hồ sơ xin ly dị của Tân được giải quyết êm thấm tại tòa, vì cả hai đương sự đều không có một khiếu nại nào. Sau phiên tòa vài ngày, Quỳnh từ giã Tân về quê sống với ông bà Trần. Ông bà Trần hỏi hặn về việc ép hôn nên cư xử rất hòa nhã với Quỳnh. Ngược lại Quỳnh cũng tỏ ra vui vẻ cho an lòng cha mẹ trong lúc tuổi già.

Cuối năm 1968, Tân bị động viên vào trường Sĩ Quan Trù Bị Thủ Đức. Sau khi học xong chương trình huấn luyện quân sự cơ bản, Tân được chuyển về ngành quân y, phục vụ tại Tổng Y Viện Cộng Hòa, nhưng mới được 6 tháng thì bị chuyển ra Vùng

I Chiến Thuật, phục vụ tại một trạm quân y dã chiến của Trung Đoàn 51 bộ binh.

Từ những năm 70 trở đi, tình hình chiến sự tại Vùng I vô cùng sôi động. Trung Đoàn tổ chức hành quân liên miên. Hàng ngày Tân phải tiếp nhận và chữa trị rất nhiều thương binh từ mặt trận chuyển về. Trong số đó, Tân đặc biệt tận tâm chữa trị cho một Thiếu Úy rất thân từ những ngày đầu đến đơn vị. Tấm thẻ bài khắc tên Phạm Long còn dính đầy máu. Sau một thời gian điều trị, Tân quyết định chuyển Long ra Tổng Y Viện Duy Tân, nơi có đầy đủ phương tiện để điều trị tốt hơn. Một tháng sau Tân ra Đà Nẵng thăm Long.

“Sao ông bạn thấy đỡ phần nào chưa?”

“Đã bớt nhiều rồi. À này Tân. Mày giúp tao một việc được không?”

“Được chứ. Chuyện gì vậy?”

“Nhờ mày viết một lá thư gửi về cho ba má tao. Bàn tay phải tao bị đơ cứng, không cử động được!”

“Yên chí. Nhưng phải viết như thế nào?”

“Tao đọc cho mày viết.”

Đọc đi!

“Kính Ba Má,

Độ này Ba Má có khỏe không? Ba Má nhớ giữ gìn sức khỏe. Phần con vẫn bình thường. Ba Má đừng lo gì cả. Ít hôm nữa con sẽ xin phép về thăm Ba Má. À, Quỳnh độ này ra sao rồi má?

Thằng Lượng viết thư cho con bảo là Quỳnh đã ly dị với Bác sĩ Tân, có đúng vậy không má?”

Nghe Long đọc đến đây, Tân chợt nhớ đến lá thư Long gửi cho Quỳnh trước đây mà chàng chưa xác định được là của ai. Bây giờ nghe Long đọc đến câu “Quỳnh đã ly dị với bác sĩ Tân rồi đúng không má,” Tân mới biết rõ mọi việc. Tuy vậy chàng vẫn bình tĩnh nói:

“Mầy đọc tiếp đi”

“Thôi Tân. Tao thấy hơi mệt. Như vậy cũng được rồi. Mầy ghi địa chỉ này rồi ghé bưu điện gửi đi giùm tao được không?”

“Được. Thôi tao về. Chúc mầy mau lành.”

Tân nói xong bỏ đi ngay. Bầu trời Đà Nẵng âm u lất phất mưa phùn. Tân lên xe bảo tài xế ghé bưu điện bỏ thư rồi lên đường trở về đơn vị. Đêm đó Tân trằn trọc mãi, không làm sao chợp mắt được. Tân nghĩ không lẽ mình còn thương Quỳnh chăng? Không lẽ mình ghen với Long chăng? Tân lại nghĩ đến người đàn bà đã xúi mình ly dị Quỳnh để *“làm lại cuộc đời”*, nhưng khi chàng vào quân đội không lâu thì bà ta lại cặp bồ với một Bác Sĩ khác cùng làm chung bệnh viện với chàng lúc trước.

Long xuất viện với đề nghị giải ngũ vì bàn tay phải bị đờ không thể cầm súng được. Long ghé đơn vị đề từ giã bạn bè trước khi trở về quê nhà chờ ngày ra Hội Đồng Y Khoa. Long rủ Tân về Đà Nẵng uống cà phê. Tân nhận lời. Thời tiết Đà Nẵng vào

mùa này lúc nào cũng mưa lâm râm, gió thổi nhẹ nhẹ tạo thành một không gian u ám, buồn tẻ. Ngồi trên xe, Long nói luôn miệng còn Tân thì chỉ âm ờ cho qua chuyện. Tân cho xe đậu lại trước một quán cà phê. Chủ quán là một góa phụ tuổi chừng ba mươi, khá đẹp. Nghe nói chồng bà ta đã chết trong trận Mậu Thân, để lại cho bà cái quán cà phê này.

Long nói:

“Cô em cho ly cà phê đen!”

Cô chủ quán trẻ môi. Vành môi đỏ hồng trông rất kêu gọi.

“Ê! Gọi chị đằng hoàng nghe cưng?”

“Nhưng em lỡ yêu chị rồi làm sao đây?”

Thì ra Long thường “chuồn” về Đà Nẵng ghé quán cà phê này tán gẫu. Khác với bản tính đôn hậu thư sinh khi còn ở quê nhà, Long có vẻ sôi đời hơn nhiều. Long hỏi Tân uống cà phê gì. Tân trả lời lập lờ:

“Cà phê gì cũng được.”

Tân thả khói thuốc thành những vòng tròn trông rất đẹp. Bà chủ quán bung hai ly cà phê đặt trước mặt hai người rồi nhìn Long nguyền một cái. Đây là cách câu khách của những bà chủ quán dày dặn trong nghề. Long vừa nhâm nhi cà phê vừa kể cho Tân nghe về mối tình đầu của mình ở quê nhà:

“Mày biết không. Tao và Quỳnh yêu nhau thắm thiết. Cứ tưởng sẽ ăn đời ở kiếp với nhau. Nào ngờ có thằng Bác Sĩ mắc dịch ở Sài Gòn cướp mất!”

“Vậy mày có hận ông ta không?”

“Hận làm mẹ gì. Đời là vậy đó. Con chim trong lồng, con cá trong chậu có khi còn bị vượt mắt, hưởng chi...”

Long nói đến đây bỗng khựng lại. Nét mặt chàng biến đổi thật nhanh. Cơn mưa phùn vẫn bay lả tả bên ngoài song cửa, tạo nên một không gian buồn tẻ thê lương. Long nhớ đến Quỳnh. Những kỷ niệm của mỗi tình đầu luôn ám ảnh đến tâm tư chàng. Long nhìn Tân với giọng buồn buồn:

“Ngày mốt tao lên máy bay. Không biết bao giờ mới gặp lại mày. Súng đạn vô tình, mày nhớ cẩn thận đấy!”

Tân nói:

“Cảm ơn mày. Không biết tao có đưa mày được không. Chúc mày về quê vui vẻ.”

Long gọi bà chủ tính tiền rồi cùng Tân ra xe. Tân cho nổ máy, bắt tay Long lần cuối rồi nhả ga, chiếc xe trườn lên phía trước, bỏ lại một nhúm khói từ từ tan đi trong lớp bụi mưa phùn.

Từ ngày trở về sống ở quê nhà, chiều nào Quỳnh cũng thả bộ trên con đường mòn râm mát xuyên qua mấy khu vườn dẫn ra cánh đồng phía trước. Cỏ cây, hoa lá, chim muông hai bên đường quện lấy nhau hài hòa dưới ánh nắng chiều dịu dịu khiến Quỳnh vui đi phần nào nỗi buồn trong quá khứ. Quỳnh đang thả nhẹ từng bước, chợt nghe tiếng chân người phía sau. Nàng quay lại, sững

sờ khi nhận ra người đối diện mình là Long. Cũng với nụ cười nửa vui nửa buồn cố hữu, Long khẽ hỏi:

“Em khỏe không?”

“Dạ cũng được.”

“Anh đã được giải ngũ và về đây ở luôn.”

“Em có nghe lời mờ về việc anh bị thương. À, chắc anh biết em và Tân đã ly dị?”

“Nghe ba má anh nói.”

“Thời gian trôi mau quá. Mới đó mà đã gần sáu năm!”

“Ừ, gần sáu năm rồi em nhỉ?”

Buổi chiều ở thôn quê thật êm ả. Hai người tiếp tục hướng về phía trước, sánh vai bên nhau trên con đường nhỏ xuyên qua cánh đồng lúa non xanh rờn bao la bát ngát...

*“... Tình ngỡ đã phai pha
Nhưng tình vẫn còn đây
Người ngỡ đã đi xa
Nhưng người vẫn quanh đây...”*

Trịnh Công Sơn

Nguyễn Đức Nhơn

truyện dịch

Nguồn gốc của dự án 1619

♦ *ngô sỹ hân*

Dự án 1619 là một sự xuyên tạc mang tính phân biệt chủng tộc đối với lịch sử nước Mỹ, một chiến dịch bôi lọ chống lại sự hình thành, những thành tựu, và lực lượng hiện tại của nước Mỹ vì những điều tốt đẹp trên thế giới. Ở Mỹ, đó là những gì *The Protocols of the Learned Elders of Zion - Nghi thức Trưởng lão Zion*¹ đối với người Do Thái - một hành động diệt chủng vẽ ra để biện minh cho việc thủ tiêu của nó. Đã là một chương trình giảng dạy phổ biến ở trường học Mỹ, nó là một con dao găm nhăm vào trái tim nước Mỹ, vào lòng tự trọng, sự hiểu biết bản thân, và niềm tự hào quốc gia của nhân dân. Nó nhằm mục đích phá hủy lá chắn của Hoa Kỳ chống lại kẻ thù trong thế giới thực khiến các chế độ chuyên chế ghét bỏ chính thể dân chủ nói chung và nền dân chủ Mỹ nói riêng.

Là kết quả của việc *Nikole Hannah-Jone*² tấn công dữ dội và mù quáng nhất lịch sử nhằm vào một quốc gia đã mang lại cho bà tự do và những đặc quyền phi thường, bà đã được các trọng tài

¹ Tài liệu ngụy tạo dùng làm lý do và cơ sở cho chủ nghĩa bài Do Thái chủ yếu hồi đầu thế kỷ 20.

² Tác giả *Dự án 1619*, nhà báo nữ da đen sinh ngày 09/4/1976

cánh tả của nền văn hoá trao tặng các giải thưởng - gồm một MacArthur “Genius Award” trị giá 625 ngàn đô-la và Giải Pulitzer Prize. Điều làm cho *Dự án 1619* trở thành một điểm báo đáng ngại chính là sự cố chấp ngu dốt và ý thức bất trung được giới tinh hoa Mỹ chấp nhận, bao gồm các tổ chức hàng đầu của *Đệ tứ Quyền*³, các trường đại học và trung học nổi tiếng, và thế giới “từ thiện” của nó.

Một bức thư huênh hoang quá đáng mà Hannah-Joiner viết cho chủ biên của *Notre Dame Observer* rất lâu trước khi bà trở thành nhân viên của *New York Times* và nổi tiếng toàn quốc cho thấy lòng căm thù tận xương tủy của bà đối với nước Mỹ và người da trắng, mặc dù trên thực tế mẹ của bà cũng là người da trắng. Bức thư “Modern Savagery” bắt đầu bằng “Kính gửi Trưởng ban Biên tập, Tôi đã bị sốc và ghê tởm khi đọc bài báo của Fred Kelly trên tạp chí *Observer* ngày 9 tháng Mười Một. Biên tập viên nào có trách nhiệm mà lại viết một bài báo tán dương và coi trọng vụ cưỡng hiếp của người da trắng, cướp bóc, và diệt chủng cả một tộc người?... Người da trắng là kẻ sát nhân, kẻ hiếp dâm, kẻ cướp bóc, và kẻ trộm lớn nhất của thế giới hiện đại... Christopher Columbus và những kẻ như hắn không khác gì Hitler. Những tội ác chúng đã phạm tàn nhẫn một cách không cần thiết chỉ có thể được mô tả như hành động của ác quỷ.”

Có lẽ có thể hiểu được ở sinh viên năm thứ hai đại học, kiểu phân biệt chủng tộc ngu dốt này không thể chấp nhận ở một người

³ Nguyên thủy có ba điền trang: thứ nhất là giáo sĩ, thứ hai là quý tộc, và thứ ba là thương dân. Điền trang thứ tư là báo chí được đặt ra vào năm 1837 phản ánh sự nổi bật và quyền lực ngày càng tăng của nó

trở thành chứ đừng nói là phóng viên của một trong những cơ quan truyền thông lớn nhất nước, chưa nói đến người nhận giải báo chí danh giá như Pulitzer Prize. Sự thăng tiến của Nikole Hannah-Joines là một cảnh báo về sự trượt dốc của nước Mỹ xuống toàn trị.

Phong trào chống Mỹ được hợp pháp hóa bởi Đảng Dân chủ và *New York Times* không phải là câu chuyện đầu tiên hủy bỏ di sản thực tế của nước Mỹ mà thay thế bằng một bức tranh biếm họa được vẽ ra để biện minh cho sự tàn phá của nó. Theo sau Cách mạng Bolshevik 1917, những người cộng sản Mỹ tổ chức một chiến dịch chính trị để thay thế nền dân chủ tự do bằng một “nước Mỹ Xô viết” được mô phỏng theo chế độ độc tài chuyên chế đã gây ra cái chết của hơn 40 triệu công dân Liên xô và thành lập một nền kinh tế quốc doanh hoang tàn trên một quy mô chưa từng có trong lịch sử nhân loại.

Để thúc đẩy sự nghiệp phá hoại này, một tín đồ cộng sản nhiệt tình Howard Zinn đã xuất bản một chuyện chống Mỹ gọi là *A People's History*. Văn bản này được viết để biện minh cho chương trình nghị sự đầy tham vọng của những người cố vấn Marxist của ông ấy. Nhờ những người cấp tiến đã chiếm lĩnh các khoa của các trường đại học và trung học Mỹ trong những năm 1970s và 1980s và tạo điều kiện cho Zinn bắt buộc sinh viên phải đọc *A People's History* là cuốn sách lịch sử bán chạy nhất từng được viết. Toàn bộ những lớp đại học về các lĩnh vực không liên quan như “Công tác Xã hội và Phúc lợi Xã hội” cũng được thiết kế dưới dạng các bài đọc theo từng chương hàng tuần trong cuốn sách chống Mỹ dài 784 trang của Zinn. *A People's History* đã bán

được hơn 2,6 triệu bản, đồng thời sản sinh ra nhiều cáo buộc về di sản nước Mỹ, bao gồm các bản tóm tắt nội dung được đặc biệt dành riêng cho “những người trẻ tuổi.”

Bài đánh giá trong *Chương trình Điểm sách Chủ nhật New York Times* của Gs Eric Foner, một nhà sử học cánh tả dòng dõi của một gia đình cộng sản nổi tiếng, đã mang lại cho cuốn sách này dấu ấn đặc biệt: “Các nhà sử học có thể coi nó như một bước tiến gắn liền phiên bản mới của lịch sử Hoa Kỳ... [Nó] nên bắt buộc phải đọc.” Nhưng những hư cấu và lừa dối của Zinn lộ liễu đến mức ngay cả một số sử gia cánh tả trung thực cũng phải kinh hoàng trước sự nhiệt tình của ông ta trong việc biến lịch sử thành tuyên truyền. Tuy nhiên, phải mất 40 năm để học giả thực hiện một nghiên cứu dài về nội dung gian ác của Zinn. Lờn bác bỏ dứt khoát này của Giáo sư Mary Grabar trong quyển *Debunking Howard Zinn: Exposing the Fake History That Turned a Generation against America - Lộ mặt Howard Zinn: Vạch trần Lịch sử Giả tạo sản sinh một Thế hệ chống Mỹ*. Tất nhiên, nếu không có sự yểm trợ từ các giáo viên và tổ chức truyền thông quốc gia, cuốn sách của Grabar chỉ có thể tiếp cận một phần nhỏ độc giả của Zinn.

Là một nhà tư tưởng, Zinn khá tự hào về xuyên tạc sự thật mà ông coi là một đức tính tốt vì nó phục vụ cho mục tiêu duy nhất của ông: biến lịch sử nước Mỹ thành một di sản mà người ta chỉ có thể ghét bỏ. Một ví dụ: “Không có quốc gia nào trong lịch sử thế giới mà phân biệt chủng tộc lại quan trọng hơn trong một thời gian dài như Hoa Kỳ.” Biện minh ngớ ngẩn một cách đầy ác ý cho những tuyên bố như thế này mà không có cơ sở thực tế, Zinn giải thích, “Khách quan là không thể và cũng là điều không mong muốn. Nghĩa là, nếu có thể thì đó là điều không mong muốn, vì nếu bạn có bất kỳ loại mục đích xã hội nào, nếu bạn nghĩ lịch sử nên phục vụ xã hội theo một cách nào đó; nên phục vụ sự tiến bộ

của loài người; nên phục vụ công lý theo một cách nào đó, thì nó đòi hỏi bạn phải lựa chọn trên cơ sở những gì bạn nghĩ sẽ thúc đẩy các sự nghiệp của nhân loại.”

Để phục vụ cho công việc gian dối của mình, Zinn mô tả Sự Hình thành nền Cộng hòa Mỹ, một thử nghiệm dân chủ thành công trên thế giới, như một bài tập trong việc độc tài kiểm soát đám đông của một số ít vì lòng tham và lợi nhuận. Ông viết với vẻ mỉa mai được che đậy mong manh, “Cách mạng Hoa Kỳ là một tác phẩm của thiên tài, và các Tổ phụ sáng lập xứng đáng nhận được sự tôn vinh mà họ đã nhận được qua nhiều thế kỷ. Họ đã tạo ra hệ thống kiểm soát quốc gia hiệu quả nhất trong thời hiện đại, và đã cho các thế hệ lãnh đạo tương lai thấy lợi thế của việc kết hợp gia đình với lãnh đạo.” Xuất thân từ một người ngưỡng mộ kẻ giết người hàng loạt “Cha già Dân tộc” Joseph Stalin, mà các trại tập trung nhốt hàng chục triệu công dân *ngoan cố*, bức tranh biếm họa về nền dân chủ Mỹ này thật là buồn nôn.

Theo Zinn, Tuyên ngôn Độc lập không phải là sự chứng thực mang tính cách mạng về quyền bình đẳng và tự do. Đây là một trò chơi lừa đảo được thiết kế để kích động người dân lật đổ vua chúa của họ để mang lại lợi ích cho những người da trắng giàu có. Cũng theo Zinn, các quyền dường như được bảo đảm là “giới hạn cuộc sống, tự do, và hạnh phúc cho nam giới da trắng” mặc dù từ “da trắng” không có trong Hiến pháp và Tuyên ngôn Nhân quyền. Zinn lên án những Người lập Quốc vì họ “đã bỏ qua những bất bình đẳng hiện có trong tài sản.” Việc tấn công bất bình đẳng về tài sản được giao cho các anh hùng của Zinn, Stalin, và Mao, những người nhân danh “công bằng xã hội” đã sát hại hơn một trăm triệu người để gieo rắc tình trạng đói nghèo cho tất cả mọi người trừ giới tinh hoa của đảng.

Sách của Zinn trình bày một quan điểm phi lịch sử một cách ngớ ngẩn về việc thành lập nước cộng hòa Mỹ được chính trị cánh

tả vũ khí hoá mà Zinn là một biểu tượng và đường lối của ông ta là một lời kêu gọi kinh điển cho sự hủy diệt nước Mỹ. Cuốn sách của Zinn là tổng hợp toàn diện đầu tiên về lịch sử nước Mỹ theo quan điểm của những kẻ thù cấp tiến của nó. Nó được xây dựng dựa trên một nền văn học thù địch chống Mỹ phát triển mạnh mẽ vào thập niên 1960 và đã trở thành chủ đề chính của chương trình giảng dạy đại học trong năm mươi năm tiếp theo.

Văn sĩ nổi bật và phong phú nhất đã định hình những câu chuyện cấp tiến này là nhà ngôn ngữ học MIT Noam Chomsky. Từ *Chicago Tribune* từng mô tả Chomsky là “tác giả còn sống thường được trích dẫn nhiều nhất. Trong số các nhân vật trí thức nổi tiếng mọi thời đại, Chomsky đứng thứ tám, chỉ sau Plato và Sigmund Freud.” Theo *New York Times*, Chomsky được cho là nhà “trí thức quan trọng nhất còn sống” trong khi đối với *Rolling Stone* vốn hầu như không thừa nhận sự sống của trí óc, Chomsky là “một trong những trí thức được kính trọng và có ảnh hưởng nhất thế giới.”

Thực ra, Chomsky được hiểu rõ nhất không phải là một nhân vật trí thức mà là một thủ lĩnh Hồi giáo chống Mỹ. Sự cộng hưởng này không phải là không được chú ý bởi chính những đồ đệ của ông. Người tôn sùng quan trọng nhất là David Barsamian, chủ một đài phát thanh mờ nhạt ở Boulder, Colorado, người đã tạo ra một thư viện Chomskyana trên băng từ các cuộc phỏng vấn mà ông đã thực hiện với sự phụ rỗi chuyển thể thành cuốn cẩm nang và truyền đơn. Trong phần giới thiệu, Barsamian mô tả quyền lực của Chomsky đối với môn đệ bằng những lời như sau: “Mặc dù rõ ràng là thế tục, nhưng ông là giáo sĩ của chúng tôi, thầy thuyết giáo của chúng tôi, Lạt ma hóa thân của chúng tôi, nhà bác học của chúng tôi, người kế nhiệm giáo chủ Muhammad của chúng tôi, và võ sư của chúng tôi.” Barsamian cũng trích dẫn ý kiến ủng

hộ này từ *Tạp chí Văn học Thời đại*⁴: “Lời của Chomsky... có một số phẩm chất của Khải huyền, của các nhà tiên tri Cừu ước và Blake⁵.”

Theo Chomsky, các cuộc tấn công khủng bố vô cơ của người Hồi giáo ngày 11 tháng 9 giết chết ba ngàn thường dân Mỹ vì họ là “kẻ ngoại đạo” có thể là một tội ác lớn nhưng tội ác của Mỹ còn lớn hơn. Theo quan điểm của Chomsky, điều gây ấn tượng về 911 đây là lần đầu tiên các “nạn nhân” của Mỹ trả đũa kể từ Chiến tranh năm 1812 khi người Anh (nạn nhân?!) đốt cháy Tòa Bạch ốc.

Theo Chomsky, không tính Trân Châu cảng vì Hawaii lúc bấy giờ chỉ là “thuộc địa” chưa chính thức là lãnh thổ của Mỹ. “Trong những năm này [nghĩa là giữa 1812 và 1941], Hoa Kỳ tiêu diệt hàng triệu người dân bản địa, chinh phục một nửa Mexico, can thiệp thô bạo vào khu vực xung quanh, chinh phục Hawaii và Philippines (giết hàng trăm ngàn người Philippines), và đặc biệt trong nửa thế kỷ qua, đã bành trướng lực lượng khắp nơi trên thế giới. Số lượng nạn nhân khổng lồ. Lần đầu tiên, các khẩu súng đã chĩa về hướng khác. Đó là một thay đổi quyết liệt [và rõ ràng là đáng hoan nghênh -D. H.]”

Theo Chomsky, cuộc thập tự chinh của Mỹ chống chủ nghĩa cộng sản trong thời Chiến tranh Lạnh thực sự là một cuộc hành trình “để bảo vệ học thuyết của chúng ta rằng người giàu nên cướp bóc kẻ nghèo.” Theo Chomsky, trong cuộc đấu tranh sau chiến tranh với đế chế Liên xô, Hoa Kỳ thế chỗ những nơi Phát xít Đức bỏ lại.” Theo Chomsky, Tổng thống Kennedy và Johnson ủng hộ các chính phủ hợp pháp ở châu Mỹ Latin chống lại sự lật đổ của

⁴ *Times Literary Supplement*

⁵ Robert Blake (1599-1657) đô đốc người Anh chỉ huy hạm đội Cromwell chống phe Bảo hoàng, người Hà Lan, và người Tây Ban nha

cộng sản đã dẫn đến sự đồng lõa của Hoa Kỳ bằng “các phương pháp của đội hành quyết Heinrich Himmler.” Theo Chomsky, có “mối tương quan chặt chẽ trên thế giới giữa tra tấn và viện trợ Mỹ.” Cũng theo Chomsky, Mỹ đã “xâm lược” Việt Nam để tàn sát người dân của họ, và thậm chí sau khi nước Mỹ rút đi vào năm 1975, dưới thời Jimmy Carter và Ronald Reagan “mục tiêu chính sách chính của Mỹ là tối đa hóa sự đàn áp và đau khổ ở các quốc gia bị tàn phá bởi bạo lực của chúng ta. Mức độ tàn ác rất đáng kinh ngạc.” Trên thực tế, mức độ ác tâm vô độ điên rồ và sự khéo léo vô hạn của Chomsky mới đáng kinh ngạc.

Theo Chomsky, “Về mặt pháp lý, có một trường hợp rất chắc chắn để đàn hặc mọi tổng thống Mỹ kể từ Thế chiến 2. Tất cả bọn họ đều là tội phạm chiến tranh hoàn toàn hoặc liên quan đến tội ác chiến tranh nghiêm trọng.” Nhìn qua đôi mắt của Chomsky, con người tử tế và quan tâm nào lại không muốn nhìn thấy nước Mỹ và những tội phạm chiến tranh - bao gồm tất cả các công dân đã bỏ phiếu cho những tổng thống đó - bị đưa ra công lý hay nói cách khác là bị tiêu diệt?

Bill Ayers, tên trùm khủng bố tuổi sáu mươi không ăn năn đồng thời là đồng minh chính trị lâu năm và thân tín của Barack Obama, là một trong rất nhiều đệ tử của Chomsky. Trong một cuốn hồi ký được xuất bản vào trước ngày xảy ra vụ tấn công 9/11, Ayers đã ghi lại niềm vui sướng của mình khi tấn công một trong những mục tiêu: “Mọi thứ hoàn toàn lý tưởng vào ngày tôi ném bom Lầu Năm Góc. Bầu trời trong xanh. Chim chóc đang hót líu lo. Và cuối cùng những kẻ khốn nạn cũng sẽ nhận những gì sắp đến với bọn chúng.”

(Ngô Sỹ Hân – trích từ Nội Thù / The Enemy Within của David Horowitz)

Tiên sư anh Tào Tháo

Phí Ngọc Hùng

Một ngày, đọc đoạn văn của Nguyễn Đình Nghi, con nhà văn Thế Lữ...

“Ông cụ tôi không hề hé ra một lời nào về hoạt động cộng sản của cụ. Nhưng khủng bố đổ thì ghi lại và nói cho con trai ghi chép hết cả. Như đoàn kịch Anh Vũ của cụ đang dựng diễn ở Huế thì Việt Minh lòng bắt cụ để thủ tiêu (thời gian này Thế Lữ hoạt động cho VNQDD), may mà cụ trốn được. Đạo ấy Tổ Hữu (xem Phụ đính 1) phụ trách Xứ ủy Trung Kỳ để trừ Việt gian ghê lắm suốt cả dẽo Trung bộ”.

Dài hơn nữa với *Cuộc trò chuyện cuối cùng* của Kim Lân...

“Hồi ấy khoảng năm 1951, các đồng chí trung ương nói phải lột xác, cải tạo triệt để, chứ *lý lịch lập trường hơi hám quá*. Một hôm, Nam Cao đọc bản thảo đề tổ văn nghệ góp ý. Đang đọc nửa chừng, Nguyên Hồng cười phá lên: *Nam Cao lột xác bịa hay quá*. Chỉ sau đó vài tháng, Nam Cao nhận công tác vào Nam Hà làm thuế nông nghiệp: Nam Cao bị Tây bắn chết. Sau này Tô Hoài bảo tớ: Nam Cao nếu còn sống không vướng vào *Nhân Văn* cũng sa vào xét lại như các cậu.

Sau khi Nam Cao chết không lâu, Tổ Hữu lại bảo tớ lên đường. Thì tớ lên đường. May tớ nhất vì nghĩ đến Nam Cao, thuyền sắp đến bến, tớ bảo anh giao liên cho thuyền ghé vào dưới bến một quãng xem sao. Tớ nghe thấy lính Tây đang đợi sẵn xuyt

chó, tiếng chó đánh hơi, tiếng đạn lên nòng xoành xoạch. Hãi quá. Khoảng nửa giờ, lính Tây kéo nhau đi. Thế là thoát. Hú vía! “*Không thì lại như Nam Cao*”.

Bèn khảo chữ về tiểu sử ông: Nam Cao tên thật là Trần Hữu Tri. Sinh quán tại làng Đại Hoàng, phủ Lý Nhân, Hà Nam. Mất tại Hoàng Đan, Ninh Bình. Về cái chết của ông là nghi vấn văn học, *trước kia*: ông tham gia đoàn công tác thuế nông nghiệp ở khu III, đứng ở mũi thuyền bị máy bay bắn chết. Tôi ngẫm nguội thằng Tây lái máy bay bà già cổ lỗ sĩ làm gì có súng mà bắn. *Sau này* được viết lại: năm 1951, trong chuyến công tác tại Ninh Bình, Nam Cao bị quân Pháp phục kích bắt và xử bắn.

Cũng chuyện xử bắn, hai người con gái Phạm Quỳnh gặp ông Hồ để hỏi về cái chết của thân phụ mình. Với lý do nào đấy họ không viết về cái chết của ông. Người chết không biết nói nên người sống chịu chết không hay biết Phạm Quỳnh bị giết tại cánh rừng Hắc Thú gần Huế, hay ở bãi cỏ bên bờ sông Hương? Bởi theo sử gia Trần Gia Phụng: Ông bị giết ở Cổ Bi, huyện Phong Điền, Huế và họ *phi tang thân xác ông*.

Trong *Chúng tôi đi tìm mộ cha – nhà văn Nam Cao* cũng vậy, vì lý do nào đó con gái Nam Cao, bà Trần Thị Hồng không viết gì nhiều...

“Cha tôi bị bắn cùng đồng đội, họ lại ngăn cấm đồng bào mai táng cho người quá cố. Do vậy, đồng bào phải lén lút đóng bè chuối, chở thi thể đến mai táng ở một hố vôi ở huyện Gia Viễn, Ninh Bình bên đường số Một, không gõ ván, *bốn thi thể vùi trong một nắm mồ*... Cha tôi bị bắn một phát vào đầu, và một phát làm

gãy hai xương sườn. Ngày đưa cha tôi về quê chôn cất, có nhà văn lão thành Kim Lân".

Bởi đưa thi hài ông vào đất liền bằng bè chuối, tôi vẽ ra chuyện ông bị bắn ở trên thuyền với ba đồng đội. Còn máy bay bà già do họ vẽ rấn thêm chân ấy thôi. Nhưng còn *người chèo thuyền* đâu? Người chèo thuyền này là ai? Vì trong đêm Hà Nội nổ súng đánh Pháp, ai giết Dương Quảng Hàm! Pháp hay Việt Minh? *Từ điển Tác giả Việt Nam* ở trong nước viết: "Ông mất tích tại Hà Nội...". Từ điển này, hai tháng sau, không dùng chữ... "mất tích" nữa, sửa lại là ông... "mất". Cho đến nay nghi vấn giết người mỗi nơi mỗi khác, như Nguyễn Bá Trác bị xử bắn công khai. Thủ tiêu thì Khái Hưng bị bỏ rọ trôi sông. Lan Khai bị xô xuống vực. Trừ Hữu Loan là một ngoại lệ, vì người du kích được lệnh thủ tiêu Hữu Loan nhưng vì mê thơ ông nên tha Hữu Loan.

Việc bà Trần Thị Hồng đưa thi hài Nam Cao về quê, qua ký sự của nhà báo Phạm Hăng còn khó hiểu hơn nữa! Nhưng ấy là chuyện sau.

Với "trước kia" và "sau này", tôi lọ mọ đi tìm những tác phẩm của ông dựa dẫm vào người trong nước dùng từ *trước cách mạng* ông có 50 truyện ngắn, trong đó có Chí Phèo, Lão Hạc... *Sau cách mạng*, va vào mắt tôi truyện ngắn... *Đôi mắt*. (1948)

Thế là mụ chữ tôi đều người với "Đôi mắt". Khởi thủy truyện ngắn tên "Tiên sư anh Tào Tháo", vì ngự sử văn đàn kết tội ông: *Thiển cận, lệch lạc*. Vì bạn ông đọc "nghe hơi văn" đề nghị ông đổi tựa đề là *Đôi mắt*.

Qua chuyện có hai nhân vật: người thứ nhất là *Độ* mà tôi đồ chừng là Nam Cao. Người thứ hai là *Hoàng* bạn ông tản cư về nhà quê. Với tên “Hoàng”, mục chữ tôi liên tưởng đến làng Đại *Hoàng* quê ông, nên nghĩ vụng ông “phân thân” là *nhân vật Hoàng* để “ngọa đàm” với chính mình. Bỗng khi không tôi lau lách tới ông... “lột xác” trong Đôi mắt viết năm 1948 thuộc thiên niên kỷ 20. Vậy mà mãi đến thiên niên kỷ 21, giới Tây phương mới có *Chứng bệnh Ferma*. Là bệnh chứng trong văn giới, tác giả tạo ra... *nhân vật thứ hai là chính mình để nói chuyện*.

Chuyện ông nằm trong mùng, có gói thuốc lá, bao diêm, cái gạt tàn thuốc và chẳng thể thiếu... một vài chú rận. Ngỡ ông tả... con rận thì ông viết về... con chó.

“...Anh thanh niên làng chỉ cái cổng gạch nhỏ, quay lại bảo tôi:

- Ngõ này, ông Hoàng nhà văn ở đây.

Tôi toan vào. Anh vội ngăn tôi lại:

- Khoan, để em gọi con anh Hoàng xích con chó lại.

Tôi nhớ đến những lần đến chơi nhà anh Hoàng ở Hà Nội. Bao giờ tôi cũng phải chờ anh thân hành ra nắm cái vòng da ở cổ con chó tây to bằng con bê. Bây giờ đến thăm anh ở chỗ gia đình anh tản cư về, tôi lại được nghe đến con chó này...”

Mục chữ tôi sa đà với nhà văn Nam Cao, hết *Trẻ con không được ăn thịt chó* đến *Lão Hạc* cũng có... chó. Lại nữa với truyện ngắn *Con chó xấu xí* mà Kim Lân bị mang vạ. Nên tôi đồ rằng trước sau tai bay vạ gió cũng đến với ông vì phán quan kết tội ông

có cái nhìn thiên cận, lệch lạc. Hoặc trong cuộc kiểm thảo lý lịch lập trường phải lột xác, Nguyên Hồng đã vắn vỏi: “Nam Cao... lột xác hay quá”.

Ừ thì đảo hãy qua Nam Cao *lột xác* qua nhân vật Hoàng...

“...Mà sao họ đã bận rộn nhiều khê thế mà vẫn còn thì giờ chú ý đến những người xung quanh? Anh chỉ giết một con gà, ngày mai cả làng này đã biết. Này, anh mới đến chơi thế mà lúc này tôi đã thấy có người nấp nom rồi...”

Qua cái nhìn của Hoàng về người nhà quê...

“...Tôi gần gũi họ nhiều thấy họ phần đông dốt nát một cách đáng thương. Nghe các ông nói đến “sức mạnh quần chúng”, tôi nghi ngờ. Tôi cho rằng nông dân nước mình thì vạn kiếp nữa cũng *chẳng làm cách mạng nổi*. Nhưng đến hồi Tổng khởi nghĩa tôi đã ngã ngựa người. Tôi đã theo họ đi đánh phủ, đánh huyện. Tôi đã gặp họ trong mặt trận Nam Trung Bộ. Vô số anh răng đen, mắt toét, gọi lựu đạn là *nựu đạn*...”

Vấn lời của nhân vật Hoàng nói với Độ về... quả lựu đạn:

“...Lại còn các bố tự vệ nữa mới chết người ta chứ! Họ vừa ngổ vừa nặng xị. Đàn bà chữa họ cho là có *lựu đạn dắt trong quần*! Họ đánh vằn xong một cái giấy ít nhất phải mất mười phút, thế mà động thấy ai đi qua là hỏi giấy. Anh đi, hỏi. Anh về, hỏi nữa. Lát nữa anh ra khỏi làng, lại hỏi. Anh kể người nhà quê toàn là *những người ngu độn*. *Cha con, anh em ruột chẳng tốt với nhau*. Các ông thanh niên, các bà phụ nữ mới bây giờ nhớ nhăng. Viết chữ quốc ngữ sai vắn mà lại cứ hay nói chuyện chính trị rồi

rít cả lên. Mở miệng ra là thấy *phê bình, cảnh cáo, phản động, xã hội chủ nghĩa...*”

Thêm chuyện anh hàng cháo lòng đánh tiết canh...

“...Họ có nhiều cái ngố không chịu được. Tôi thấy nhiều ông vệ quốc quân cầm khẩu súng lạ, không biết bắn thế nào. Thì cứ để cho họ đánh Tây đi. Nhưng tai hại là người ta lại cứ muốn cho họ làm ủy ban nọ kia, thế mới chết người. Ngay như thằng chủ tịch ủy ban khu phố ở Hà Nội lúc chưa đánh nhau là *anh hàng cháo lòng*. Bán cháo lòng thì *nó biết đánh tiết canh*, chứ biết làm ủy ban thế nào mà bắt nó làm ủy ban?”

Va vào mắt mù chữ tôi tên ông Hồ...

“...Tôi cười nhạt:

- Nghe anh nói, tôi nản quá. Như vậy cuộc kháng chiến của ta có lẽ đến hỏng à?

Anh chớp lấy câu của tôi, nhanh như một con mèo vồ con chuột:

- Tôi cho rằng dân mình có tởm đi nữa, *xoay quanh rồi cũng cứ độc lập như thường*. Như cú Hiệp định sơ bộ mùng 6 tháng 3 thì đến chính tháng Mỹ cũng phải lắc đầu: *nó cho rằng không thể nào bịp ông Hồ.*”

Đến đây, mù chữ tôi nghĩ đại nhân vật Hoàng lộng thiên hý địa thật: Vì câu *không thể nào bịp ông Hồ* chả ai cấm mù chữ tôi lay dây với... “ngoa ngữ” này nọ. Như...“vọng văn sinh nghĩa” tức bịa ra nghĩa, mù chữ tôi được thể bắt qua cái vạ chữ nghĩa với Vũ Trọng Phụng. Ông bị khai trừ trên văn đàn miền Bắc vì bị

Hoàng Văn Hoan... bịa cho tôi: *ông già Hải An trong Giông Tố* là ám chỉ *ông Hồ*.

Sau đây là “ngọa đàm”, hút thuốc lá trong mùng...

“...Buổi tối ăn khoai vùi xong, uống tuần trà rồi Hoàng với tôi đi nằm trước. Tôi để nguyên cả quần áo tây và chỉ ngai ngái lo đêm nay một vài chú rận mò vào cắn để hỏi thăm. Anh Hoàng hỏi tôi:

- Anh có thích đọc Tam Quốc không?

Tôi thú thật là chưa bao giờ được xem trọn bộ. Anh bảo tiếp:

- Sở dĩ lúc này tôi hỏi anh vì chúng tôi có cái thú đọc một vài hồi Tam Quốc rồi mới ngủ.

Dĩ nhiên tôi mời vợ chồng anh cứ giữ lệ thường. Anh cười cùng cục như con gà trống: Chị Hoàng lấy một quyển sách bìa dày, gáy da, đem lại.

- Hôm qua đọc đến đâu rồi nhỉ. Hình như đoạn *nói về Tào Tháo giết Lã Bố Sa*.

- Không cần, mình đọc lại cái đoạn thằng Tào Tháo nó tán Quan Công ấy.

- Theo ý anh thì Tào Tháo có giỏi không?

Tôi trả lời qua loa cho xong chuyện:

- Tôi nghe thấy nói là nó giỏi.

- Giỏi lắm anh ạ! Giỏi nhất Tam Quốc. Sao nó tài đến thế.

(2)

Chị Hoàng đã tìm thấy, bắt đầu cất tiếng thanh thanh đọc. Anh Hoàng vừa hút thuốc lá vừa nghe. Mỗi khi đọc đến đoạn hay anh lại vỗ đùi kêu:

- Tài thật! Tài thật! Tài đến thế là cùng! *Tiên sư anh Tào Tháo...*”

Đến tao đoạn này là hết chuyện. Nhưng mặt mũi ngáo ếch ra *Lã Bá Sa* là ai, chả lẽ là... *Lã Bố*. Bèn tìm *Tam Quốc diễn nghĩa* của Phan Kế Bính...

Hai người, đến cửa trại xuống ngựa vào chào *Lã Bá Sa*, Tháo nói:

- Nếu không gặp được quan đây, thì bây giờ đã thối nát xương tan rồi.

Nghe xong, *Lã Bá Sa* vào trong nhà, một chốc trở ra, bảo:

- Nhà tôi không có rượu ngon, để tôi sang xóm tây, mua một bình rượu ngon về uống.

Nói rồi lật đật cười lừa ra đi.

Tháo chợt nghe thấy sau nhà có tiếng mài dao. Tháo bảo *Trần Cung* rằng:

- Chuyện này đáng nghi đây!

Hai người sẻ rón rén bước vào sau nhà tranh, chỉ nghe thấy có tiếng người nói:

- Trói lại mà giết!

Tháo bảo *Trần Cung*:

- Đúng rồi! Ta phải hạ thủ trước.

Tháo và Cung rút kiếm đi vào, gặp người nào giết người ấy. Khi vào đến bếp, chỉ thấy một con lợn trối bốn vó, sắp đem chộc tiết. Cung giật mình nói:

- Mạnh Đức ơi! Ta đã nghi quá, giết nhầm phải người tử tế rồi.

Hai người vội vàng trở ra lên ngựa đi gặp Lã Bá Sa cười lừa về, và nói:

- Ta đã dặn người nhà làm thịt con lợn rồi. Ngại gì một đêm, xin quay ngựa lại cho.

Tháo cứ tể ngựa đi. Đi được vài bước, rút kiếm ra, quay ngựa trở lại, gọi Lã Bá Sa hỏi:

- Ai đi đằng sau ông đấy?

Sa quay đầu lại xem. Tháo chém ngay, Sa ngã xuống chết. Cung nói:

- Biết rằng mình lầm rồi, lại còn cố ý giết người nữa thực là đại bất nghĩa!

Tháo nói:

- Thà ta phụ người, không để người phụ ta.

Lấy ngắn nuôi dài vì đụng chạm đến ông Hồ qua ông già Hải An trong Giông Tố nên Vũ Trọng Phụng bị loại trừ khỏi văn học.

Gần đây, nhà phê bình văn học Lại Nguyên Ân làm lễ kỷ niệm 50 năm ngày giỗ Vũ Trọng Phụng tại Văn Miếu Hà Nội.

Thêm chuyện Nam Cao cũng qua cúng giỗ...

“Ngày 30-11-2004 là ngày giỗ lần thứ 53 của cha tôi. Cho tới nay, cứ có dịp văn hữu lại tặng sách. Gần đây nhất Nguyễn Huy Thắng, con trai nhà văn Nguyễn Huy Tưởng vừa tặng sách *Nhà văn của em*. Do vậy, đã thúc đẩy Tô Chiêm viết quyển *Nam Cao nhà văn của những kiếp sống mòn*”.

Qua một kiếp sống mòn, bà Trần Thị Hồng, con gái ông than phiền những tác phẩm của Nam Cao như *Đôi mắt*, *Đợi chờ* đã bị loại ra khỏi văn học. Nói thẳng mực tàu đau lòng gỗ, ông *bị đẩy dần vào bóng tối*, sau được lôi ra... *vùi dập tiếp* (3).

Lại nữa (nguồn Nguyễn Khắc Phê) gần đây Hội Nhà văn xuất bản *Nhà văn Việt Nam hiện đại*, dày 1200 trang, tập hợp chân dung trên một ngàn nhà văn các thế hệ, từ Ngô Tất Tố, Phan Khôi đến lớp nhà văn vừa được kết nạp... Điều quan trọng cuốn sách đã mang một cái tên không xứng hợp. Vì rõ ràng là khiêm khuyết, khi cuốn sách mang tên “NVVNHD” mà lại không có *Vũ Trọng Phụng*, *Nam Cao*, *Khái Hưng*.

Bởi thế chẳng thể không vun chuyện Vũ Bằng viết về Nam Cao. Mà làm như tác giả và tác phẩm có một dòng sinh mệnh với nhau sao ấy, trước kia Nam Cao lụi đui với *Cái chết của con mực*, *Con mèo*. Nay Vũ Bằng tả hình dáng ông qua... con cò:

“Có ai đi bát ở các đường Tự Do Sài Gòn, vô công rồi nghề, nhìn vào các cửa hàng thấy *con cò máy từ từ ngừng đầu lên rồi*

lại từ từ cúi xuống để mổ vào một chén nước không? Ấy đấy, Nam Cao đi đứng cũng tựa tựa như con cò máy ấy.”

Ông dẫu chuyện gia đình Nam Cao...

“Trong suốt thời kỳ đi lại với nhau, anh không cho biết anh có mấy con, nhưng anh nói: Nhà nghèo chật, nền nhà mưa thì dơ, nắng thì bụi, mà lũ con oánh nhau chí choé cả ngày. Không có viết mà kiếm tiền nuôi chúng thì làm thế nào được hở anh?”

Vũ Bằng viết về cảnh chia đàn xẻ ghé của bạn hữu văn nghệ:

“Thế rồi đến những ngày tao loạn, khói lửa bốc lên, anh em tản mát mỗi người một ngả. Tôi về ở một cái nhà cỏ trên đường về Hà Nam. Phần đông những người tản cư về phía đó đều ghé qua nhà tôi, nên căn nhà ấy được coi là “trạm nghỉ chân” của anh em văn nghệ. Chính trong thời kỳ này, tôi được tin Nam Cao làm báo văn nghệ của kháng chiến. Tôi cũng làm báo kháng chiến, lê chân đi trên nhiều nẻo đường đất nước, nhưng không một lần nào gặp Nam Cao. Thì một ngày mưa phùn giá rét căm căm, tôi thấy Nam Cao tóc phủ mang tai, đội nón lá, đi dép Bình-Trị-Thiên *gật gù cái đầu như con cò* bước vào căn nhà tôi tạm trú, như thể đã ra vào quen thuộc lắm rồi.”

Không hẹn mà gặp, Vũ Bằng “khìa”... Lã Bá Sa:

“Chúng tôi toàn nói chuyện lảng nhãng, y như không hề xa cách nhau bao giờ cả. Qua đêm, chúng tôi dậy *uống trà*, tình cờ Nam Cao thấy bộ Tam Quốc của Phan Kế Bính dịch mà tôi mang theo, *anh mang vào mừng đọc*. Đến lúc ấy tôi mới biết Nam Cao chưa hề đọc Tam Quốc bao giờ. Đoạn anh mở ra đọc đoạn nói về Tào Tháo giết Lã Bá Sa.

Quả tình tôi chưa thấy anh cười khoái trá như thế bao giờ, anh vỗ vào đùi bôm bốp và thỉnh thoảng lại muốn nói to lên, nhưng Nam Cao lại bịt mồm, nói khe khẽ:

- Thánh thật. Cái thằng Tào Tháo này thánh thật.

Sau này, buổi nói chuyện đọc Tam Quốc đêm hôm ấy, Nam Cao thuật lại trong bài đăng trang nhất “văn nghệ” của kháng chiến...”

Tôi ở ra vì trong Đồi mắt, cũng một tối, cũng qua một tuần trà: Nhân vật *Độ* chả biết gì về Tam Quốc Chí. Thế mà Vũ Bằng viết tuốt tuốt Nam Cao mang vào mùng đọc và... *gật gù như con cò máy*. Với bài *Tôi đi tìm Tào Tháo* của tôi như chuỗi xích; mụ chữ tôi xâu chữ như xiên khoai đến Vũ Bằng và Nam Cao ở cái khoen nào đó.

Vì Vũ Bằng lại cũng bị cái vạ chữ nghĩa như Nam Cao...

Ngày ông mất, con ông đến một tòa soạn đăng cáo phó (4). Tòa soạn không cho viết *hai chữ nhà văn trước tên Vũ Bằng*. Thành thử nội dung cáo phó chỉ vồn vện có vài chữ: Vũ Đăng Bằng sinh ngày... mất ngày... Đám tang ông vắng người đưa vì bằng hữu hầu hết đang bị cải tạo. Người viết (Trần Ngọc Tự), là người thu thập bài vở của anh em văn nghệ sĩ viết từ trong nước gửi ra hải ngoại kể rằng khi công an cộng sản phá án *Vụ án hồ con rùa* (hay *Những tên biệt kích cầm bút*) đã đến nhà Vũ Bằng định bắt nhưng thấy *Vũ Bằng đang hấp hối nên chỉ lấy cung ở nhà*. Vì vậy trong cáo trạng được đọc trước tòa có tên Vũ Bằng là tác giả bài *Cái tai sát của thằng cùi phượng Bắc*. Vũ Bằng gửi bài ra hải ngoại để có nhuận bút gửi về bằng

những thúng đồ. Thành ra nếu không mất thì Vũ Bằng đã bị đưa ra tòa rồi.

Tới trần ai khoai củ này, bởi mục chữ tôi đọc không thông, thêm bệnh khoe chữ với Chứng bệnh Ferma, bệnh chứng trong văn giới, tác giả tạo ra nhân vật thứ hai là chính mình để nói chuyện. Nên mới có chuyện Nam Cao “phân thân” là *nhân vật Hoàng*.

Nay đọc Tô Hoài viết về Vũ Bằng mới vỡ ra:

“Những năm ấy Nam Cao đang ở với tôi trên Nghĩa Đô. Chúng tôi mãi mê đọc Vũ Bằng thấy truyện ngắn Vũ Bằng rất lạ. Đối với tôi lúc ấy tất cả là mọi công việc bắt đầu của nghề mới viết văn với tôi. Vũ Bằng chính là *người tìm ra văn tài của Nam Cao* và đưa tác phẩm đầu tay của Nam Cao vào *Tiểu thuyết thứ bảy*: Ấy là truyện ngắn *Ba người bạn* (Vũ Bằng, Tô Hoài, Nam Cao?). Sau đấy cái hiệu phở Tàu tái lãn Nghi Xuân góc hàng Nón hàng Thiếc mà Vũ Bằng hay dắt Nam Cao và tôi đi ăn, tưởng như cả đời chưa được thưởng thức phở ngon như thế. Đó là những kỷ niệm. Thêm kỷ niệm Nam Cao viết truyện ngắn ấy ở xóm người Dao bên Vàng Kheo, thoát đầu tên truyện là Tiên sư *thằng* Tào Tháo. Sau Nam Cao ngại, đổi tên là *Đôi mắt*.”

Theo mục chữ tôi ấy là cuối năm 1946, Vũ Bằng cùng gia đình *tản cư ra vùng kháng chiến*. Thế nhưng không thấy ai viết ông *hoạt động cho kháng chiến* như thế nào? Không ngoài chính ông thổ lộ ngắn gọn ở trên: “Tôi được tin Nam Cao làm báo văn nghệ của kháng chiến. Tôi cũng làm báo kháng chiến,” vậy thôi, thế đó.

Trở lại với Tô Hoài: “Độc hồi ký của Vũ Bằng ở Sài Gòn nghe người ta kể truyện ngắn ấy của Nam Cao viết về anh. Vũ Bằng viết, anh bằng lòng Nam Cao đã miêu tả anh (Vũ Bằng) *như nhân vật Hoàng*, con người mơ màng bước vào trường kỳ kháng chiến. Năm ‘54, theo Tô Hoài: “Vũ Bằng không chịu đựng được gian khổ của kháng chiến, đành về thành với Pháp. Sau đó anh xuống Hải Phòng rồi đi Sài Gòn.”

Vũ Bằng mất, gần đây có nguồn cho rằng ông vào Nam làm tình báo. Số là họ mượn hoa cúng Phật từ ông Tô Hoài: “Khi Hà Nội sắp được tiếp quản 1954, tôi viết thư cho Vũ Bằng. Nguyễn Bắc cán bộ hoạt động nội thành ra họp ở Việt Bắc rồi cầm thư vào. Nguyễn Bắc đã cho một chú bé cơ sở đi đánh giày đặt thư ấy vào trong giày của nhà văn. Trên báo *Bách Khoa* ở Sài Gòn, Vũ Bằng đã viết về bức thư này của tôi, và đến khi in lại trong *Bốn mươi năm “nói láo”* sự việc còn được kể tỉ mỉ, kỹ lưỡng. Nhưng sau đó Vũ Bằng đã không ở lại, anh xuống Hải Phòng rồi đi Sài Gòn.”

Nếu ông làm tình báo, sau ‘75 lý sự ông viết *Cái tai sát của thằng cùi phương Bắc* để con ông bị quấy rầy với cáo phó (5) và dĩ nhiên đám tang ông đã khác. Đám tang ông vắng người đưa vì bằng hữu hầu hết nằm trong trại cải tạo. (Trần Ngọc Tụ)

Hậu sự chuyện chôn cất Vũ Bằng cũng hẻo mọn như Nam Cao...

“Theo nhà báo Phạm Hằng trong ký sự đi thăm *Mộ nhà văn Nam Cao tại quê nhà*:

Một đoàn do họa sĩ Trịnh Yên là trưởng đoàn, ông Doãn Phú là phó. Tới nơi *đoàn đi qua nghĩa trang làng không vào*. Vấn đề khó hiểu cho tới nay ông Phú không giải thích rõ ràng, vì khi đưa hài cốt nhà văn về tới quê hương, chủ tịch xã Hòa Hậu thời đó là ông Xạ muốn chôn cất ở nghĩa trang xã Hòa Hậu. Nhưng ông Phú cho đó không phải là nơi tốt. Lên xe đi tiếp 7 phút nữa, ông Phú liền chỉ chỗ có gò đất. Ông Phú *nhận chỉ thị từ đâu không để nhà văn an nghỉ ở Hòa Hậu nơi nhà văn sinh ra*.”

Chữ thừa câu thiếu thì thi hài ông lúc đầu vùi lấp ở hố vôi bên đường số 1, rồi được chôn ở nghĩa trang huyện Gia Viễn, Ninh Bình, 45 năm sau mới di cốt về Hà Nam.

Qua đám tang, mục chữ tôi ngỡ ấy là cái khoen chót, là hết chuyện.

Bởi trong chuỗi xích của Bình Nguyên Lộc, ông đùm đậu phải tìm cho ra cái khoen trung gian, ấy là: *Cái quan định luận*... Ừ thì hãy đốt lò hương cũ về nhà văn đoán mệnh ở tuổi 34, tôi đổi ngược tựa đề bài khảo chữ theo tác phẩm nguyên thủy của ông:

Tiên sư anh Tào Tháo

Cái quan định luận với *Ta còn để lại gì không* (Vũ Hoàng Chương) của nhà văn Nam Cao, thôi thì đành ăn mày chữ nghĩa cụ Vũ:

*Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người
Chiều nay một dấu than buông đứt
Đinh đóng vào sãng tiếng trả lời
Chỉ thế thôi...*

Thạch trúc thảo lư

Kỷ Hợi 2019

Ngộ Không Phí Ngọc Hùng

(đúc kết 2021)

Phụ đính

(1) Ghi theo ông Vũ Đình Huỳnh (thân phụ Vũ Thư Hiên), bí thư của ông Hồ:

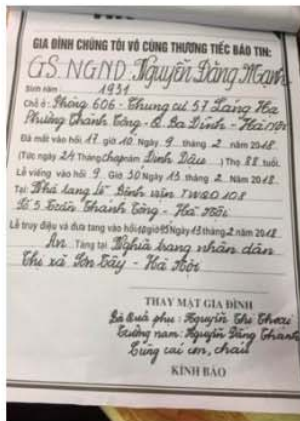
“Một phái đoàn Trung ương do ông Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu, Cù Huy Cận vào Huế dự lễ thoái vị của Bảo Đại. Phái đoàn lên đường hai hôm rồi, Hồ Chủ tịch nói với ông Hoàng Hữu Nam, Thứ trưởng Bộ Nội vụ; ông Lê Giản, Tổng giám đốc Nha Công an và tôi (ông Huỳnh): “Chú Bằng, chú Liệu, chú Cận vô Huế rồi mình mới nhớ ra thì đã trễ, giờ chú Nam xem có ai vô Huế gặp họ được không.” (nguồn: Phạm Tôn)

Dựa vào hồi ký của Trần Huy Liệu, sử gia Trần Gia Phụng ghi nhận: “Phạm Quỳnh bị bắt ngày 13-8-1945, bị giết ngày 6-9, như vậy chính Trần Huy Liệu mang lệnh từ Hà Nội vào Huế từ Hồ Chí Minh. “

Về việc bắt Phạm Quỳnh, Tố Hữu, Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa Huế kể cho Tô Hoài ghi, đăng ở Đặc san Cứu quốc (8-1946, trang 31):

“Mười hai giờ rưỡi, một chiếc ô tô đi về phía Hương Cự đỗ trước ấp Hoa Đường. Một người thanh niên mặc áo the, khăn đóng chỉnh tề bước vào dinh Phạm Quỳnh. Người thanh niên cởi áo dài, lộ dưới ngực một dấu hiệu sao vàng nền đỏ và một khẩu súng sáu giắt bên dây lưng. Vợ con lão đương ăn cơm. Ngó thấy khẩu súng sáu, lão biến sắc, run đứng lên không được. Lão bị điệu ra xe, chở đi.”

Tháng 9-1945, Phạm Quỳnh bị bắn ở cánh rừng Hắc Thú, Huế. (nguồn: Sơn Tùng)



(2) Hồ Chí Minh được đánh giá là gian hùng cỡ Tào Tháo chứ không phải là người hiền lành gì. (nguồn:Trần Viết Đại Hưng)

(3) Nam Cao bị đẩy dần vào bóng tối, mãi đến khi Trần Đăng Khoa làm phó chủ tịch Hội Nhà văn của Nguyễn Hữu Thịnh, Trần Đăng Khoa... “lôi” ông ra ánh sáng không phải để vinh danh mà phó chủ tịch Hội Nhà văn vui đập... Nam Cao tiếp.

(4) Cáo phó viết theo khuôn mẫu có sẵn ở tòa báo, tang gia chỉ điền theo giới hạn cho phép bởi pháp lệnh.

(giống như Gs Nguyễn Đăng Mạnh đính kèm)

Với Vũ Bằng, hai chữ nhà văn không được viết vào cáo phó. Chỉ còn lại Vũ Đăng Bằng với năm sinh... *không quê hương bản quán.*

Bến Thanh Bôi

Đêm Xuân Diễn Tuồng

Nguyễn Đình Từ Lam

*Nhớ nước Thanh Bôi gờn gợn sóng
Con đò năm cũ một chiều sương*

Tr. Ph.

Thuở ấy quê tôi chưa có những đoàn hát cải lương hay tân nhạc, kịch nghệ đến trình diễn như sau này. Mà họa hoàng lắm, bà con mới có dịp đi xem hát bội.

Năm đó, sau Tết Nguyên Đán độ chừng chín mười ngày, có gánh hát bội Bình Định đi ghe bầu ngược dòng sông Tranh, về huyện nhà với ý định hát ba đêm liền vở tuồng lịch sử Phụng Nghi Đình mà bà con thường gọi tuồng Lữ Bố-Điêu Thuyền.

Rất ư lạ thường, đêm đầu đoàn diễn trên mặt nước bến sông Thanh Bôi*, còn đêm hai và ba thì trên bờ hữu và bờ tả bến này.

Ngay buổi sáng, bãi sông bên hữu đã được sửa sang bằng phẳng và dọn dẹp sạch sẽ. Gần bờ nước có đặt một dãy ghế dựa, phía sau là mấy hàng ghế thể, đó là khán đài danh dự dành riêng cho các quan chức từ Lý trưởng đến Huyện quan. Giữa dòng nước

bến sông, nơi đối mặt với khán đài, có những con đò bỏ mui, ghép san sát nhau làm sân khấu nổi.

Thêm một đặc biệt nữa, về xem hát bộ đêm nay, ngoài vợ chồng Quan Một Tây Đầm và các Chánh Tổng, Lý trưởng trong huyện sở tại Tiên Phước, còn có Quan Một Tây, người cai quản xứ Trà My đi cùng với bà vợ 'mọi' người Thái trắng, bà ta rất ư là đẹp.

Đến buổi chiều, khi mặt trời tháng Giêng mới vừa chéch bóng, bãi bờ bến Thanh Bôi bên hữu đã dày đặc người là người. Bao ông già bà cả, nhiều người luống tuổi đứng ngồi chuyện trò rôm rả. Nam thanh nữ tú, từng nhóm từng cặp cận kề đùa vui, hát hò, tâm sự hay dạo chơi đây đó. Họ thông dong chờ đêm đến, tuồng hát khai mạc.

Bên tả, nhiều bà con có phần vội vàng, họ nôn nóng tìm cách sang bên bờ hữu đông vui nhộn nhịp và để chờ xem mặt Tây Đầm, và nhất là để ngắm nghía 'con vợ mọi' của quan Tây Trà My, nghe đồn nổi tiếng là đẹp, đẹp tuyệt trần, hơn cả nàng Tây Thi thời Chiến Quốc.

Chú Dương và cô Phan, thường ngày chuyên nghề đưa đò kiếm tiền gạo độ nhật, nghe nói đêm nay có đoàn hát về bến Thanh Bôi diễn tuồng. Thế là hai người đưa đón giúp không bà con qua lại đôi bờ, mà chẳng chịu lấy một cắc tơ hào tiền công nào cả.

Hai chiếc đò ngang của cô chú lệ làng tách sóng như hai con thoi, đưa bà con từ bên thôn Ba bờ tả sang bờ Hữu thôn Hai. Nhờ biết cách cho đò nương theo luồng gió hoặc xuôi theo dòng nước

đề đồ tự rẽ nước, chênh chếch chạy tới cập bờ. Thế nên lắm khi tay vừa buông lời được mái chèo, miệng cô chú liền cất tiếng hát hò khoan huê tình, làm nhiều bà con ngồi đồ sang sông hứng khởi, lại có được dịp trò tài. Họ nhập cuộc, hòa nhau nổi lên hò qua đáp lại rân trời dậy đất. Bến đồ Thanh Bôi, ngày thường vốn quanh quẽ đìu hiu, nay bỗng dưng đông đúc người là người, vang vang đầy đặc tiếng nói tiếng cười, tiếng chào hỏi, mời gọi, tiếng hát hò... Lòng dạ ai nấy phấn chấn tươi rói, mơ màng như nắng sớm mùa xuân, như đêm trăng chim hót, như mở cờ, mở hội trong bụng.

Trăng đêm mười sáu tháng Giêng tròn vành vạnh đổ ánh sáng vàng, dịu dàng trải tràn bãi bờ, sông núi, dát vàng dát bạc trên mặt nước; sương đêm Thanh Bôi lưa thưa nhẹ bay lất phất như tơ trời giăng mắc. Bầu trời chồng chất những lớp mây xanh, mây trắng trôi dập dềnh chậm chậm. Ở đỉnh hòn núi Chùm Bì, đứng sừng sững mấy cụm mây hồng cam sáng ngời ngời. Hai bên bờ bến nước hàng hàng cây đuốc đốt lên cháy bập bùng, tỏ rạng đất trời, lung linh sông nước.

Người người ngồi chật ních trên bãi, sắp dài dài trên hai bờ sông, nhón nhác nhưm người nhưm mắt nhìn ra bến nước, chờ đợi. Bỗng nhiên tiếng cổ nhạc văng vẳng đâu đó xa xa. Ai nấy im phăng phắc như tờ, ngơ ngác lắng nghe. Âm thanh lắng đọng ấy cứ theo từng cơn gió xuân hanh se bay tới, lần hồi càng nghe réo rắt. Tất cả rảo mắt lắng tai dõi theo. Từ một góc khuất của khúc quanh con sông Tiên, một bóng người hiện ra, thông thả lướt xuôi trên dòng nước, tiến dần dần về hướng bà con xem hát. Tiếng cổ nhạc càng lúc càng tới gần càng rộn rã vui nhộn nghe rõ mồn một.

Liền, bóng người ấy lộ diện hẳn là một võ tướng uy nghi, tay cầm cây kích trượng ngàn cân đứng trên mạn thuyền, theo sau là ba con đò dàn hàng ngang chở ban cổ nhạc. Thuyền họ lướt nhanh đến cập bến** giữa dòng sông. Ban nhạc vẫn cứ tiếp tục hòa tấu: Nào tiếng kèn, tiếng trống com, đờn cò, đờn kiêu, tiếng mõ, phèng la, tiếng sênh, tiếng phách... thi nhau trỗi lên inh ỏi một lúc lâu rồi im phăng phắc. Cả bến nước, bờ bãi lặng câm. Bỗng nhiên tiếng trống com gióng lên một hồi dài, rồi thông thả đánh từng nhịp một. Người võ tướng ấy mặt đỏ như son, chững chạc từ mạn thuyền bước qua sân khấu, đi mấy vòng theo nhịp trống. Bà con ai nấy xôn xao, mặt mày tươi rói, có nhiều tiếng người đồng loạt la lên:

- Lữ Bố! Lữ Bố ra rồi. Bà con ơi!!!

Đúng là Lữ Bố, con nuôi của quan Đồng Trác, họ Đồng đã mấy lần âm mưu cướp ngôi nhà vua, thâu tóm thiên hạ về tay mình. Lữ Bố tướng mạo oai phong lẫm liệt, mình mặc nhung y võ tướng, bên ngoài nai nịt giáp thiết, đầu đội mão sắt trên đỉnh có đính ba viên ngọc quang sáng lấp lánh, tay trái cầm một cây roi ở đầu có gắn một chòm lông đen, đó là con ngựa thần ô, tay phải cầm một cây kích trượng múa vòng vo tít mù. Miệng đính đạt hát:

- Như ta đa ây... là..àà Lữ Bố, quý tử của ngài Thái sư lừng danh Đồng Trác. Ta là thiên tướng triều đình.

Mỗi khi tướng quân ra điệu bộ hát, lúc lên giọng, khi trầm lắng ngâm nga xuống câu, thấy thật điệu dàng hùng dũng, nghe thật khoáng đạt hào hứng. Liền tiếng trống chầu ở trên khán đài

danh dự nổi lên giục giã một hồi. Từ đám đông bà con xem hát có những thẻ bài bay lên sân khấu để khen ngợi tán thưởng.

Mãi mê hát một lúc, tướng quân ra điệu xuống ngựa, gác kích, nét mặt buồn rười rượi, đưa mắt nhìn trời mây, sông nước, nhẹ nhàng buông lời:

- Hỡi... ỡi... ỡi! Điêu Thuyền, nàng giờ này ở nơi đâu, sao không vội đến để cùng ta tâm sự, ái ân cho thỏa lòng mong đợi bấy lâu...

Tiếng kéo đàn cò, tiếng khảy đàn bầu đàn kiêu vẳng lên tỉ tê sâu đứt ruột, một đôi rồi bật im.

Giai nhân Điêu Thuyền diện xiêm y lộng lẫy, mặt hoa, mày ngài, mắt phượng đang trên thuyền, ngược nước sông lướt băng băng đến cập bến**, đứng đợi. Tướng quân Lữ Bố vội vàng bước xuống thuyền mình. Cả hai cùng tách bến. Trăng mười sáu sáng vằng vặc, bầu trời xanh cao vời vời, bến nước Thanh Bôi trong ngần dịu dàng man mác. Hai thuyền của gái thuyền duyên và trai anh hùng cận kề bên nhau cùng lướt nhẹ nơi này nơi nọ trên mặt nước, lúc ở giữa dòng, lúc cận kề bờ hữu, lúc sang bên kia bờ tả, khi dừng thuyền dìu nhau bước lên hòn cù lao Ghềnh Giăng đứng ngồi cận kề dưới bóng cây bạch lan cổ thụ. Đôi bóng tình nhân in trên bầu trời xanh cao lồng lộng, ẩn mình lung linh xuống lòng sông nước thăm thẳm. Ở những nơi thuyền họ đến, Lữ Bố-Điêu Thuyền điệu đàn cất tiếng hát thiết tha rót mật, tỏ bày nỗi lòng thương yêu nhớ nhung da diết, bao lời thề non hẹn biển, nguyện ước trọn đời trọn kiếp sống thác có nhau.

Mỗi lần Điêu Thuyền- Lữ Bố ra điệu bộ hát hết lời tâm sự, lúc lên giọng vút cao, khi xuống giọng trầm lắng. Ô hay, nghe sao lúc thì nồng nàn âu yếm dạt dào, khi thì thiết tha mùi mẫn... Lập tức, tiếng trống châu ở khán đài danh dự nổi lên giục giã liên hồi. Từ đám bà con ngồi xem hát, từng loạt thẻ bài xẻ gió vùn vụt bay lên rớt xuống mạn thuyền của Điêu Thuyền-Lữ Bố để khen thưởng.

- Đến đây, màn một vở tuồng Lữ Bố-Điêu Thuyền chấm dứt, kính xin quý vị và bà con chờ xem màn hai không bao lâu nữa sẽ tiếp tục diễn.

Đó là lời tuyên bố của ông bầu, trưởng đoàn gánh hát.

Người người vỗ tay vang dậy như pháo nổ.

Trong lúc ngồi chờ vở tuồng tiếp diễn, trong đám bà con xem hát râm ran bao lời bình phẩm, khen ngợi hai vai diễn Điêu Thuyền và Lữ Bố:

- Đẹp quá chừng.
- Một cặp tiên nhân xuống trần.
- Thật là trai tài gái sắc.
- Đúng là trai anh hùng sánh gái thuyền quyên, mới phải.

* * *

Chỗ nhóm nam thanh nữ tú có tiếng chạt lưỡi thì thầm:

- Kiếp sau cầu xin cho tui được đi đầu thai thành Lữ Bố, thì thoả lòng biết mấy.

- Còn tui là nữ tiên nga Điêu Thuyền...

Có lắm tiếng cười rúc rích. Chắc là trong số họ có biết bao cặp trai gái ao ước sẽ là Lữ Bố-Điêu Thuyền ở đời nay.

Ban nhạc trống lại nổi lên rộn ràng, giáo đầu báo hiệu màn hai của vở tuồng sắp mở màn.

Mọi người im lặng hướng mắt qua sân khấu nổi giữa sông, chờ đợi.

Tại tư dinh của Vương Doãn, một công thần trung tín, tài trí của nhiều đời vua và là cha nuôi của Điêu Thuyền; hôm ấy hai cha con gặp nhau, ngồi thì thầm nói chuyện một buổi lâu; trong lúc chuyện trò, thỉnh thoảng, Điêu Thuyền nâng khăn lau nước mắt chảy dòng. Bỗng dưng, ngày hôm sau Điêu Thuyền lên kiệu hoa về làm thiếp cho Đông Trác, bỏ rơi người yêu thề bồi Lữ Bố, khiến chàng chết điếng, lòng dạ khổ đau bời bời, bầm gan tím ruột căm tức thấu trời.

Một hôm, Lữ Bố hùng hùng hổ hổ, tay cầm lăm lăm cây kích trượng, cỡi con thần ô phóng bay như tên bắn đến biệt phủ của cha nuôi Đông Trác, quyết hỏi cho ra có sự nào. Đúng lúc, Đông Trác đi vắng. Gặp Điêu Thuyền, nàng ẻo lả liếc mắt đưa tình với Lữ Bố, rồi nói:

- Tướng công hãy ra vườn hoa ở mé đông khuất vắng, chờ thiếp sẽ đến để cùng chàng tâm sự.

Gặp nhau, Điêu Thuyền khóc sụt sùi, mặt mày ủ ê, than vắn thở dài với Lữ Bố:

- Ôi! Chàng ơi, Thái sư Đồng Trác dâm ô, ý quyền thế, ép uổng thiếp đem về đây cưỡng bức đêm ngày. Khiến thiếp phải lâm cảnh nhục nhã, xấu hổ quá chừng. Nói xong, Diêu Thuyền rướn người định nhảy xuống ao sen tự vẫn. Lữ Bố liền ôm chặt Diêu Thuyền giữ lại. Nhắm lúc ấy, Thái sư Đồng Trác trở về tư dinh, thấy Diêu Thuyền vắng nhà, nên đi tìm. Thấy cảnh Lữ Bố đang ôm ấp Diêu Thuyền, liền nổi máu ghen, điên tiết, bèn cầm gươm đâm Lữ Bố, nhưng trượt. Lữ Bố lên ngựa phóng chạy mất dạng. Đồng Trác quá tức giận, mặt hầm hầm, miệng cười khanh khách, chỉ mặt Diêu Thuyền rồi quát:

- Nà ày này! Con kia giỏi thật, sao mi lại to gan lớn mật dám tư tình với con ta, hả?

Diêu Thuyền tay vân vê tà áo e thẹn, nước mắt dàn dụa, điệu đàn cúi đầu thưa:

- Ô...ôi! Oan quá, oan quá, vì rằng thiếp đang dạo chơi thưởng ngoạn hoa ở đây, thì Lữ Bố đến, nó muốn giờ trò ức ép thiếp. Thiếp định nhảy xuống ao sen tự vẫn để giữ vẹn nghĩa tình phu thiếp với ngài, nào ngờ nó cứ ôm riết lấy thiếp. May nhờ ngài tới kịp cứu thiếp. Ôn trời bề ấy thiếp luôn ghi lòng tạc dạ, suốt đời nguyện nâng khăn sửa túi cung phụng ngài mãi mãi cho đến thác mới cam.

Từ đám đông bà con khán giả xem hát, rân rân tiếng xầm xì bàn tán. Mấy người đứng vụt lên quơ tay múa chân, lớn tiếng mắng nhiếc Diêu Thuyền:

- Con đó là con nặc nô, thay lòng đổi dạ như trở bàn tay, thật là phường điêu ngoa quỷ quyệt.

- Điêu Thuyền là con đĩ điếm, một mặt hai lòng, độc địa tựa loài lang sói.

- Sang mà dệnh nó mấy bạt tai cho bõ ghét, bà con ơi!

* * *

Có một bà quá căm ghét Điêu Thuyền đến hết biết trời trăng sông nước, chẳng cầm lòng nổi, đứng vụt dậy chạy phăng qua chiếc bè tre làm cầu nổi đến sân khấu, cầm quạt mo cau đánh Điêu Thuyền đến tới tấp. Hiền lành như chú Đương chèo đò, lúc ấy tay cầm chặt mái chèo, cũng đang chạy qua sân khấu định đánh con Điêu Thuyền một trận.

Đến nước này, Chánh Tổng Đoàn lập tức sai Lý trưởng lên can ngăn:

- Hai người kia! Có nào đánh người ta. Sao ngu quá rứa hỉ. Có biết đây làm đêm hát bộ diễn tuồng, người ta đóng giả Điêu Thuyền chứ đâu phải Điêu Thuyền thật sự ngoài đời.

Nói xong, Lý trưởng phát lệnh:

- Mấy anh trùm đầu tới đây bắt hai kẻ này cho ta.

Trên khán đài danh dự, có người can ngăn việc bắt tội hai kẻ bày tỏ cử chỉ hành hung với người hát vai Điêu Thuyền, nên cả hai được tha và được ở lại tiếp tục coi hát như thường.

Trong đông đảo bà con coi hát, những người phần nộ sức tỉnh. Tiếng ồn ào vừa được lắng xuống thì những hồi châu nổi lên giục giã vang dậy. Lúc tiếng trống vừa ngưng, người cầm châu mặt mày tươi rói vui cười nói oang oang:

- Tuyệt cú mèo. Diễn vai Điêu Thuyền hay quá độ, tưởng chừng như chính Điêu Thuyền thật ngoài đời ở thời kỳ loạn nước bên Tàu.

Nói xong, ông ta cầm một nắm thẻ bài trên chực cái, thông dong qua cầu nổi đến sân khấu trao thưởng đến người nữ nghệ sĩ đóng vai Điêu Thuyền. Tiếp nối, tiếng tiếng vỗ tay đồng loạt nổi lên rân trời rạng đất chừng như không ngớt.

Khi tất cả trật tự đâu vào đấy. Đêm hát bộ Bình Định tiếp tục diễn phần một vở tuồng Lữ Bố-Điêu Thuyền cho đến hết.

Mãn hát, bà con một số ra về, còn nhiều người lên Hội Lâm để tiếp tục vui chơi hội hè đình đám mùa xuân. Trên đường đi họ chuyện vãn bàn bạc rôm rả về đêm diễn tuồng vừa qua. Nào kẻ thương người ghét Điêu Thuyền, người phục tòi nghệ hoặc chê bai trí đoản của Lữ Bố, hay thù hằn Đổng Trác phản trắc, ngay cả Vương Doãn cũng bị lôi ra mà khen trí trá hay chê trách bất nhân tàn nhẫn...

Còn hai vợ chồng Quan Một Trà My về lại tư dinh. Lúc xe họ đang chạy lên dốc đèo Liêu, thấy có mấy tảng đá núi nằm choán cả đường phải dừng xe lại. Khi quan vừa ra khỏi xe thì từ chỗ sườn núi gần sát hai bên đường, có mấy toán thanh niên người thượng nổi bật lên, đồng loạt giương cung nhắm bắn tới tấp vào ông ta và hai người lính hầu cận. Tất cả đều bị thương. Một toán thượng tràn xuống đường cầm dao đâm chết Quan Một người Tây. Một toán nữa bắt trói hai lính hầu cận bỏ nằm tại chỗ, và dẫn người đàn bà thượng, vợ quan Tây xinh đẹp trở về lại buôn làng, đoàn tụ với bà con, tộc họ người Thái trắng.

Riêng gánh hát bộ Bình Định ai nấy đều thức gần hết đêm ấy, lo sửa sửa một mâm cỗ bàn thịnh soạn, cúng tạ tổ nghiệp và cầu xin tổ sư phò trợ hai đêm diễn tuồng tiếp theo được thành công mỹ mãn.

Nhưng, hai đêm sau tiếp diễn vở tuồng Lữ Bố-Điêu Thuyền trên đôi bờ bến nước Thanh Bôi bị bãi bỏ vì cái chết vừa rồi của Quan Một Tây, người cai quản xứ thượng du Trà My.

Và, đêm diễn vở tuồng dang dở ấy cũng là đêm hát bội cuối cùng ở quê tôi. Bởi từ đó chiến tranh hận thù chết chóc, ly cách, thương đau ập đến với bà con quê nhà. Sau ba mươi năm, khi ngưng tiếng súng tiếng bom đạn, thì lớp người mê hát bộ thời buổi ấy hầu như đã quá vắng, còn sót lại những người thuộc lớp trẻ, họ chỉ thích bộ môn giải trí cải lương tân nhạc, kịch nghệ mà thôi. Nên chi, những gánh hát bộ Bình Định, Châu Ổ... chẳng khi nào thấy léo hánh về quê tôi một lần nào nữa./.

Nguyễn Đình Từ Lam

* Sông Thanh Bôi chỉ là một khúc của con sông Tiên thuộc huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Sông Thanh Bôi xưa kia có bến đò Thanh Bôi nổi tiếng đẹp mơ màng.

** Bến giữa dòng sông tức là sân khấu nổi ở trên mặt nước sông.

Chỉ là giấc mơ

Lê Thị Hoài Niệm

Ông nghe có tiếng chuông gọi cửa, muốn nhờ bà vợ ra cửa xem ai đến, vì ông đang lơ ngơ sắp xếp lại mấy quyển sách, nhưng nhìn tới nhìn lui thấy vắng bóng bà, ông uể oải đứng dậy từ từ ra phía cửa.

Cánh cửa được mở toang, sự ngạc nhiên đến tận cùng làm ông muốn ngã quỵ xuống. Trước mặt ông, một người đàn ông trung niên, tuy ốm, nhưng có vẻ rắn chắc với hàm râu lởm chởm nơi cằm, đang có vẻ hồi hộp như chờ đợi ông mở lời để được bước vô nhà, nhưng ông thì cứ đứng sững và không nói được tiếng nào. Cuối cùng thì chính người đàn ông lên tiếng dè dặt sau khi để cái túi xách trên vai xuống:

- Ba cho con vô nhà ghen ba!

Ông giựt mình và đứng né sang một bên nhưng đầu óc vẫn còn ở đâu đâu, ông ấp a ấp úng:

- Vô! Vô đi con, con về...?

Ông bỏ lửng câu nói trong khi người đàn ông lách mình bước vào phòng khách, Anh nhìn quanh quất như muốn tìm kiếm một điều thân quen nào đó trong căn nhà xa lạ này.

Ông bước theo sau người đàn ông với vẻ lão đảo, những giọt nước mắt mừng vui đang cấu thành trong đôi mắt già của ông, ông muốn đến thật gần người đàn ông và ôm anh ta vào lòng thật chặt, ông ôm giọt máu của chính mình sau bao nhiêu năm dài ông rất muốn mà chưa bao giờ có cơ hội, nhưng rồi ông đến gần và chỉ vào cái ghế:

- Con ngồi xuống nghỉ đi con...,con..., con có mệt không? Sao con về mà không báo cho ba má biết?

Cố gắng lắm ông mới hỏi một câu thật dài và chờ đợi câu trả lời từ người đàn ông trẻ.

- Con muốn cho ba má sự ngạc nhiên, và lại ở đó sáng nay người ta mới đọc tên con mà!

- Ba mừng quá, cuối cùng thì ngày tháng ba má chờ đợi cũng đã tới, cảm tạ ơn Chúa cho con về với gia đình.

Người đàn ông trẻ lên tiếng hỏi:

- Má đâu? Nãy giờ con ngóng tìm mà không thấy?

Ông quay vào trong gọi lớn:

- Mình ơi mình, ra đây xem ai về đây nè.

Có tiếng dép từ từ đi ra và có tiếng đàn bà:

- Có khách nào đến mà mình réo dữ vậy?

Nhưng khi bà bước đến gần cái sô-pha, và nhìn thấy người đàn ông trẻ vừa đứng dậy khiến bà từ từ khụy xuống:

- Má! Má! Má có sao không?

- Mình! Mình có sao không? Những tiếng hỏi hốt hoảng lo lắng từ hai người đàn ông giúp bà thở mạnh ra và gượng đứng dậy theo cánh tay rắn chắc của người đàn ông trẻ.

- Sao con về mà không báo tin cho ba má biết để đi đón con? Bà cũng lặp lại câu hỏi của người chồng lúc sớm.

- Họ cho con về bất thành linh, nên không cho mình biết trước. Con theo xe họ đưa về thành phố rồi lấy taxi về nhà sớm cho ba má... mừng.

Chữ mừng người đàn ông bỏ nhỏ, như có điều gì e ngại.

Bây giờ người đàn bà mới đến gần người đàn ông trẻ và bà sờ mó khắp người, hai tay bà ôm vòng người đàn ông trẻ mà nước mắt doanh tròng, bà vuốt ve triu mến, xoa xoa mái tóc ngắn cũn cõn trên đầu rồi siết thật mạnh, người đàn ông trẻ cứ thút thít mà không khóc thành tiếng, trong khi ông già thì cứ xuýt xoa:

- Ba cảm tạ ơn Chúa, cuối cùng thì con cũng được về nhà.

Người đàn bà buông người đàn ông trẻ và nắm tay dắt đi:

- Con vô tắm rửa cho sạch sẽ đi, để má... vô bếp kiếm cái gì cho con ăn, chắc con đói rồi. Con có... quần áo gì không? Ba má không biết con về nên chưa đi sắm sửa... Hay con lấy quần áo của ba mặc đỡ nhen. Bà nói một hơi không cho người được hỏi có cơ hội trả lời.

Xoay qua ông chồng bà cầu cứu:

- Mình đi lấy cho con bộ đồ nào mặc trong nhà cho nó thay, cho nó thoải mái một chút.

- Dạ con chưa đói lắm, Ba khỏi lấy đồ, con cũng có đem về ít quần áo mà ba má đã đem vào cho con mỗi lần lên thăm đó, còn nhiều con để lại trong đó cho mấy bạn...

Trong khi người đàn bà dắt con trai đi vào nhà trong, ông ngồi thừ người ra ghế sô-pha và bao nhiêu hình ảnh cứ hiện ra mồn một trước mắt.

Tiếng máy tiện chạy ầm ầm nhưng ông vẫn nghe được tiếng nói của người leader:

- Anh lên văn phòng đi, có tin khẩn gì từ ty cảnh sát báo cho anh đó.

- Chú nói gì? Cái gì mà có ty cảnh sát trông? Tui đâu có... uống rượu lái xe ầu hời nào?

- Ai mà biết, thằng Sherman nó bảo em đi gọi anh lên nhận tin chứ em đâu có biết gì.

- Đùa với chú mấy thôi. Ông vừa nói và cũng vừa kéo tắt nguồn máy đang chạy rồi xếp lại mấy dụng cụ cho gọn gàng và gửi lời cảm ơn người đã báo tin cho ông biết.

Đường lên văn phòng phải qua hai khu vực nhà máy, rồi đi qua một dãy hành lang dài của bộ phận lắp ráp, cuối cùng mới đến văn phòng chính của hãng.

Thấy ông bước vào, bà trưởng phòng Cindy người Mỹ trắng, niềm nở chào hỏi và mời ông ngồi. Như có điều gì bất ổn, ông có linh cảm như vậy khi thấy bà xuýt xoa chấp hít vài tiếng trước khi từ tốn nói với ông:

- Tôi rất lấy làm tiếc mà phải cho Tom biết tin này, tin từ ty cảnh sát mới gọi đến. Ngừng một lát bà mới tiếp:

- Thành thật chia buồn với Tom và gia đình, tôi...; bà ngập ngừng rồi nuốt nước bọt như để lấy thêm can đảm và ngồi thẳng người lên nhìn vào ông mà chậm rãi từng tiếng:

- Con trai của Tom vừa bị cảnh sát vào trường bắt đi, vì tình nghi liên can tới một vụ... gì đó. Bà Cindy cố làm nhẹ vụ việc dù bà được cảnh sát báo trực tiếp cho biết là con ông đã liên can đến một vụ “cướp của giết người”, nên họ mới đến tận trường học mà bắt rồi còng tay dẫn đi.

Như sét đánh ngang tai, ông chồm người tới trước và lắp bắp hỏi lại:

- Bà nói sao? Con trai tôi vừa bị cảnh sát vào trường học bắt đi, nhưng họ có nói nó có tội gì không?

Bà Cindy ngập ngừng thương cảm người nhân viên hiền lành đang ngồi trước mặt, mà đang rơi vào hoàn cảnh khó khăn nghiệt ngã.

Bà ân cần nhỏ nhẹ:

- Chuyện đâu rồi còn có đó, tôi khuyên Tom hãy nhờ luật sư can thiệp cho cháu; cháu đang tuổi vị thành niên, có sai lầm gì rồi cũng có thể cải huấn được.

Bà nói rồi đứng lên lại gần và vỗ nhẹ lên vai ông.

- Tom thu xếp về nhà sớm đi, báo tin cho người nhà biết mà còn lo liệu cho cháu, chúc Tom và gia đình vượt qua cơn khủng hoảng này. God bless you!

Ông đứng dậy, cảm ơn bà Cindy và lão đảo bước đi như người say rượu với bao nhiêu thắc mắc đang chạy lung tung trong đầu của ông. thằng Davis bị tội gì? Nó đang đi học mà sao cảnh sát lại vào trường bắt dẫn đi? Nó ở nhà hiền lành lắm mà, nó đã chơi với những bạn bè nào thì ông cũng đã từng biết, nhưng nó gây sự với ai? Bao giờ? Mà sao vợ chồng ông không hề hay biết...? Hay là vợ ông biết mà giấu nhem không cho ông hay...?

Những người bạn làm cùng phòng thấy ông trở về với vẻ mặt thất thần, buồn bã, họ muốn hỏi đã xảy ra điều gì cho ông, nhưng thấy ông cứ cúi đầu im lặng và dọn dẹp đồ nghề rồi lẳng lặng ra về, nên họ cũng lảng xa và ai về chỗ nấy mà chưa có lời hỏi han hay có lời an ủi đến với ông.

Và con ông đã vào tù khi tuổi vừa mười tám. Bị kêu án “chung thân”. Tội con ông quá nặng, dù lúc xảy ra án mạng, con ông chỉ là “đồng phạm” đang còn tuổi vị thành niên.

Trại tù nằm rất xa thành phố. Nhưng đã mấy chục năm trôi qua, vợ chồng ông cũng đã lặn lội đến thăm vào những ngày Chủ Nhật. Nhìn con ông lớn dần trong tù, ông đau xé ruột gan. Nhiều lần ông tự hỏi chính mình, tại sao con ông ra nông nổi? Ông bà đem con vượt thoát trong những ngày đau buồn của cả nước, khi con ông vừa mới lên ba tuổi. Những ngày đó ông phải trực bay trong đơn vị, vợ ông ẵm đứa con đầu lòng theo đoàn người di tản ra Côn Đảo, và ngày cuối cùng khi Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng giặc, vợ ông đã rất cực nhọc ẵm thằng con trai ba tuổi lội bì bơm vượt lên những con sóng bạc đầu, cố leo lên con tàu buôn há mồm đang ra tay cứu giúp những con người, đa số là đàn bà và con trẻ đang kẹt cứng trên vùng đất côn đảo này. Và may

mắn gia đình ông được “đoàn tụ” ngay trên đê thất hạm đội, rồi được sang đảo Guam.

Sau mấy tháng trong trại Fort Chaffe, vợ chồng ông được bảo trợ về tiểu bang miền nam nắng ấm. Tại đây vợ chồng ông cũng gắng sức đi làm để cho con có những gì chúng cần trong cuộc sống mới. Rồi gia đình ông cũng thêm người, cuối cùng thì bốn đứa con có trai có gái, bạn bè nói gia đình ông có phúc, và thằng Davis là đứa con lớn nhất đang còn năm cuối là vào đại học rồi. Ông cố gắng chăm lo cho mấy đứa con thật đầy đủ từ tinh thần đến vật chất trong điều kiện có thể. Cuối tuần ông cũng chất cả gia đình lên chiếc xe van rồi chở đi chỗ nọ chỗ kia, hay đi xem hát xiếc, movie nếu không phải làm overtime.

Nhưng khổ nổi, đám con ông thì càng ngày càng lớn, nhiều lúc chỉ muốn đi chơi riêng với bạn bè chứ không muốn gần cha mẹ, nhất là thằng con lớn Davis, nó chưa có bạn gái nhưng bạn bè cùng cỡ thì nhiều, có lúc ông gặp bọn nó đến nhà chơi, mấy đứa nhỏ mới nhìn qua cũng thấy hiền lành, nên ông tin tưởng vào con mình cũng ngoan ngoãn như ông nghĩ. Có đôi lần vợ ông nói hớ rằng con ông chơi với đám bạn biết hút thuốc và xài đồ hiệu, bà biết nhưng cứ nghĩ... không sao, vì bà là chủ tiệm rượu có tiền, cứ cho nó là xong, vì đối với bà, tiền là trên hết. Và nó, thỉnh thoảng bà cũng thấy nó có nhiều tiền, có lần bà tò mò hỏi nó tiền ở đâu con có? Nó cứ cười cười và nói nó làm thêm và bà tin điều nó nói. Lần đó, khi ông biết bà giấu ông về chuyện bà cứ cho con tiền để nó xài hoang phí, ông giận bà một thời gian, nhưng rồi tình nghĩa vợ chồng khi bà khóc lóc năn nỉ, ông đành bỏ qua.

Nhưng rồi con ông đã sa ngã và đi vào tù tội, dù ông đã cố gắng nhờ luật sư can thiệp, nhưng tội rành rành làm sao thoát được.

Để rồi mỗi lần vào nhà tù thăm con, hình như con trai ông không mặn mà gì với mẹ nó.

Và hôm nay một người đàn ông trung niên đã về ngôi đây, nổi mừng vui của ông bùng vỡ. Con ông đã thoát hẳn cảnh tù tội, dù đã mấy mươi năm rồi còn gì? Nhờ những ngày trong tù, con ông biết... tu tỉnh học hành, cũng lấy được tấm bằng luật sư, và biết giúp đỡ những bạn tù; nói chung là một tù nhân gương mẫu nên được giảm án. Rồi nó sẽ sống ở đây với ông bà, ông bà sẽ chăm lo đời sống cho khoảng đời còn lại của nó, thay vì nó lo cho ông bà lúc về già, và nó sẽ tìm việc để làm, và biết đâu ông sẽ đi tìm và cưới vợ cho nó nữa.

Bà làm một bữa tiệc rất thịnh soạn để chào mừng ngày con trai lớn trở về đoàn tụ với gia đình. Đáng lẽ đi ra nhà hàng, nhưng ông bảo ở nhà ấm cúng hơn, mấy đứa con khác của ông cũng muốn như vậy.

Người đầu tiên đến là con Jannice và chồng, chúng nó đem đến cho anh nó một lô quần áo hàng hiệu, thằng Davis cầm túi đồ mà rung rung nước mắt, nó nghĩ em nó cũng thương nó nhiều lắm nên đã bỏ công đi sắm sửa quần áo cho nó.

Bác sĩ Henry và vợ vừa vào cửa là hỏi đủ chuyện về anh nó. Về hồi nào? Cuộc sống ra sao? Có học được một ngành nghề gì lúc còn ở trong tù không? (Dù Ba nó thỉnh thoảng cũng cho nó biết sơ sơ). Rồi tương lai anh có dự định làm gì? Một lô câu hỏi

dồn dập khiến Davis không biết trả lời câu nào trước câu nào sau đành im tiếng, nhưng có một nỗi buồn thoáng qua, dù được Henry tặng cho một máy computer mới toanh.

Người cuối cùng là con Brenda. Nó đến với hai đứa con nhỏ, nó bảo chồng nó bận đi làm “overtime” nên không đến được, nó có mua quà cho anh nó một cái Iphone mới nhất, và trao ngay cho Davis mà không cần biết anh nó có muốn nhận hay không?

Cuộc trùng phùng vui vẻ trong một không gian ấm cúng của gia đình, đã cho ông một niềm vui không kể xiết. Ông ngồi nhìn anh em chúng nó nói chuyện thăm hỏi nhau như chưa có một lần chia cách khiến ông mừng quá đỗi. Phải vậy chứ, dù gì thì Davis vẫn là thằng con lớn nhất trong nhà, dù thằng Henry có là bác sĩ, dù con Jennice có giàu tiền muôn bạc triệu với cái nghề buôn bán nhà cửa và có cái shopping riêng, dù con Brenda có hai ba tiệm nail, thì chúng nó vẫn là em của Davis, vẫn phải nể mặt anh nó theo thứ tự trong gia đình.

Thằng Davis được ông bà cho chiếc xe cũ, dù đó là chiếc Lexus mà bà thích nhất, được mua từ lúc bà bán tiệm, nghỉ làm, để hai ông bà đi du lịch đó đây cho rộng rãi, thoải mái, chứ ông vẫn lái chiếc xe cũ hằng ngày. Ông bà cũng đi mở cho thằng con một account ngân hàng cho nó có tiền đồ xăng và xài vặt.

Bữa cả nhà ông ngồi lại để bàn và hoạch định tương lai cho thằng Davis; con Jennice và Henry chẳng biết góp ý như thế nào, dù anh nó có cho biết là trong tù cũng có học thêm và có bằng luật, dĩ nhiên tiếng Mỹ thì nó rành quá rồi, vì coi như là ngôn ngữ chính của nó mà, từ trường học hồi trước và cả trong tù đều dùng tiếng Mỹ nên không còn trở ngại gì trong cuộc sống, và tiếng Việt

nó cũng rất khá, tuy giọng nói có hơi cứng một chút, vì được học từ một người bạn lớn tuổi trong tù, ông nguyên là một thầy giáo hồi còn bên nhà, nhưng bị tội “giết vợ” nên ở tù chắc không có ngày ra.

Cuối cùng nghe con Brenda bảo anh nó đi học làm...nail tạm thời, và cố gắng đi thi để lấy cái bằng, rồi vào tiệm của nó mà làm, vì công việc có sẵn mà coi bộ nhẹ nhàng hơn là đi làm công ty hay hãng xưởng, với lại tiệm của nó làm chủ thì anh nó cũng được đối xử đàng hoàng hơn là đi làm bên ngoài, với lý lịch từng ở tù vì tội hình sự mới được thả ra, người ta sẽ nhìn với đôi mắt không được thiện cảm.

Ông bà ngồi nhìn các con sắp xếp và bàn định tương lai cho đứa con trai lớn đầu vào đó, thấy mừng rỡ trong lòng. Ít ra gần cuối đời, gia đình không còn cảnh ly tán nữa, rồi đây ông bà sẽ tìm mỗi mai để tìm vợ cho Davis; nếu đến cùng mà không có cô gái nào ở Mỹ, ông bà sẽ đưa nó về... Việt Nam, vì bạn bè ông bà cũng còn nhiều bên đó, nhờ họ tìm giùm một cô gái để cưới cho con chắc cũng không khó khăn gì, vì con gái VN bây giờ, người nào cũng muốn sang Mỹ mà. Bạn bè của ông cũng đã có nhiều đám cưới vợ từ VN vậy, nhưng có người hên gặp cô con dâu tốt, có tình nghĩa, ăn ở phải đạo với chồng và gia đình chồng, nhưng cũng có cô sang được Mỹ rồi là bắt đầu tung tăng bay nhảy và... nhảy luôn ra khỏi gia đình nhà chồng mà không lời từ giã. Nhưng đó là phước đức của mỗi gia đình, hy vọng con ông sẽ gặp nhiều may mắn hơn trong cuộc đời còn lại.

Ông lắc lắc cái đầu, vì mình đã nghĩ quá xa về cuộc sống hiện tại của đứa con trai lớn, trong khi chưa biết nó quyết định thế nào.

Thằng Davis này giờ ngồi im lặng lắng nghe các em của nó góp ý và lên kế hoạch tương lai của đời nó, nó cảm động rơm rớm nước mắt; nó không ngờ ngày trở về của nó lại ảm cúng thế này. Những ngày còn trong tù, nó sống cho qua ngày tháng với những bạn bè đồng cảnh ngộ với nó, cũng có một số người Việt Nam, tội nó... hung tợn lắm, xâm tay xâm khắp mình mẩy, mới nhìn đã thấy ớn lạnh. Tội nó mỗi lần nói chuyện là văng tục, vì chúng bắt cần đời, có đưa còn không muốn ra ngoài, vì bọn nó không còn gia đình nên sợ ra tù làm sao mà sống nổi. Nhưng cũng có nhiều đứa hiền lành, qua một thời gian dài bị... hành hạ cực khổ của nhà tù, đã thuần thục và rất biết điều, chỉ sống chờ ngày trở về đời sống hiền lương, chính trực.

Ông ngồi nhìn con và cố đọc suy nghĩ của nó, ông biết nó rất tủi thân khi trở về phải... thua xa em út, tuy mỗi lần ông bà đi thăm, vẫn cho nó biết các em nó sống ra sao. Nhưng khi gặp thực tế, nó sẽ có sự so sánh và rồi sinh ra tự ti mặc cảm, bất mãn rồi buông xuôi, đó là điều ông lo sợ mà không dám tỏ bày với ai.

Thằng Davis đi đến tiệm của con Brenda thử việc được mấy bữa, nhưng rồi bữa nay nó về sớm với nét mặt buồn buồn. Ông vặn hỏi nó mãi, nó mới tâm sự rằng nơi đó không hợp với nó, rằng chỗ đó nhiều đàn bà và họ cũng nhiều chuyện nữa. Họ không tế nhị như nó nghĩ, mà họ ăn nói bạt mạng, họ tò mò về đời tư của nó, họ nói bóng nói gió sau lưng rồi cười cợt làm nó vô cùng khó chịu, nên nó... không muốn tập tành làm ở đó nữa nên bỏ về sớm.

Bữa cơm chiều nay có món cá chiên dầm nước mắm gừng mà nó rất thích từ lúc xưa còn ở nhà, với canh rau thập tàng nấu tôm

tươi chung với mấy trái mướp sau vườn; bữa cơm đơn sơ nhưng thằng Davis coi bộ thích lắm, nó ăn nhiều thật nhiều như chưa bao giờ được ăn, bà vợ ông cứ ép cho nó ăn thêm. Nói chung vợ chồng ông cố gắng hết sức để cho thằng con đỡ thấy tủi thân, không cảm thấy cô đơn, tẻ lạnh khi trở về nhà.

Bữa cơm chưa xong thì có tiếng gọi cửa, ông thư thả ra mở cửa trong khi con Brenda ào vào nhà và la toáng lên:

- Anh làm gì mà giận dỗi bỏ về vậy? Mấy đứa nó hỏi đùa một chút có chết ai đâu?

- Nhưng anh không thích họ đùa cợt như vậy?

- Làm tàng vừa thôi, anh mới ở tù về thì tụi nó tò mò hỏi cảnh trong tù thôi, chứ có làm gì đâu?

- Nhưng anh...

Thằng Davis bỏ lửng câu nói, ngồi im, trong khi con Brenda lên giọng người chủ tiệm làm thầy đời với anh nó, nó kể tội anh nó... làm tàng; nào là mới ở tù ra mà làm bộ nghiêm trang, đứng đắn, tụi nó hỏi trong tù đã có bồ bịch gì không mà cũng khó chịu? Nào là có bằng luật sư trong tù thì đã sao? Ra ngoài đi làm ai mà mướn? Nó nói liên miên cả hai thứ tiếng, có lúc còn hỏi anh nó, "You think who you are?" Trong khi ông bà thì cứ ngồi chết trân, ngó sững vào cô con gái mà chưa biết phản ứng như thế nào. Nhưng rồi ông tức quá, ông đứng phắt dậy và muốn trấn áp những lời nói khó nghe của con Brenda dành cho anh nó, ông đập bàn và cổ hét thật to:

- Mày có im đi không! Im đi! Im đi! Shut up!

- Mình ơi! Dậy đi! Dậy đi! Làm gì mà la hét thật to còn quơ tay lung tung vậy?

Bị bà vợ lay lay người và cố đánh thức ông, ông mở mắt ra vẫn thấy mình đang nằm trên giường, trong khi bà vợ không ngừng hỏi tới:

- Nằm mơ thấy gì mà mình hét to quá vậy? Cả tiếng Mỹ nữa, mình có sao không?

Ông ngồi dậy, lấy hai tay dụi mắt và thần thờ trong lúc nhìn lên trần nhà với cái quạt máy đang từ từ quay chậm. Ông thở dài trong tiếc nuối.

- Mình vừa đánh tan giấc mơ dài của tôi.

- Thì em đâu có biết mình mơ gì, chỉ nghe mình la hét quá rồi quơ tay làm em giật mình tỉnh giấc, lay người cho mình tỉnh lại thôi, mà mình mơ thấy gì vậy? Ác mộng hả?

Ông không trả lời bà, chỉ lẩm bẩm tự hỏi:

- Chỉ là giấc mơ? Chỉ là giấc mơ?

Ông buông xuôi thở dài và xuống giường, đi tìm nước uống để nghĩ về đứa con trai đang ở trong tù, vừa trở về trong giấc mơ dài của ông, nhưng chưa biết ngày nào được về thật trong đời sống?

Lê thị Hoài Niệm

Đánh Rơi Hạnh Phúc

Linh Vang



9 giờ 30 phút sáng ngày 30 tháng 4, năm 1975. Đài phát thanh Sài Gòn phát lời Tổng Thống Dương Văn Minh:

“Tôi, Đại tướng Dương Văn Minh, tổng thống chính quyền Sài Gòn, kêu gọi Quân

Lực Cộng Hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện quân Giải Phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn. Đường lối, chủ trương của chúng tôi là hòa giải và hòa hợp dân tộc để cứu sinh mạng đồng bào. Tôi tin tưởng sâu xa vào sự hòa giải giữa người Việt Nam để khỏi phí phạm xương máu người Việt Nam. Vì lẽ đó, tôi yêu cầu tất cả các anh em chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa hãy bình tĩnh, ngưng nổ súng, và ở đâu, ở đó. Chúng tôi cũng yêu cầu anh em chiến sĩ Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam ngưng nổ súng vì chúng tôi ở đây chờ gặp Chánh phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam để cùng nhau thảo luận về lễ bàn giao chính quyền trong vòng trật tự và tránh sự đổ máu vô ích của đồng bào.” (1)

Lịch sử Việt Nam đã sang trang. Giờ phút đó, chàng đang ngồi ở phòng khách nhà nàng. Cha nàng còn ở ngoài Trung. Mẹ nàng thì đang bôn ba tìm tin tức về ông. Hai đứa em nhỏ của nàng còn hồn nhiên giành đồ chơi, la ó. Nhà đông đúc bà con nội ngoại từ ngoài Trung chạy vào và Cao Nguyên chạy xuống, đang tá túc. Người lớn, vẻ mặt lo âu, đang lắng nghe radio. Chàng rủ nàng đi, ý định này chàng đã đề cập với nàng cả tuần trước đó. Những phương tiện hy vọng đi được: Tới tòa đại sứ Mỹ. Vào phi trường Tân Sơn Nhất. Ra bến tàu. Nàng chưa dứt khoát. Hai người yêu nhau nhiều năm, nhưng nàng vẫn chưa nhận lời cầu hôn của chàng. Thời điểm này chưa có gì là của nhau, trên mặt giấy tờ, nàng đã không quyết định được. Mặt nàng buồn xo, muốn khóc mà không khóc nổi.

Từ nhà nàng bước ra, chàng chỉ biết là phần mình phải tìm cách đi thôi. Con hẻm chật hẹp đã có nhiều chú lính ngố mặc quân phục miền Bắc cầm súng đứng ngơ ngác. Súng nổ lẻ tẻ đâu đó. Ngoài đầu hẻm, có một ông nằm chết, máu trên người còn tươi. Người người ngược xuôi, không ai buồn để ý. Ngoài đường lớn, mũ, áo quần của lính VNCH được vất rải rác đây đó. Một bé gái chừng năm, sáu tuổi đi lạc, đứng khóc thảm thương, cũng không ai dừng lại hỏi han xem con cái nhà ai, làm sao mà đi lạc. Chàng có dừng xe lại, nhìn thoáng qua nó, rồi cũng tiếp tục phóng xe vespa đi. Lựu đạn nổ ở đâu đó, đã nghe mùi khét lẹt. Có nhà hắt là chủ đã bỏ đi bị thiên hạ hôi của, chạy vô chạy ra, khiêng đồ đạc, những gì có thể khiêng được.

Chàng chạy ra bến tàu, may mắn leo lên được tàu Trường Xuân giữa cảnh người hỗn độn, chen lấn. Tàu rời bến xế chiều

ngày 30 tháng tư, năm 1975 với gần 4 ngàn người đủ thành phần – giai cấp, nam nữ, già trẻ, lớn bé. Con tàu trải qua bao gian nan, khó khăn, rồi cũng ì ạch ra khỏi hải phận Việt Nam và đến được HongKong. Chờ đợi ở đó chừng năm tháng, chàng được nước Mỹ nhận, cho vào định cư.

Về gia đình nàng cũng như cả phần lớn người dân Miền Nam Việt Nam, từ ngày 30 Tháng Tư năm đó, chịu bao nhiêu bão táp sóng gió ào ạt đổ ập tới.

* * *

Trong quán cà phê nhìn ra đường Lê Lợi, một trong những con đường còn may mắn mang tên cũ của trước năm 1975, chàng và nàng gặp lại nhau sau bao năm xa cách. Tóc chàng đã bạc nhiều; tóc nàng cũng vậy thôi, có điều đã nhuộm đen để che giấu màu bạc, nhưng vẫn còn những sợi dài ló ra từ bên trong tóc và những sợi ngắn củn vừa lún phún mọc ra. Nàng vẫn còn nét mảnh mai của ngày xưa; nhưng chàng thì trắng và phát tướng ra, như một ông chủ của một tiệm bán thịt heo quay ở Chợ Cũ, trên đường Hàm Nghi. Thật ra, là do chàng ở xứ lạnh thiếu ánh mặt trời, mà chàng lại ít hoạt động, không thích tập thể dục. Đôi mắt nàng vẫn đen to, nhưng có nét mệt mỏi, buồn buồn. Chàng nhận ra ngay sự thay đổi này, nhìn nàng có chút ái ngại.

Nàng đã có sự chọn lựa – tình yêu và lối sống. Ngày đó, nàng bảo là nàng có yêu chàng nhưng còn trẻ quá để nhận lời cầu hôn, và nàng đã từ chối hai lần lời cầu hôn của chàng. Trong tình yêu, ai chẳng muốn mình sống bên cạnh người mình yêu. Tình yêu của

nàng cho chàng không đủ mạnh để nàng nhận lời cầu hôn chẳng? Rồi biến cố 1975 đã không cho chàng có thêm một lần nào để cầu hôn nàng nữa. Chàng chạy được ra nước ngoài. Nàng bị kẹt ở lại. Họ bắt tin nhau vài năm. Chàng nghe tin nàng đã lấy chồng - qua một người bạn. Nhớ ngày đó, chàng buồn lắm, bỏ buổi làm, ra quán rượu ngồi uống một mình, một cái *tavern* Mỹ mà trước đó chưa bao giờ chàng vào, thường thấy đông khách và trước quán đậu nhiều chiếc xe mô tô Harley. Không lâu sau đó, chàng cũng lấy vợ, vợ sinh con đẻ cái; cả chồng vợ đều tất bật với những lo toan của đời sống. Cả chàng và nàng đều không ai tìm ai, dù đôi lúc có nghĩ tới nhau.

Một ngày bất ngờ, lại qua một người bạn khác, từ một địa chỉ e-mail, họ có đường dây để liên lạc lại. Rồi những cú phôn. Vài lần “facetime”, không nhiều, vì nàng ngại ngùng, sợ chàng nhìn gần, thấy quá rõ khuôn mặt đã tàn phai của nàng. Nhưng cũng chỉ là những thăm hỏi thông thường, không đi sâu vào đời nhau. Nàng không hỏi: Anh sống có hạnh phúc không? Chàng không hỏi: Em sống có hạnh phúc không? Vì ai cũng ngại, ngại gì thì không nói ra, nhưng cả chàng và nàng đều mơ hồ là không nên. Nàng không còn bị ràng buộc gì nữa, cũng được mấy năm rồi sau một hôn nhân đầy trắc trở; nàng đã bất hạnh gặp phải một người chồng rất vũ phu; và phải khó khăn lắm, nàng mới thoát ra được vòng kiềm kẹp của người ấy. Khi thoát chạy được, nàng không bao giờ dám quay đầu nhìn lại. Cho dù ra đi với hai bàn tay trắng, bỏ cả đứa con thương yêu của mình với người chồng cũ. Vì nó là cháu nội trai duy nhất của đại gia đình ấy, cháu đích tôn, nên họ không cho nàng dẫn theo. Một câu nói của bà mẹ chồng như hù dọa nàng, “Phải để cho chúng tôi nuôi, nếu cô muốn yên thân.” Họ có tiền,

và qua những năm sống chung với gia đình giàu có và quyền hành đó, nàng biết là họ có thể làm bất cứ điều gì.

Về người chồng cũ của nàng, nhìn Phúc thì không ai biết được bản chất của con người ấy. Cao ráo, nước da ngăm, nụ cười nửa miệng, ăn nói nhẹ nhàng. Bởi vậy nàng mới lắm, mới nhận lời kết hôn. Mà có lẽ đúng thời điểm đó, nàng cần một người đàn ông để có chỗ nương tựa nữa; vì gia đình nàng không còn ai, cha mất không bao lâu trong trại cải tạo, mẹ lấy chồng khác, rồi theo chồng về Pháp (ông dựng có quốc tịch Pháp), đưa hai em nàng đi theo, còn nàng thì bị bỏ lại. Cô sinh viên Văn khoa duyên dáng ngày nào giờ buộc phải bươn chải tự kiếm sống. Và sống ở Việt Nam vào thời bao cấp không phải là dễ. Có nhiều lần nàng tưởng nàng sắp sa chân vào bùn lầy. Đã làm đủ nghề để sống. Giữ xe đạp, gắn máy; buôn thuốc lá; buôn cà phê; đan thuê (vụng về học những mũi đan đầu tiên), phụ làm bánh Trung thu để bán. Đạo buôn cà phê, một lần từ Đà Lạt về, nàng ngồi cạnh một bà bác, bác thấy nàng còn trẻ, xinh đẹp, nên đã khuyên nàng, “Con đừng đi buôn đường xa nữa, thân gái một mình không tốt, ngay cả tài xế xe lơ cũng có thể bắt chẹt mình được.” Và bác kể, có lần xe đồ ngừng, bắt hành khách chờ đợi sốt ruột, để tài xế dẫn một cô nọ vào rừng, làm chuyện gì thì hẳn con đã đoán biết rồi. Mình đi buôn lậu, làm sao mà chúng không biết cái tây của mình. Xe có hư dọc đường ngay khu rừng vắng vẻ, thì mình cũng không biết là có hư thật hay không.

Sau khi liên lạc được nhau, một lần chàng gửi tiền giúp nàng, đã hỏi nàng:

“Em sống ra sao?”

Nàng trả lời:

“Em nhận lần này, nhưng anh đừng gửi nữa vì bây giờ, về mặt cơm gạo áo tiền, thì em cũng đã ổn định.”

Một ngày của hơn ba mươi năm sau, chàng quyết định về thăm Việt Nam, về một mình, để cho nàng biết là chàng vẫn yêu nàng hay để biết lòng dạ của chính chàng. Về lần đầu! Chàng không còn thấy Sài Gòn xưa cũ nữa, mà nó đã thay đổi quá nhiều. Quá xô bồ, đường phố, người người ngược xuôi, xe gắn máy ngộp đầy, làm chàng chóng mặt. Những cô gái chạy xe gắn máy, bịt mặt kín vì tránh khói bụi ô nhiễm, người ta chỉ còn thấy được đôi mắt của họ, như những *ninjas* thời đại. Và chàng nhìn nàng mong tưởng như nhìn Sài Gòn xưa cũ - một thời mà con đường Trần Quý Cáp (bây giờ đã bị đổi tên) còn cây dài bóng mát với hai hàng me cao. Cả hai khi đó còn trẻ lắm. Chàng mới ra trường, mới vào đời, vừa có việc làm, sống một mình ở thành phố, còn gia đình chàng ở dưới quê; và nàng còn học năm thứ ba Văn Khoa. Giờ đây, không thấy gì cảnh cũ, người xưa. Nàng như đọc được tâm trạng của chàng, nghĩ thầm, Sài Gòn đã không còn như xưa, và như vậy thật sự có lẽ chàng đã không còn yêu mình. Đúng không Quân?

Chàng nắm bàn tay gầy guộc của nàng, hỏi nhẹ:

- Bao năm qua em sống như thế nào? Có hạnh phúc không?

Nàng không trả lời thẳng câu hỏi của chàng, mà hỏi lại chàng:

- Thế nào mới cho là có hạnh phúc?

- Với anh, không vui không buồn. Là đủ hạnh phúc rồi.

Trong câu trả lời của chàng, nàng không đoán được chàng có hạnh phúc hay không, vì cuộc sống của chàng nghe kể cũng có lúc lên, lúc xuống; lúc thành công, lúc thất bại trong việc lo nuôi sống gia đình; mấy đứa con học giỏi, rất ngoan. Về người vợ, chàng lại ít đề cập tới. Không biết chị ấy có đẹp hay không.

- Dù thế nào, bây giờ anh cũng không thể cầu hôn em được nữa.

Nói xong - một câu nói nửa như trách móc, nửa như vui đùa – chàng lại cười, sao ngày ấy em làm cao quá, Hà nhi?

Nàng biết, một hạnh phúc mà nàng đã có thể có trong tay, mà nàng đã đánh rơi. Đã không nhận lời cầu hôn của chàng, đã không theo chàng chạy ra khỏi Việt Nam vào cái ngày cuối Tháng Tư năm ấy. Hai người đã có thể cùng nhau có một mái ấm gia đình với vài đứa con ngoan, xinh đẹp. Nàng tự trách mình. Giờ quá muộn màng!

Mưa giăng giăng, rồi nặng hạt, đã bắt đầu tạt vào chỗ hai người ngồi ở hiên quán cà phê, mà họ lại chưa muốn đi đâu hay chia tay, nên vào bàn bên trong, ngồi nán. Ngoài đường, những chiếc xe gắn máy chạy vụt qua, thỉnh thoảng mới có một chiếc xe hơi, mọi người ai cũng vội vã như mong về nhà sớm hơn.

- Sài Gòn còn lộn lộn như ngày xưa không em?

- Còn tệ hơn nhiều, ngồi một hồi anh sẽ thấy nước dâng lên; nhưng không ai có một phương pháp nào để cải thiện, dù Việt Nam có không biết bao nhiêu là ông tiến sĩ!

Nàng bật cười nói thêm:

- Tiến sĩ chạy xe ôm, tiến sĩ đi giao hàng, đi giao thức ăn. Hay tiến sĩ chi chi đó mà về quê giúp cha mẹ làm rẫy, làm ruộng!

Rồi nàng đưa đề nghị:

- Khi gia đình anh, con cái đã thành người thì anh hãy về sống với em trong những năm cuối cuộc đời.

Một đề nghị viễn vông, mơ hồ. Chàng biết vậy. Một đề nghị như thế chỉ có thể nghĩ ra từ... nàng – một con người luôn sống khác người. Nàng đã đánh mất cái hạnh phúc của nàng, giờ muốn có lại mà không được thì tiếc nuối chẳng? Nhưng có gì bảo đảm trong chục năm nữa? Sức khỏe, những đổi thay trong tình cảm? Chàng đã từng thấy một người bạn của chàng đã thôi vợ, sau hơn 30 năm sống chung, có hai con, để quay về với người tình xưa, là bạn học thời Trung học. Nhưng chàng thì không thể làm như thế được, thực lòng chàng không biết chàng còn yêu nàng không, dù trước đây đôi lần chàng cũng đã nghĩ đến vấn đề đó. Con người chỉ sống một lần, sao người ta không sống được theo ý mình nhỉ.

- Làm sao được, em?

Chàng chỉ nhẹ nhàng nói thế để nàng khỏi buồn, vì thật ra, chàng cũng đã đổi thay, cái tình yêu ngày xưa và nhiều năm sau đó chàng dành cho nàng đã không còn nữa. Vì nàng đã không là nàng của ngày xưa. Cũng như Sài Gòn, với bao nhớ nhung khi sống xa nó, giờ chàng nhìn nó như một nơi chốn xa lạ. Như hôm nào, có ghé qua khuôn viên trường Kiến Trúc xưa, có ngôi trường thân yêu cũ, mới đầu chàng nhìn có chút buồn bã, nhưng rồi cũng chẳng có gì luyến tiếc khi bước đi.

Chàng hồi hận là đã về Việt Nam, đã gặp lại nàng, đã nhìn lại Sài Gòn không còn như xưa... Và chàng thất vọng quá! Mọi thứ đã thay đổi quá nhiều. Giữa chàng và nàng, giá gì đừng gặp nhau. Mà thôi! Có như vậy thì lòng chàng mới dứt hẳn những ý nghĩ vu vơ, và tâm tư không còn luyến lưu gì cả - không ai có thể quay lại cuộc sống cũ. Giờ chàng đã nhìn ra, tình yêu dành cho nàng, cái rung động của con tim khi nghĩ tới nàng đã không còn nữa. Ai cũng có đời sống riêng biệt của mình rồi.

Chàng thấy đói bụng, chợt nhớ ra là hai người đã chưa ăn gì, từ lúc gặp nhau. Nhưng chàng lại không muốn rủ nàng đi ăn, rồi ngồi với nàng thêm chút nào nữa. Chàng lên tiếng, để anh đưa em về.

Lúc taxi bỏ nàng nơi nhà trọ, chàng không xuống xe, để nàng xuống một mình. Khi xe bắt đầu lăn bánh, chàng xoay lưng nhìn qua màn kính sau lốm đốm những giọt mưa, thấy nàng cũng quay người lại nhìn theo xe. Rồi bóng nàng thất thểu trong ánh đèn vàng mờ của con đường trước nhà. Chàng bỗng thấy nhói tim, buồn bã, và ái ngại cho nàng, vì biết là nàng sẽ khóc, khóc thật nhiều.

Lần này thì chính nàng sẽ tái tê nhiều hơn chàng, so với lần chia tay năm ấy.

Linh Vang

(1) Lấy từ YouTube: Lời đầu hàng của tổng thống VNCH
Dương Văn Minh

Hồ Xuân

Sương Khói Mờ Dư Ảnh

Cao Trúc Giang

*Hồ xuân sương khói mờ dư ảnh
Phong cảnh mơ màng dậy ý thơ
Lưu niệm này Yên Sơn bám vội
Tắm hình hai đứa dưới sương mờ.
Bên cạnh dòng sông sương giăng kín
Thấp thoáng cây cầu đứng ngẩn ngơ
Nghiêng bóng ôm chầm nàng Thủy Mặc
Tựa yêu say đắm tự bao giờ! @*

Sau mấy ngày sinh hoạt đầu xuân Tân Sửu 2021 tại **Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ** (TT/VBNHK). Yên Sơn đón tôi về nhà nghỉ ngơi để hôm sau ra phi trường trở về lại Cali nắng ấm. Chuyến bay dự trù cất cánh lúc 1:30 chiều. Buổi sáng thức dậy, trời Kingwood đầy sương mờ; sau khi uống cà phê, thấy còn rộng thời giờ, nên Yên Sơn rủ tôi đi ngắm cảnh sông hồ thơ mộng nổi tiếng xứ này, chỉ cách nhà Yên Sơn năm ba dặm đường. Hai anh em lên xe, đi chưa quá 10 phút thì vào bãi đậu, bắt đầu thả bước nhàn du trên đường đến các thắng cảnh. Một cuộc bách bộ thể dục thú vị; băng qua những trắng trống, rồi vào rừng nguyên sinh rợp bóng. Phong cảnh thiên nhiên tĩnh lặng tựa chốn thiên thai.

Từ trong ảo ảnh, nếu là cặp tình nhân hò hẹn đến nơi này vào một chiều thu, lá thu chín ối nhuộm màu. Lá vàng từng chiếc rơi

từng chiếc, vương trên suối tóc nàng đang lững thững bên chàng vào rừng phong thì quả là cặp tình nhân lạc vào xứ mộng! Họ sẽ cảm cảnh sinh tình, con tim sẽ rung động, men yêu đương sẽ bén hương. Hãy thử tưởng tượng nàng nũng nịu nghiêng vai, chàng dang tay đón nàng mảnh mai tựa cành liễu nghiêng xuống hồ thu. Nàng mơ màng, thỏn thức khẽ kêu lên rất khẽ, “Mình ơi! Dù em đi anh!” Ánh mắt đa tình của chàng tựa cánh sao trời như mấy anh lính bay “hào hoa” cỡi mây, vượt không gian bát ngát vào những đêm hè đến tận xứ bông lai tìm tiên nữ. Tim chàng xôn xao rung động; những vòng tay âu yếm, dần dần siết chặt vào nhau. Đôi ái ân căng đầy nhựa sống của nàng, chuyển hơi ấm qua tim chàng như làn sóng “viba” có sức quyến rũ mãnh liệt lạ lùng! Những đôi tay quờ quạng, chàng ngậy ngật hôn vùi lên tóc, lên má nàng, lần xuống uống làn môi thơm nồng nàn hương trinh nữ. Chàng say sưa uống môi nàng; rồi lịm chết ở lưng đôi “ái ân” tợ em bé còn khát vú sữa mẹ không bao giờ chịu thôi! Họ đắm đuối giữa rừng phong, tai như vẳng nghe khúc nhạc tình của Ngô Thụy Miên thánh thót đâu đây:

*“Em có nghe mùa thu mây giăng, gió nhẹ
Em có nghe nai vàng hát khúc yêu đương
Và em có nghe khi mùa thu tới
Mang ái ân, mang tình yêu tới
Em có nghe, nghe hồn thu nói mình yêu nhau nhé!”*

.....

Với cảnh này vật ấy, rừng phong nọ, sông nước hữu tình kia quả là cõi mộng, xứ thơ của Yên Sơn & Ngọc Bích. Họ đã từng đến nơi này để sống lại với bao kỷ niệm dấu yêu xưa! “Nếu có em

chiều nay ta sẽ qua rừng thu - Anh hái hoa tím rắc lên đôi bờ tóc mềm.”

Ảo ảnh mơ hồ trôi qua trong phút giây; hai anh em băng qua những vùng trũng, nước đọng rong rêu dưới rừng trắc bá lác đặc thông xanh. Một công trình thiết kế cầu khỉ ngoằn ngoèo dài gần cả miles, rất nghệ thuật, cũng thu hút khách du trên đường dẫn tới bờ hồ. Từ trên phi cơ nhìn xuống thấy hồ nước mênh mông, bao quanh là rừng xanh bảo vệ nàng *"Hồ Thơ Texas"*. Nhìn mảnh hình hài nàng Texas như cô phụ bóng xế; không đòi *"ái ân"* không suốt *"Mơ trầm lắng"* nằm phơi dưới nắng đón khách du. Không thể nào sánh kịp với nàng Cali sung mãn, đòi *"ái ân"* căng đầy sức sống lãng mạn, và đa tình nóng bỏng như những cơn dông lốc chớp chiều hè, tựa hồ nàng liếc mắt đưa tình. Và ra dấu cho chàng văn nhân, mặc khách *"hào hoa phong nhã"* một cuộc hẹn hò nơi riêng tư sang trọng nào đó. Bởi thế; mà không lạ gì những khách hào hoa đến Cali khi về khó dứt.

Câu chuyện hàn huyên thiên hạ sự còn dang dở; thì hai anh em đã đến bên bờ hồ *"Mơ Sương Khói"*. Làn sương đục một màu ôm chằm mặt hồ chừng như còn say sưa đắm đuối. Trong màn sương, một vài chiếc du thuyền câu của khách du vừa rời bến. Có lẽ khi vào hạ sang thu thì sương mới chịu tan đi trong nắng, trao phong cảnh nên thơ cho khách du bơi thuyền rong chơi toàn cảnh. Dù chưa vào hạ, sang thu dưới khung trời trong xanh ngập nắng; tôi vẫn ghi lại nơi này vài tấm ảnh lưu niệm dấu chân mình đến đây, khi màn sương còn giăng kín. Hai anh em nhìn chằm chập vào cell, Yên Sơn bấm vội thế là xong. Sau khi ngắm cảnh *"hồ xuân mờ sương khói"*. Chúng tôi trở lại bãi xe qua dòng sông

"trầm mặc hững hờ" không xa lắm, nơi có những khu biệt thự sang trọng đắt tiền 5, 3 triệu... Ở đây, dòng sông cũng chìm trong sương. Xa xa thấp thoáng cây cầu ẩn hiện, nghiêng xuống dòng sông như ôm ấp tình nhân, mặc kệ thiên hạ có xúc động, hoặc gièm pha thì cũng phớt tỉnh "Ăng-Lê" như cô gái tóc vàng England, hoặc tự nhiên như người Hà Nội. Thế nên Trịnh Công Sơn đã viết những dòng nhạc trữ tình "*Tình yêu như trái phá, con tim mù lòa*".....

Dù bị màn sương đục giầu giẫm, tôi vẫn nhận ra nét kiêu diễm của nó qua trực giác. Và dù chỉ một lần thôi, tôi cũng khó quên những thắng cảnh thu hút khách du trên quê hương Kingwood yêu dấu của Yên Sơn & Ngọc Bích. Thế rồi; cũng những tấm hình chụp vội trong sương như bên hồ để kết thúc cuộc ngoạn du ngắn ngủi thoáng qua. Dù ngắn ngủi, nhưng nhớ hoài đến tận cùng trong ký ức "*nàng cô phụ Texas.*" mà tôi đã chiêm ngắm dung nhan nàng. Hai anh em trở về nhà, để chuẩn bị ra phi trường về lại mái nhà xưa.

Trung Tâm VBNHK nổi tiếng thu hút VH viễn cư "*tài hoa*" có số lượng đông nhất. Và đây cũng là lần đầu tiên tôi đến sinh hoạt với trung tâm, được dịp hân hạnh bắt tay với anh chị em văn hữu có mặt trong buổi sinh hoạt đầu xuân này. Nhất là anh Phạm Tương Như, nguyên lính bay "*hào hoa*" đến Mỹ, khi Dương Văn Minh đầu hàng VC ngày 30 tháng 4 năm 1975 đi vào lịch sử tang thương của dân tộc (bằng lời tự an ủi mình) là "*vận nước an bài*". Trong cơn bĩ cực đó, anh và bạn bè may mắn hơn chúng tôi, có cánh đại bàng nên rời tổ quốc từ đó, cũng là chuyến bay định mệnh cuối cùng. Đến Mỹ làm lại cuộc đời, anh và bạn bè có cơ

hội thực hiện ý chí cho tương lai. Ghi danh làm cựu sinh viên “*sồn sồn*” ngồi trong ĐH Mỹ. Chắc có những lúc ngồi học mệt mỏi, anh mơ màng thoáng thấy kỷ niệm xưa trôi về một thời là cựu sinh viên trẻ, nhiều ước mơ trên quê hương Gò Công xưa. Chính những lúc ấy là động cơ thúc đẩy sự nỗ lực để đạt mục tiêu phải thành đạt phải không Tương Như “*hào hoa*”?! Kết quả anh đã tốt nghiệp kỹ sư cơ học (ngành tiện), ổn định một tương lai mới vững chắc trên quê hương thứ 2 này. Tôi ngưỡng mộ anh lắm đó! Quan sát hăng tiện của anh rất bề thế, trên một diện tích rộng lớn. Anh ưu ái dành một phòng rộng, mặt tiền làm nơi sinh hoạt cho TT/VBNHK từ nhiều năm qua. Quả là lính bay đa tình, ôm không gian bao la như ôm tình nhân, nên tấm lòng cũng trải rộng. Thế nên anh chị em trong VBNHK cũng được “*hưởng xái*,” trong đó cũng có tôi, dự phần sau cùng. Đập vào mắt tôi, dù trang trí giản dị nhưng thoáng qua cũng cảm nhận ra những nét nghệ thuật độc đáo, nổi bật một Câu Lạc Bộ Văn Nghệ. Chắc do bàn tay của Tương Như thiết kế thì phải.

Từ sau vài năm tôi gia nhập TT/VBNHK là hội viên viễn cư (hvvc) qua vh Yên Sơn, nhưng chưa lần nào đến đây. Lần này tôi nhận lời Yên Sơn bằng những cú phone, lời nhắn trong text nên phải trả lễ. Đáp chuyến bay hãng UNITED từ phi trường LAX hạ cánh xuống Houston - IAH lúc 1:32 PM. Ra đón tôi; cả vợ chồng Yên Sơn & Ngọc Bích cùng cậu con trai quý tử, khiến tôi vui lẫn cảm động. Trên đường đến **Quán Chiều Tương Như**, Yên Sơn drop cậu con trai xuống công ty để làm việc, và Ngọc Bích xuống nhà cô con gái trông giùm mấy đứa cháu ngoại. 10 phút sau chúng tôi đến địa điểm. Chưa gặp lần nào, thế mà nghe tiếng Tương Như đâu đó vồn vã kêu to “Cao Trúc Giang;” tôi ngoái đầu ngoảnh lại,

vội tới siết chặt tay anh, thiên hạ tưởng chúng tôi đã quen nhau tự thuở nào. Nếu anh không kêu lên; thì tôi cũng nhận ngay ra anh qua những tấm hình post trên Website/VBNHK; nhờ cái mũi “phú gia” “Kim Ngưu” của anh. Qua tướng học, người có mũi này đều là giới trí thức, thượng lưu “phú quý” không sai. Tự bản chất hiền đức, ý chí và nghị lực siêu phàm khó ai sánh. Văn hóa phương Đông trong dân gian vẫn lưu truyền thành chân lý, “*Người hiền đức mặc sức mà ăn,*” nên TTVB/NHK được dự phần may mắn là điều tất nhiên đó thôi! Tôi cảm xúc khi gặp gỡ anh. Tôi biểu lộ tất cả chân tình bằng câu xã giao “*Rất hân hạnh được gặp người bạn văn chương, tài hoa*” mà tôi ngưỡng mộ. Anh khiêm tốn, từ chối rất khéo léo và chuyển đề, thì buổi sinh hoạt cũng bắt đầu.

Trưởng BTC và chủ tọa buổi sinh hoạt là vh Yên Sơn - Chương Trình gồm 2 phần:

Phần đầu, giới thiệu các vh viễn cư từ xa về tham dự (trong đó có tôi). Tôi vẫy tay chào mừng các vh trong buổi sinh hoạt gặp gỡ bạn bè cũ, mới này. Vh Yên Sơn tuyên bố BCH đã mãn 6 tháng trước, nhưng lưu nhiệm bởi dịch cúm Vũ Hán. Dịp này bầu tân BCH cho nhiệm kỳ 2021 - 2024. Vh Túy Hà, cựu CT/BCH, ngỏ lời chào mừng anh chị em và gia đình hội viên tham dự và sơ kết những thành tựu trong nhiệm kỳ qua; cuối cùng kêu gọi anh chị em vh tình nguyện gánh vác trọng trách... nhưng không thấy ai tình nguyện; vh Túy Hà đề cử vh Vĩnh Tuấn và được tất cả hội viên hiện diện tán thành. Vĩnh Tuấn nhận lời với điều kiện là xướng danh mời 2 phó chủ tịch, 1 tổng thư ký và thủ quỹ mà không ai được từ chối; đó là: Vh **Huỳnh Công Ánh** Phó nội vụ,

vh **Thu Nga** Phó ngoại vụ, vh **Hoài Niệm** Tổng thư ký, vh **Mây Ngàn** Thủ quỹ (sau khi tôi về lại Cali mới biết là VH Mây Ngàn nhất quyết giao trách nhiệm Thủ Quỹ cho Vh Phạm Tương Như gánh vác.) Vh Công Ánh nêu lý do ở quá xa tận New Orleans, nhưng vh Vĩnh Tuấn ân cần nhiều lần, vh Ánh cũng xiêu lòng nhận lời. Thế là có Tân BCH trình làng với những tràng pháo dòn đã chúc mừng nồng nhiệt.

Phần kế là tiệc liên hoan và nhiều tiết mục văn nghệ giúp vui. Đặc biệt hầu hết vh TT/VBNHK đều là những tay văn nghệ “*một cây xanh rờn*”. Ca hay, đàn giỏi, hát cải lương vọng cổ “*rất muối*” làm cho buổi sinh hoạt đầu xuân vô cùng sống động. Những vh “*tài hoa*” có nhiều tác phẩm âm nhạc như Yên Sơn, vh Huỳnh Công Ánh được ân cần mời lên trình diễn. Vh Công Ánh là ca nhạc sĩ rất tài hoa và là hội viên Hội CTNCT, cùng sinh hoạt với tôi nhiều năm trong Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị VN, lòng yêu nước của anh rất nồng nàn, sâu đậm. Anh cũng từng thành lập phong trào Hưng Ca, hát nhạc đấu tranh. Anh ca rất chuyên nghiệp được anh em tán thưởng, tặng những tràng pháo tay rộn rã... Vợ chồng Quốc Tỉnh & Ánh Tuyết là thân hữu khách mời của Yên Sơn và Trúc Giang, cũng hứng khởi tham gia 2 tiết mục ngâm thơ Yên Sơn và ca nhạc TCS rất hay. Phần tôi, sau khi vh Tương Như ca vọng cổ, văn nghệ đặc trưng miền Tây Nam Bộ xong, anh lôi tôi lên đáp lễ, ngập ngừng đọc lên mấy vần thơ:

*Biển cổ bảy lăm trôi rất mau
Hồn trên mớ tóc ủa phai màu
Xót xa những mảnh hồn vong quốc
Văn bút bạn bè lại gặp nhau!”*

Nói lên sự gặp gỡ tương đắc trong cái họa vong quốc, cũng thoáng chút vui gặp bạn bè, nhất là có Tân BCH rất năng động. Vĩnh Tuấn là cựu TTK/VBVN Hải Ngoại, 15 năm trước đã cùng tôi và anh Lan Cao phó hội ĐH/VB Quốc Tế tại thủ đô Mexico. Trong Lễ Bế Mạc có Tổng Thống và Nội Các chính phủ tham dự rất trang trọng. Tôi ngỏ ý đề nghị Vĩnh Tuấn ân cần mời anh Yên Sơn cố vấn, cả hai trẻ trung nhiệt huyết hơn anh em chúng tôi *"lão già an chi"*, với ước mong trong tương lai gần, có thể vực dậy VB/VNHN trên đà tan rã. Một tổ chức có tầm vóc quốc tế mà Cộng Sản Hà Nội luôn có tham vọng chen chân để tuyên truyền đánh lừa thế giới. Một chế độ độc tài, vô thần, vô văn hóa, phi nhân bản làm sao có chỗ đứng trên diễn đàn VBQT. Tiếc thay! những thành phần bất xứng, thiếu năng lực tiềm danh VB/VNHN qua những cuộc bầu cử gian lận làm mất niềm tin của mọi người khiến số đông văn thi hữu đã rời xa.

Vài nét về anh Yên Sơn. Ngoài tài năng văn học, nghệ thuật, còn là một Võ Sư cao đẳng; anh đã khai mở hệ thống võ thuật THẦN PHONG TAEKWONDO trên nhiều tiểu bang Hoa Kỳ, ở Úc châu cũng như Canada để đào tạo thế hệ thanh, thiếu niên Việt & Mỹ, rèn luyện môn thể thao võ thuật theo truyền thống để trở nên người hữu dụng sau này. Có lần tôi chứng kiến Yên Sơn ra mắt tác giả, tác phẩm tại Nam Cali, ngâm thơ với nghệ sĩ tao đàn Bích Ty, còn có thể ca nhạc, cải lương vọng cổ nữa. Chúng tôi thường chọc anh, *"Mấy anh lính tàu bay hào hoa chiếm đến "ngũ sĩ" trong thiên hạ; nào là Võ sĩ, Thi sĩ, Văn sĩ, Nhạc sĩ, và cả ca, ngâm sĩ & Vọng cổ sĩ nữa, sao mà lắm tài đến thế!"*

Yên Sơn là vñ sinh hoạt lâu năm trong VB/VNHN. Từ khi chị cả Minh Đức Hoài Trinh phục hoạt VB/VNHN 1978, Chị được bầu Chủ Tịch VBVNHN hai lần do uy tín, năng lực, và bề dày sinh hoạt văn chương của chị. Nhưng từ khi chị qua đời, VBVNHN đã trải qua bao sóng gió phũ phàng. Vñ Yên Sơn đã từng ra tranh cử Chủ tịch BCH/VBVNHN để vực dậy, củng cố niềm tin cho anh chị em vñ sinh hoạt, phát huy tinh thần Hiến Chương BVQT. Từng là đại biểu chính thức VBVNHN đã cùng Vĩnh Tuấn tham dự ĐH/VBQT tại Nhật (Á Châu) năm 2010, và ĐH/VBQT tại Serbia (Âu Châu) năm 2011. Trong hai lần ĐH này; vñ Yên Sơn đã khẳng khái tranh đấu với BCH VBQT không được can dự vào sinh hoạt nội bộ của VBVNHN. VBVNHN phải được sinh hoạt độc lập như bất cứ trung tâm Văn Bút nào của các quốc gia thành viên trên thế giới. Sự tranh đấu đó đã có hiệu quả tích cực; từ ấy đến nay, VBQT đã không còn can dự vào những “lấn cấn nội bộ” của VBVNHN như những năm trước đó. Đó là những đóng góp đáng khích lệ cho VBVNHN trên diễn đàn VBQT. Qua phẩm cách và sự năng động cộng với sự giao thiệp rộng rãi của vñ Yên Sơn, anh đã thu hút tôi, và nhiều vñ viễn cư khác từ mọi miền tụ hội về TT/VBNHK như một sự “*đồng thanh tương ứng – đồng khí tương cầu*.”

Từ ngày tôi rời sinh hoạt tại TT/VB Tây Bắc Hoa Kỳ và VBVNHN, tôi chưa có dịp gặp lại vñ Vĩnh Tuấn & Lan Cao. Lần này tôi vui mừng gặp vñ **Vĩnh Tuấn, Thu Nga, Huỳnh Công Ánh, Yên Sơn...** cùng các vñ mới sau này là những cây bút tài hoa, dù chưa gặp nhưng có mối tương quan đồng cảm tự quen tự thưở nào. Tay bắt, mặt mừng vñ *Túy Hà, Mây Ngàn, Lưu Nguyễn Từ Thức, Mai Thanh Truyết, Huỳnh Quang Thế, Lê Thị Hoài*

Niệm, Mỹ Nhung, Phí Ngọc Hùng, Dương Thượng Trúc, người về từ thành phố Wichita- KS, xứ "hoa tuyết trắng rơi". Anh chọn nơi này làm quê hương, nơi nổi tiếng "Cowboy Texas". Cũng là quê hương của dòng họ "đại gia đình" TT George H. Bush cha và TT George W. Bush con nổi tiếng lịch sử Mỹ. Quả là vùng đất lành chim đậu! "Thóc lúa ở đâu, bồ câu về đó."

Rất tiếc, lần này tôi đến đây mà không gặp được bạn đồng môn Lan Cao nên cũng thấy buồn! Có nhờ Vĩnh Tuấn đón anh ấy, nhưng nghe Vĩnh Tuấn nói Lan Cao yếu quá không đi dự được. Hỏi Vĩnh Tuấn mới biết rõ, dạo này sức khỏe anh vào buổi "hoàng hôn" thấp thoáng của tuổi bát tuần không thể rời nhà. Tôi ngâm ngùi trăm tư, bỗng nghe hồn mình chùng xuống! Rồi chu môi nguyên rửa ngọn gió thời gian giùm cho bạn ta. "Thời gian ơi! Mi vô tình hay quá ác, mi tàn phá mảnh hình hài phù du làm kiếp con người bạn ta đến thế ư!" Trong ký ức như còn thấp thoáng đâu đây, cậu nhà giáo "mô phạm" bạn ta một thuở nào rất "hào hoa" rất yêu đời, yêu đám nữ sinh trên sân trường Trung Học. Tàn bao nhiêu mùa phượng, bạn ta dán mắt lên đám học trò hồn nhiên, ngắm chúng thêu hoa, dệt mộng trên tà áo trắng trinh nguyên, thơm mùi sách vở, hương tóc học trò có còn phảng phất đâu đây không Lan Cao? Mình kể bạn ta nghe, Trúc Giang một ngẫu nhiên lạ lùng! Từ Bắc về Nam Cali mua ngôi nhà mà trải qua nhiều người tranh không được. Lại có hàng phượng vĩ như mái nhà xưa của mình trên quê hương yêu dấu thuở nào. Nhưng hoa xưa phượng hồng, nay là phượng tím, như len vào tim nỗi buồn khi hạ về. không còn nghe từ ký ức cánh phượng hồng rơi trên vạt tóc, tà áo học trò rồi thảng thốt kêu lên, "Ngày ấy đâu rồi! Ngày ấy đâu rồi! Cho ta tìm lại, cho ta tìm lại những ngày dấu

yêu!"... Nhưng lại ngậm ngùi nghe hồn trời dậy những mốc lịch sử tang thương của dân tộc khó phai mờ:

Khởi đi từ ngày 01 tháng 11 năm 1963, Kennedy TT (DC) xúi giục bọn tay sai phản phúc, tiêu diệt một chế độ chủ quyền. TT Diệm 9 năm khai sinh nền Đệ I VNCH, xây dựng một Saigon thành Hòn Ngọc Viễn Đông bừng sáng trên vòm trời Á Đông, bỗng tan theo khói lửa chiến tranh. Ngút ngàn của sự đau thương. Lan Cao và Trúc Giang cùng hàng hàng, lớp lớp thanh niên xấp bút, rời trường khoác chiến y ra sa trường bởi do tội ác của tập đoàn CS Hồ chí Minh, của thế lực đen tư bản tác động lên chính phủ, lên đảng phái (CH & DC) Mỹ. Họ là những bàn tay nhuộm máu vì mảnh lực đồng tiền qua kỹ nghệ chiến tranh. Chúng làm giàu trên máu xương và tuổi lệ tràn dòng của Mẹ VN. Để rồi... dẫn tới ngày Quốc Hận đau thương 30 tháng 4/1975, biết bao cảnh tang tóc xé lòng, ngục tù, đày đoạ chất chứa khôn nguôi!

Lan Cao ơi! Trúc Giang muốn nhắc tới cái nợ với Lan Cao. Cái nợ cứ chập chờn vương vấn. Cái nợ Trúc Giang làm nhịp cầu "Ô Thước" qua bức thư tay viết vội giới thiệu và gửi gắm Hạo Nhiên cho Lan Cao & Vĩnh Tuấn VB/TTNHNK. Nhờ giúp anh ấy ra mắt tác giả & tác phẩm. Được bạn ta tiếp đón nồng hậu, đỡ đầu buổi ra mắt, thu hút ACE văn nghệ sĩ, thân hữu và quan khách cùng đồng hương tham dự đông đảo. Buổi ra mắt sách thành tựu, sau đó Lan Cao chiêu đãi nhà hàng rất hậu hỷ. Hạo Nhiên về khoe với mình, và tỏ niềm xúc động nhớ đời. Khiến Trúc Giang cũng không giấu được vui lây, lẫn cảm xúc. Chạnh nhớ tới lời dạy của ông Già khi sinh tiền về văn hóa nho gia, cụ căn dặn, "*Thi ân mạc niệm, thọ ân mạc vong*" (giúp người đừng nhớ - Thọ ân người

đừng quên”. Do đó; mình đã đến đây mà không gặp Lan Cao đáp lễ, dù chỉ một cái bắt tay với lời cảm ơn, nên lấy làm băng khuâng, thôi thì nợ tiếp vậy! (Xin khếp lại và chuyển đề.)

Bây giờ Trúc Giang đến lượt phải nhắc đến những vh viễn cư tên tuổi, *"tài hoa"* rực sáng trên văn đàn TT/VBNHK không thể quên, không nhắc tới. Là những vh không thể về tham dự mà thiên hạ rất ngưỡng mộ *"danh bất hư truyền"* sau đây:

Vh. Trương Sĩ Lương, vh Trường Sơn Lê Xuân Nhị, vh Phạm Trần Anh (chiến hữu ái quốc đấu tranh đồng hành), vh Cao Nguyên (bào tộc), vh Ngô Sỹ Hân, vh Thiên Lý, vh Hoàng Thị Thanh Nga, vh Nguyễn Đình Từ Lam, vh Nguyễn Đức Nhơn, vh Võ Thanh Văn, vh Nhật Hồng, vh Song An Châu, vh Long Điền, vh Vô Tình, vh Dương Phước Luyến, vh Nguyễn Lập Đông. Xin hẹn gặp kỳ tới.

Tổ Chức Văn Bút Quốc Tế: là một tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, phi biên giới (toàn cầu hóa). Tác nghiệp nghệ thuật, tập hợp các nhà văn, nhà báo, nhà nghệ thuật, nhằm hợp tác kho tàng trí tuệ phát huy học thuật cho nhân loại. Truyền cảm hứng sự hiểu biết lẫn nhau về văn hóa thế giới, đấu tranh cho quyền tự do ngôn luận, bảo vệ nhân quyền, hành động bằng tiếng nói chung mạnh mẽ, tranh đấu cho các nhà văn, nhà báo bị sách nhiễu, cầm tù, hoặc bị giết vì quan điểm của mình. Được thành lập 1921, trụ sở đặt tại Luân Đôn. Gồm có 145 Trung Tâm tự trị trên 104 quốc gia.

Từ ngàn xưa nói ngàn sau, **“văn bút”** là chìa khóa khai mở cánh cửa vào nền văn minh, văn hiến cho nhân loại. Và trên hết mọi lãnh vực: nhân sinh quan, vũ trụ luận. Khai mở khám phá

những trước tác vĩ đại: Pho Tiết Học Dịch Kinh của **Chu Hy** trên 5, 6 ngàn năm trước, đã sáng lập ra chữ viết, mở ra nền văn minh Trung Hoa cổ đại. Bộ Thánh Kinh (Tân & Cựu Ước) Thiên Chúa Giáo, mở ra nền văn minh nhân loại, Kinh Phật Di Đà, Pho Triết Học nhân văn & Toán học cổ đại Hy Lạp của **Socrates – Plato** (600 TCN) cánh cửa của toán học và khoa học, phát huy không ngừng v.v... Vào mục tiêu văn học; xuất hiện những tác phẩm đồ sộ của các đại văn hào lừng danh thế giới như: **Victor Hugo** (Pháp 1802), **Ernest Hemingway** (Mỹ 1899), **William Shakespeare** (Anh 1564), **Lev Tolstoy** (Nga 1828), **Johann Wolfgang von Goeth** (Đức 1749) v.v... Sử dụng vào mục tiêu chính trị: Ra đời bản Hiến Pháp Hoa Kỳ tinh hoa bậc nhất thế giới, những Bản Công Ước Quốc Tế (LHQ) phát huy nền tự do, dân chủ, nhân quyền, chặn đứng bạo tàn, chế tài tội ác chiến tranh, tội phạm diệt chủng. Chấm dứt tội ác để nhân loại vui sống trong hòa bình. Dùng vào chiến lược quân sự cổ kim: Binh thư Tôn Tử, Bình Ngô Đại Cáo của hào kiệt quân sư Nguyễn Trãi giúp vua Lê Lợi đánh tan giặc Minh hung tàn. Tiếng sáo Trương Lương réo rắt trên sông Trường Giang làm tan rã đoàn quân tinh nhuệ của Hạng Võ v.v...

Tóm lại; VBQ, từ khi ra đời là một đặc thù cho nhân loại, cho những người cầm bút sinh hoạt học thuật, đấu tranh bất khuất với các bạo quyền CS. Dù muốn dù không trước áp lực VBQT & LHQ, buộc CSHN phải thả người cầm bút bị cầm tù. Điển hình nhà Báo Nguyễn Văn Đồng bậc lão thành, cùng nhiều người tù Văn Bút khác từ nhà tù lên máy bay đến Mỹ./-

George Orwell: Nhà tiên tri về xã hội hiện tại của Hoa Kỳ

Mai Thanh Truyết

Lời người viết: Sau cuộc bầu cử ngày 3/11/2020 ở Mỹ, xã hội Hoa Kỳ cũng như cả hệ thống điều hành quốc gia từ hành pháp, lập pháp, và tư pháp đã xảy ra những sự kiện đưa đến biết bao nhiêu đàm tiếu trong dư luận.



- Hành pháp với một ông Tổng thống nói năng không lưu loát, ngay cả không còn biết mình đang nói gì khi đứng trước đám đông cũng như khi máy nhắc “chữ” bị trục trặc! Cho đến nay, thực sự mà nói, rất nhiều người dân vẫn còn lưỡng lự xác nhận khi được hỏi Tổng thống hiện tại của đất nước Hoa Kỳ là ai?

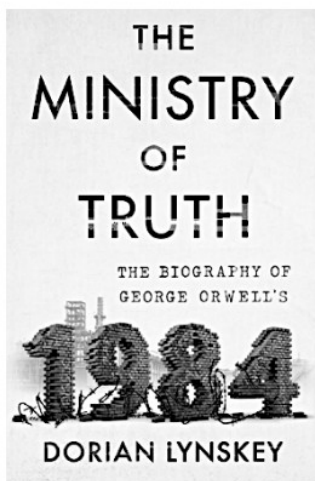
- Còn tư pháp, các ông Tòa “áo đỏ, áo đen”...tối cao pháp viện, vẫn chưa hành xử đúng với nhiệm vụ của mình, và cán cân công lý vẫn còn chao đảo hoặc theo “khí chất – temper” của lập pháp, hay là tùy theo một quyền lực ngầm nào đó (!), chẳng hạn như đã bị “black mail” vì chuyện dính líu đến đời tư hoặc lũng đoạn tiền bạc.

- Còn lập pháp thì sao? – Khuynh hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng ngả về phía bên trái, ngày càng cực đoan hơn nữa,

qua những “quyết định” của những người nắm quyền lực tuyệt đối ở cả Hạ viện lẫn Thượng viện. Thực thi quyền lực nhằm thỏa mãn chính cái ngã của cá nhân chứ không vì quyền lợi của dân tộc. Đó là điều chúng ta cần phải quan tâm!

Từ ba yếu tố hiển hiện trên, xã hội Hoa Kỳ từ nay trở đi chắc chắn sẽ rơi vào những khủng hoảng không thể tránh khỏi trong những ngày sắp tới. Người viết chợt nhớ ra một quyển sách nổi tiếng đã đọc được năm 1983, ngay vừa khi đặt chân đến Hoa Kỳ chỉ vài tháng. Với khả năng sinh ngữ giới hạn lúc đó, người viết chỉ mừng tượng đại ý nội dung của sách nói lên “nguy cơ” xã hội Tây phương, trong đó Hoa Kỳ là đại diện SẼ trở thành xã hội chủ nghĩa vào năm 1984. Và cuốn sách có tựa đề ngắn gọn là...**1984**! Tác giả là George Orwell, phát hành vào năm 1949, cách đây đúng 72 năm.

1- Tiểu sử của George Orwell



George Orwell có tên thật là **Eric Arthur Blair** sinh tại Motihari, Ấn Độ ngày 25 tháng 6 năm 1903, và mất ngày 21 tháng 1, 1950 tại Luân Đôn, Anh.

Ngay khi còn là một đứa trẻ, Orwell được gán cho là một đứa trẻ có nhiều "thú tính dã man - beastly". Ông đã từng chiến đấu trong cuộc Nội chiến Tây Ban Nha và bị thương nặng. Ông và vợ sau đó bị truy tố tội phản quốc ở Tây Ban Nha.

George Orwell là một tiểu thuyết gia, nhà tiểu luận và nhà phê bình nổi tiếng với các tiểu thuyết nổi tiếng là *Animal Farm* và *Nineteen Eighty-Four*. Ông là một người có cá tính mạnh mẽ, một người đã ***đưa ra hướng giải quyết một số phong trào chính trị lớn trong thời đại của mình, bao gồm chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa cộng sản.***

Vào những buổi đầu đời, Orwell là con trai của một công chức người Anh, Orwell đã trải qua những ngày đầu tiên ở Ấn Độ, nơi cha ông đóng quân. Mẹ anh đưa anh và chị gái tên Marjorie đến Anh khoảng một năm sau khi anh chào đời và định cư ở Henley-on-Thames. Cha anh ở lại Ấn Độ và hiếm khi về thăm. Orwell thực sự không biết cha mình cho đến khi ông ấy nghỉ hưu vào năm 1912. Và ngay luôn cả sau đó, anh và cha không bao giờ có mối liên hệ cha con chặt chẽ cả. Ông thấy cha mình là người buồn tẻ và thận trọng. Thời ấu thơ, Ông là một đứa trẻ ốm yếu, thường xuyên phải chiến đấu với bệnh viêm phế quản và cảm cúm.

Orwell bắt đầu viết văn khi còn nhỏ, được cho là đã sáng tác bài thơ đầu tiên của mình khi vừa lên bốn tuổi. Sau đó, ông viết, *"Tôi có thói quen của một đứa trẻ cô đơn là bịa chuyện và trò chuyện với những người tưởng tượng, và tôi nghĩ rằng ngay từ đầu tham vọng văn chương của tôi đã bị trộn lẫn với cảm giác bị cô lập và đánh giá thấp."* Một trong những thành công văn học đầu tiên của ông đến vào năm 11 tuổi khi ông có bài thơ đăng trên báo địa phương.

Giống như nhiều cậu bé khác ở Anh, Orwell được gửi đến trường nội trú. Năm 1911, ông đến St. Cyprian's ở thị trấn ven

biển Eastbourne, nơi ông lần đầu tiên được trải nghiệm hệ thống đẳng cấp của nước Anh (England's class system).

Ông được trường cấp cho một học bổng bán phần, Orwell nhận thấy rằng trường học đối xử với những học sinh giàu có tốt hơn những em nghèo. Ông không nổi tiếng so với các bạn cùng lứa tuổi, và ông đã tìm thấy niềm vui và an ủi trong các quyển sách do hoàn cảnh khó khăn của mình.

Những gì ông ấy thiếu sót trong nhân cách, đã được bù đắp nhờ ở sự thông minh (What he lacked in personality, he made up for in smarts). Orwell nhận được học bổng để tiếp tục học tại Wellington College và Eton College.

Sau khi hoàn tất trung học ở Eton, Orwell thấy mình đã đi vào ngõ cụt. Gia đình anh không có tiền để học đại học. Thay vào đó, ông gia nhập Lực lượng Cảnh sát Đế quốc Ấn Độ vào năm 1922. Sau năm năm ở Miến Điện, Orwell từ chức và trở về Anh. Và từ đó, ông có ý định làm lại cuộc đời với ***tư cách là một nhà văn***.

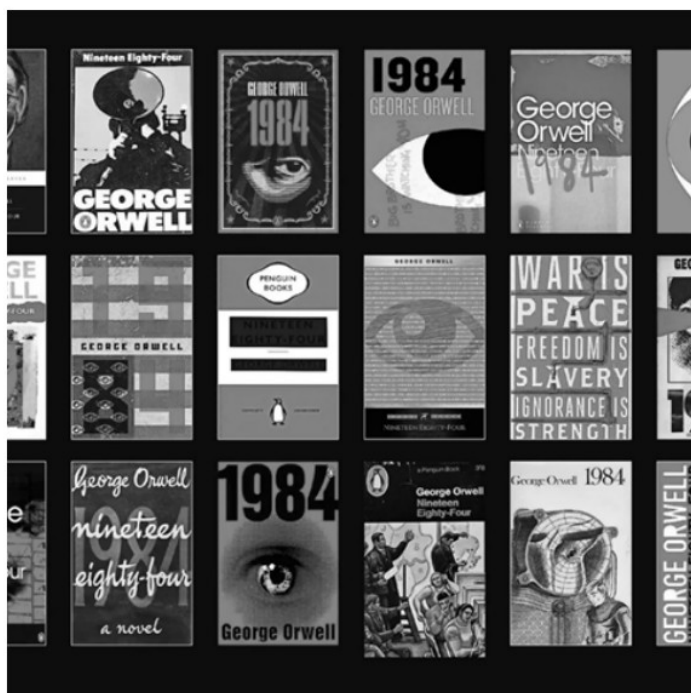
Để thực hiện ý định trên, Orwell đã phải vật lộn với cuộc sống nhằm có thể bắt đầu sự nghiệp viết lách của mình và chấp nhận đủ mọi công việc để kiếm sống, bao gồm cả việc làm một người rửa bát...

2- Câu chuyện bắt đầu

Khi viết quyển sách “1984”, mục tiêu chính của Orwell là cảnh báo về mối nguy hiểm nghiêm trọng mà ***chủ nghĩa toàn trị*** (totalitarianism) gây ra cho xã hội. ***Ông liên tưởng và đưa ra viễn kiến và hình dung rằng xã hội sẽ diễn ra trên thế giới vào năm 1984***. Ông đã bỏ rất nhiều thời gian để chứng minh mức độ đáng

sợ của quyền lực và kiểm soát một chế độ toàn trị có thể đạt được và duy trì.

Chúng ta không nên lo sợ rằng Hoa Kỳ sẽ biến thành cơn ác



mộng lạc hậu của Orwell. Nhưng vào thời điểm mà sự bất lương chính trị đang tràn lan, chúng ta nên nhớ bài học quan trọng nhất của năm 1984: *Nhà nước có thể chiếm lấy tâm trí của bạn! Ông dường như vậy!*

Nhưng bài học đó không xảy ra cho năm 1984 ở Hoa Kỳ, mà...

Bài học này đang diễn ra cho Hoa Kỳ kể từ năm 2021!

Tác phẩm châm biếm chính trị 1984 là một tác phẩm được Orwell sử dụng để nói lên những sai sót của các khái niệm về chủ nghĩa xã hội cực đoan và mô tả những gì có thể xảy ra nếu những ý thức hệ “lẻ trái” bị dẫn đi quá xa. Thông qua sự mỉa mai và cường điệu, Orwell rõ ràng nhắm vào việc **chế giễu chính phủ toàn trị**, nhưng đồng thời cũng đưa ra một lời cảnh báo về sự hiện hữu của ba siêu cường trong tương lai....

Ba siêu cường trong năm 1984 là gì?

Ba siêu cường của năm 1984 là Châu Đại Dương, Đông Asia, và Á-Âu – (Oceania, Eastasia and Eurasia), với phạm vi ảnh hưởng rộng lớn của chúng, phản ánh rất chặt chẽ qua cung cách các Đại Liên minh lên kế hoạch phân chia một nước Đức Quốc xã đã bị đánh bại và một Đông Âu "được giải phóng" trong Hội nghị Tehran vào cuối năm 1943.

Những nguy cơ của chủ nghĩa toàn trị

Tận mắt chứng kiến những khoảng thời gian khủng khiếp mà các chính phủ độc tài ở Tây Ban Nha và Nga sẽ phải trải qua để duy trì và gia tăng quyền lực của mình, Orwell đã “vẽ” ra năm 1984 để rồi gióng lên hồi chuông cảnh báo cho các quốc gia phương Tây vẫn chưa chắc chắn về cách tiếp cận sự trỗi dậy của chủ nghĩa cộng sản.

1984 bị cấm ở những quốc gia nào?

Cuốn sách năm 1984, nói về việc **đàn áp thông tin**, đã bị cấm ở Liên Xô vì chống cộng, nhưng nó cũng bị cấm ở Hoa Kỳ vì ủng hộ cộng sản. Bị cấm ở Hoa Kỳ vào thời điểm 1984, nhưng mà năm nay, 2021 *dân Mỹ sẽ thấy “hiện thực” trong đời sống của “trại động vật”* ở nghĩa bóng ở ngay trong xã hội họ đang sống?

1984 có đáng được đọc hay không?

Cần biết thêm năm 1984 “từ” năm 1949 là một lời tiên tri tuyệt vời. “1984” sẽ dẫn bạn đi từ ngục nhiên này đến ngục nhiên khác. Và năm 2021, chúng ta lại thấy những hình ảnh của “1984” mờ mờ ảo ảo hiện ra.

3- Câu chuyện cổ tích “1984” và câu chuyện tương tự hôm nay 2021

Vào tháng 10 năm 1947, **Eric Blair** - được biết đến với bút danh George Orwell ngày nay - đã viết một lá thư cho người đồng sở hữu nhà xuất bản Secker & Warburg. Trong bức thư đó, Orwell lưu ý rằng ông đang ở trong "vòng cuối cùng" của bản thảo sơ khởi của một cuốn tiểu thuyết được mô tả là **"một mớ hỗn độn khủng khiếp nhất - a most dreadful mess"**. Orwell đã tự cô lập mình trên hòn đảo Jura của Scotland để hoàn thành cuốn tiểu thuyết này, một trong những cuốn tiểu thuyết quan trọng nhất của thế kỷ 20.

Được xuất bản vào năm 1949, cuốn tiểu thuyết năm nay đã tròn 72 tuổi. Ngày kỷ niệm mang đến cơ hội để suy ngẫm về ý nghĩa và bài học quý giá nhất nhưng đôi khi bị nhiều người, nhiều nhà chính trị v.v... *bỏ qua vì những định kiến hoặc chối bỏ sự thật trước mắt. Nhưng rồi thời gian qua, năm 2021 lại về, những quyết định vỹ cuồng của một Ông TT đang chập chững đi vào quá trình Alzheimer càng làm chúng ta liên tưởng về những hình ảnh và mô tả “tưởng tượng” xảy ra cho năm 1984!*

Bài học chính của “1984” không phải là “giám sát dai dẳng là xấu,” hay “các chính phủ độc tài là nguy hiểm”. Đây là những câu nói đúng, nhưng không phải là thông điệp quan trọng nhất, vì **mỗi nguy cho nhân loại thực sự phải chăng là “bóng ma” của sự toàn trị đã được “bọc đường” dưới chiêu bài... dân chủ!**

“1984” cốt lõi là một **cuốn tiểu thuyết về ngôn ngữ**; làm thế nào nó có thể được sử dụng bởi các chính phủ dù ng người dân để khuất phục, cũng như xoa dịu và nguôi ngoai họ - subjugate

(khuất phục) and obfuscate (rối rắm), vì chính họ là những tác nhân có thể khởi đầu cho công cuộc chống lại áp bức từ phía cường quyền!

Orwell là một bậc thầy về ngôn ngữ tiếng Anh và di sản của ông vẫn tồn tại thông qua một số từ mà ông đã tạo ra. Sách “1984” cung cấp cho những người nói tiếng Anh một vốn ngữ vựng phong phú để thảo luận về giám sát, về police state – “**các tiểu bang cảnh sát trị và chủ nghĩa độc tài**”. Tất cả nằm trong thuật ngữ như “Big Brother”, như “cảnh sát tư tưởng”, “người không phải người” và “suy nghĩ kép” - “thought police,” “unperson” and



“doublethink,” là những thí dụ cụ thể. (Cảnh sát Tư tưởng là cảnh sát bí mật -secret police- của siêu châu Đại Dương, người đã phát hiện và trừng phạt những tội phạm về tư tưởng, những tư tưởng cá nhân và chính trị không được Đảng chấp thuận).

Chính phủ độc tài của Orwell’s Oceania tưởng tượng không chỉ trừng phạt nghiêm khắc những người bất đồng chính kiến, mà còn **tìm cách làm cho việc suy nghĩ về bất đồng chính kiến trở nên bất khả thi** chẳng khác chi Cộng sản trong chính sách tẩy não cố hữu của họ!

Phải chăng tên Oceania chỉ là một tên khác thay cho chữ Cộng sản trong xã hội tư bản Hoa Kỳ ngày hôm nay?

Xin kể một đoạn ngắn trong chính sách khai thác và tẩy não: “*Khi thành viên Đảng nội bộ O’Brien tra tấn nhân vật chính của*

‘1984’s’, Winston Smith, giơ bàn tay của mình với bốn ngón tay mở rộng và hỏi Smith rằng anh ta nhìn thấy bao nhiêu ngón tay. Khi Smith trả lời, ‘Bốn! Bốn! Tôi có thể nói gì nữa? Bốn!’ O’Brien đã giáng cho anh ta một nỗi đau tột cùng. Sau khi Smith cuối cùng tuyên bố nhìn thấy năm ngón tay, O’Brien nhấn mạnh rằng nói “năm” là không đủ. “Không, Winston, không có ích gì. Bạn đang nói dối. Bạn vẫn nghĩ rằng có bốn.”

Tên riêng của Orwell đã tạo cảm hứng cho một tỉnh từ từ ngày “1984” ra đời: ***"Orwellian"***, được sử dụng rộng rãi trong các bài hùng biện chính trị hiện đại, mặc dù thường không phù hợp. Đó thường là những kẻ thù của chúng ta đang hành động Orwellian và đó là minh chứng cho tài năng của Orwell mà dường như mọi người đều nghĩ “1984” để nhằm ám chỉ về các đối thủ chính trị của họ.

- Cảnh tả chính trị nhận thấy nhiều khuynh hướng của Orwellian trong Nhà Trắng và hệ thống tư pháp hình sự qua cách diễn đạt “*suy nghĩ kép*”;
- Cảnh hữu chính trị phê bình “*cảnh sát tư tưởng*” trong khuôn viên trường đại học;
- Và các công ty truyền thông đại chúng biến người theo dõi thành “*người không phải người*”.

Nhưng các chính trị gia có thể nói dối nếu không phải là Orwellian, và một công ty tư nhân đóng tài khoản mạng xã hội (một cách vô tội vạ như Facebook và Twitter) chẳng khác gì nhà nước sát hại ai đó và loại họ khỏi lòng lịch sử.

Điều này có khác chi thời Trung cổ!

Tương tự như vậy, sự phù hợp trong học tập và diễn đạt tư tưởng của sinh viên có thể bị cường quyền ghi nhận và có thể bị triệt tiêu vì các diễn đạt trên có khả năng gây cản trở cho việc thực thi... toàn trị của họ.

Tuy nhiên, khi các quan chức chính phủ Hoa Kỳ sử dụng các thuật ngữ như “*thăm vấn tăng cường*”, “*sự thật luân chuyển*”, “*thiệt hại tài sản thế chấp*” hoặc “*những kẻ cực đoan*” – (“*enhanced interrogation,*” “*alternative facts,*” “*collateral damage,*” or “*extremists*”), họ hiểu rằng những gì họ đang mô tả thực sự là tra tấn, dối trá, cái chết của thường dân vô tội và những người bất đồng chính kiến. (Orwell diễn đạt suy nghĩ trên rất nhiều lần và ông dường như xem đó là chân lý của chính ông)

Sự toàn trị dưới màu áo dân chủ có khác chi... chuyên chính vô sản của cộng sản?

Theo Ông (năm 1949), vào những buổi bình minh của chế độ cộng sản Tàu, theo tin tức của các nhà hoạt động và nhà nghiên cứu, nhà nước Trung Cộng đã đưa khoảng 1 triệu người, trong đó có nhiều người Duy Ngô Nhĩ (một nhóm dân tộc thiểu số Hồi giáo) vào các trại “cải tạo”. Các báo cáo tiết lộ rằng các trại hầu như không phải là trường học. Họ là những địa điểm truyền bá và tẩy não tàn bạo, với các tù nhân bị buộc phải đọc những lời tuyên truyền của Đảng Cộng sản và từ bỏ đạo Hồi.

Triều Tiên, quốc gia gần nhất với tiêu đề “1984”, đã cản trở khả năng tự suy nghĩ của công dân với một thước đo “tư tưởng” của mỗi người theo mức thang giá trị của đảng. Trong cuốn hồi ký của mình, người đào tẩu Bắc Triều Tiên **Yeonmi Park** mô tả việc khám phá ra sự phong phú của vốn từ vựng của Hàn Quốc,

lưu ý rằng, "Khi bạn có nhiều từ ngữ hơn để mô tả thế giới, bạn sẽ tăng khả năng suy nghĩ phức tạp." Đây là một điều cấm kỵ trong thế giới cộng sản.

Orwell không phải là một nhà tiên tri, và ông cũng không muốn làm điều đó, nhưng, trong một chừng mực nào đó, ông đã xác định được một vài điểm đặc biệt cần thiết của bất kỳ chính phủ độc tài thành công nào trong hệ thống dù là dân chủ, hay độc tài toàn trị...

Viễn kiến của Orwell là cho dù đến năm "1984", chúng ta không nên lo sợ rằng Hoa Kỳ sẽ biến thành cơn ác mộng lạc hậu của Orwell. Điều đó đã chứng thực vào năm 1984.

Nhưng năm 2021, có gì bảo đảm rằng nước Mỹ sẽ không đi vào bước chân toàn trị không?



Chưa bao giờ hết, ngày hôm nay, và bất cứ giờ phút nào, thời điểm nào, chúng ta cũng đều thấy chung quanh chúng ta, từ cấp thành phố, tiểu bang, và nhứt là liên bang, ***có đầy rẫy sự bất lương chính trị đang lan tràn***, chúng ta nên trở về "1984" để nhớ bài học quan trọng nhất của "năm 1984" là: **"Nhà nước có thể chiếm lấy tâm trí của bạn"**.

Vì vậy, "1984" rõ ràng là một cuốn sách về Chiến tranh Lạnh, nhưng Chiến tranh Lạnh đã kết thúc cách đây ba mươi năm. Một phần là do, không giống như "Bóng tối lúc trưa", chúng ta không đi tìm ***"giữa trưa lúc hai giờ"***, một motto của Pháp "chercher

midi à deux heures”, cuốn sách của Orwell không nhằm mục đích mô tả về cuộc sống dưới thời Chủ nghĩa Cộng sản. Nó được dự định như một lời cảnh báo về các khuynh hướng “*toàn trị*” trong các nền dân chủ tự do.

Và lời cảnh báo này hoàn toàn xác thực và có giá trị hiện tại, năm 2021!

4- Nhìn vào tương lai

Như đã biết, trong “1984” Orwell nhắm vào ba tầng lớp trong một xã hội. Đó là: Xã hội Châu Đại Dương được chia thành ba tầng lớp xã hội: Đảng Bên trong, Đảng Bên ngoài, và Người Proles (the Inner Party, the Outer Party, and the Proles.) Xin mở ngoặc, Orwell định nghĩa “Proles” là: “*Proles là con người (human being). Proles là quần chúng bình thường không bị Đảng kiểm soát. Họ là con người bởi vì họ có tình cảm và cảm xúc cho tình yêu và trung thành. Winston (một đảng viên trong 1984) và các Đảng viên khác không phải là con người vì họ không yêu và không trung thành.*”

Như vậy thành phần thứ ba Proles mới đích thực là “*công dân thực sự của quốc gia*” có tình cảm và cảm xúc, có tình yêu quê hương. Còn những người trong đảng hay ngoài đảng... đều không phải là Proles vì họ không có... trái tim. Và, trong cuốn tiểu thuyết về thời kỳ loạn lạc năm 1949 của George Orwell, Mười chín tám mươi tư (1984), những người ủng hộ là tầng lớp lao động của Châu Đại Dương. Danh từ **Prole là một biến thể rút gọn của vô sản**, là một thuật ngữ của chủ nghĩa Mác để chỉ một công dân thuộc tầng lớp lao động. Winston (đảng viên) cho rằng hy vọng nằm ở những người ủng hộ vì họ chiếm phần lớn dân số

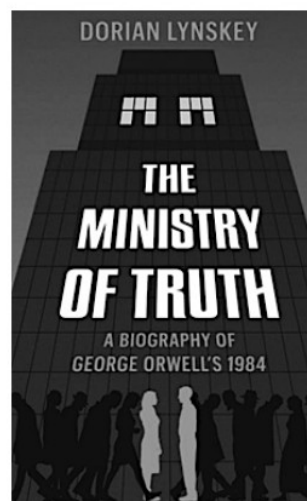
Châu Đại Dương và là nhóm duy nhất có thể triệu tập đủ lực lượng để lật đổ Đảng. Và cũng chính vì vậy, trước độc tài toàn trị Cộng sản, lòng yêu nước của những người Prole đã từng bị lợi dụng. Có thể nói, nông dân và công nhân Việt Nam ngày nào được CSBV tuyên dương là tuyến đầu của... cách mạng. Nhưng hôm nay, chính họ thực sự là vô sản tận cùng, nạn nhân đầu tiên của chế độ!

Phân biệt như vậy, từ đó đã đưa chúng ta đi đến một suy nghĩ trớ trêu là: “Cả nhóm các **đảng duy trì quyền kiểm soát** bằng cách sử dụng hai suy nghĩ một cách mỉa mai.”

Đảng có khả năng nghĩ hai suy nghĩ hoàn toàn trái ngược nhau cùng một lúc và tin rằng cả hai đều là sự thật qua các khẩu hiệu: **Chiến tranh là Hòa bình; Tự do là chế độ nô lệ; Sự ngu dốt là Sức mạnh. (War is Peace; Freedom is Slavery; Ignorance is Strength.)**

“1984” có thể không phải là một cuốn sách tinh tế (subtle), Orwell viết nó như một dụ ngôn về sự toàn trị thái quá của chủ nghĩa Stalin; nhưng những yếu tố đáng nhớ nhất của cuốn tiểu thuyết là **sự tàn ác của trí tưởng tượng** - sự xóa sổ của toàn bộ cuộc sống thông qua - “**con người không con người**” (un-personing); “việc xóa sổ lịch sử ở Bộ Sự thật” (the obliteration of history at the Ministry of Truth).

Và trong khoảnh khắc cuối cùng của cuốn tiểu thuyết 1984, tên đảng viên Winston bắt gặp được hình ảnh của Big Brother và **nghiệm được** cảm giác chiến thắng vì giờ đây anh ấy cảm thấy



yêu Big Brother. “...Nếu Đảng cần sử dụng cùng một lượng tài nguyên cho mọi người bất đồng chính kiến như Đảng đã chi cho Winston, thì Đảng sẽ không bao giờ có thể dập tắt hoàn toàn sự bất đồng trong đại đa số nhân dân, những người Proles thực sự yêu nước và yêu quê cha đất tổ.”

Orwell đã vẽ ra viễn cảnh nước Mỹ vào năm 1984. Nhưng điều đó đã không xảy ra, mà ngược lại các chế độ toàn trị bị sụp đổ sau khi bức tường Berlin bị xóa đi!

Nhưng ngược lại, năm 2021 lại xuất hiện một nước Hoa Kỳ với Hành pháp, Lập pháp, Tư pháp quy về một mối, cộng thêm những bóng ma quyền lực ngầm của nhiều đại tỷ phú yểm trợ và điều khiển phía sau để... “muốn giảm dân” toàn cầu xuống còn...5 tỷ như quan điểm của Bill Gates. Viễn tượng sắp đến làm chúng ta liên tưởng thế giới sẽ là một xã hội lớn với “Trại súc vật” (?), quyển sách Orwell viết năm 1948 trước khi ra mắt cuốn “1984” năm 1949.

Thế giới sẽ đi về đâu nếu chánh quyền hiện hữu của Hoa Kỳ tồn tại?

Và, để kết luận, nội trong năm 2021, chúng ta sẽ thấy rõ hơn ***ai là Winston***, một đảng viên cuồng tín của một chế độ toàn trị?

(Lời bàn của người viết, Winston chắc chắn sẽ không là Joe Biden, mà là...***Obris???***)

Mai Thanh Truyết

Qua cơn mê “1984”

Tháng ba gần mất nước, 2021

Ngõ Đá Quê Hương

Ánh Nguyệt

Thuở xa xưa, bậc tiền bối đến từ phương Bắc nước Đại Việt vào khai khẩn đất hoang ở thế kỷ thứ 13. Khi vua Chiêm cưới công chúa Huyền Trân, con vua Trần Nhân Tông, nước Đại Việt được hai châu Ô và Lý. Cách đây hơn bảy trăm năm, vó ngựa tung bay trên con đường cái quan của những chàng trai trẻ phương Bắc rong ruổi và dừng chân nơi xa xôi, núi đồi hoang dã lập nên cơ nghiệp, nhiều dòng tộc: Lý, Trần, Lê, Trịnh, Võ... Tất nhiên có dòng họ Nguyễn của cha ông chúng tôi.

Với hai bàn tay và đôi chân rắn chắc, họ chinh phục thiên nhiên thành những làng mạc như bức tranh diễm tuyệt đầy sức lãng mạn bằng những ngõ đá nên thơ. Vườn tược cũng được xây bằng đá để khỏi bị nước mưa xói mòn, tạo nên một không gian đẹp đến nao lòng. Không phải một sớm một chiều là được bức tranh hiện thực muôn thuở ấy mà phải làm cả đời người, từ mấy đời mới thành một khuôn viên thơ mộng như thế.

Vốn dĩ là núi đá thiên thu, được bàn tay khéo léo của tiền nhân gom hàng triệu tấn đá, đang nằm trên mặt đất hay ẩn sâu trong lòng núi; ta cứ đào lên, đá từng phiến, vừa vụn đẹp như đã được gọt đẽo. Bằng công cụ thô sơ đào bới khiêng, vác rồi chất, xây thành những ngõ đá, để nhường lại những khoảnh vườn trồng cây đất xốp dễ chăm bón. Biết bao nhiêu giọt mồ hôi đã đổ xuống. Họ làm không ngơi nghỉ cả những đêm trắng, hay những ngày mưa phùn. Thành quả ấy trở thành kỳ vĩ đẹp nên thơ và vĩnh cửu.

Quê hương trải qua nhiều biến cố của chiến tranh nhưng những tuyệt tác ấy vẫn còn mãi với thời gian. Trơ gan cùng tuế nguyệt, đẹp mê hồn khi du khách được một lần ghé thăm, rêu đã phủ xanh murót, nhiều loại cây thân dây bám vào nở hoa như bức tranh thêu tuyệt mỹ. Đá bây giờ không cô đơn mà được xếp thành lũy thành hàng cao thấp.

Mưa nắng đã làm bề mặt của đá phủ đầy hoa lá rong rêu. Những đêm trăng sáng ngồi trên ngõ đá nhìn bóng chị Hằng cao vợi, nghe gió rừng vi vu lay động vườn cau, vườn quế sum suê lá. Mùi hương của chanh, của bưởi, của chè, của cau, bòn bon, măng cụt toả ra thơm phức trong một không gian bằng bạc sương mờ ẩm áp mùa xuân. Ngõ đá có khi ngoằn ngoèo, cao vút, ta bước đi bằng đôi chân trần trên thảm rêu xanh êm như nhung, lưng khòm khòm để bước từng bước trèo lên cao mới tới cái sân rồi mới thấy cái nhà gỗ mang thanh bình trong lòng điệu vợi.

Làng quê, nếu không nhiều ngõ đá kỳ vĩ thì cũng có ít; bắt đầu từ dốc Suối Đá Kỳ Long của Huyện Tam Kỳ trở lên là địa bàn huyện Tiên Phước, vườn tược đều có xây thành lũy đá, ngõ bằng đá.

Về các làng xã xa xôi, heo hút ngõ đá càng đẹp vô cùng. Nổi tiếng là làng Lộc Yên, vùng Năm Tiên Cảnh. Vì nhà được xây trên những ngọn đồi cao tạo địa hình xây cất đặc biệt, đá núi càng to hơn, nhà ở trên cao, đứng dưới ngõ nhìn lên không thấy nhà, ta khom lưng từng bước lên cao dần, nghe tiếng chó sủa trên đầu mình là biết đến cái sân. Nhìn xuống bao la là mây trời trắng muốt trôi lãng đãng trên các triền thung lũng đầy cây xanh bát ngát hay những con suối con sông uốn mình qua khe núi. Từ xưa, ai cũng được nghe truyền thuyết nơi đây là xứ Tiên. Thật đúng là một cảnh vật đẹp như cõi tiên. Nhờ các bậc tiền nhân xây dựng cơ đồ mà tạo hoá ban tặng lúc ban sơ cái không gian huyền hoặc, nên thơ của đất trời.

Nơi đây người dân hiền từ, chịu khó, ảnh hưởng của cảnh vật nên nảy sinh ra nhiều danh nhân lỗi lạc: Chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, Chí sĩ Phan Chu Trinh, Danh sĩ Lê Vĩnh Khanh, Chí sĩ Lê Cơ, Chí sĩ Lê Vĩnh Huy, Chí sĩ Lê Lượng, đều sinh vào giữa hoặc cuối thế kỷ thứ 18, và Chí sĩ Phạm Bằng đầu thế kỷ 19. Tất cả là những vị vì dân vì nước, tranh đấu cho độc lập tự do dân tộc. Sử sách muôn đời ghi nhớ.

Sức sống mãnh liệt và dẻo dai của người dân miền trung du thật tuyệt vời. Ngõ Đá làm rung động biết bao hồn thơ, đắm chìm trong mộng ảo mà hoá ra đời thực.

Ngõ Đá như có linh hồn hoà với người thân trường kỳ qua bao thăng trầm lịch sử, những thiếu phụ ra ngõ đứng chờ chồng trở về, những bà mẹ già chống gậy đứng ngóng con biền biệt không bao giờ về lại mái nhà xưa; nước mắt của họ rơi trên những phiến đá, hình như đá cũng khóc theo.

Trong hoàn cảnh đau lòng đó có mẹ tôi, đứng chờ con trai mỗi mòn đến cuối đời. Và riêng tuổi thơ ở miền sơn cước đầu gối được ăn trầu mỗi ngày cũng vài ba bận, hay những anh chàng say rượu lổ mũi cũng ăn trầu mà trọn đời không còn nhớ biết bao lần xuống hố. Ngõ đá thương các cô gái còng lưng bước từng bước, vai gánh đôi thùng nước muốn đi lên mà lại bị thụt lùi.

Dẫu có đi đâu xa vẫn nhớ về quê hương có làng quê thanh bình đẹp nên thơ không nơi nào đẹp như thế bởi bàn tay của tiền nhân xây dựng.

Để tỏ lòng biết ơn đối với tổ tiên, tôi xin in lấy Ngõ Đá để làm kỷ niệm. Ngõ Đá mãi mãi vĩnh cửu muôn đời, mòn chân người tha thiết yêu quê hương xứ sở.

Ánh Nguyệt

Hương Chiều

Thiên Lý

Kể từ khi cơn dịch Covid đã dịu lại, tôi thường đi bộ mỗi ngày hai lần vào buổi sáng và buổi chiều quanh khu xóm tôi ở. Đi bộ là cách duy nhất để tôi kèm hãm tốc độ lên cân ngoài ý muốn, và cũng để hít thở khí trời tươi mát sau mấy tháng bị “cấm cung” trong nhà. Thế giới nhỏ bé bên ngoài mà tôi được nhìn ngắm mỗi sáng sớm trên đường đi bộ, là ánh mặt trời lấp ló sau đám mây hồng hồng, những vườn cỏ xanh mượt mà đang được nước tưới phun lên từng vòng quay quay. Những cánh hoa đủ loại, đủ màu sắc, quyến rũ đôi mắt tôi theo bước chân ngập ngừng như muốn dừng lại với hoa. Không khí trong lành buổi sáng cho tôi cảm giác sảng khoái, dễ chịu song hành với một chút lo sợ trước sự yên tĩnh, vắng vẻ của khu xóm hãy còn yên giấc.

Buổi chiều, khi mặt trời vừa xuống thấp về hướng tây để lại chút ánh nắng nhạt, là lúc tôi bắt đầu cuộc đi bộ lần thứ hai trong ngày. Khác với không khí và cảm giác buổi sáng, lòng tôi luôn nao nức theo bóng dáng những đứa bé đạp xe qua lại trên đường, hay từng nhóm chơi đùa trong công viên. Trẻ nhỏ thì tụ tập ở góc xích đu cầu tuột, nhóm lớn hơn thì chơi banh bóng chuyền. Trước

cửa vài nhà đâu đó vang vọng tiếng trẻ thơ trò chuyện râm ran, vui vẻ. Trên nền trời đang ngả sang màu vàng cam, những cánh chim nâu bay từng đàn gọi nhau ríu rít. Đôi khi xen giữa âm thanh ấy cũng có tiếng “Cúc cu” lạc loài của con chim Cu cô đơn nào gọi lên một chút buồn vu vơ. Tôi còn nghe tiếng gió, có khi nhẹ hiu hiu, có khi thổi mát rượi, trong hơi gió đưa qua có mùi hoa sồi thơm thơm từ bên rào nhà ai thoang thoảng, mùi hoa cúc đại ngây ngây ven đường, mùi cỏ ẩm xanh tươi, mùi Russian Sage tím nồng cay tựa như mùi rau húng Thái, mùi hăng hăng của cây xương rồng... Đặc biệt là mùi thức ăn lan toả trong không gian chiều, dù tôi không nhìn thấy làn khói nào bay lên từ những mái nhà như ở Việt Nam ngày xưa, tôi vẫn thấy ấm áp làm sao khi nghĩ về bữa cơm gia đình sum họp. Tôi gọi tất cả những âm thanh, mùi vị của mỗi buổi chiều mà tôi được tận hưởng một cách thú vị này là hương chiều.

Hương chiều thật bình thường, giản dị, nó không chỉ để lại trong tôi một cảm giác quen thuộc gần gũi, mà còn làm chạnh lòng nhớ quê hương từ mỗi góc đường, mỗi con dốc, mỗi hương vị trong cái tạp vị hàng ngày nơi đây. Nhất là mùi thức ăn thơm lừng theo gió quện lên mũi và động vào bao tử dậy lên một sự cồn cào... Tôi nhớ đến mùi xào nấu của mẹ trong bếp thuở nào khi tôi còn ở tuổi niên thiếu, vào thời khắc hoàng hôn đang xuống, mặt trời thấp dần tô lên áng mây chiều một màu đỏ ối cũng là giờ ông trời nấu cơm (mẹ tôi hay nói thế mỗi khi mặt trời lặn). Lần nào em bé tôi khóc đòi thì tôi hay bế em ra sân chỉ lên áng mây đỏ, dỗ dành em bằng câu chuyện tưởng tượng về những nàng tiên nữ xinh đẹp đang bận rộn; phụ giúp ông trời nấu cơm bên bếp mây đỏ ấy làm mùi thơm bay đầy. Khoảnh khắc chiều êm ả quá,

tôi cứ quẩn luyến nhìn lên bầu trời phía tây, ngẫm nghĩ đến bữa cơm chiều trên thiên đình chắc phải vui lắm, rồi chờ cho đến khi đám mây đỏ chuyển thành màu hồng tím tím, từ từ sang màu lam đậm, dần dà buông màn đen xuống, tôi mới bế em vào nhà. Tôi yêu quá khung cảnh cùng với hương vị bếp chiều của mẹ trong một góc trời ở Đà Lạt ngày ấy.

Trên đường đi bộ, tôi thích đi xuống một con dốc dài rồi lại leo ngược trở lên cao và dừng lại ở đỉnh dốc nghỉ một chút. Trong những lần nghỉ, tôi hay băng quơ nhìn xuống ngay dưới chân dốc bên kia đường là một khoảng sân vận động rộng lớn. Nơi đó, chỉ cách đây vài tháng vẫn còn rộn ràng huyên náo biết bao với nhiều trận tập chơi “soft ball” của những “cầu thủ” tí hon ở độ tuổi mẫu giáo, dễ thương trong bộ đồng phục thể thao xanh, đỏ, nón đội lúp xúp. Tay lăm le cầm cái bat, bộ mặt hết sức chăm chú vào trái banh để quật rồi quăng bat chạy lon ton về tụ trong tiếng reo hò, vỗ tay cổ động của các bậc khán giả cha mẹ anh em, họ hàng... Giờ đây sân cỏ vắng hoe, những hàng ghế trống lặng lẽ. Tôi tự hỏi không biết đến bao giờ sinh hoạt thể thao nơi đây sẽ trở lại bình thường để nhịp sống của trẻ vui hơn? Phía bên phải của sân vận động là một dãy nhà mái xám nằm cách nhau bằng những kiểu hàng rào khác biệt. Nhìn cảnh này, tôi chợt như nhìn lại từ khung cửa sổ trên căn gác nhỏ hẹp mỗi chiều ở Việt Nam, những mái nhà tôn trắng xám chen giữa vài mái ngói nâu lấm tấm vệt rêu xanh. Khói bếp bay lên từ những mái nhà ấy, mùi khói than, mùi khói củi, mùi khói của bếp dầu... Dù đã rất lâu, tôi không còn được ngửi thấy mùi khói này nhưng quanh quẩn ở đâu đó trong tâm trí, trong khứu giác tôi vẫn còn hương vị khói bếp thuở nào làm cay cay đôi mắt.

Chiều nay, tôi lại bắt đầu cuộc đi bộ với con chó nhỏ trong thời tiết lành lạnh, có chút nắng đủ soi ấm một đoạn đường từ nhà tôi ra công viên. Lá đã rụng hết trên các cành cây hai bên đường, những đồng lá chết phủ đầy trên lề, trên những bãi cỏ cũng đã héo vàng. Tôi ngửi được mùi lá khô và nghe rõ âm thanh dồn rậm dưới mỗi bước chân đạp trên lá. Mấy hôm nay trời bắt đầu trở lạnh nhiều hơn, nên tôi không còn thấy bóng dáng những đứa bé chơi đùa ngoài công viên, hay đạp xe qua lại nữa. Thình thoảng tôi mới gặp một vài người dắt chó đi bộ; thời tiết thay đổi làm cảnh chiều khác đi một chút. Hương chiều thiếu hẳn mùi hoa trong gió, vắng tiếng gọi nhau của đàn chim cánh nâu bay về tổ và cả âm thanh cúc cu đơn lẻ, mùi thức ăn bay lên cũng mất, chỉ còn một mùi hương lạnh giá của buổi chiều tàn thu quanh quẩn. Khi rẽ ngang qua một đoạn đường có bảng “ Stop”, tôi chợt nghe mùi khói thuốc từ đâu dội lại, trong giây phút thoáng qua tôi nghĩ ngay đến mùi khói bếp lan toả, mùi củ cháy, mùi than hồng khiến tôi có cảm giác lòng mình như ấm thêm, bỗng dưng tôi mỉm cười cho sự lẫn lộn của mình rồi vu vơ hát thầm: *“Trên đường về nhớ đầy, chiều chậm đưa chân ngày, tiếng buồn vang trong mây, tiếng buồn vang trong mây. Chim rừng quên cất cánh, gió say tình ngây ngây, có phải sầu vạn cổ, chất trong hồn chiều nay, chất trong hồn chiều nay. Tôi là người lữ khách, màu chiều khó làm khuây, ngỡ lòng mình là rừng, ngỡ lòng mình là mây, nhớ nhà chầm điếu thuốc, khói huyền bay lên cây...”*

Thiên Lý (Ngày 28/11/20)

Bão Rớt

phạm tương như

Tháng Tư như siêu vi khuẩn gặm nhấm thể xác và nỗi đau mẫn tít ray rút lòng Quân Dân Cán Chính VNCH. Tháng Tư như niềm đau héo úa của cây cỏ, rụng lá vào mùa đông sau những tháng ngày cố vươn lên xanh màu lục diệp. Không có bài kinh hay câu bùa chú nào làm ta quên Tháng Ba gãy súng và Tháng Tư Quốc Hận. Cuối những tháng 3, người lính biết buồn. Mưa buồn đã đành, sao nắng cũng buồn!? Thức buồn mà ngủ cũng buồn! Cứ đến tháng Tư là lòng người lính cũ bất an. Ăn không ngon và ngủ không yên giấc. Nỗi buồn hận của người “*tức tưởi già từ vũ khí*” vẫn còn trí nhớ! Người lính bộ binh nhớ những bạn bè, đồng ngũ chết trận, không thể lấy được xác về cho gia đình. Người phi công đi không ai tìm xác rơi. Người lính Hải quân nhớ những thuộc cấp chết không kịp thủy táng... Linh hương Ngũ Tướng, tro cốt Trung Tướng Ngô Quang Trưởng rải nơi đèo Hải Vân và cửa biển Thuận An, Tro cốt Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam rải trên Sông Hậu, Sông Tiền không biết có ngậm cười cùng đồng đội nơi suối vàng...

Ngày 30 tháng 4 vài năm trước đây, tôi phải qua Toronto, Canada. Hãng Pump Arts, Inc. cần mấy cái Bowl castings và cái

vỏ máy bơm nhiều tầng, nặng vài ngàn cân Anh. Hãng đúc Amit Foundry nằm ở phía Bắc thành phố New Orlean có lò nung thép lớn nhưng không chuyên môn về các loại máy bơm ly tâm có nhiều cánh bên trong. Chúng tôi đặt hàng ở hãng đúc thép Canada Alloy Foundry nằm 30 dặm về hướng đông của thành phố Toronto, tôi là Foundry Engineer chịu trách nhiệm kỹ thuật. Là người thực hiện hai “*khuôn mẫu*” này, nên được cử đi giám sát. Sẵn có chuyến công tác xa nên vợ yêu đi theo vì nghe nói Asian Town ở Toronto đẹp lắm. Chúng tôi check in khách sạn xong là gọi điện thoại ngay cho chú em hàng xóm cùng quê Quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long. Tháng 4, năm 1975 chú Thành là Thiếu Úy Biệt Động Quân nên cũng phải gỡ lịch trong trại cải tạo 6 năm. Chuyện tình của chú thì tôi biết rõ và nó rất ly kỳ... kỳ không lẫn kỳ đà! Chú Thành và cô Thanh cùng học chung trường Trung Học Chợ Lách. Nhà hai người đều nghèo nên dù đẹp trai xinh gái, hai cô cậu phải giúp Ba Mẹ làm gạch, ngói nơi lò gạch của Ba tôi trong những ngày cuối tuần. Hai đứa nhỏ hơn tôi vài tuổi và xem chừng quý mến nhau lắm lắm. Tình học trò quê vừa đẹp vừa chon chát, giản dị... Anh biết nhổ mạ cho em cấy lúa. Em cắt lúa chín vàng, anh cho trâu cộ lúa, đập lúa, làm rơm... Chính tôi cũng bị rung động khi nhìn cô Thanh trở mã thành thiếu nữ. Không chừng cô đẹp nhất xã Vĩnh Bình của chúng tôi! Đến hết năm Đệ Tứ thì cô Thanh thi rớt Trung Học Đệ Nhất Cấp, phải nghỉ học lo giúp đỡ Mẹ đang làm gạch trong tình trạng sức khỏe không mấy tốt. Chú Thành thi đậu nên lên tỉnh “*du học*”.

Không biết vì muốn theo chú Thành hay vì không muốn tay lấm chân bùn nơi quê nghèo mà cô Thanh lên tỉnh bán nước mía kiếm sống và lo giúp Mẹ. Tôi cũng không biết chú Thành đẹp trai

có lúc vô tình với cô Thanh xinh gái - vì cô chỉ là cô gái bán nước mía - hay vì chú Thành ghen khi nhiều buổi chiều có ông Trung Ủy thuộc Tiểu Đoàn 43 Biệt Động Quân đóng bên kia cầu Khru Vắn Ba lái xe Jeep đến “đóng đô” cạnh quây nước mía ngọt lịm và thơm mùi thiếu nữ. Cảnh sắc hữu tình của sông nước miền Tây. Cây vườn sai oằn trái ngọt càng làm tăng thêm tính cách lãng mạn của “*anh tiền tuyến, em hậu phương*”. Một thời gian sau đó, Ông Trung Ủy bận hành quân liên miên hay đổi đi đơn vị khác và cô thiếu nữ 16 tuổi mang “*bầu tâm sự*”. Tin cô Thanh bán nước mía tự tử, được cứu sống truyền khẩu khắp phố, khiến nhiều người thương cảm. Nhiều người khác căm giận, lời ra tiếng vào với màu áo hoa rừng duy nhất thấy trong tỉnh lỵ. Cô Thanh bỏ phố thị Vĩnh Long và dòng Cổ Chiên lục bình trôi man mác, mang tâm sự u trầm về sống bên dòng sông Tiền, gần lò gạch của Ba tôi và những kỷ niệm thời thơ ấu. Những mùa nước rong không còn được chú Thành đẩy xuống ba lá cùng cô Thanh cắm câu nơi các bờ đê xanh màu lúa mới. Nắng hè đỏ mờ hôi không có chú Thành cầm nón lá quạt mát và nhìn nụ cười tươi của người yêu. Cô Thanh hạ sinh một bé gái xinh đẹp, trắng trẻo còn hơn cả Mẹ. Nhưng xã hội không tha cho cô. Cô sống đời khép kín, chăm chỉ làm việc, lo nuôi con và phụ giúp Mẹ trong sự gièm pha của hàng xóm và tiếng xấu miệng đời...

Cuộc đời cô Thanh, chú Thành có nhiều ngã rẽ. Cô Thanh tả tơi, vất vả với kiếp nghèo. Chú Thành mặc áo hoa rừng phiêu lưu bao mùa binh lửa. Rồi Tháng Tư oan nghiệt ụp đến...

Tháng Tư năm 1981, chú Thành tốt nghiệp “*Đại Học Máu*” của bên thắng cuộc với giấy chứng nhận ra trại nhỏ, về trại lớn

Xã Nghĩa. Khi cả nước đều thiếu ăn và sinh hoạt ồn ào nhất là vượt biên, vượt biển tìm Tự Do. Cả Mẹ chú và Mẹ cô Thanh đã mất vì thiếu ăn và bệnh không thuốc trị. Thuốc “*xuyên tâm liên*” trị bá bệnh không cứu mạng hai bà Mẹ đáng thương. Thấy tình trạng khốn khó của Mẹ con Cô Thanh. Vừa không có vườn đất vừa bị nhiều người chèn ép, lường công... có khi gạ ép tình dục nên chú Thành đón Mẹ con cô Thanh về nhà sống chung để dễ dàng giúp đỡ lẫn nhau, như hai người bạn thời đi học...

Nhờ sự giúp đỡ của người bạn Mũ Nâu, gia đình có tàu đánh cá ở biển Ba Động, Trà Vinh nên chú Thành, cô Thanh và bé Kiều Nga đến được bến bờ Tự Do và định cư tại Toronto. Chú Thành mượn căn chung cư 2 phòng. Mẹ con cô Thanh ở một phòng, chú Thành ở một phòng. Chú Thành vừa đi học vừa đi làm cho đến khi tốt nghiệp. Được nhận vào làm cho hãng điện thoại AT&T. Chú chăm sóc Mẹ con cô Thanh như thể vợ con mình. Chú chỉ cười khi có nhiều bạn bè trong Cộng Đồng Việt nghi ngờ tính “*quân tử Tàu*” của chú. Chẳng bao giờ chú rủ rê ai về nhà ăn uống, sợ làm cô Thanh thêm cực. Cô Thanh chuyên lãnh đồ về nhà may và lo nấu ăn. Chia bớt gánh nặng cho người bạn học “*tốt bụng*”, cũng là người tình xưa, người tình muôn thuở. Ở xứ lạnh lại làm việc trong nhà. Cô Thanh khôi phục phần nào nhan sắc. Có vài chàng Việt tộc gạ gẫm, ngỏ ý nhưng cô Thanh từ chối khéo. Việc lý do muốn lo cho con và còn lo cho bà con bên nhà. Chú Thành chưa bao giờ xem thường hay trách hờn cô Thanh. Mỗi khi nghe cô Thanh tự trách mình thì chú Thành tự nhận một nửa lỗi về phần mình; hai người có duyên mà chưa nặng nợ tào khang... Khi cháu Kiều Nga sắp học xong Trung Học thì cô Thanh lâm trọng bệnh và qua đời. Cô Thanh vừa lao tâm vừa lao

lực, thức khuya dậy sớm nên bị ung thư phổi. Chú Thành thêm một vết cắt trong tim khi biết cô Thanh lâm trọng bệnh, nhưng cố giấu vì không muốn chú Thành phải lo lắng thêm. Cô Thanh vĩnh viễn ra đi mang theo khối tình ngang trái.

Kiều Nga lớn lên trong tình thương yêu của Mẹ và sự lo lắng tận tình của chú Thành. Có thể vì Mẹ kể nhiều về lòng tốt của chú Thành, người đã hy sinh phần thời gian đẹp nhất của cuộc đời lo cho Mẹ con nàng được yên ấm, an toàn như mọi công dân Canada khác. Chú Thành cũng nhìn ra nét e ấp, bẽn lẽn của Kiều Nga đối với chú; Kiều Nga vừa chăm lo học hành vừa phụ nấu nướng cho chú đỡ vất vả. Nàng cũng để dành tiền chú cho ăn quà để mua tặng phẩm cho chú. Khi thì cái cà vạt, áo sơ mi, lúc lại mua máy cạo râu, bàn chải đánh răng, nón lưỡi trai...

Đến năm Đại Học thứ hai của Kiều Nga, khi chú Thành phải vào phòng lấy quần áo tắm của Kiều Nga để mang qua nhà người bạn của nàng theo yêu cầu; chú Thành ngạc nhiên đến tột cùng, chân muốn ngã, tay run run cảm xúc khi tình cờ đọc được một số *“thư tình”* của nàng viết cho chú để ở bàn trang điểm của nàng... Rồi đến tháng Tư cùng năm, chú rể Thành cưới cháu Kiều Nga nhỏ thua đến 16 tuổi.

Vợ chồng chú Thành đến khách sạn đón vợ chồng tôi. Chú Thành nói:

- Anh chị để xe mượn ở đây đi. Tụi em sẽ dành cho Anh chị sự ngạc nhiên thích thú.

- Gì ghê vậy! Lần trước qua đây anh có ăn đế, cào cào, châu châu rồi! Có trùn đất chiền mà ghê quá. Anh không dám ăn.

- Anh chị có ăn phở, bún bò Huế do phụ nữ ngoại quốc nấu chưa? Và chuyện của Thanh nữa. Tiểu thuyết Quỳnh Dao hay Bà Tòng Long cũng không bằng đâu!

Chúng tôi vừa nhìn quang cảnh bông hoa mùa xuân, vừa hỏi chuyện con cháu. Dĩ nhiên không thể thiếu chuyện buồn Tháng Tư đen! Thấy chú Thành còn phong độ bên người đẹp Kiều Nga vui vẻ, tề nhị và có vẻ chu đáo nên vợ chồng tôi rất mừng. Kiều Nga có đôi mắt buồn của cô Thanh, dáng mảnh mai và cao hơn cả Biệt Động Quân “*sát*” một chút! Chừng 15, 20 mươi phút gì đó, chúng tôi ngừng xe trước một căn nhà bề thế, gần như trang trại, cách biệt thị tứ khá xa. Đón chúng tôi là một người lính to con, mặc áo rằn ri và đội mũ nâu lính VNCH. Bên cạnh ông là người vợ Mễ hay Nam Mỹ với hai đứa bé, một trai một gái. Tất cả đang cười tươi như đón bạn bè quen nhau từ lâu rồi.

Chủ nhà bắt tay tôi. Cúi đầu chào vợ tôi. Tự giới thiệu:

- Anh là Hoàng, vợ anh tên Sylvia. Cháu Tom và Amy. Mời tất cả vào nhà, ăn tối kéo nguội.

- Dạ chào Niên Trưởng. Cui oai phong lắm liệt nha! Tụi em là T và Hoa từ Houston Texas.

- Biết rồi! Anh nghe Thành nói hồi đầu tuần. Chính anh đề nghị vợ chồng Thành mời hai em tới đây chơi và ăn tối. Ngày này không có bạn bè là buồn nấu ruột.

Tôi đoán Anh nghĩ về thời khắc cuối tháng Tư đen!

Chúng tôi vừa an vị nơi bàn ăn có vẻ cổ xưa. Kiều Nga và hai cháu bé đang phụ chị Sylvia múc và mang những tô bún bò Huế

bốc khói. Hương vị nồng nàn còn hơn hẳn ngoài tiệm. Người mùi đã cảm thấy đói bụng.

Vợ tôi buột miệng:

- Anh Hoàng giỏi quá vậy. Bún bò Huế thơm lừng, rau đủ mọi thứ. Mở tiệm đi anh!

- Sylvia nấu đó em. Các con anh thích ăn món này lắm. Nhất là Kiều Nga!

Anh Hoàng đốt ba nén hương cắm vào cái lư hương đã đầy tro trên bàn thờ. Bên cạnh là chai Beer 33 và bao thuốc lá Capstan. Kiều Nga mang tô bún bò Huế đặt kê bên đĩa trái cây và bình hoa đại như thể đã quen phong cách cúng 30 Tháng Tư này của nhà Anh Hoàng. Anh Hoàng rót Beer và đốt thuốc lá mời các chiến hữu đã “*hy sinh vì Tổ quốc*” của anh. Anh quay lại, ngồi vào bàn với đôi mắt mỏi u buồn...

Kiều Nga bung tô bún thứ hai ra, đặt trước mặt anh Hoàng và thưa:

- Con mời Ba. Tô này đặc biệt nhiều ớt đó!

Vợ chồng tôi đang chưng hửng. Chưa hiểu rõ mọi chuyện thì anh Hoàng miệng hít hà, nét mặt vui tươi trở lại. Anh nhìn mọi người an vị với tô bún trước mặt. Anh dang hai cánh tay ra phía trước và mời:

- Nào! Chúng ta cùng nâng ly mừng đồng hương Vĩnh Long.

- Dạ mời Niên Trưởng, mời Sylvia, tiên chủ hậu khách mà!

- Mời hai em! Người nhà cả mà!

Trong lúc cả chủ lẫn khách ăn uống. Anh Hoàng thắc mắc:

- Cơ hội nào và vì sao chú học được cái nghề lạ lùng này?

- Thừa huynh câu hỏi này bà Thu Nga, Giám đốc đài phát thanh Saigon-Dallas và SBTN-Texas cũng hỏi. Số là năm '75 em đến Mỹ trong sự bất mãn vì Quân đội mình bị bỏ rơi. Đúng hơn là đồng minh phản bội. Thiếu vũ khí, đạn dược, xăng nhớt nên dù thông minh gan dạ là thế mà cũng phải bẻ súng đầu hàng. Em còn trẻ nên tầm nhìn nông cạn. Cứ nghĩ học nghề này mình sẽ tự chế vũ khí, xe cộ, máy bay, tàu thủy... để tự túc lấy lại cơ đồ, bảo vệ đất nước. Em đi khắp nước Mỹ mà chỉ gặp duy nhất một anh chàng là lính Công binh, cựu học sinh Kỹ Thuật Phú Thọ làm cho hãng đúc Atlas ở Tacoma, WA.

Anh Hoàng kể cho chúng tôi nghe thời anh đóng quân ở Vĩnh Long. Đơn vị anh là lực lượng trừ bị duy nhất trong vùng. Anh bận hành quân, nhưng khi về đến hậu cứ là mượn xe Jeep đến thăm cô hàng nước mía mà anh nghĩ là cô đẹp nhất phố. Gia đình anh bẽ thế ở Sài Gòn. Anh đang học nửa chừng bậc Đại Học Sư Phạm thì vào quân đội vì chán nghề Thầy Giáo tương lai. Khi biết người yêu có thai với mình, anh về thưa với cha mẹ để xin được cưới cô Thanh. Bị cha mẹ từ chối và dọa sẽ từ con nếu anh cãi lời. Buồn quá anh Hoàng xin đổi ra vùng cao nguyên và trở thành Biệt Động Quân biên phòng. Nhờ tấm ảnh chụp chung anh và Thanh ngồi trên xe Jeep - mà Thanh rất hãnh diện kể cho con nghe khi đi dự tiệc, hay xem trên TV tiếng Việt hình ảnh người lính Biệt Động. Nhờ chú Thành tận tình tìm kiếm và Đặc San Biệt Động Quân mà cha con anh đoàn tụ. Dù là gặp nhau nơi xứ người. Nhưng chắc hương linh của cô Thanh cũng toại nguyện và yên

lòng về cõi vĩnh hằng. *“Dòng Tiền Giang nước vẫn trôi. Hồn em siêu thoát thành thoi vô hình”*

Ăn tối xong, quý phụ nữ quây quần bên TV nghe nhạc. Hai đứa nhỏ chăm chỉ với trò chơi gì đó. Anh Hoàng rủ tôi và Thành ra sau nhà uống trà, kể chuyện nhà binh. Trăng đêm treo chênh vênh. Vài áng mây phiêu lãng. Phía xa là cánh rừng. Xa nữa là dãy núi...

Anh Thành kể về những ngày sau cùng đời lính. Tiểu Đoàn Biệt Động của anh phải chia thành nhiều toán nhỏ xuyên rừng ngang Lâm Đồng, Bảo Lộc và về tới Xuân Lộc. Đơn vị của anh cùng Sư Đoàn 18 và Lữ Đoàn Dù đã gây tổn thất rất nặng cho các đại đơn vị cộng sản. Cuối cùng về tới Nhà Bè thì có lệnh buông súng. Anh và sáu Sĩ Quan Mũ Nâu khác ẩn núp vào rừng lá, tiếp tục chiến đấu. Khi có lệnh và nhiều Sĩ Quan QLVNCH đã phải trình diện học tập cải tạo. Anh và các bạn không còn chỗ nương thân, tiếp tế. Nhóm anh phục kích một toán 3 thằng lính thủy cộng sản, cướp súng đạn và vượt biển. Anh Hoàng và các bạn là một trong số những thuyền nhân đầu tiên đến Mã Lai. Anh nói:

- Chúng ta hãnh diện là người Việt Nam. Nhưng sanh lầm thế kỷ. Sống nửa đời chưa qua cơn ác mộng. 30 Tháng Tư sẽ mãi mãi là ngày *“Quốc hận”* của mọi người dân cả Nam lẫn Bắc.

- Làm người Việt Nam hôm nay thật đáng thương. Anh em mình may mắn hơn nhiều người. Nhưng kiếp tha phương đeo hòn vong quốc. Những thường dân trong nước chịu quá nhiều áp bức. Mất quyền công dân. Môi trường sống cạn dần.

- Đất nước mình bị Tàu chiếm cứ “*da beo*” khắp nơi. Tài nguyên bị Tàu thu tóm. Biển đảo tôm cá bị chúng cướp hết. Chắc chắn tương lai đen tối đang chờ dân mình trước mặt.

Chú Thành đang ngồi im lắng nghe cũng buột miệng nói:

- Đúng là “*Quốc hận*”. Không biết mình có sống đến ngày Sài Gòn trở lại là Thủ đô VNCH như xưa?

Như tâm tình nhiều lính cũ khác, anh Hoàng thắc mắc:

- Không hiểu sao năm ‘75 binh lính VNCH mình còn hăng say chiến đấu đến thế mà phải đầu hàng. Nghĩ cho cùng các Tướng Lãnh của mình rất yếu về mặt ngoại giao. Không tìm thêm viện trợ từ các quốc gia yêu chuộng Tự Do ngoài Mỹ.

Tôi góp ý:

- Dương Văn Minh giết Tổng Thống Diệm. Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng. Dương Văn Minh có em là Sĩ Quan cấp Tá cộng sản. Phải chăng tay này là nội gián như các nội gián nguy hiểm khác. Phạm Xuân Ẩn chẳng hạn. Em có đọc một bài viết do vị Tiểu Đoàn Trưởng trong chiến dịch triệt hạ Bình Xuyên mà ông Minh là Tư lệnh. Ông Tiểu Đoàn Trưởng tịch thu được rất nhiều vàng của Ba Cụt, giao cho ông Minh. Ông Minh lấy của đó mua “Dinh Hoa Lan” chứ không giao lại cho Chính phủ Cự Diệm.

Anh Hoàng lắc đầu thờ ra. Anh lớn tiếng quả quyết:

- Mấy chú biết lý do lớn nhất là gì không? Vì bọn đầu sỏ cộng sản Bắc Việt ngu xuẩn. Đem voi về giày mả tổ. Nghe theo Nga Tàu. Thối mạng người Việt cho Nga Tàu như Lê Duẩn thừa nhận. Vì lính cộng sản Bắc Việt là những con vẹt khờ dại. Bị lường gạt

để chết oan cho một chủ nghĩa bất nhân tâm. Lịch sử nhân loại sẽ nguyên rửa Cộng sản như loài ác quỷ, mị dân. Bè phái phe nhóm hà hiếp nhân dân.

Đêm về khuya, sương giăng mờ ánh trăng. Chúng tôi không còn nhìn thấy dãy núi xa. Dãy sương đêm giăng ngang bìa rừng trông như giòng sông quê nhà mờ sương hay mưa bụi. Bờ vai lạnh được quý phu nhân phủ cho lớp áo khoác nhẹ và nhắc nhở chồng đêm đã muộn. Vợ con những người lính VNCH sẽ không bao giờ hiểu hết tâm trạng những người lính phải buông súng, dù từng chiến thắng trên nhiều trận địa. Nhất là hình ảnh đau thương của đồng đội chết trận.

Ấm trà nguội lạnh, ly tách lặng câm, bàn ghế tro vơ gỗ đá mà nỗi niềm còn un khói trong lòng ba chàng lính cũ.

*Vá cờ không khâu được lòng tôi
Nhưng tháng Tư chết đứng lâu rồi
Khói hương bay chiêu Hồn Tử Sĩ
Đời tha phương tóc bạc như vôi.*

Phạm Tương Như

25/04/ 2021

Nhập Tử Bất Tri

Thiên Địa Sự Du Du Hề...

Út Bạch Lan

Joan Didion đã nói, "*Chúng ta chẳng thể lường được nỗi đau khi nó ập đến...*" Nỗi đau mất mát, mất tiền bạc tài sản, mất thân bằng quyến thuộc bằng hữu; mất một cánh tay, cụt một bàn chân thì thời gian có thể hàn gắn mọi vết thương, nhưng mất nước là mất tất cả, chẳng có hàn xì gió đá nào hàn gắn được, nó đã trở thành một vết sẹo nổi cộm lên từ tận tâm thức của những người mất nước. Mất cả công danh sự nghiệp, mất cả hiện tại và tương lai, và nhất là mất quê cha đất tổ nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Nửa thế kỷ rồi, nỗi đau mất mát đó khó nguôi ngoai với những người còn canh cánh bên lòng mỗi cảm hờn vong quốc. Cổ trần tinh bản thân, không bi quan, không ngã quy dù rằng vẫn đã biết:

*Thôi chẳng còn, chẳng còn gì,
Kỷ niệm ơi nhắc nhở chi hoài
Hãy quên đi, hãy quên đi...
Như mùa xuân đã chết trên cành thiên thu
Chẳng còn, chẳng còn,
Mùa Xuân đã chết, trên cội mai già, tình ta cũng sẽ hết
Nhưng còn tất cả, nỗi nhớ nhớ thương thương,*

(Như Giọt Sầu Rơi - Anh Việt Thu)

Vâng! Mùa Xuân đã chết trên cội mai già, nhưng lòng già này chưa chết, nó vẫn còn thoi thóp thở trong hy vọng vô biên ngày trở lại dù là tấm thân còm trên cây nạng gỗ. Tôi vẫn sống an nhiên tự tại thong dong mặc cho thế sự thăng trầm bể dâu, dâu bể thay đổi, đổi thay. Nhà tôi ở trong khu gọi là "low income" nên ngày vắng tanh người qua lại, đêm thiếu ánh đèn đường, gọi là nhà, nhưng thật ra nó chỉ là nơi tạm dung như cái chuồng nuôi ngựa đơ bản của Câu Tiễn trong thời gian bị Phù Sai giam cầm. Tôi không có nuôi ngựa mà nuôi... chó với mèo.

Xạo sự tản mạn ngày hôm nay, tôi xin mượn bài thơ "Chốn Tạm Dung" của tác giả Cao Tần để lan man, những tâm trạng không đầu không đuôi để giúp vui năm ba phút phù du.

*Nhà tôi ở toòng teng đỉnh đồi
Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc
Sau lưng sương ngập cao lưng trời
Trước mặt thông sâu reo đáy vực*

Gần nửa thế kỷ rồi chứ có ngần ngừ gì đâu, bốn mươi lăm năm rồi, mỗi ngày như mọi ngày, khi còn đi cày để mưu tìm miếng cơm manh áo đủ ăn đủ mặc, không bon chen tranh giành công danh lợi lộc thế mà vui như thơ Cao Tần đã viết:

*Bắt đầu ngày bằng một chút vui
Hát nghêu ngao trong lòng xe rỗng tuếch
Bài ca quen bỗng chợt quên lời
Chút kỷ niệm còn lại mất khơi khơi
Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo
Hồn Việt trong ta ngày mỗi khô
Dốc mở như đời ta trước mặt*

Sương kín như đời ta hôm xưa

Chỉ mong ngày chủ nhật, réo gọi rủ rê nhau những mảnh hồn rách nát lưu lạc tụ năm tụ bảy cùng nhau nốc cạn một hồ trường, cùng dạo khúc tiêu cầm Tiểu Ngạo Giang Hồ với Thánh Cô, rồi cùng ôm nhau lên giường tre của Khúc Dương luyện Độc Cô Cửu Kiếm nhưng chưa lạc mất hồn quê.

*Giang hồ một túi bài ca cũ
Hát nhảm cho qua nốt tuổi già
Qua những bình minh còn ngái ngủ
Còn như chưa lạc mất quê ta*

Nhưng rồi cũng có lúc, giật mình chợt nhớ lại nỗi đau thân phận của người mất nước, cố nhắc nhở chính mình phải "Ngọa Tâm Thường Đả" (nằm gai nếm mật) chờ đợi ngày về. Nhưng ở cái xứ này làm gì có gai để mà nằm, làm gì có mật để mà nếm. Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. Nhập gia phải tùy tục. Rồi cũng phải chấp nhận cuốn theo chiều gió, không cô nhắc thì bìa, may ra hơi men chôn vùi đi phần nào một cõi đi về của nhân gian trần ai tục lụy.

*Giữa đỉnh sương mù thông đầy vực
Trên đường chênh chếch nắng mênh mang
Trôi xuôi một mảnh hồn lưu lạc
Đã chán nhân gian ở cuối đường*

Gió đông phong cuối Tháng Ba chỉ còn phơn phớt cái lạnh cuối mùa, hình như đâu đây nó mang về một nỗi buồn man mác Tháng Tư.

Rồi Tháng Tư lại về, về thì cứ về, có ai ngăn cản được đâu theo dòng thời gian trôi chảy bất tận. Chắc hẳn ai ai cũng mang tâm trạng "mất tất cả" như tôi trên xứ lạ quê người, mỗi độ Tháng Tư về đều có một chút chua xót ngậm ngùi nào đó còn vương đọng lại trên tấm lưng còng trĩu nặng nghìn cân nhớ nước non.

*Chiều về lên dốc thân tôi tả
Một quả hoàng hôn đỏ kín trời
Mình mới ngoi lên ngày đã ngã
Đêm phờ lăn lóc ngủ thay chơi
Giữa đỉnh sương mù thông đầy vực
Ngược xuôi ngo ngẩn một linh hồn
Còng lưng gánh nốt đời lưu lạc
Nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non*

Cho dù nước non xa, đã xa ngàn dặm.

Nhưng sao trong lòng vẫn vang vọng tình quê, vẫn rung rung nỗi nhớ, vẫn tha thiết ngày về bởi vì ai cũng biết không nơi nào tốt hơn nhà mình. Tiếc thay, thương thay khi nước mất nhà tan, chia lìa tứ tán mà chân thì đã chạm cửa chiều, nỗi lòng bị uất biết tỏ cùng ai. Đành mượn chữ thay lời gửi bạn gần xa cho người ngoại niệm nhớ cũng là tự nhắc chính mình vẫn là người vong quốc.

Út Bạch Lan

Tháng Tư Niên Khứ Hè!

Út Bạch Lan

*mỗi tháng tư là mỗi ngậm ngùi.
thương biết mấy những chiến binh đã ngã
khi cuộc cờ tan chốt thí sang sông. (th)*

Tháng Tư Đen! Tháng tư oan khiên nghiệt ngã đã đến! 46 năm về trước phủ chụp lên đầu dân tộc ta một vành khăn sô trắng, rồi nó đi. Chu kỳ thời gian theo tuế nguyệt nó lại về. Không ai mong đợi nó, nhưng nó vẫn cứ về mang theo nỗi buồn vong quốc cho những người lữ khách tha phương vẫn canh cánh bên lòng chờ ngày hồi cố tổ.

Nhớ lại chuyện Chiến Quốc Xuân Thu ngày xưa khi Việt Quốc vong, Câu Tiễn đành phải nuốt hờn, ngậm đắng nuốt cay như khắc ghi vào tận xương tủy, nén nỗi sỉ nhục làm thân trâu ngựa cho kẻ thắng cuộc là Ngô Phù Sai! Ôi... có nỗi đau nào hơn, mới hôm qua còn chễm chệ ngôi trên ghế Việt Vương, nay bỗng chốc phải quỳ mọp dưới chân ngựa để cho Ngô Vương bước lên lưng với tiếng cười chế nhạo, ngạo nghễ, đắc chí của đám quần thần Ngô Quốc! Câu Tiễn đã trải bao năm ngậm đắng nuốt cay, nằm gai nếm mật, để rèn bản thân, tôi luyện ý chí chờ ngày phục quốc thay vị, đổi ngôi là vì việc công mà phục hận là chuyện lòng riêng tư, sá gì nào ai biết? Đời vô thường “thương hải biến vi tang điền” mới thời qua là biển cả nay đã hóa ruộng vườn, nương dâu, chẳng phải hoá công khéo cột đùa người chẳng với dòng thời gian biến thiên nay được còn, mai mất hết, kẻ lên voi, người xuống

chó là lẽ biến dịch không ngừng của đất trời. Vui buồn gì chứ với trí tri, thấu cảm: tánh, tướng vạn vật và vạn pháp trôi lăn, vận hành theo quy luật nhân quả tự nhiên như “nó” đang là, mà tâm thức con người còn ảo tưởng miên man, mộng lung trong biển sương mù ý niệm ước lệ tục đế khi chưa giác ngộ chân đế và bản ngã?

*Ngoảnh mặt nhìn cuộc đời như giấc mộng
Được mất bại thành hóa hư không!*

Xưa trong Xuân Thu Chiến Quốc có nỗi đau của Câu Tiễn – Việt Quốc, nay trong lịch sử cận đại có nỗi đau của gần như toàn thể Quân Dân miền Nam (VNCH); và hằng năm cứ đến độ Tháng Tư về, nỗi đau tưởng như đã lắng đọng vào dĩ vãng lại trôi dạt mãnh liệt hơn khi tuổi đời đang ngả về chiều, ngời lẽ loi nhìn nắng vàng khuất mái hiên nhà, nghe thoảng trên hư không có tiếng chim gọi nhau bay về tổ, lòng chợt bồi hồi nhớ tới quãng đời qua.

Ngày đó, vất súng đạn vào góc cây bên vệ đường, lòng nặng trĩu với những giọt nước mắt đau thương, uất ức khoé mắt lưng tròng cay cay nhìn anh em binh sĩ chung quanh, họ vẫn còn một lòng tin tưởng vào cấp chỉ huy với ý chí sắt thép sẵn sàng hiên ngang tay súng thiện xạ lao vào chiến trận để bảo vệ dân lành trước bầy quỷ đỏ Bắc quân thêm khát máu tươi, tài sản của dân miền Nam trù phú. Tôi bất chợt lặng cảm xúc cảm không nói được một lời, nhìn những đồng đội đã từng vào sinh ra tử trên khắp nẻo đường chinh chiến mà lòng đau bi thương như xé nát tâm can! Cho dù có bao nhiêu cây bút tài hoa trên văn đàn cố gắng nắn nót văn chương chữ nghĩa để diễn tả với hàng ngàn trang sách báo cũng không lột tả được nỗi đau đớn tận cùng của anh em đồng đội

chúng tôi trong những ngày tang thương “Tháng Tư 1975!” Bởi lẽ “nó” là nỗi đau của "Người Lính"! Người lính cầm súng ngày đêm hành quân khắp nẻo đường đất nước với gian nguy sống chết để bảo vệ cho xóm làng được sống yên bình không bị lũ:

“giặc từ miền Bắc vô đây bàn tay dính máu đồng bào. Giặc từ miền Bắc vô đây bàn tay vấy máu anh em. Giặc cờ Đỏ bạo tàn. Giặc cờ Đỏ giết hại dân lành, đốt phá quê hương.”

Ngày 30 tháng Tư 1975, chúng tôi những người lính bị tước bỏ vũ khí, lột bỏ quân phục chẳng khác gì thân tử tội trao tay cho quân thù chờ giờ chặt đầu, lột da giết hại, và chúng tôi những người lính chết đã đành, thương cho dân lành miền Nam từ đây bị đọa đầy nhọc nhằn lao khổ dưới bàn tay cai trị hà khắc, gian manh, tham ác tha hồ giết dân, cướp của như loại thực dân mới trên phần đất miền Nam trù phú với dân chúng hiền hòa, văn minh, thói lễ nề nếp truyền thống tốt đẹp của Tổ tiên đã gìn giữ bản sắc bao đời. Chỉ riêng bản thân tôi đã có biết bao nhiêu bạn thân trong đời quân ngũ và ở khắp quân binh chủng tất bật, miệt mài với nhiệm vụ trên khắp 4 Vùng Chiến Thuật, phút chốc gặp nhau khi chiến trường còn đang lửa cháy đỏ rực trời và tiếng đạn nổ xuyên phá thân người ngã xuống, mùi máu tươi ngai ngái thấm ướt qua làn vải áo trận bạc màu... là “chia ly” biết bao giờ gặp lại và “gặp lại” ở thế giới nào khi tử thần đang lảng vảng, lẫn khuất như sương khói trên vùng chiến địa đang chực chờ quơ lưỡi hái gặt lấy hồn chúng tôi như trò chơi giỡn mặt tử thần! Ở đây, thời gian này, trong số đông bạn thân đồng ngũ tôi gặp lại có “người lính Cọp Ba Đầu Rắn” Dương Thượng Trúc, có “giặc lái” Phạm Tương Như, có “beo gấm vàng” Túy Hà đã cùng bùi ngùi “*lực*

*bạt sơn hê gãy kiếm, túy ngoạ sa trường... ” nhớ đồng đội hồn
thiên còn phiêu bạt ở phương nào!*

*Tháng Tư bẻ súng lần ra biển
Có kẻ âm thầm vô Trường Sơn
Ra đi là chết đời cung tiễn
Ai biết rừng sâu kẻ ngậm hờn!*

(Lê Khắc Anh Hào)

Vào những ngày đầu tháng 5 năm 1975 đó, những người lính Việt Nam Cộng Hòa như chúng tôi không biết đi đâu và về đâu, khi mà phố xá nơi nơi rợp cờ đỏ, màu máu của bao nhiêu Quân-Dân đã phơi thây trên chiến địa, bao nhiêu nam phụ lão ấu gục ngã trên bước đường hốt hoảng chạy loạn. Doanh trại và đơn vị chúng tôi giờ đã ngập tràn dếp râu, mũ tai bèo nghênh ngang chiếm giữ! Về đâu khi mà nhà cửa xóm làng, bà con hàng xóm của chúng tôi cũng bỏ ra đi, mà nếu còn bám trụ thì trước sau cũng bị tổng xuất đi nơi khác, sống chết mặc bay để kẻ chiến thắng vào chiếm đoạt! Có những người “lính Dù” buông súng, quê ở tận miền Trung hay cao nguyên hiu hắt gió mùa quanh năm, không biết đi đâu về đâu với dáng hằn khắc khổ trên gương mặt u buồn, tay bông tay dặt dứu vợ đại con thơ lang thang trên phố chợ, moi móc từng bao rác kiếm thức ăn thừa đắp đổi qua ngày, cũng có “người phế binh” với vết thương mưng mủ qua lớp vải lấm bẩn bụi đường tang thương lê lét tắm thân quanh gần ga xe lửa, cố xin ít tiền lộ phí đủ mua vé xe đò xe lửa để tìm về mái nhà xưa, ở một nơi xa lắc xa lơ nào đó trên quê hương điêu tàn; và có biết bao nỗi đau tột cùng không còn chịu đựng nổi, “người Lính” tụ năm, tụ ba cùng nắm tay nhau bên vỉa hè dọc đường phố vắng

người, rồi rút chốt lựu đạn nổ tan tành, thịt xương vung vãi vì không muốn kham nổi hèn hạ dưới sự thống trị của loài quỷ Đỏ tham tàn giày xéo! Những nỗi đau đớn bi thương đó kể làm sao xiết, viết làm sao hết hỡi các “vị” tài nhân “cưỡi ngựa xem hoa” vốn quen sinh ngồi trong phòng có máy điều hoà không khí ở nơi chốn bình yên phù hoa phố xá đèn xanh, đèn đỏ, ngựa xe như nước áo quần như nen biết không, cảm thấu không ? Ở nơi chốn thị thành có các bà tướng, bà tá đã một thời ngồi xe sang trọng, có cận vệ, tài xế lái đi đây đó, uy quyền khắc ra lửa mưa ra khói, giờ đây phải thay lớp, mặc quần lãnh đen, đi guốc mộc, che nón lá, ngồi chồm hồm ở các chợ trời bán từng bộ quần áo của gia đình để mua đồng từng lon gạo về nuôi con! Có khác lắm không như Vương Hậu vợ của Việt Vương Câu Tiễn hằng ngày phải cắt cỏ để nuôi ngựa của Ngô Phù Sai, hay Tây Thi hy sinh đời con gái và mối tình với Phạm Lãi để làm thê thiếp của Ngô Vương dưới cặp mắt cú vọ của Ngũ Tử Tư dọa giết hằng ngày? Coi vậy mà Tông Tông Thiệu nhà ta cũng nói nhiều điều chí lý lắm: "Mất nước là mất tất cả," và ngày 30 Tháng Tư 75 là ngày đánh dấu "mất tất cả" của bên thua cuộc !

*Tháng tư Tổ Quốc phủ màu tang
Dân Tộc đau thương oán hận tràn
Tủi phận nam nhi đời lữ thứ
Thương về quê mẹ lệ chứa chan
(Dương Thượng Trúc)*

Nhưng những điều tưởng nó như “vậy mà không phải vậy”! Thói thường có khởi đầu rồi sẽ có kết thúc. Ngày 30 Tháng 4, 1975 là khởi điểm cho giai đoạn chiến thắng của bắc quân, nhưng

tự nó lại là sự khởi đầu cho những nhận thức mới đối với người vô thần còn có chút đầu óc bình thường để nhìn và xét trên bình diện hiện thực của xã hội giữa hai miền Nam Bắc Việt Nam; sự tuyên truyền và việc làm đích thực của bên “thắng cuộc” đã trở thành gian dối, lộ bịch và trở thành “vở bi hài kịch” cho đến tận hôm nay. Sự phản tỉnh đã lên đến cao độ không phải tự đại đa số quần chúng, mà ngay cả những đảng viên đảng cộng sản nòng cốt phải giật mình xét lại. Việt Vương Câu Tiễn mất nước và nằm gai nếm mật chịu gian khổ để lấy lại nước, cộng sản Việt Nam cướp nước để dâng nạp cho kẻ thù truyền kiếp bất cộng đái thiên. Hơn ai hết, chính quyền Hà Nội biết điều đó. Hiện nay có sự thay đổi nhân sự, chúng ta chỉ chờ xem chính sách "đu giầy" truyền thống của họ như thế nào trong thời gian sắp tới, nhất là trong nhiệm kỳ 4 năm của Joe Biden.

Và vì thế mượn thơ Phạm Tương Như để kết:

*Ta như mây trắng lững lờ trôi
Vẫy tay chào gió trống không bờ
Đò đưa xuôi sóng dòng sông cũ
Phố thị ngày xưa... ngõ chết rồi!*

"Ngõ Chết Rồi!" Kết nhưng không thể là hết vì ngày bi hận ấy không phải của riêng ai mà là của mọi người, không nhắc mà nhớ, không đợi mong mà nó tự đến, như cái đồng hồ báo thức gọi người thức dậy để cảm ơn đời cho ta thêm **một ngày để sống và hy vọng ngày trở về.**

Út Bạch Lan

Bài thơ viết cho 30/4

Yên Sơn

Bốn mươi sáu năm nghĩa là xuân đã muộn. Tưởng Hạ chỉ vừa sang sao Thu đã đến bên thềm. Nhìn lại tóc mình sương điểm xám màu đêm. Lòng quay quắt nhớ thương quê! Ôi nghìn trùng xa cách.

Tiếng chuông bên thềm ngân buồn hiu hắt. Hoà với màn đêm tiếng dế nỉ non. Quê hương tôi, dấu chính nghĩa đã mất, nhưng đất nước vẫn còn. Mong có được một ngày bùng lên trên vòm trời Đông Á. Khi thiên đường mù Cộng Sản cùng đường, tan rã. Cho lũ con, bị đẩy ra muôn phương, hăm hở trở lại quê nhà.

Bốn mươi sáu năm, hơn bảy chục tuổi, quả thật đã già; nhưng tấm lòng sắt son với quê hương không bao giờ phai nhạt. Sức lực dù đã mòn hao, chắc không thể làm được những điều gì to tát, nhưng khi xã tắc cần cũng nguyện hy sinh. Nhất là khi phải một sống một còn với lũ giặc Bắc phương, cũng sẽ đồng lòng khắc sâu câu Thát Đát.

Mỗi 30 Tháng Tư về là mỗi lần xa xót. Ngó vọng quê nhà mắt lệ, hồn đau. Bao chiến hữu vùi thây, hồn lưu lạc phương nào. Xin che chở tâm hồn tôi mục ruỗng. Thua cuộc chiến năm xưa quả là oan uổng. Một quân đội anh hùng bị đồng minh phản bội, trói tay. Để cho lũ sài lang ngồi xỏm trên cổ, trên đầu dân người từ ấy đến nay; còn khốn nạn quy lụy Tàu để được làm thân nô thuộc. Dân tộc Rồng Tiên quả là vô phước, sinh ra một lũ uơu hèn bán nước cầu vinh.

Bốn mươi sáu năm dân Miền Nam đã tỉnh ngộ, thất kinh. Một cái giá quá đắt cho chiêu bài giải phóng. Nhưng có lắm người vẫn như còn mơ mộng, một thiên đường mù sẽ le lói cuối trời xa. Nhớ bạn bè một thuở xông pha, trong lửa đạn để mong giữ gìn tự do, dân chủ. Nay không biết có ngàn thu yên ngủ, khi dân tộc vẫn bị đoạ đày, còn đất nước vẫn mãi điêu linh!

Mùa Tháng Tư

Chào tất cả Văn Thi hữu và độc giả!

Xin cùng tôi thấp nén hương lòng tưởng nhớ những người bạn, phi hành đoàn 8 người, của chiếc Tinh Long 7 AC119K do Tr/U Trang Văn Thành và Tr/U Tào Thuận lái, đã cố gắng ngăn chặn bước tiến của địch quân ở cửa ngõ Saigon, và đã bị bắn rơi vào buổi sáng cuối cùng ở vòng đai phi trường Tân Sơn Nhất, ngày 29 tháng 4, năm 1975. Cũng sáng ngày này của 46 năm về

trước!!! Hẳn đội pháo kích của giặc cộng chạy đôn chạy đáo đi tìm phương tiện rời khỏi phi trường! Lúc đó hẳn hoàn toàn không có một ý niệm gì về sự bức tử của Miền Nam. Hẳn không thể nào ngờ đó là một khởi đầu cho những thăng trầm của một đời người, những uẩn khúc đau thương của hơn hai triệu dân bỏ nước ra đi trên bờ sinh tử, một vết tích đau thương cho một dân tộc 46 năm sau!

Xin viết ra đây một bài thơ buồn để cùng chia sẻ với mọi người!

*Không như con nước đầy vơi
Sao ta cứ vẫn một đời cưu mang*

*Con ác mộng vẫn áp đầy giấc ngủ
Cuộc di tản buồn cứ ám ảnh đời tôi
Bốn sáu năm dòng lệ vẫn chưa vơi
Khi thấp thoáng tháng tư về trong mắt*

*Đêm trở giấc nhớ Saigon quay quắt
Nhớ bạn bè từng đùa bỏ cuộc chơi
(Bốn sáu năm... hồ để nửa đời người
Mà vẫn nhớ từng tiếng cười giọng nói)*

*Nhớ từng đường bay ngắn dài khắp lối
Nhớ từng phi trường ngang dọc đó đây
Nhớ cả chuỗi ngày đi gió về mây
Và đậm nét lúc tan đàn sảy nhé*

Ôi tủi nhục cho đoàn trai thế hệ
Như bây ông võ tổ, cuối tháng tư
Kẻ lên trời, người vội vã ra khơi
Lòng đau xót nhìn quê hương bỏ lại

Đất nước người, bốn sáu năm dầu dãi
Hà có chi nước mắt cứ chực trào
Mỗi tháng tư về lòng dạ nao nao
Khi bóng xế trải trên đời hiu quạnh

Nghe tiếng dế giữa đêm, trời trở lạnh
Gã ra hiên ngồi hút thuốc khơi khơi
Tiếng thở dài cùng những giọt sương rơi
Tay chải tóc, tóc bạc màu sương khói.

Thơ Túy Hà

Tháng tư, giờ cuối

*Nhận lệnh cuối phá cầu triệt thoái
điểm tụ quân là trường quận Lái Thiêu
Trịnh Hoài Đức trường gần không lạ
sao hôm nay đi mãi vẫn thấy xa
đường địch ngăn có xe tăng trọng pháo
sông địch rào bằng mìn cáp xỏ sâu
địch lừa dân trước sau làm lá chắn
mọi ngã đường kín lối biết về đâu
dẫn quân dân tìm đường triệt thoái
thoái về đâu ngõ cụt đường ngăn.*

*bộ chỉ huy im hơi lặng tiếng
tử khí nặng mùi gió nồng tanh
cát bụi gần xa se râu quăn tóc
khói thổi dồn cay mắt, ù tai*

đi cứ đi thật ra là chạy
lạc đội hình thiếu lệnh chỉ huy
đại đội tôi chỉ còn phân nửa
chiếc quân xa duy nhất chở thương binh
nay thành xe chở hồ sơ quan chức
đi trước dẫn đường như rào cản có chân

mấy thằng em nhảy xuống bờ rạch tẻ,
rạch nhánh con chứ đâu phải là sông
những thuyền nhỏ chở dân đã khảm
có thêm người thuyền phải lật ngang
là triệt tiêu không đường thủy lộ
kẻ lên bờ lết vào vườn cây trái
kẻ lách hướng đồng mong thoát thân.
tình thế không yên
tự dưng yên ắng
chỉ còn nghe tiếng chó sủa gần xa
lợi dụng tình hình tôi dồn quân đi tới
và sau lưng là một chuỗi dân lành
tin vào lính nên theo chân lánh nạn
thật ra nạn đã cận kề.

nhờ lòn lách nên cuối cùng cũng đến
nhưng điểm tụ quân chỉ toàn dân lánh nạn
quan lính đâu lệnh lạc thế nào!?
tôi, người cuối còn hoa mai trên cổ áo
tôi! biết làm gì? phải làm gì?
trời hửng trưa
bỗng nghe trên tần số

không phải tiếng đại bàng
mà của đại đại bàng
của đại tướng hoa lan
vừa thành tư lệnh lớn
và lệnh đầu tiên là lệnh phải đầu hàng!

tôi lịm người mắt hờn uất lệ
lính vẫn còn và vũ khí vẫn còn
cây súng ngắn còn bên hông đầy đạn
tôi nhủ thầm có nên chăng?
không tụt quân
không làm gì nữa, bỏ súng buông dao!
thật sao!?
dường như đất như trời cũng động
những con mắt lo âu
đang nhìn thẳng vào tôi.

đảo mắt nhìn quanh, dân đang nhón nháo
kẻ gánh người gồng định tháo lui
trong mắt họ chiến chinh đã dứt
trong tim tôi cuộc chiến mới bắt đầu
thằng em truyền tin
kể tai nói nhỏ
ông thầy liều mạng về quê em.
hạ sĩ Thương người lái xe trực chiến
ghì chặt tay cây M18 băng cong.

tôi ra lệnh rà thêm tần số.
mở thật to chỉ nghe sóng nhiễu âm.

tôi gào lên, gào không thành tiếng,
thảm quyền, thảm quyền
Sơn Hà đóng máy.
nhìn thuộc cấp tôi chào tay lần cuối
đốt hồ sơ đóng máy kể từ đây
đồng hồ điểm 2 giờ trưa ngày cuối
Tháng Tư Đen Quốc Hận Ra Đời.

Giờ lay lắt bên trời
râu tóc bạc
mỗi tháng tư là mỗi ngậm ngùi.
thương biết mấy những chiến binh đã ngã
khi cuộc cờ tan chốt thí sang sông.

45 năm ly xứ

Tháng tư/ chưa qua

Dường như nước mắt rơi
Ngược vào tim khô khóc
Nghe như vỡ tiếng cười
Nghẹn từng hơi thở dốc

Ba mươi là ngày cuối
Của mỗi tháng hay là
Ngày tan hàng rã đám
Vì huynh đệ tương tàn

Một bên vui “thắng cuộc”
Chính là bắt đầu thua
Một bên buồn “chiến bại”
Nhận hai chữ sống thừa

Uất nhục là khăn tang
Trắng đầu hai thế kỷ
Lịch sử đã sang trang
Nhuộm đen đời hoa mỹ

Thành bại giữa thế thời
Trên bàn cờ chính trị
Bị tước quyền tự do
Dân Nam thành chốt thí

Nguồn hạnh phúc ảm nò
Biến thành tờ tem phiếu
Thực phẩm tươi biến chất
Gạo trắng thành bo bo

Đời thầy cô “mất dạy”
Học sinh thành quỷ ma
Tuổi thơ quàng khăn đỏ
Từ cổ tích bước ra

*Những tình hoa dân Nam
Gánh gông cùm lao cải
Những tiểu thư, hiền phụ
Chạy chợ trời sinh nhai*

*Ôi đời đời oan khóc
Biết chỗ nào dung thân
Sử đã ngàn người viết
Dân bỏ phiếu bằng chân*

*Người khổ trong quốc nội
Vẫn mơ hải ngoại gần
Tháng tư vui chưa đến
Còn nguyên máu uất bầm*

*Hồi hồn thiêng sông núi
Có nghe chãng nỗi niềm
Không nhân quyền công lý
Dân nam còn đảo điên.*

*Người Việt ta ly xứ
Còn quên, nhớ mấy khi
Có bao giờ tự hỏi
Đã, đang, sẽ làm gì?!*

30-4-2020

Nhớ An Dân

Nguyễn Kim Kiềm

Anh đã ra đi!!

Anh không chết ngoài mặt trận?!

Anh không chết trong ngục tù cộng sản?!

*Anh không chết ngoài biển khơi, trên đường vượt thoát tìm
tự do?!*

Anh không chết vì tuổi đời theo năm tháng!

Bảy mươi bốn tuổi!

*Ngòi bút tranh đấu cho dân chủ, tự do trên quê hương vẫn
còn sắc bén!!*

Nhưng than ôi! Anh đã đột ngột ra đi!!

Anh chết trên đường phố nước Mỹ siêu cường này!

Bởi phương tiện tối tân trong thời đại văn minh ngày nay

Để lại gia tài tim óc khiêm nhường cho mai sau.

*Trong giai đoạn lịch sử đen tối nhất, bi thảm nhất của đất
nước!*

*Và nỗi đau quá lớn của dân tộc trong thời cận đại: Chia lìa,
ly tán!!*

*Anh bỏ lại sau lưng người thân, gia đình, chiến hữu, bằng
hữu...*

Và ước mơ được trở về lại quê hương trong thanh bình.

Nhưng không còn được nữa rồi!!

Không bao giờ còn được nữa trong đời này!!

Anh đã ra đi!!

Anh đi! Lòng em như dao cắt, máu em lệ không ngừng chảy!

Anh thật đã ra đi!!

Để biết bao thương nhớ khôn nguôi cho người ở lại!!

Làm sao, em phải làm sao hồi anh yêu?!

Khi mỗi ngày nắng mới vẫn lên, như anh thường nói!

Nhưng lòng em, lại chìm trong vũng bóng tối đây.

Nguyễn Kim Kiều

*Tưởng nhớ đến ngày sinh nhật hằng năm lúc anh còn sống
Houston, mạnh đông 2021 (tháng1-2021)*

Quê Hương

Trong Trái Tim Tôi*

Nguyễn Mạnh An Dân

*Nếu ai hỏi tôi nơi nào đẹp nhất,
Tôi sẽ trả lời “nơi ấy chính quê hương”
Nhiều năm trước có người đã nói
Mà mãi bây giờ tôi vẫn giữ trong tim.*

*Tôi có một quê hương
Không giàu nhưng rất đẹp
Những đêm trăng câu hò giọng hát
Thuở thanh bình trai gái thắm tình quê
Bóng mát cây đa che rợp lối đi về
Những buổi tan trường đàn chim non tụ hội
Những đêm trăng gia đình sum họp
Bà nhai trầu kể chuyện cháu con nghe
Làng xóm ta bao phủ những bờ tre
Chứa trong đó có nghĩa tình đất nước
Ông Cha ta từ bao đời thuở trước
Bốn ngàn năm ngẩng mặt trước quân thù
Hưng Đạo, Quan Trung ngời sáng mãi ngàn thu
Bà Triệu Bà Trưng sống hoài cũng hậu thế
Dân chủ, tự do đấu tranh bao thế hệ
Nguyên hy sinh đến giọt máu cuối cùng
A Lưới, Khe Sanh, Quảng Trị, Komtum*

An Lộc, Bình Long, Kiến Tường, Mộc Hóa
Bao nhiêu chiến sĩ vô danh đã âm thầm gục ngã
Hiến xác thân cho Tổ Quốc trường tồn
Nào ai ngờ Tổ Quốc buổi hoàng hôn
Một- chín- bảy- lăm một trang buồn lịch sử!

Nước đã mất là mất rồi tất cả
Dân chủ, tự do, cơm áo, tình người
Lao lý đọa đầy thay cảnh vui tươi
Trại giam, nhà tù nhiều hơn nhà thương trường học
Tân Hiệp, Bình Long, Hàm Tân, Xuyên Mộc
Vĩnh Phú, Sơn La, An Lão, cổng trời
Bao con người đã nằm xuống khắp nơi
Và bao kẻ tội tù ngay trên đất Mẹ
Rừng núi, đèo cao, hùm thiêng nước độc
Giết con người nhưng không giết được trái tim yêu
Yêu quê hương, đất nước con người
Yêu dân chủ, yêu tự do, công bình, bác ái
Dẫu phải ly hương vẫn mong ngày mai sáng lại
Ngọn lửa tự do trên đất mẹ điều tàn
Dẫu sông núi đại dương có cách biệt muôn trùng
Vẫn giữ trong tim tình quê hương bất diệt
Vẫn ước mong một bình minh đất Việt
Dân chủ, Tự do, cơm áo tình người.

Nguyễn Mạnh An Dân

Pulau Bidong 9-10-89

*Giải nhất thi thơ Đảo Bi Đôn

Thơ Vĩnh Tuấn

Tôi Vẫn Đợi

*Tôi vẫn đợi một ngày trên đất nước
Nắng sẽ lên và bóng tối lui dần
Ở nơi ấy sẽ không còn thù hận
Mà ươm đầy những hạt giống tương lai*

*Tôi vẫn đợi mai kia tôi về lại
Nhìn dòng sông ngập lặn thuở thiếu thời
Nhìn con đường với ngày tháng rong chơi
Thiên tình sử chưa bao giờ được kể*

*Tôi vẫn đợi ngày đất trời rộng mở
Những quỷ ma rời khỏi mặt địa cầu
Để tình người bát ngát ở bên nhau
Hoa lá cỏ cây nảy mầm xanh biếc*

*Tôi vẫn đợi non sông dòng Lạc Việt
Sẽ không còn những khúc ngoặt thương đau
Để sớm chiều nơi cửa trước vườn sau
Người người được vui chơi cùng trăm họ*

*Tôi vẫn đợi quê hương tôi ngày đó
Cây yêu thương sẽ nảy lộc đâm chồi
Để người người đều cảm thấy an vui
Ngày tắm nắng, đêm vui cùng trăng gió*

*Tôi vẫn đợi nếu thời gian còn có?
Đến bao giờ dù sức hết tàn hơi?
Vẫn đêm đêm cầu nguyện với đất trời
Tôi vẫn đợi người ơi tôi vẫn đợi!!!*

Chuyện Một Người Bên Thắng Cuộc

*Một chiều
Tôi gặp một người thương phé bình bên thắng cuộc
Tôi hỏi anh có niềm vui gì
Khi Bắc Nam thống nhất
Mắt mơ màng nhìn về chốn xa xăm
Anh khẽ đáp, “Đời lọc lừa dối trá*

Trường Sơn máu đỏ
Máu của anh và của bạn anh
Để ru người bằng hai chữ quang vinh
Xây đất nước bằng máu xương Hồng Lạc
Bạn biết không?
Đã từng đêm tôi ôm mặt khóc
Chính tay mình làm máu đỏ thối rơi!”
Bạn hỏi tôi
Trong tim tôi có thấy bồi hồi?
Khi đất nước đã không còn chia cách
Một câu hỏi làm lòng tôi đau như cắt
Cả một đời lòng hối hận khôn nguôi
Nhưng than ôi!
Vận nước điêu linh
Núi sông nghiêng ngả
Vùi dập quê hương vào cơn binh lửa
Để được gì khi thống nhất Bắc Nam
Tôi vẫn mơ
Một cuộc sống bình an
Như dân miền Nam, ngập tràn nhân bản
Tôi cũng như anh
Đều mong một ngày quê hương sáng lạn
Dân tộc ta thoát khỏi cảnh bi thương
Bè lũ ma vương
Sớm ngày tận diệt
Khi ấy Bắc Nam cùng chảy một dòng...

Vĩnh Tuấn

Thơ Mỹ Nhung

Bé Đừng Khóc Nữa

(Thương tặng cô bé mít ướt)

*Cô bé nín đi đừng khóc nữa
Chiếc lá rơi chẳng có gì đâu
Giống như ta một thời son trẻ
Giờ cũng da nhăn, tóc bạc màu*

*Cô bé nín đi đừng khóc nữa
Chuyện bão giông là chuyện đất trời
Khóc người lâm nạn thương cũng phải
Cố gạt lệ đi, cầu nguyện thôi*

*Cô bé nín đi đừng khóc nữa
Buồn chi facebook chuyện lọc lừa
Họ đang đánh động lòng thương cảm
Bé chớ vội tin, chuyện đã xưa*

*Cô bé nín đi đừng khóc nữa
Chuyện chia ly ai đợi ai chờ
Nếu em mãi khóc đời tan hợp
Lệ sẽ miên man đến bao giờ*

*Cô bé nín đi đừng khóc nữa
Cuộc đời vốn lắm chuyện đau thương
Lệ dành khóc kẻ si tình tội nghiệp
Đang nhớ ai thao thức cả canh trường*

Tháng Tư Ngày Ấy

*Anh ạ, Tháng Tư về rồi đó
Em ngậm ngùi nhớ chuyện ngày xưa
Tháng Tư ấy anh đi biệt
Em nhớ anh biết nói sao vừa*

*Anh nhớ không Tháng Tư ngày ấy
Chẳng ai ngờ lịch sử sang trang
Trong anh nhiệt huyết còn nguyên đó
Bỏ súng buông gươm nuốt tủi hờn*

*Anh có nhớ Tháng Tư ngày ấy
Cả gia đình dắt díu nhau đi
Đến nơi nao em chưa định hướng
Vẫn lo anh gặp có sự gì*

*Em nhớ sau Tháng Tư ngày ấy
Các anh bị đầy đọa ngục tù
Trí tuệ, đức tài... không biết trọng
Muôn thuở “người rừng” vẫn cứ ngu*

*Mỗi Tháng Tư về anh có nhớ
Lưu lạc xứ người vọng cổ hương
Mơ ước một ngày khi an nghỉ
Trở lại quê nhà vui nắm xương.*

Mỹ Nhung (Tháng 4/2021)

Thơ Ánh Nguyệt

Châu Về Hợp Phố

*Anh không hẹn em về Hợp Phố
Đứng chờ anh, phố Hội lòng đèn
Như vương trong ấy đêm thao thức...
Một khối tình thơ mới nhúm nhen.
Anh có hẹn sang hay em sang!
Ngỗ tình hai đứa, so phiếm đàn
Tung hương làn tóc cho tình thơ
Năm lấy tay yêu kéo lở làng
Ai biết thơ anh, giết cỗi lòng
Em nghe tiếng sáo giữa từng không.
Kiều nương tay trắng dâng môi rượu
Chưa hợp đã say mộng giăng hồng
Em biết thơ anh không mùa đông
Chỉ gió thu rơi ở ven hồ.
Có người thiếu nữ buồn chưa nói!
Nhìn dáng thuyền xưa đã sang sông
Anh không hẹn cùng em bến thơ
Người thơ không tuổi đến bao giờ?
Bảy mươi hơn nữa, xuân phơi phới.
Có thấy chi già, chỉ bạc râu,
Cứ trẻ đi anh, như thuở đầu
Mới yêu mà chẳng biết gì đâu
Mới chờ đã thấy trời thương nhớ
Chưa nắm tay nhau đã ứa sầu.
Cứ trẻ trong hồn thơ muôn câu
Cho người con gái đứng bên cầu
Buồn trong đôi mắt, chiều ứa lệ*

Mơ tưởng về ai, gởi khối sầu.
Anh GÃ THƠ TÌNH biết gì đâu!
Chỉ biết tình yêu rất nhiệm màu
Trương Chi thổi sáo điền lòng Mỹ
Một áng thơ hay ngất ngư râu.
Anh hẹn em về, bến Cô Lâu?
Giọng hò xứ Quảng, thơ anh sầu
Phương trời quê cũ mang tình lớn
Nợ nước non nhà một nỗi đau.

Tặng Người Thơ Phố Hội

Bình Nam Võ, họa:

Châu về hợp phố đã từng
Gương xưa đã vỡ lại lành khó thay
Sông hoài phố Hội hôm nay
Dòng xưa mang nặng nỗi niềm nguyên sơ
Bao tâm sự mấy dòng thơ
Gửi hương cho gió một trời mệnh mang
Mốt mai dù có bao giờ
Lá rơi đường cũ khóc người trong thơ
Dòng xưa lạnh tự bao giờ
Vi lô hiu hắt hững hờ mây qua
Buồn chiều hôm lạnh hồn hoa
Trăm năm tri kỷ theo tà huy bay
Thời gian ngày nối tiếp ngày
Tìm trong ký ức nát nhàu còn đâu

Mai Tôi Về

Mai tôi về, ai ra ngõ đứng chờ
Ai lau ráo cho tôi khô dòng lệ
Hỏi rằng tôi bên ấy có vui không?
Và ai nữa ôm tôi mà chẳng nói

Mai tôi về giữa miền quê dấu tích
Của yêu thương lắm lẫn lúc đời thường
Của chuỗi ngày đêm thăm mãi vắn vường
Có những phút giận hờn không dám nói

Mai tôi về ai hỏi nhớ nhung chi
Có thấy lạ một vùng quê đổi mới
Có thấy người thân bao điều nghĩ ngợi
Giữa cuộc đời lo cơm áo mưu sinh?

Mai tôi về thăm chỉ có một mình
Lòng hân hoan đón nhận cả bình minh
Cả tình thương ngày cũ vẫn thâm tình
Con đã lớn, chị đã già em cũng thế

Riêng lòng tôi trắc ẩn có một người
Đã cùng nhau chung lưng và đấu cật
Đã cùng nhau chia sẻ ngọt với bùi
Cùng nhau yêu thương sinh con đẻ cái

Mai tôi về sẽ ngắm ánh trăng khuya
Ngồi trên ngõ đá nghe âm vang xưa
Tiếng sáo diều và tiếng chày giã gạo
Mẹ hát ru con theo tiếng gió rừng

Tôi muốn khóc vì nhớ người thân yêu
Đã ra đi mãi mãi chẳng có về
Nhìn cánh đồng sương trắng một góc quê
Không thấy bóng cò, đàn trâu hiền chậm.

Mai tôi về ôm tất cả vào lòng
Cả người thân và quê hương yêu dấu
Cả ánh trăng, mây trôi trên sông trắng
Cả những gì xưa cũ của yêu thương

Mai tôi về, mai tôi về lần nữa
Đời phù vân biết mấy bận reo vui
Tôi sẽ đi trên những con đường mới
Mà ngày xưa đồng ruộng lúa xanh rì

Mai tôi về, người đừng hờn nữa nhé!
Hãy cùng tôi đi hái trái sim tơ
Người ngồi đó để nghe tôi đọc thơ
Những vần thơ cho quê hương yêu dấu.

Người sẽ hỏi tôi rằng, “Đi nữa không?”
Tôi im lặng giấu đôi dòng lệ chảy
Người đã hiểu lòng tôi là tất cả
Đã cho đi không lấy lại bao giờ.

Tôi đã để cuộc đời ngoài cánh cửa.
Gió ngàn phương và sông nước hải hồ
Tôi sẽ về rồi quay gót ra đi.
"Tình chỉ đẹp những khi còn dang dở
Đời mất vui khi đã vẹn câu thề" (*)

Ánh Nguyệt

(*) thơ Hồ Dzếnh”

Ổng Kính Thu Hình

Bạch Cúc

*Qua ống kính nhiếp ảnh gia
thế giới nhìn thật rõ nét
cảnh Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan
xử tử Việt cộng Bảy Lém
ngoài đường phố Tết Mậu Thân
khiến Tướng Loan thân bại danh liệt
nhưng ống kính không ghi lại nguyên nhân
tên Bảy Lém vừa giết cả gia đình Trung tá Thiết Giáp
(là bạn thân cùng khóa Quân trường với tướng Loan)
kể cả Mẹ già, vợ và con còn nhỏ dại.*

*Qua ống kính máy thu hình
nhân loại thấy từng bước chân đầu tiên
của Phi hành gia trên mặt trăng
Mọi người hân hoan vỗ tay tán thưởng
Ổng kính không ghi công lao của nhiều người
thức khuya dậy sớm trong thời gian dài
nặng óc dân tộc sáng tạo kỹ thuật.*

*Qua ống kính phóng viên chiến trường
người ta thấy hàng ngàn dân quân Miền Nam VN
chết thê thảm vì đạn pháo kích cộng sản
Việt cộng cấm cò nơi dinh Độc Lập
ống kính không chứa hết
dã tâm hèn hạ của người cộng sản
vi phạm Hiệp định Ba-Lê mà chúng vừa ký
và sự phản bội lời cam kết của Hoa Kỳ
việc cố ý làm ngơ của các quốc gia “Liên Hiệp Bốn Bên”*

*Trong ống kính kinh hoàng
ta chứng kiến những hải hùng của cả triệu thuyền nhân
hàng ngàn người xuyên rừng
ống kính cũng không ghi được giá trị tâm linh VNCH
Trong ống kính nhiếp ảnh gia đã già
còn lại gì khi quê hương quá xa
mà ký ức quên nhiều hơn nhớ
cạn kiệt nợ duyên và hơi thở
nhân ảnh nào của thuở đơm hoa...*

Bạch Cúc 30/04/2021



Sau Mùa Chinh Chiến

*Anh bỏ đi rồi tôi ở lại
Chờ bao oan nghiệt trút lên đầu
Tôi vẫn đứng giữa một trời ly loạn
Tàn chiến chinh mùa nắng lửa mưa dàu*

*Chiều hun hút giữa rừng thiêng nước độc
Đêm uy linh nhòe nhợt tiếng ma Hời
Từng giọt máu căng phòng bày muối đói
Tôi bông sồn da, bông rợn người*

*Đêm về lạnh lẽo đêm Cà Tót
Hiu hắt mưa khuya tạt chiếu nằm
Núi rừng vây hãm người thua cuộc
Văng vẳng gần xa tiếng hổ gầm*

*Những bước chân đi thật nảo nề
Mây mù che kín nẻo sơn khê
Bao nhiêu chiếc bóng vô hồn ấy
Sáng sớm ra đi chiều lại về*

*Rồi lại bao mùa nhớ đến ai!
Rồi lại bao nhiêu tiếng thở dài
Cái gô và chiếc quần bao cát
Nó lại cùng ta đứng giữa trời!!!*

Nguyễn Đức Nhơn



Ta Muốn Say

Như Ly

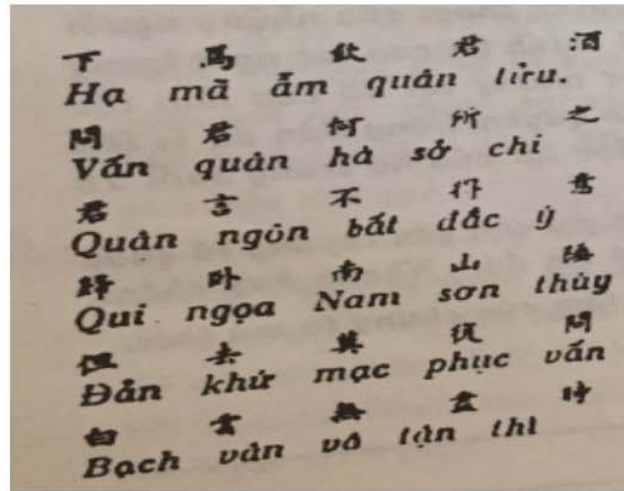
*Nỗi buồn giấu không biết ai để tỏ
Ta muốn say để quên nợ thế gian
Nhấp chén sầu nghe cay đắng dâng tràn
Hồn ly xír đã bao lần khâu vá!*

*Có đôi lúc ngỡ lòng mình sỏi đá
Sao cô đơn vẫn vây bủa tứ bề
Hy vọng ơi sao không thấy quay về
Thấp ngọn lửa khơi đam mê sống lại*

*Ta đứng giữa con dốc đời khổ đại
Thả muện phiền rơi xuống đáy vực sâu
Bao đắng cay không còn rồi trong đầu
Bỏ tất cả sau lưng màu tăm tối*

*Ngoài hiên vắng nửa vầng trăng đứng rọi
Dáng nghiêng nằm ôm mộng gối bình yên
Tóc buông lơ lửng thơm giấc ngủ ngoan hiền
Ru hạnh phúc chìm vào đêm sâu lắng*

Như Ly



Tổng Biệt

Vương Duy

Vương Duy (701-761) tự Ma Cật, người Sơn Tây, Tỉnh Thái Nguyên (Nay thuộc huyện Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây) Biết làm thơ rất sớm; 21 tuổi đỗ Tiến sĩ. Theo Đạo Phật ăn chay trường; vừa là thi nhân vừa là họa sĩ nổi tiếng. Thơ cũng như họa của Ông hầu hết đều ca tụng những vẻ đẹp của thiên nhiên cũng như thân phận phù du kiếp người; hoài bão, lý tưởng của thời tuổi trẻ đã không thành và mai một cùng cây cỏ.

*Hạ mã ẩm quân tửu
Vấn quân hà sở chi
Quân ngôn bất đắc ý
Qui ngọa Nam sơn thùy
Đản khứ mạc phục vấn
Bạch vân vô tận thi*

Nguyễn Lập Đông dịch

*Rời yên chàng uống rượu
Hỏi chàng nay đi đâu
Chuyện đời không như ý
Về Nam Sơn qua ngày
Người ơi đừng hỏi nữa
Mây trắng ngàn năm bay*

Yên Sơn dịch

*Rời ngựa uống rượu tiễn
Hỏi bạn đi về đâu
Bạn nói không vừa ý
Về Nam sơn ngủ vùi
Thôi thì không hỏi nữa
Mây trắng biết về đâu*



Thơ dịch

“**Dịch Thủy Tống Biệt**”, một bài thơ rất nổi tiếng của Lạc Tân Vương thời sơ Đường (618-713):

Dịch Thủy Tống Biệt 易水送别

Thử địa biệt Yên Đan	此地别燕丹
Tráng sĩ phát xung quan	壯士髮衝冠
Tích thời nhân dĩ một	昔時人已沒
Kim nhật thủy do hàn!	今日水猶寒

Trần Quốc Bảo dịch

Tiền Biệt Tại Sông Dịch

*Vĩnh biệt Yên Đan tại bến này
Uất hờn tráng sĩ ngút ngàn mây
Người xưa tích cũ nay đà khuất
Sông nước còn vương lạnh tới nay!*

Thảm Hòn Binh?!

Đọc Xuôi

*Binh hòn thảm khổ chịu tan hàng,
Súng bỏ đành đau trận chiến tàn.
Linh khí tủi sầu quân lệ nhục,
Chí tâm buồn cảm lính hồn oan!
Kinh kỳ rối loạn dân tang tóc,
Phố chợ rầu lo cảnh dở dang!
Tình thế nghen mờ sông núi hận...
Bình yên mộng lỡ kiếp thương tang!*

Đọc Ngược:

*Tang thương kiếp lỡ mộng yên bình,
Hận núi sông mờ nghen thế tình.
Dang dở cảnh lo rầu chợ phố,
Tóc tang dân loạn rối kỳ kinh!
Oan hồn lính cảm buồn tâm chí,
Nhục lệ quân sầu tủi khí linh!
Tàn chiến trận đau đành bỏ súng...?!
Hàng tan chịu khổ thảm hòn binh!*

Nhật Hồng Nguyễn Thanh Vân

Thương Tích Thời Gian

*Bốn mươi sáu năm gãy cánh lìa đàn
Vẫn còn vong quốc, nước mất nhà tan
Tháng tư hương khói cầu hồn tử sĩ
Thép cũng ngậm ngùi thương tích thời gian*

*Giã biệt đời trai cánh gió mây ngàn
Nỗi nhục niềm đau phé tích chiến tranh
Như hổ nhớ rừng, như cây nhớ cội
“Hịch Tướng Sĩ” thuộc lòng mỗi mắt trông*

*Càng già càng hiểu nợ nước tình quê
Rưng rưng lệ nhớ người lính không về
Ly rượu mảy tao run tay tưới xuống
Giải oan sông núi, người sống tái tê*

*Tự tình dân tộc quân sử đăm mê
Trận địa nhiều khô chưa nuốt lời thề
Bao đáng anh hùng lưu danh hậu thế
Vinh danh quả phụ, sáng dạ hiền thê!*

*Thế giới hôm nay tôi tệ lắm trò
Mất dân Dân Chủ, Nhân Bản, Tự Do
Kẻ xấu lên ngôi, hiền tài yếu thế
Bao giờ khôi phục đất Mẹ Âu Cơ?*

*Nghĩa khí còn đầy tóc đã bạc phơ
Hẹn với toàn dân sông đờ biển chờ
Lỗi cùng tiền nhân vong thân vị quốc
Bút thép vươn cao chữ nghĩa dựng cờ!*

Phạm Tương Như

04/2021

Thơ Huỳnh Công Ánh

30 Tháng Tư Về

*Bốn mươi lăm năm qua
Người ở lại, người đi xa
Quê hương vẫn còn mãi đó
Hàng me xanh, cánh Phượng đỏ
Tiếng sáo diều ngân nga*

*Bốn mươi lăm năm qua
Người ở lại, người đi xa
Ra đi đã nhìn thấy rõ
Thật thà và dối trá
Không thể chung một nhà*

*Bốn mươi lăm năm qua
Ai không xót xa
Ai không thương nhớ quê nhà
Mỗi lần tháng Tư đến
Mùa Xuân xưa vang tiếng súng
Sài Gòn từ đó đã mất tên*

*Bốn mươi lăm năm mất Sài Gòn
Bốn mươi lăm năm thao thức mỗi mòn
Bốn mươi lăm năm vẫn đội khăn tang trắng
Xác Sài Gòn vẫn hai mùa mưa nắng
Hồn Sài Gòn lang thang ở đâu?!*

(Viết cho 30/4/2021)

Bài Thơ Không Nghĩa

*Như gió, như mây, như mưa
Như vắng lời ru trong nắng trưa
Như thoáng một lời kinh vọng động
Như hồn trầm lắng, ngược ngàn xưa*

*Như người, như em, như ta
Như nhân gian ngụp lặn cõi ta bà
Như bàn tay nhỏ che trời rộng
Như đã tìm nhau ngàn kiếp qua*

*Như tình, như tiền, như mơ
Như viết tặng ai một bài thơ
Như nghĩa là không thơ không chữ
Như chẳng vui buồn, như tỉnh bơ*

*Như khóc, như cười, như ca
Như đưa tay hái một cành hoa
Như xuôi về sông, sông về biển
Như ta rồi cũng lại gặp ta*

*Như em trong lời ca dao
Như nhặt, như khoan ửng má đào
Như áo bà ba ôm eo nhỏ
Như guốc mộc che nón quai thao
Như ta trợn một kiếp loay hoay
Như phù du, như trăng khuyết đầy*

*Như sóng mơ ngày về lại đây
Như cuối cùng tay xuôi bàn tay*

*Như lời đùa vui cõi không
Như ai đem muối xát trong lòng
Như tâm tư chưa một lần xao xuyến
Như yêu là muôn thuở chờ trông.*

Ngàn Sau

*Ngàn sau cây cỏ không còn nữa
Biến thành đồi núi, hóa ra sông
Em và anh biến thành con suối nhỏ
Róc rách trăm khe hóa thành dòng*

*Ngày sau năm tháng dừng lại đợi
Tiếng người vang lại giữa thình không
Trăng thôi sáng mặt trời thôi chói
Người là rong rêu, rong rêu thành đồng*

*Ngày sau mây trắng đông thành đá
Đá tảng rơi khơi nhẹ như bông
Biển khô đợi gió phơi triền lạ
Em và anh rồi cũng hóa mênh mông*

*Ngày sau cũng giống như ngày trước
Ta với ta vẫn thế, vô cùng
Ta với ta cõi này, cõi khác
Tất cả đều mỗi một cõi chung*

Bong Bóng Nước

*Bên thêm giọt nắng long lanh
Em đem thơ ướt ra hong bên rào
Bống đâu mưa xuống dạt dào
Anh như cú ngõ ba đào quanh đây*

*Trên cao trời gió vờn mây
Dưới thấp lại thấy thơ đầy ướt vai
Đời anh đã nặng trần ai
Lại thêm thơ ướt nói dài tiếc thương*

*Em ơi giọt nắng tơ vương
Sao hong tơ ướt đầy vườn ngoài trong
Phải chi tơ ướt đừng hong
Thơ không sưng nước tơ hồng nhà anh*

*Thơ kia vốn rất mong manh
Coi chừng giọt nắng hòn ganh nhạt màu
Thơ đã ướt nước lại trào
Làm sao hong lại thuở nào dễ thương*

*Tiếc thay thơ ướt đôi đường
Thêm rào giậu nhỏ hai phương khác đời
Thơ em ướt nước còn rơi
Cho mưa bong bóng buồn trôi phập phồng*

*Phải chi thơ ướt đừng hong
Cho mưa bong bóng đừng trông người về...*

Minh Xuân538, Seattle

Nếu Anh Có Về

Trang Y Hạ

*Nếu anh có về
anh ngồi nghe em hát
giọt sương khô, đọng khoé mắt đời
em sẽ hát cho anh nghe
xác phượng hồng rơi tả
con ve sầu nằm sâu dưới đất
em sẽ hát cho anh nghe
cái còn, cái mất
hát cho anh nghe
trăm nghìn sự thật
anh nào có hay
tay em vẫn còn chèo
xuồng thời gian lắc lay
gió vo tròn dĩ vãng
đôi mắt em còn hôn
màu đất trời chạng vạng
anh ở đâu, anh ở đâu - anh ơi!
mưa, rây... rây... hồn
hạt mưa óm tong tôi
em, giữa bàn tay
nhìn mặt quê nứt nẻ
gió lạnh, gọi tên anh - rất khê
giữa trời đông*

*nếu anh có về
em đưa anh ra tắm biển mênh mông
cát hoàng sa rực nắng bầu trời
sóng hung hăng dù biển hóa bão rơi
đâu dễ gì làm cho em khóc
em sẽ hát cho anh nghe
quên hết đi mệt nhọc
hát ru dòng sông
nước nở chảy về rừng
em sẽ hát cho từng người
quay nhìn phía sau lưng
theo bước chân - bốn nghìn năm lấm liết
một thế kỷ cúi đầu
em bước đi mãi miết
em biết đi về đâu*

*nếu anh có về
cùng em ngồi, hứng - giọt mưa ngâu
trên mắt mẹ
trên trán cha đang chảy
có những chiều buồn
em nhớ anh, chỉ thấy
giọt sương khuya... ướt đầm lá vàng...!*

Nhạc sĩ Huỳnh Trọng Tâm phổ nhạc...

Bạn Hỏi Tôi

Quan Dương

*Bạn hỏi tôi sao lâu quá không thấy về
Thăm lại chiếc cầu bắc qua con phố
Bạn hỏi tôi có khi nào còn nhớ
Tuổi thơ cùng con cá lội dưới sông
Bạn hỏi thấy gì qua cuộc sống lưu vong
Thấy gì là thấy gì? Nói sao bạn hiểu
Nơi gọi là quê hương không còn là quê hương nữa
Kể từ khi bọn chúng nó tràn vào*

*Tôi chẳng vui gì khi bỏ nước mà đi
Nhưng hỏi bạn làm sao tôi ở lại
Khi không thể với sức cùn cạp trí
Đám tham quan lại ruồng bỏ mỗi ngày
Khi người dân há miệng mắc quai
Có miệng để ăn mà không được nói
Có muốn khóc cũng rán mà ngăn lại
Có ước mơ thì giấu chặt trong lòng*

*Dân tôi mơ gì bạn có hiểu được không
Quyền bình đẳng một điều sơ đẳng nhất
Điều rất rõ cứ tưởng rằng nhỏ nhất
Nhưng lại bị tước đi ngay từ lúc chào đời*

*Tôi biết trong lòng bạn có thể trách tôi
Tại lâu quá không về nên tôi không thấy
Những tòa biệt thự nguy nga tráng lệ
Những chiếc xe bóng lộn chạy trên đường
Nghe bạn nói sao tôi thấy quá là thương
Vì bạn rõ chủ những chiếc xe, nhà đó
Là những kẻ chặn tiền dân đóng thuế
Trút nợ công lên đầu cổ đời sau*

*Ở những vùng rừng núi thượng du
Những đứa bé một ngày hai buổi
Muốn đến trường phải đu dây sinh tử
Gặp lũ mùa vật lộn với suối sâu*

*Những cảnh đời trái ngược bạn rõ hơn tôi
Bên cạnh đám xã hội đen là đám xã hội đỏ
Lũ bọn họ hòa cùng nhau một lũ
Hiếp đáp dân lành chụp mũ vu oan
Họ giẫm đạp lên hai chữ nhân quyền
Đối với ngoại xâm họ cúi đầu thật thấp
Biển đảo bán xong họ bàn nhau bán đất
Núp sau mỹ từ làm kinh tế đặc khu
Đám gia nô có mắt giả như mù*

Họ xúm vào cùng tung hô vạn tuế
Hỏi bạn làm sao người dân không sợ
Khi họ lăm le... động một tí gông cùm

Họ luôn mồm chửi phản động lưu vong
Là những kẻ ôm chân đế quốc
Nhưng bọn họ lại âm thầm gom góp
Tài sản ăn chia để trốn thoát khi cần

Gom trăm dâu đem đổ đầu tằm
Nợ họ gây ra người dân phải gánh
Đất nước bây giờ đã trở thành vô cảm
Trước hiểm họa xâm lăng chờ phủ ập lên đầu

Nói này giờ chắc bạn đã hiểu vì sao
Tôi lâu quá chưa một lần quay lại
Nơi mảnh đất có người em đang đợi
Trên chiếc cầu bắc qua con sông

Bên này cầu tôi một kẻ lưu vong
Bên kia cầu không còn quê hương nữa
Lũ bọn họ đang bày mâm dọn cỗ
Trên đĩa thức ăn là thịt của đồng bào

Tôi không về. Chắc sẽ không về đâu!

Quan Dương

Những đám mây trên đỉnh núi Phở Đà

Phạm Tín An Ninh



Dường như ở cái tuổi ấu thơ, tôi biết buồn hơi sớm. Mẹ qua đời khi tôi vừa mới lên ba, cha tôi lại phải đi dạy học xa, cả tháng chỉ về một đôi lần, nên tôi lớn lên ở nhà ông bà nội. Được cô Út chăm sóc và ông bà nội cưng chiều hết mực, nên tôi không biết mình mồ côi mẹ. Đến năm sáu tuổi, khi được đi học và chơi chung với bọn trẻ trong họ, nghe chúng nó gọi mẹ, tôi mới nhận ra là

mình không có mẹ. Tôi cũng không nhớ bà, bởi trong ký ức non nớt của tôi hoàn toàn không có bóng dáng và nhất là khuôn mặt của bà.

Sau này nghe cô Út và mấy bà dì thường bảo là tôi rất giống mẹ, và ba tôi kể lại chuyện tình đẹp nhưng nhiều trắc trở của ông bà, chuyện làm dâu vất vả, rồi những ngày bệnh đau và giờ phút lâm chung của mẹ, tôi mới bắt đầu thấy thần thờ thương nhớ mẹ.

Ba tôi là con trưởng nam của ông bà nội. Lúc đi học, ông là một học sinh xuất sắc của một trường Pháp Việt, được tuyển chọn để ra kinh thành Huế thi. Thời ấy, từ Nha Trang ra Huế, cha tôi phải đi bằng thương thuyền của Pháp, lênh đênh trên biển cả mấy tuần mới đến kinh thành Huế. Ông đỗ cao trong kỳ thi ấy. Trở về với nhiều phần thưởng. Ông được nhận vào dạy học, rồi làm đám cưới với mẹ tôi, người bạn học dưới ông hai lớp. Ông bà lấy nhau chưa tròn một năm thì bà nội tôi qua đời. Ba năm sau, ông nội tôi tục huyền, và người vợ mới của ông không ai khác hơn là em gái của bà nội, tức là dì ruột của cha tôi. Dù là mẹ ghẻ con chồng, bà cũng không nỡ đối xử tệ với thằng cháu ruột của mình, nhưng bà lại quay sang khắt khe với con dâu. Bà hành hạ mẹ tôi hơi nhiều, nhất là những lúc cha tôi vắng nhà. Để tránh tình trạng khó xử này, cha tôi xin ông nội được ra sống riêng. Ông nội cho cha mẹ tôi khu vườn để xây một căn nhà nhỏ. Khu vườn cách nhà ông bà nội một cánh đồng, trồng toàn những cây dừa, và nằm lẻ loi ngay giữa ranh giới ba cái làng quê, phân biệt bằng những hàng tre cao chót vót, che kín cả mặt trời. Dù vậy, mẹ tôi vẫn thường xuyên về thăm ông bà nội, săn sóc thuốc men khi ông bà đau ốm. Chẳng hiểu có phải vì làm dâu vất vả quá, mà mẹ tôi không muốn có con

sớm. Mãi đến chín năm sau kể từ ngày làm đám cưới, mẹ tôi mới sinh ra tôi. Giữa một đêm khuya tối trời, cha tôi phải đốt liên tục đến ba cây đuốc để rước bà mụ về đỡ đẻ. Tôi ra đời trong ngôi nhà nằm chơ vơ giữa trời đất mênh mông ấy. Nghe nói cái nhau của tôi được chôn dưới gốc một cây mận đang mùa sum suê trái. Khi tôi vừa đầy ba tuổi thì mẹ tôi mất. Lúc ấy còn nhỏ quá nên tôi không biết và cũng chẳng còn nhớ được điều gì, ngay cả đến khuôn mặt của mẹ tôi. Trước lúc lâm chung, mẹ tôi muốn nắm tay và ôm hôn tôi, nhưng tôi không dám lại gần bà. Cha tôi và các dì dắt tay tôi vào giường mẹ, nhưng tôi cứ tìm mọi cách thoát ra và chạy trốn. Sau này, khi nghe kể lại, tôi buồn và ân hận lắm. Nhưng người ân hận nhiều nhất là bà nội (kế) của tôi. Khi thấy mẹ tôi ốm nặng, bà nội năn nỉ ông nội và ba tôi, để được đưa mẹ tôi về nhà nội và chính tay bà săn sóc, thuốc men. Ngày mẹ tôi mất, bà nội là người khóc nhiều nhất. Nằm liệt cả mấy ngày sau khi chôn cất mẹ tôi. Khi mẹ tôi hấp hối, bà nắm tay mẹ tôi và hứa là sẽ nuôi nấng thương yêu hai anh em tôi. Mẹ tôi mất vào cuối tháng hai âm lịch. Trời nắng ráo. Vùng quê tôi đã qua vụ gặt, nên các cánh đồng đều khô đất, chỉ còn trơ gốc rạ. Đám tang mẹ tôi có đầy đủ các dì cậu bên ngoại. Nghe nói hai anh em tôi được mặc áo tang và trên đầu đội khăn tang hình chữ thập. Chúng tôi được mấy bà dì bồng theo sau quan tài của mẹ. Cứ một quãng, quan tài được đặt xuống để hai anh em tôi ngồi bên cạnh mẹ. Nghe kể là đám tang cảm động lắm, ai cũng khóc. Không chỉ khóc vì mẹ tôi ra đi không bao giờ về nữa mà thấy tội nghiệp hai đứa con thơ đại mồ côi.

Khi tôi lớn lên và có chút hiểu biết, ba tôi kể lại cái chết của mẹ tôi. Nhiều lúc nghĩ lại, tôi lấy làm lạ, cha tôi theo Tây học, nhưng lại tin vào những điều huyền bí, có vẻ hoang đường:

Hôm ấy, mẹ tôi về thăm ông bà ngoại. Nhà ngoại tôi đi về hướng núi Phổ Đà. Đến trưa, mẹ tôi trở về nhà. Khi đi ngang qua một cây cổ thụ nằm giữa làng, trong vắng lặng bỗng mẹ tôi nghe có ai đó gọi đúng tên mình. Bà giật mình quay lại, không nhìn thấy ai, sống lưng lạnh toát. Về nhà, bà kể lại cho ba tôi nghe. Và ngay tối hôm ấy bà bị sốt miên man rồi mê sảng. Một tuần sau, tự dưng khỏe lại. Bà dắt hai anh em tôi đến một ngôi chùa trên Núi Đất. Tôi không biết để làm gì, chỉ còn nhớ tiếng đại hồng chung trên đầu làm tôi sợ quá khóc thét lên. Khi lớn lên, tôi có hỏi ba. Ông bảo là vì mẹ tôi biết bà sẽ chết, nên đưa hai anh em tôi lên chùa gởi cho Phật Bà Quan Âm che chở độ trì.

Về nhà hai hôm sau, mẹ tôi bệnh trở lại, nằm mê man. Đưa vào nhà ông bà nội ba ngày, thì mẹ tôi qua đời.

Sau này nghe cô Út và mấy bà di bảo là tôi rất giống mẹ, và ba tôi kể lại chuyện tình đẹp nhưng nhiều trắc trở của ông bà, chuyện làm dâu vất vả, những ngày bệnh đau và giờ phút lâm chung của mẹ, tôi mới bắt đầu thấy thần thờ thương nhớ mẹ.

Tôi thường một mình lên vào ngôi nhà tự (mà trước đây tôi rất sợ vì không khí trang nghiêm và những bài vị màu đỏ có viết mấy chữ Tàu), nhìn thật kỹ tấm ảnh của bà trên bàn thờ mà khóc thương bà. Và cũng từ khi ấy, tôi thấy thương và nhớ cha tôi nhiều hơn, biết bên ông không có bóng dáng của một người đàn bà như những người cha khác. Tôi bắt đầu biết buồn và nhiều lúc cũng biết cô đơn.

Mỗi lần như thế, tôi thường ra trước cổng nhà nội, đứng nhìn dãy núi Phở Đà xa xa phía trước. Tôi thích hình dáng cánh chim đại bàng vĩ đại in trên vách núi. Mỗi lần có những áng mây bay qua, tôi bồn chồn lo lắng, ngỡ như cánh đại bàng hùng vĩ sẽ mang cả dãy núi Phở Đà bay theo những áng mây bồng bồng thơ mộng ấy. Không biết trí óc tưởng tượng của con nít có phong phú như người lớn hay không, nhưng ngày ấy tôi cứ nghĩ cánh chim đại bàng là cha tôi, còn những đám mây là mẹ. Một cái cố định, một cái mơ hồ tan biến, mà vẫn luôn quyện vào nhau, khấn khít, đẹp đến vô cùng.

Sau này lớn lên, lần đầu tiên đi xa, đến chân núi Phở Đà, khi nhận ra cánh chim đại bàng chỉ là do những tảng đá cùng các vật tranh tạo nên hình dáng, tôi thoáng buồn và thất vọng. Vậy mà không ngờ cái hình dáng chỉ có trong tưởng tượng ấy cũng đã theo tôi đến suốt cuộc đời.

Nghe nói người ta đi đâu cũng mang theo quê hương, còn riêng tôi đi đâu tôi luôn mang theo hình bóng dãy núi Phở Đà. Uy nghi, thân thiết, như là bóng dáng của cha mẹ tôi, cái bóng hạnh phúc lớn lao phủ xuống cuộc đời mình. Mặc dù mỗi lần nhớ tới là tôi lại buồn, lại rơi nước mắt.

Năm lên trung học, tôi phải rời quê ra tỉnh học. Thành phố Nha Trang nổi tiếng nhờ có bờ biển đẹp. Nhưng nếu từ biển nhìn lên, không thấy dãy núi Đồng Bò ở hướng Cầu Đá và núi Hòn Khô ở phía đèo Rù Rì, cái đẹp của Nha Trang cũng mất đi nhiều lắm. Sau này, núi Hòn Khô còn làm cho người ta nhớ đến bức tượng lính, của quân trường Đồng Đế với hai câu thơ rất lính “*Anh đứng ngàn năm thao diễn nghỉ, em nằm xoa tóc đợi chờ*”

anh”. Riêng tôi, sau nhiều năm sống ở thành phố này, vẫn có cảm giác chưa quen, bởi mỗi ngày không nhìn thấy cánh chim đại bàng và những đám mây bao phủ trên đỉnh núi Phở Đà. Nhiều đêm trong giấc mơ, thấy hình ảnh thân quen ấy. Thức dậy, tôi ngồi miên man nhớ quê, nhớ cha, nhớ mẹ và nhớ cả một thời thơ ấu.

Tôi vào lính khi chiến tranh bắt đầu khốc liệt trên quê hương. Rời khỏi quân trường, được bổ nhiệm về một tiểu đoàn tác chiến lưu động trên Vùng Cao Nguyên nắng gió. Theo đơn vị rày đây mai đó, quanh năm sống với núi rừng, nhưng tôi vẫn luôn mang theo trong lòng bóng dáng núi Phở Đà của quê tôi, mà từng đi qua cả dãy trường sơn tôi không tìm thấy có nơi nào đẹp đẽ và hùng vĩ cho bằng. Mỗi năm được đi phép một lần, tôi về quán quýt bên cha và bà cô Út, người đã thay mẹ tôi nuôi nấng tôi từ lúc mới lên ba. Buổi chiều nào, khi mặt trời sắp lặn, tôi cũng chạy ra trước cổng nhà nội, đứng nhìn dãy núi Phở Đà mà lòng thấy lâng lâng nhớ. Nhớ tuổi ấu thơ, nhớ mẹ tôi, thương và tôi nghiệp cha tôi.

Mùa Hè 1972, tôi bị thương khi cùng đơn vị hành quân tại phía Bắc thành phố Kontum. Xuất viện, được nghỉ bảy ngày phép, tôi về Ninh Hòa thăm vợ con và về quê thăm cha tôi và cô Út. Khi đến đỉnh đèo Dốc Thị bên núi Phở Đà, vừa dừng xe lại, bỗng tôi giật mình khi nhìn thấy một đám mây bám trên đỉnh núi. Đám mây trắng bỗng biến thành màu đỏ, màu máu. Về quê chỉ có ba hôm, lại đứng vào dịp giỗ mẹ. Tôi quanh quẩn bên cha tôi. Nghe ông kể bao nhiêu chuyện cũ. Còn tôi thì kể chuyện chiến trường. Rồi cha con bàn bạc lo âu trước tình hình kẻ thù vừa thắng thế trong một hiệp định ngưng bắn. Không hiểu phía Mỹ nhượng bộ quá mức như vậy để rồi sẽ làm gì bảo vệ được miền Nam như

từng cam kết. Ngày giỗ mẹ lại là ngày cuối, nên cha tôi tổ chức cúng giỗ sớm, để tôi kịp thắp hương lạy mẹ, rồi lên đường. Khi thắp hương trên bàn thờ, tôi đứng lặng im nhìn thật kỹ tấm ảnh của bà, bỗng dưng tôi có cảm giác như bà đang nhìn tôi mỉm cười. Thấy bà cười mà tôi lại khóc. Nước mắt chảy dài trên má. Ban đầu tôi cứ ngỡ là do mùi hương làm cay khóe mắt.

Sáng ngày 13/ 3/75, sau hai ngày thành phố Ban Mê Thuột, nơi có bản doanh Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn, mất vào tay giặc, đơn vị tôi từ Hàm Rồng - Pleiku, được trực thăng vận khẩn cấp xuống Phước An (quận lỵ cuối cùng còn lại của tỉnh Đắk Lắk, nằm bên QL 14, trên đường về Khánh Dương- Ninh Hòa) trong kế hoạch tái chiếm thành phố này. Khi cuộc đổ quân chưa hoàn tất thì Pleiku và Kontum có lệnh di tản. Một nửa đơn vị của tôi còn kẹt lại ở Pleiku phải triệt thoái theo con đường “ tử lộ” 7.B. Khi về đến Tuy Hòa chỉ còn gần một phần tư quân số. Rất nhiều đồng đội, bạn bè của tôi đã chết hay mất tích. Hai thằng bạn thân, đều là tiểu đoàn trưởng đã tự sát trước khi lọt vào tay giặc.

Rồi bất ngờ cả miền Trung có lệnh bỏ ngõ. Tôi theo cấp chỉ huy và một số đồng đội tiếp tục di tản vào Nam. Lúc tập trung tại Vũng Tàu, để cùng nhiều đơn vị di tản khác tái tổ chức thành một đơn vị mới, tôi bất ngờ gặp một số người quen ở quê tôi, cho biết cha tôi đã bị Cộng quân bắt giam tại một hòn đảo nhỏ, nằm ngoài khơi quê tôi. Tôi đau buồn lo lắng cho ông, nhưng chẳng biết phải làm gì trong hoàn cảnh này. Tái tổ chức và trang bị xong, chúng tôi nhận lệnh di chuyển xuống Bến Lức - Long An, nhằm ngăn chặn Cộng quân bao vây và tiến chiếm Sài Gòn. Ngày 30/4 lúc ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, đơn vị tôi đang hành

quân tái chiếm xã Mỹ Lộc thuộc quận Cần Giuộc. Một số đồng đội của tôi đã hy sinh đúng vào giờ thứ 25. Chúng tôi chỉ kịp chôn vùi họ trong những khu vườn vắng chủ.

Cuối cùng thì miền Nam cũng thất thủ. Tôi trở lại Sài Gòn tìm gặp vợ con đã di tản vào đây, sau ngày mất Nha Trang. Tối 30/4, một người bạn thân tìm chúng tôi, bảo là gia đình anh ta đã mua được chiếc thuyền máy, rủ chúng tôi cùng vượt biển ra hạm đội Mỹ đang còn chờ ngoài hải phận. Tôi khao khát ra đi, nhưng nghĩ đến cha tôi, cả một đời gà trống nuôi con, tôi không đành lòng bỏ ông ở lại trong hoàn cảnh khốn cùng này. Tôi tìm đủ phương tiện vội vã về lại quê nhà. Hỏi thăm, biết được cha tôi bị nhốt trong trại tù trên núi Đá Bàn, một mật khu của Cộng quân lúc trước. Tôi tìm lên thăm, nhưng không được gặp. Cuối cùng, bọn cai tù chỉ nhận tám giấy ghi vài dòng, tôi báo cho cha tôi biết là vợ chồng tôi và các con đều bình an. Nhưng không chắc là đến được tay ông.

Rời quê, mang theo bao đau đớn trong lòng. Khi đến chân núi Phở Đà, tôi dừng lại khá lâu. Trời mưa tầm tã, những đám mây đen che khuất hình dáng cánh đại bàng. Cả dãy núi chỉ còn là một bóng đen to lớn, nhạt nhòa trong những cơn mưa như trời đang trút nước. Tôi bật khóc. Trên tóc, trên mặt ướt đầm nước. Nước mưa và nước mắt.

Vào tù. Hơn tám năm lưu đày từ Nam ra Bắc, tôi vẫn luôn mang theo bóng dáng dãy núi Phở Đà. Mỗi lần hình dung tới cánh chim đại bàng và những áng mây bao phủ, lòng tôi ngậm ngùi, tiếc nhớ mông lung. Nhưng cũng chính hình ảnh ấy đã giúp tôi có thêm nghị lực vượt qua bao lần tuyệt vọng. Năm năm sau khi bị

chuyển ra Bắc, nhận thư vợ, đọc mấy dòng bóng gió, tôi biết cha tôi đã chết ở một trại tù khác trong Nam. Ông chết đã gần năm năm rồi, bây giờ tôi mới biết. Hôm ấy, đội tù chúng tôi phải lên núi đi tìm lấy nứa. Mỗi người phải mang về đủ chỉ tiêu ba mươi cây nứa mới được cấp phần ăn, dù chỉ vài củ sắn. Tôi đã tìm vào một hốc đá nằm la khóc một mình. Buổi chiều về tay không, các bạn tù thương tình chia bớt cho tôi một ít nứa, vừa đủ để tôi không mất phần sắn và bị cùm. Một tuần sau, soi mặt trên bờ con suối nhỏ, tôi giật mình khi thấy mái tóc mình bạc trắng. Khi ấy tôi chưa tới tuổi bốn mươi.

Từ ấy, trong những giấc chiêm bao, tôi thường thấy cánh chim đại bàng trên núi Phở Đà rũ xuống và nhuộm đỏ màu máu. Các đám mây chung quanh cũng tạo thành những chiếc ao treo lơ lửng giữa trời, cũng chứa toàn máu. Giật mình trong bóng đêm, đưa tay sờ trên gò má, nước mắt ràn rụa, tôi nghĩ mình cũng vừa khóc ra máu mắt.

Hơn tám năm khốn cùng trong tù ngục, tôi được thả về với một xác thân tiêu tụy và tâm trí mỗi mòn. Cầm tấm giấy ra trại, tôi lang thang tìm về quê vợ, một thị trấn nhỏ nơi vợ con tôi đang sống trong khổ cực, lòng dạ rối bời, ngao ngán. Niềm vui duy nhất là được gặp lại vợ con. Nhưng sau khi sum họp mới được bốn ngày, chưa kịp làm quen với mấy đứa con, mà đứa nhỏ nhất, sinh ra sau bốn tháng tôi vào tù, chưa hề biết mặt cha, tôi được công an gọi lên trình diện. Họ quyết định trả tôi lại trại tù với lý do: “nhân dân ở đây không chấp nhận anh”. Trở lại nhà tù. Một tuần sau, tôi nhận tấm giấy ra trại khác, về “trình diện chính quyền nơi sinh quán để xin tạm trú”.

Cuối cùng, lá chưa rụng mà đã phải về cội. Tôi một mình trở lại quê xưa, nơi tôi được sinh ra và lớn lên, sống một thời tuổi thơ không có mẹ. Bây giờ nơi ấy tôi chỉ còn bà cô già góa bụa sống một mình trong ngôi nhà từ đường có mái ngói âm dương của ông bà nội. Ngày xưa, chính cô đã nuôi nấng tôi khi tôi mất mẹ. Bây giờ cô lại cuu mang tôi khi tôi đã gần nửa đời người với một đám con thơ và những ngày dài mịt mờ trước mặt. Trên bàn thờ, giờ cũng đã thêm nhiều tấm ảnh chân dung mới. Trong đó có cha tôi và hai ông chú. Cha tôi chết ở trong tù. Còn hai ông chú tôi chết vì thương tích, bệnh tình mang về từ những trại tù cải tạo khác.

Chỉ có dãy núi Phở Đà vẫn còn đứng nguyên ở đó. Hôm đầu tiên ra công nhìn lên, tôi không còn thấy cánh đại bàng hùng vĩ ngày xưa. Cả đỉnh núi bị bao phủ bởi những đám mây đen buồn thảm, làm tối cả một vùng trời ảm đạm. Tôi hình dung đến cha mẹ tôi, mấy ông chú và những đồng đội của tôi. Tất cả như đang ẩn hiện trong các đám mây mù buồn thảm ấy. Lòng tôi đau đớn như đang có trăm ngàn vết chém. Tôi thắp hương, nhắm mắt tưởng nhớ và cầu nguyện cho tất cả được siêu thoát trong một thế giới bình an, không còn có đau khổ, hận thù. Nghe tiếng sấm chớp, tôi giật mình mở mắt ra. Trời đang vần vũ một cơn mưa. Nhìn mưa trút nước từ những đám mây đen trên đỉnh núi Phở Đà, tôi có cảm giác như suối nước mắt của bao nhiêu người thân bất hạnh. Mưa dứt. Những đám mây đen biến mất. Tôi cũng vừa mơ hồ nhìn thấy cánh chim đại bàng trên vách núi vỗ cánh bay đi, mất hút cuối chân trời •

Phạm Tín An Ninh

Ngôi Nhà Cấp Bốn

Trang Y Hạ



Tôi sinh ra và lớn lên ở giữa thành phố Sài Gòn hoa lệ, là một nữ sinh trung học ngày ngày tôi đạp xe đến trường trong cảnh thanh bình. Đất nước có chiến tranh, nhưng tôi nghĩ nó ở rất xa. Cha là một người lính, cha tôi đã tử trận! Mẹ tôi lãnh tiền tử tuất của cha để nuôi con! Mẹ tôi không tái giá, dù bà vẫn còn nhan sắc. Tôi có người anh trai đầu lớn hơn tôi những sáu tuổi, anh tôi cũng đi lính như cha tôi, anh cũng theo gương cha tôi mà tử trận. Anh tôi tử trận trong ngày "Hòa Bình"!

Nhà tôi ở mé sông Hàm Tử. Nửa trên bờ, nửa dưới sông. Phần nửa nền trên bờ, tường gạch, lợp tôn, ban ngày nóng khủng khiếp. Ngày cha tôi còn sống, tôi thấy ông tha ở đâu về những tấm giấy "carton" lớn. Ông lấy dây kẽm câu ngang câu dọc như tấm lưới rồi ông bỏ những tấm giấy carton đó lên phía trên làm trần. Nhưng tôi vẫn thích ở phía sau, phía sau lợp bằng lá dừa nước, vách ván, mặt sàn cũng bằng ván. Mọi sinh hoạt thường ngày của gia đình tôi đều ở nhà sau. Nước sông trong veo, gió thổi mát rượi, nhất là mỗi khi nước lớn ngập ghé mặt sàn, tôi ôm cái phao cùng với anh Hai bơi ra giữa sông tắm. Đó là kỷ niệm của những ngày còn nhỏ.

Cha mẹ tôi không bao giờ nói nguyên do lưu lạc lên Sài Gòn cư ngụ bên bờ sông Hàm Tử này. Tôi chỉ biết mẹ tôi: Có học thức, đẹp người, một nét đẹp hiền thực... Có lần tôi thấy mẹ xem ảnh cưới của ai đó. Tôi vô tình hỏi ảnh cưới của mẹ, nhưng mẹ ngập ngừng... rồi im lặng. Cha tôi có học vấn, hiểu đời. Cha rất yêu mẹ, yêu gia đình. Tôi còn nhớ rất rõ mỗi lần cha trở về nhà, cha dẫn cả nhà đi xem phim, đi ăn uống... Cha hơi cứng rắn với anh Hai tôi nhưng lại chiều tôi mọi thứ. Tôi thích cái gì cha tôi cũng mua. Bởi vậy, thỉnh thoảng tôi bị anh Hai gõ vô đầu "Ba cưng cô mày, cô mày sẽ hư!" Vậy mà sau khi cha tôi chết anh Hai cưng tôi còn hơn cha tôi ngày xưa nữa. Anh không bao giờ làm cho tôi phật ý chứ đừng nói chi là gõ vô đầu. Sau này tôi mới biết sở dĩ anh cưng tôi là tại anh vô lính! Ở nhà hủ hỉ chỉ còn có hai mẹ con, anh thường viết thư nhờ tôi quan tâm giúp đỡ mẹ hằng ngày và hứa hôm nào về phép sẽ mua cho quà!

Một bữa anh tôi dẫn về nhà một người bạn. Anh nói - bọn anh ở cùng một đơn vị. Trông anh chàng cao lớn. Không đẹp trai cho mấy nhưng tính tình khoáng đạt, dễ mến, dễ bắt chuyện...

Có lần anh Hai nói nhỏ với tôi:

- Này bé Trân! Thăng Vĩnh bạn anh, nhỏ hơn anh một tuổi. Hấn không cha mẹ, ở với vợ chồng người chú ruột - người chú nuôi cho đi học mà nên người. Cô em này có thích thì anh Hai làm mai cho mà để dành? Lúc đó tôi mắc cỡ quá chùng chùng nên vùng vằng:

- Em còn đi học mà... anh Hai! Còn mẹ mà... anh Hai!

Tôi thấy mặt anh Hai tôi hơi quê quê. Anh quay mặt đi chỗ khác. Tôi biết, hễ nhắc đến mẹ là anh im lặng. Anh ấy cảm thấy có lỗi vì xa nhà. Tôi thương anh Hai tôi quá chùng chùng! Người bạn đồng đội đó theo anh Hai tôi về nhà vài lần, sau này không thấy về nữa? Mẹ tôi hình như rất mến anh Vĩnh, bạn anh Hai. Thỉnh thoảng mẹ hay nhắc. Còn tôi thì không. Nhưng một hôm tôi thấy con nhỏ bạn cùng lớp chăm chú viết, tôi tò mò hỏi, nó nói, "Viết thư cho lính cũng là một cách tập viết văn ấy mà!" Năm đó chúng tôi đang học lớp Đệ Tam.

Tôi đem chuyện con nhỏ bạn học của tôi viết thư cho lính kể cho anh Hai tôi nghe. Nghe xong, mặt anh buồn buồn, nói:

- Anh cũng ao ước có được một người con gái nào đó ở "hậu phương" viết thư. Dù chỉ là... thăm hỏi thôi, cũng thấy tâm hồn ấm áp.

- Vậy, anh bạn Vĩnh của anh cũng... "cô đơn" y như anh phải không?

- Hấn là con bà phước, còn cô đơn hơn anh Hai nữa. Anh đã từng nói cho em biết rồi kia mà, hấn hơi buồn cho thân phận hấn. Nhưng tính tình của hấn lại rất thẳng thắn, vui vẻ. Một tay đàn ghi-ta cừ khôi, một tay văn nghệ có hạng đấy! Hấn đổi lên Kontum mấy tháng nay - xa lắm! Em viết thư cho hấn đi, địa chỉ KBC... của hấn đây nè.

Anh hứa giấu kỹ không cho hấn biết em viết thư cho hấn là được rồi chứ gì?

Vậy là tôi viết thư cho “anh lính ấy”! Tôi sử dụng hộp thư lưu trữ. Qua lại chừng mười lần thư, tôi mới cảm nhận ra rằng, ở trong người lính này toát ra một sự mạnh mẽ, bao dung, lời văn thanh thoát và yêu đời. Tôi thật sự chao động. Tôi cảm thấy mình quá nhỏ nhoi trước con người này, hằng ngày tôi cắp sách đến trường học hành vui chơi cùng bạn bè, tối về sum vầy cùng gia đình êm ấm; còn con người này cũng như anh trai tôi và biết bao nhiêu người tìm cái sống trong cái chết ở ngoài mặt trận, sao họ vẫn thanh thản, họ yêu cuộc sống? Vậy là tôi đã mang nợ họ. Làm thế nào để tôi trả nợ đây?

Từ ngày cha tôi chết. Một thời gian sau mẹ tôi xin nghỉ dạy học. Không biết tại sao? Mẹ lao vào buôn bán ngoài chợ. Thấy mẹ làm việc bù đầu như người khô tu, hành xác. Anh Hai và tôi năn nỉ mẹ bớt làm để dành thời gian nghỉ ngơi. Nhưng mẹ nói, "Nhân cư vi bất thiện." Phải làm việc để quên đi chính mình, làm cực khổ để không còn thời gian nghĩ về khổ cực." Tôi đủ trí khôn để hiểu lời mẹ nói. Tôi biết mẹ nhớ cha. Hằng đêm mẹ khấn vái nói chuyện với cha... Mẹ xin cha phù hộ cho anh tôi được bằng an nơi chiến trường, đôi lần tôi thấy mẹ khóc. Đối với tôi thì mẹ luôn cười vui như chẳng có chuyện gì. Mẹ khuyên răn tôi rất nhiều điều, hình như mẹ ý thức là cần phải thay cha để dạy dỗ các con. Ôi, mẹ của tôi vừa làm mẹ vừa làm cha, khổ cho mẹ tôi biết bao nhiêu!

Anh Hai tôi tử trận trong những ngày gần cuối của cuộc chiến tranh! Anh Hai tôi chết. Mẹ tôi như người mất hồn, chết đi sống lại. Còn tôi thì vô cùng thất vọng. Thất vọng thứ nhất là buông súng đầu hàng trong khi sức lực vẫn còn chiến đấu. Cái hụt hẫng thứ hai là anh tôi tử trận. Anh tôi tử trận quá oan ức bởi đã có "hiệp định hòa

bình" từ mấy năm trước. Tôi và mẹ hoàn toàn suy sụp, mất đi chỗ dựa của người đàn ông duy nhất còn lại trong gia đình. Khủng khiếp nhất là ban đêm nhìn lên bàn thờ; cái tủ thờ già nua phải cố sức công thêm một tấm ảnh của anh tôi và thêm một cái lư nhang nữa! Mẹ tôi phải khóc thêm một chút nữa! Lưng mẹ hơi còng. Tôi thường giật mình thức giấc bởi tiếng ho húm hắng của mẹ. Tôi biết sức khỏe của mẹ như ngọn đèn sắp cạn dầu. Tôi chột rùng mình nghĩ, "Nếu chẳng may mẹ chết đi thì cuộc đời tôi sẽ ra sao đây?" Nhưng không hiểu do quyền năng từ đâu mà mẹ trỗi dậy một cách mạnh mẽ, không dàu dàu như trước, mẹ ăn uống và hăng say làm việc trở lại. Tôi mừng lắm! Tôi ôm mẹ... Tôi khóc rùng như một đứa con nít! Mẹ vừa cười vừa vuốt tóc mái tóc tôi, "Cái con bé này, không học ở mẹ chút gì cả, lại khóc nhè!" Có điều là mỗi đêm ngoài việc thắp nhang trên bàn thờ, mẹ tôi còn gõ thêm mấy tiếng mõ, tụng một đoạn kinh ngắn.

Sài Gòn sau ngày được "giải phóng", bộ mặt thành phố xơ rơ tựa như người bệnh mới dậy. Không biết níu kéo vào đâu để đi, để sống? Mỗi ngày một nghèo thêm!? Mẹ con tôi vẫn ở lại trong ngôi nhà cũ, bên bờ sông nhiều năm sau. Mẹ tôi buôn bán trái cây từ trước đã quen với sự cần cù; sau ngày "giải phóng", "lao động là vinh quang" nên không mấy ngỡ ngàng, nhưng buôn bán bây giờ khó khăn hơn, vất vả hơn. Tôi cho mấy bà, mấy chị. Xưa giờ vốn đã quen chi phí hằng ngày với đồng lương của mình, của chồng, giờ đây "đôi đời" mất đi nguồn sống đó. Đành phải... "xuống đường". Xuống đường không phải để đi "biểu tình", mà chỉ lo chạy vạy buôn bán kiếm ăn từng bữa. Có chị còn phải nuôi chồng trong tù "cải tạo"! Còn tôi, một đứa con gái mới hai mươi tuổi đầu, đi xin việc khắp chốn mà chẳng nơi nào chịu nhận! Chung quy cũng bởi tại cái "lý lịch trích ngang", gia đình có cha, có anh là "ngụy rùng"!

Có người mách bảo:

- "Cô em phải khai lý lịch là bản cố nông ba đời. Trình độ học vấn mới biết đọc, biết viết, cô em nhớ chưa? Thời buổi này chỉ có... bản mới sống tốt! Giấu tịt cái ngụy của nhà cô đi!"

Vậy là tôi theo nghề của mẹ buôn bán đủ thứ. Nhưng phải lén lút như buôn lậu. Mà đúng là buôn lậu thiệt, chứ đâu có được tự do đi lại buôn bán như ngày xưa. Bởi sau ngày "giải phóng" người ta dẹp chợ; mọi thứ... đều dồn vô "Cửa hàng Hợp tác xã" để phân phối, "Làm theo khả năng, hưởng theo nhu cầu."

Bạn học của tôi giờ cũng lưu tán khắp mọi nơi kiếm sống! Thỉnh thoảng có gặp nhau cũng chỉ thờ dài, vội vàng hỏi thăm vài câu ngắn ngủi rồi mạnh ai nấy lo chạy cơm, chạy gạo... Chiếc áo dài trắng tinh còn dính cái tên trường thưở nào nằm buồn hiu trong tủ, không còn dịp nào để mà mặc nữa rồi! Đi lễ nhà thờ, đi lễ chùa... cũng không dám mặc! Thương quá cho tà áo dài của tôi, và cho cả miền Nam thân yêu.

Thành phố Sai Gòn bây giờ thực phẩm quá khan hiếm. Muốn mua cái gì cũng phải xếp hàng chờ phân phối. Hàng hóa tất nhiên phải ưu tiên cho "người có công với cách mạng, bộ đội, liệt sĩ." Đến lượt người dân thường thì chẳng còn bao nhiêu! Có lần buồn bức quá! Tôi nói với mẹ, "Phải chi ngày xưa mẹ đừng cho con đi học chữ, cứ cho con đi làm 'Cô gái Sài Gòn đi tải đạn' hoặc 'Cô gái Sài Gòn đi vót chông', thì bây giờ con đã là 'anh hùng cách mạng,' thì sung sướng biết bao; cái gì cũng được cách mạng ưu tiên, từ viên thuốc uống cho đến hạt gạo..." Tôi thấy người ta dẹp hết bàn ghế, giường tủ... nhường chỗ rộng rãi để nuôi heo, nuôi gà, nuôi chim cú... ngay trong nhà. Còn trồng cả rau cải trên sân thượng, trước hiên, trên lối đi để "cải thiện" bữa ăn, thấy mà đau lòng! Sai Gòn bây giờ không còn tráng lệ, nó đã trở thành dân dã. Những khuôn

mặt xuống đường biểu tình ngày xưa cũng đứng xếp hàng đợi mua từng ký gạo, ký củi, xị dầu ăn, nửa lít dầu hôi để thấp, hay một cái ruột xe đạp... Nhìn về mặt lúc nào cũng căng căng, trông phát ghét! Vậy mà cũng tự hào!?

Tôi cũng phải đi lao động công ích "xã hội chủ nghĩa", đào nương thủy lợi ở các "nông trường", Bình Chánh. Tôi có gặp những khuôn mặt trí thức thuộc "thành phần thứ ba", những khuôn mặt sinh viên từng hô hào đánh cho "Mỹ cút Ngụy nhào"... Giờ cũng đi lao động như tôi có khác chi đâu? Ngày nào, cổ gào gào rất cổ hòng để hát, "Nếu là chim..." Vậy mà nay im thin thít, cạy miệng cũng không nói một tiếng?

Xin lỗi! Nếu là chim thì mấy ông cũng đã bay đi mất đất từ lâu rồi!

Ngôi nhà của cha mẹ tôi ở xưa nay được người ta đặt cho cái tên "ngôi nhà cấp bốn" hay là "nhà cấp bốn"! Người ta cho hay rằng, trước sau gì cũng bị "giải tỏa không đền bù". Nếu có, thì số tiền đền bù cũng chả được là bao; đền bù chỉ là tượng trưng hoặc cấp cho phương tiện "di dời" đi nơi khác là may! Họ lấy lý do, lấn chiếm ra sông và không có giấy tờ chứng minh là... "bất hợp pháp"! Chính quyền họ không cho xây thêm, chỉ được sửa chữa sơ sài. Nhà tôi mái tôn đã mục nát. Tôi phải làm đơn ra phường xin phép lợp lại. Tôi nhờ ông cậu - em của mẹ - mua cây tre tầm vông, cốt tre với giấy dầu có tấm nhựa đường lợp lại ở tạm.

Một hôm có một ông "ăn mặc lịch sự", tay xách cặp táp đến đề nghị mẹ tôi bán ngôi nhà. Ông cũng nói, "Nhà ven sông này là đất chiếm dụng, cho dù có ở lâu cũng mất thôi. Nhà nước bồi thường chút đỉnh, đến lúc có lệnh 'giải tỏa di dời', nếu 'hộ' nào không chịu đi sẽ bị dồn vào ở trong các chung cư." Nghe nói đến chung cư,

chúng tôi sợ hết hồn! Chung cư nhìn bên ngoài thật "hoàn trắng"(sic) nhưng khi vô ở chưa được mấy năm là đã "xuống cấp", thấm dột tùm lum! Ông "ăn mặt lịch sự" tự động đưa ra giá - giá của ông đưa ra khá cao. Mẹ tôi và tôi phân vân không dám quyết định, đành mời ông chiều mai trở lại. Ông vui vẻ gật đầu!

Mẹ tôi kêu cậu tôi đến kể lại sự việc.

Nghe xong, cậu tôi mừng rơn:

- Chị "trúng số" rồi đó! Theo em tính, với số tiền này, em sẽ đưa chị ra ngoài xa lộ Đại Hàn, Bình Trị Đông, mua một miếng đất của chủ ruộng. Hiện nay họ đang "san nền phân lô" để bán. Mỗi lô thông thường cỡ 4x15 thước, hoặc 4x20 thước. Tuy vẫn là "giấy tay", nhưng chủ đất có hồ sơ hợp pháp. Họ hứa sẽ hợp thức hóa giấy tờ dễ dàng. Em sẽ xây cho chị một ngôi nhà cấp bốn khang trang, có giếng nước đóng trước nhà, đặt máy bơm hút lên xài thoải mái, còn dư một chút ít tiền cho chị làm vốn! Dân bị giải tỏa chỉ có khả năng đến cỡ này mà thôi, rồi sau này sẽ tính tiếp. Đến đâu hay đến đó vậy. Đất ruộng ngày nay thuộc "Sở hữu toàn dân, nhà nước quản lý;" họ có toàn quyền giải tỏa bất cứ lúc nào. Bất cứ chỗ nào mà họ muốn. Mình phải liệu cơm gắp mắm đi trước là hay hơn. Còn vô chung cư ở, già yếu bệnh hoạn, chị có leo lên cầu thang mỗi ngày nổi không?

Nghe lời cậu, mẹ tôi bằng lòng bán căn nhà cho cái ông "ăn mặt lịch sự" đó. Tôi không biết ông mua để làm cái chi mà mua giá cao như vậy? Theo cậu tôi cho biết, "Ông này là "cò nhà đất," ông mua không chỉ có một căn, ông còn mua nhiều căn nữa. Ông ta mua nhà của mình, mình cho là cao giá, chứ tính ra thì không có cao. Ông làm lại giấy tờ hợp pháp, đợi đến khi "giải tỏa, đền bù" ông lời rất to!"

Cậu tôi xây nhà cho tôi sắp đến ngày hoàn tất, cậu nhấn xuống thăm, xem có vừa ý không. Mỗi chiều Thứ Bảy sau khi phát tiền công cho thợ hồ, thường thường chủ thầu và chủ nhà cho nhóm thợ hồ ăn uống trước khi ra về. Tôi thấy một người đàn ông, dáng cao, ốm, da rám nắng, tóc râu lởm chởm như "Trương Phi"; tôi đoán chừng... khoảng bốn mươi tuổi ngoài với cặp mắt sáng, phảng phất chút u uẩn. Ông ta đội cái nón lưỡi trai sùm sụp, bộ quần áo mồ hôi muối đọng trắng lưng. Ông ta ngồi vô bàn cắm cúi ăn uống, ít nói chuyện với ai. Tôi thấy mẹ tôi cũng quan sát người đàn ông đó như tôi.

Mẹ kêu tôi ra ngoài nói nhỏ:

- Trần à! Không lẽ... người giống người?

Tôi hơi ngạc nhiên:

- Mẹ muốn nói đến người đàn ông đó hả?

- Chứ còn ai nữa? Cái con bé này hỏi ngộ thiệt. Con thử đoán xem, không lẽ là thằng Vĩnh bạn của anh Hai con ngày trước? Mẹ linh cảm như vậy, trông mặt hơi... quen quen. Thời gian xa cách đã quá lâu rồi còn gì? Ngày xưa cậu ta theo anh Hai con về nhà có vài lần. Vả lại, từ đó tới nay biết bao nhiêu là đổi thay, mà sự đổi thay quá nghiệt ngã nên cho dù cậu ấy có nhận ra, nhưng trong "hoàn cảnh" này... Mẹ e rằng rất khó để cho cậu ấy nhận quen biết!

Tôi giấu mẹ chuyện đã từng nghe lời anh Hai tôi viết thư cho anh Vĩnh. Biết có phải đúng là "anh" không mà thổ lộ; lỡ không phải thì... mắc cỡ chết!

Nghĩ vậy nên tôi đưa ý kiến:

- Hay... mẹ hỏi Cậu thử xem? Có thể Cậu biết; thợ của Cậu mà!

*Em còn trụ lại nơi đây
chờ nhau bằng cả tháng ngày tuổi xanh
đợi người trong ảnh mong manh
biết chim về đậu đất lành này chăng?*

Từ bữa gặp người "thợ hồ" trở về nhà trong lòng tôi như có sóng; từng con sóng lăn tăn trên mặt nước hồ thu nhẹ nhàng êm ái... Tôi lần mò lục những trang thư cũ, say sưa đọc! Hình ảnh người lính hiên ngang tưởng chừng đã ngủ yên trong vùng kỷ niệm, giờ hiện về làm cho lòng tôi chao động dữ dội. Tôi đưa tay bụm miệng để khỏi bật ra tiếng khóc; không biết tại sao nước mắt cứ chảy dài! Tôi chưa rõ là tôi khóc cho ai. Khóc cho cha tôi? Khóc cho anh Hai tôi? Hay là khóc cho người đàn ông làm thợ hồ kia? Biết có phải là anh Vĩnh không? Nếu đúng là anh Vĩnh thì anh đã có vợ con gì chưa? Mà anh với tôi chẳng qua cũng chỉ có thư từ qua lại "nặc danh," chứ có ràng buộc gì đâu mà hy vọng? Hay là tôi khóc cho đời con gái lỡ thì của tôi!? Những khi đi tắm, tôi thường ngắm soi trong gương, cứ lo sợ thời gian sẽ cướp đi tuổi thanh xuân thì niềm tin và hy vọng cũng sẽ lụi tàn... Chắc khi đó, ngôi chùa có thể là lối về duy nhất cho đời tôi. Tôi rùng mình không dám nghĩ tới nữa. Còn lấy chồng ư? Tôi biết lấy ai đây, khi mà trong tâm hồn của tôi tràn ngập hình ảnh của "người lính năm xưa"? Hơn nữa, hiện nay tôi là "gái già" kèm theo cái lý lịch gia đình "ngụy"!

Rồi một hôm được cậu tôi cho biết:

- ...Hắn tên là Vĩnh, làm "ngụy," đi tù cải tạo tám năm. Khi được tha hắn về quê ở đâu tận dưới Bạc Liêu, mới hay người chú ruột đã qua đời. Bà thiếp cùng người con gái vượt biên chẳng biết sống hay chết? Lúc ở tù cải tạo bà thiếp và em gái họ có đi thăm nuôi hắn một vài lần. Hắn trở lên Sài Gòn lang thang kiếm sống bằng đủ các nghề

kể cả việc thuê xe xích lô, ba gác chạy kiếm sống, phụ hồ, khuôn vác... Sống lẩn quẩn ở bến xe miền Tây và chợ An Đông.

- Vậy làm sao cậu biết nhiều về anh ta? Tôi hỏi:

- Cậu biết anh ta là do một người thợ hồ dẫn hấn đến xin làm phụ hồ. Cậu thấy hấn siêng năng, có trách nhiệm, nên cậu mới để ý. Những người thợ hồ chính, rất thích hấn phụ hồ! Hấn còn giúp đỡ, chỉ vẽ cho những người phụ hồ mới vô làm. Từ đó những người thợ chính nể phục hấn. Từ chỗ nể phục đến "tình thương mến thương" là chuyện thường tình; vậy là họ dạy nghề xây cho hấn. Hấn leo lên chức "thợ phó"! Rồi tiếp tục leo lên chức "thợ chính"! Hấn làm việc có khoa học và biết điều hành công việc. Cậu cũng được hấn cho biết:

- "Không có vợ con, không có hộ khẩu, không tài sản, nhà cửa, không cả thân nhân"! Vậy là hấn có đủ "bốn không," giống y chang như lời của ông tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ngày xưa nói. Hấn xin ngủ lại công trình để khỏi phải tốn tiền thuê phòng trọ, khi nào xong công trình giao nhà, thì hấn đi kiếm chỗ khác. Cũng nhờ ơn trên mà mấy năm nay cậu nhận "hợp đồng" liên tục. Có hấn ở lại ngủ, cậu khỏi muốn người khác giữ "vật tư". Được như vậy, nhưng cậu cũng không để cho hấn chịu thiệt.

Cậu tôi nhìn tôi chăm chăm, hỏi:

- ... Hình như con có tình cảm, và hiểu biết về người có cái tên Vĩnh này từ lâu rồi phải không?

Ngồi nghe ông cậu tôi kể về nỗi truân chuyên của người "thợ hồ", lòng tôi quặn đau, hai mắt tôi đỏ hoe... Tôi tuân tự kể hết đầu đuôi câu chuyện, từ lúc anh Hai tôi dẫn anh ta về nhà, và cho biết anh ta là con mồ côi. Sau đó nghe lời anh Hai, tôi làm người "Em

gái hậu phương" để viết thư qua lại dưới hình thức "nặc danh" nên anh Vĩnh không biết người con gái viết thư cho mình là ai, ở đâu. Tôi đem tất cả thư từ hình ảnh để cho cậu và mẹ xem.

Nhìn sơ qua thư và hình, cậu tôi nói:

- Chuyện tình này khá "lãng mạn" đây! Bây giờ cậu phải đi "xác minh" để xem hẳn có phải là "Vĩnh của ngày xưa ấy" không cái đã? Bởi người giống người, không khéo bị hổ! Chuyện này để cậu lo cho.

Mẹ tôi không nói gì. Mẹ chỉ đứng dậy đi lại bàn thờ thắp nhang, gõ mõ. Chỉ chừng đó thôi, nhưng tôi thấu hiểu tấm lòng của mẹ. Tôi ôm mẹ mà nước mắt lưng tròng!

Mẹ an ủi tôi:

- Mình có lòng thành thì Trời Phật sẽ chứng giám. Còn cha con, anh Hai con phù hộ nữa. Mẹ tin rằng mẹ con mình không quá thất vọng đâu!

Hai ngày sau cậu tôi đến và cho biết sự thật về anh chàng "thợ hồ" mà tôi quan tâm. Cậu tôi vui vẻ kể:

- Qua vài ba ly rượu giải mỗi cuối ngày làm việc. Cậu "nhá" ra cái tấm ảnh của hẳn và lá thư. Hẳn nhìn cậu sững sờ, mặt mày hoảng hốt, ngớ ra; hai tay của hẳn run run, hấp tấp hỏi, "Làm sao mà chú có những vật kỷ niệm quý báu này của con hờ chú? Đối với con lá thư rất là thiêng liêng như một lá bùa hộ mạng của con vậy! Tuy chưa một lần gặp người con gái viết thư. Nhưng qua lời văn, nét chữ... con biết cô gái ấy là nữ sinh."

Hẳn vò đầu, xoa trán nói tiếp:

- Chú ơi, chuyện đã quá lâu rồi. Những ngày ở trong tù "cải tạo" con vẫn nuôi hy vọng một ngày nào đó, biết đâu sẽ gặp lại cô gái? Chính sự hy vọng đã giúp con vượt qua tất cả nỗi đau! Chú cũng biết, mấy năm nay con theo chú làm nghề xây dựng kiếm sống qua ngày, nuôi một hy vọng mong manh. Con mến chú, con tin chú, nên mới thổ lộ thân phận của con. Một thân phận mồ côi, nhờ sự nuôi nấng dạy dỗ của chú thêm mà nên người, con luôn luôn "tự hiểu" về thân phận của mình. Hơn hết là ở trong hoàn cảnh này! Thành ra con không dám dây dưa tình cảm với ai. Riêng người con gái đã viết thư cho con, con nghĩ cô ấy hiểu con! Chú cho con xin lại tấm hình và lá thư đó để con làm kỷ niệm.

Cậu nhìn thẳng vô mắt hắn nói:

- Đừng có hạ thấp bản thân của mình và thất vọng như vậy. Trời đất vốn đã không hoàn hảo. Tại sao phải bắt con người ta phải hoàn hảo? Bộ con không còn muốn gặp lại người con gái đó hay sao? Cô con gái "đã hiểu con" đó, nó chưa có chồng. Ta là cậu ruột của nó.

Nghe cậu kể vừa xong. Hai tai tôi lùng bùng, tim đập mạnh. Tôi xoay người ôm mẹ, gục đầu thổn thức! Mẹ tôi an ủi, "Cái gì đến sẽ đến con ơi, giờ nó đã đến rồi đó! Cũng như ngày xưa mẹ gặp cha con vậy, tình yêu mãnh liệt, cuốn hút như một thỏi nam châm; không một ai giải thích và cản trở nổi. Sự thương nhớ "người dung" chính là sự sinh tồn trên trái đất này mà. Không lẽ Trời Phật đã lấy mất đi hai người đàn ông thân yêu của gia đình mình, rồi lại không "bù đắp" một chút gì cho con, cho mẹ hay sao? Mẹ mừng cho con! Vấn đề còn lại là phải nhờ cậu con đứng ra lo liệu giùm."

Đúng vậy! Cậu tôi đã "đứng ra lo liệu giùm". Cậu sắp xếp mọi công việc xong xuôi đâu vào đấy... Cậu dẫn "người thợ hồ" về quê dưới Bạc Liêu để chạy xin nhập "hộ khẩu" vô lại tại địa phương.

Nhập hộ khẩu xong lại chạy làm "chứng minh nhân dân". Về nguyên tắc hành chính hiện giờ "người thợ hồ" đã là một người sống hợp pháp, chỉ cần xin cái "giấy tạm vắng" để đi làm ăn xa. Hẳn nhiên là phải lên Sài Gòn "đăng ký tạm trú" vô nhà của tôi để mà... "làm ăn"! Sau ngày dọn về nhà mới. Mẹ tôi và vợ chồng cậu mợ gấp rút tổ chức lễ cưới cho chúng tôi. Vợ chồng cậu mợ tôi vừa là ông bà mai, vừa là đại diện cho bên đảng trai. Mẹ bảo tôi chụp thật nhiều ảnh cưới, quay phim.

Bây giờ tôi mới nghe mẹ kể:

"Ngày xưa, mẹ yêu cha - một người lính trẻ. Mẹ cha yêu nhau tha thiết, yêu quá và cũng quá hấp tấp nên đã phạm "lỗi lầm"! Không phải mẹ đổ thừa hết cho chinh chiến. Nhưng chinh chiến cũng có cái lỗi của chinh chiến. Người con gái sống trong thời lửa khói, không yêu người lính hào hùng thì còn ai nữa để mà yêu đây? Nhưng yêu lính thì phải chấp nhận cuộc sống rày đây mai đó, sự chết chóc, bị thương. Hôm nay còn gặp nhau vui vẻ nhưng ngày mai, có thể người mình thương yêu sẽ vĩnh viễn không còn trên cõi đời này! Tình cho nhau là mẹ tự nguyện. Mẹ không ân hận. Chuyện lỗi lầm của cha mẹ vỡ lỡ, ông bà ngoại của con ngại mang tiếng với dòng tộc, xóm giềng. Ông bà ngoại an ủi mẹ rất nhiều; sau một thời gian ngắn, ông bà ngoại cho ba mẹ một số tiền, bảo dẫn nhau lên Sài Gòn ở với người di ruột, coi như đi làm ăn xa và lập gia đình. Một thời gian sau hãy dẫn nhau về lại. Tình thương con của ông bà ngoại thật quá bao la. Ông bà ngoại lúc đó chỉ làm mâm cơm trong nội bộ gia đình để cha mẹ làm lễ Gia Tiên mà thôi!"

Ngôi nhà nhỏ ven sông nơi bến Hàm Tử là do cha mẹ tôi mua lại và coi nói thêm. Bởi vậy, nên mấy lần tôi nhắc đến ảnh cưới của cha mẹ, thì mẹ "lặng thinh" là tại lý do này đây! Nhưng tôi linh cảm

dường như còn có điều gì mà mẹ chưa nói ra hết. Tôi thương cha mẹ quá chừng. Ước chi cha và anh Hai tôi còn sống để tham dự đám cưới của chúng tôi. Mẹ tôi mãi nguyện khi thấy anh Vĩnh có hiếu và quan tâm đến mẹ chẳng khác gì anh Hai của tôi ngày xưa. Điều mẹ mong mỏi duy nhất hiện giờ, là muốn mau có cháu để bông bế.

Một năm sau, tôi sanh đứa con trai đầu lòng trong ngôi nhà cấp bốn mới. Điều mong ước của tôi là sau khi lấy chồng sẽ sinh con đầu trong ngôi nhà của cha mẹ. Ước mơ đó đã không thành! Mẹ tôi lại rơi nước mắt mừng vui khi nhìn đứa cháu ngoại ra đời. Không như giọt nước mắt mẹ rơi lúc rời ngôi nhà tràn đầy thương yêu và tràn đầy kỷ niệm bên bờ sông Hàm Tử. Dù mẹ không thổ lộ ra bằng lời, nhưng cùng là đàn bà với nhau, tôi thấu hiểu nỗi đau khổ và sự vui mừng qua ánh mắt và cử chỉ của mẹ.

Anh Vĩnh chồng tôi cũng vậy, anh nhạy bén còn hơn cả tôi vì anh sinh ra và lớn lên là... "Bồn không"! Một lời nói hớ hênh, hay một thái độ hơi khác lạ là anh cảm nhận ra ngay. Đứa con trai đầu của tôi mới biết đi lững chững... Tôi lại mang bầu đứa con thứ hai, cũng bị thai hành dữ dội như hồi mang thai đứa thứ nhất. Công việc chăm sóc và nấu nướng, giặt giũ... một tay mẹ tôi lo liệu. Anh Vĩnh chồng tôi ngày ngày vẫn đi theo cậu tôi làm thợ hồ. Sức khỏe của mẹ yếu, còn tôi tay xách nách mang, thành ra chẳng buôn bán gì được. Nguồn lợi tức duy nhất dựa vào tiền công làm thợ hồ của anh Vĩnh. May mà tôi và mẹ còn ít tiền dành dụm, cộng với tiền bán nhà dư ra chút đỉnh. Dè xén nên cũng sống qua ngày.

Nhưng cuộc đời không có chuyện gì là yên ắng mãi, sóng gió lại chao đảo ập vô gia đình êm ấm của chúng tôi. Ngôi nhà cấp bốn mà chúng tôi đang ở được ông chủ ruộng cho hay. Không thể hợp thức hóa thủ tục để được nhà nước quận cấp "Giấy Chủ Quyền Nhà - Giấy

Sổ Đỏ". Không có hai loại giấy đó thì không được chuyển "Hộ Khẩu" về địa phương! Trời ơi. Ba năm chờ đợi là ba năm sống "tạm trú," ba năm sống "bất hợp pháp" mà không biết! Không chuyển "hộ khẩu" vô căn nhà được thì coi như mọi quyền lợi đều mất hết! Dù có tiền "chạy" cũng chạy không xong. Nghe tin dữ! Mẹ tôi không tỏ ra suy sụp tinh thần, mà ngược lại càng bình tĩnh. Buổi tối, sau khi cơm nước xong xuôi, mẹ gọi vợ chồng tôi đến bên bàn thờ, mẹ đốt ba cây nhang, rảy cho tắt lửa, đưa cho vợ chồng tôi mỗi đứa một cây. Khi vái cha và anh tôi xong, mẹ lật cái chân đèn lên lôi ra một tờ giấy viết tay, mẹ nói:

- Khi trước ông bà ngoại qua đời. Số ruộng đất không còn bao nhiêu. Ông bà ngoại cho mẹ hai công ruộng gò, cậu của con ba công. Mẹ giao hết cho vợ chồng cậu của con canh tác mấy năm qua để lo cúng giỗ. Bây giờ xảy ra cố sự như vậy, một lần nữa mẹ lại phải nhờ cậu con tìm cách bán ngôi nhà cấp bốn này, rồi về lại dưới quê cất ngôi nhà cấp bốn khác trên mảnh đất của ông bà ngoại để ở, coi như lá rụng về cội! Mai này mẹ có chết đi, các con nhớ chôn mẹ bên cạnh mộ ông bà ngoại, sẽ tiện bề cho con cháu nhang khói. Về dưới thì chồng con hằng ngày chạy xe đi làm hơi xa. Thôi rán chịu khó, mấy năm nay cậu của con cũng chạy xe lên xuống để đi làm, có sao đâu?

Vợ chồng tôi ngồi nghe... Biết ý mẹ đã quyết, nên tôi nói:

- Mẹ sắp xếp thế nào thì vợ chồng chúng con nghe theo vậy. Về dưới quê con sẽ nuôi heo, gà, vịt, cá, trồng rau..., cũng có lợi tức để mà sống. Nghe nói về quê, chồng tôi rất mừng, vì anh thích nơi đồng quê thoáng mát.

Cậu tôi lại đi tìm cái ông "ăn mặc lịch sự". Ông đến, và ông cũng nói y chang như lúc trước ông mua cái "ngôi nhà cấp bốn" của tôi ở bến Hàm Tử. Ông còn nói thêm rằng "Trước đây ba năm khu ruộng

này là ngoại thành, các chủ ruộng "phân lô bán nền" vì cứ tưởng rằng sẽ được hợp thức hóa chủ quyền. Nhưng khu này đã nằm trong khu công nghiệp cấp thành phố từ lâu. Do đó nhà nước không cho chuyển hộ khẩu dân cư đến, sau này sẽ trở ngại, khó khăn khi "giải tỏa, đền bù". Lần này ông mua giá quá thấp. Thôi cũng đành bán tháo, coi như cửa đổ mà hốt. Còn hơn bỏ của chạy lấy người.

Cậu tôi và anh Vĩnh "kéo quân" về quê xây ngôi nhà cấp bốn cấp tốc... Chưa đến một tuần lễ là xong xuôi! Nhà mặt trước ngó ra dòng sông. Nhìn con nước lên xuống, nghe tiếng bìm bịp kêu, gió thổi phất phơ mấy tàu dừa nước ven bờ mà lòng buồn tê tái. Cậu tôi và anh Vĩnh lo "chạy" chuyển hộ khẩu về nhà mới. Lần này chồng tôi được nhập hộ khẩu vô với gia đình. Được mẹ cho phép đứng tên làm "chủ hộ". Niềm vui như được nhân đôi vì mấy tháng sau tôi sinh một đứa con gái. Ngôi nhà ven sông lúc nào cũng tràn ngập tiếng cười vui của người lớn lẫn tiếng khóc trẻ thơ... Tiếng hát ru cháu ngủ, à ơi của mẹ tôi ngày ngày làm cho tôi nhập tâm, và tôi cũng hát ru cùng một giọng. Nhìn mẹ ngồi hát ru cháu ngủ. Mắt mẹ nhìn ra dòng sông, mơ mơ màng màng... Tôi biết mẹ đang hồi tưởng về những tháng năm hạnh phúc ở trong ngôi nhà bên bến sông Hàm Tử. Những lời hát ru này là lời hát ru cho anh Hai tôi và tôi ở trong "ngôi nhà cấp bốn" đó. Từ ngày trở lại cư ngụ trên "mảnh đất ông bà," nơi mẹ đã chào đời, mẹ tôi thường hay ngơ ngẩn, hoặc ngồi tư lự hàng giờ. Có thể là mẹ nhớ tới ông bà ngoại tôi, hoặc hồi tưởng lại thời thanh xuân tuổi trẻ. Bởi "quá mê trai" (lời trách hờn của bà ngoại khi xưa, nghe mẹ kể lại) mà phạm lỗi lầm, phải xa nhà một thời gian dài! "Chén com, đôi đĩa bộ kỷ trà ai dâng cho cha mẹ trong thời gian đi theo chồng?" Mẹ thương yêu đặc biệt vợ chồng cậu mợ tôi cũng vì lý do này. Bây giờ tuổi hạc oằn vai, gần đất xa trời, quay trở về lại nơi sinh ra, thì hai đứa sinh thành đã không còn nữa! Bưng mâm

cơm lại cho mẹ ăn, mà mẹ tôi không hề hay biết. Ôi, mẹ của tôi đã già rồi! Hai hàng chân mày của mẹ sụp xuống, má hóp, da nhăn, tóc bạc trắng chỉ còn lưa thưa một túm phất phơ theo hơi gió đồng. Tôi phải nói lớn mẹ mới nghe!

*Nước dâng ngập ngựa đời cha
nước ròng rút cả sắc hoa mẹ ngồi
đường trần một bóng chơi vơi
đêm nghe một gặm rã rời hồn đau.*

Khi đưa con gái út của tôi biết đi! Sức khỏe mẹ tôi cũng suy sụp rất nhanh như ngọn đèn dầu lụn bấc! Hình như mẹ tôi biết trước được "giờ linh" nên đã có chuẩn bị. Lờn trắng trối của mẹ vẫn là mong được chôn gần bên mộ của ông bà ngoại. Mẹ cầm tay anh Vĩnh mà mắt mẹ nhìn qua tôi. Tôi hiểu ý của mẹ muốn gửi gắm mẹ con tôi lại cho anh Vĩnh. Chồng tôi cũng hiểu ý, anh vội vàng sụp xuống bên mẹ tôi và hứa "Đùm bọc, săn sóc cho mẹ con tôi." Mẹ lại cầm tay tôi thều thào, "Cha của con cũng mồ côi cha mẹ từ lúc lên mười tuổi. Cha con ở với người dì ruột, được người dì cho ăn học thành tài. Người dì ruột cũng đã chết rồi!" Mẹ tôi thanh thản nhắm mắt đi về với Cha, anh Hai và ông bà ngoại của tôi một cách êm thắm. Mẹ tôi đã nói ra hết, không còn điều gì giấu giếm. Tôi lặng người đi trong giây lâu rồi ôm mẹ mà khóc. Chao ôi! Tình yêu của mẹ đối với cha thủy chung, cao đẹp biết là dường nào! Sự hy sinh, sự rộng lượng của mẹ cho tình yêu quá tuyệt vời! Mẹ của con không có "lỗi lầm" chi hết. Con luôn tôn kính mẹ! Con yêu mẹ lắm Mẹ ơi!

Đầu năm 2008, đọc báo thấy tin chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ, thỏa thuận mở lại chương trình ra đi có trật tự! Mang tính nhân đạo cho những người "cải tạo" ba năm trở lên kể cả những người đã làm việc trong các cơ quan quân sự, dân sự của Hoa Kỳ được phép đến

Hoa Kỳ định cư. Nghe anh Vĩnh chồng tôi nói lần trước anh có biết, nhưng vì không có giấy tờ tùy thân và không có tiền lo dịch vụ để ra đi. Còn lần này được hoàn toàn miễn phí! Thấy chuyện quan trọng. Vợ chồng tôi thuận ý là cần phải hỏi ý kiến của cậu mợ trước mới quyết định được. Biết chuyện, cậu mợ tôi vui mừng, khuyến khích vợ chồng tôi nên đi, đi cho tương lai con cháu. Sau khi nộp đơn và qua hai lần phỏng vấn thành công, gia đình tôi được cơ quan "IOM" hướng dẫn đi khám bệnh, nhận vé máy bay!

Mẹ chết trong lòng tôi chưa nguôi, nay phải ra đi khỏi quê cha đất tổ. Buồn vui dồn dập lẫn lộn làm cho đầu óc của tôi đâm ra lụm. Mọi chuyện trong ngoài đều do cậu mợ và chồng tôi lo liệu hết. Tôi đi thăm mộ cha và anh Hai của tôi. Tôi xin hai người phù hộ cho chuyến đi được bằng an! Hôm về quê viếng mộ cha mẹ chồng và ông chú, lần đầu tiên tôi mới thấy anh Vĩnh gục đầu khóc vùi trước mộ!

Tôi được cha mẹ sinh ra trong một "ngôi nhà cấp bốn", ven bờ sông. Đồng thời được sống qua hai ngôi nhà cấp bốn khác. Đã đọng lại trong lòng tôi rất nhiều kỷ niệm, gồm cả tang thương, hạnh phúc, và khổ đau. Không biết khi sang đến xứ sở tự do Hoa Kỳ! Nơi đó có còn "ngôi nhà cấp bốn" nào nữa để cho gia đình của chúng tôi tạm ngụ hay không?

Trang Y Hạ

Những ngày đi mần thợ hồ

tạp văn. ngọctự.

một ngày, nghĩ nhớ vụn rời

Suốt từ buổi sáng cho tới tối khuya ngày Lễ Độc Lập hay cũng là ngày Quốc Khánh Hoa Kỳ, xứ sở nơi tôi đang sinh sống đây, tôi đã chỉ loanh quanh ở nhà. Ngồi trước computer được một lát, nhìn lên màn hình TV xem thoáng qua đoạn chương trình đang chiếu, cầm remote đổi bằng tần liên tục rồi đi ra sân trước lấy ghế ngồi, châm những điếu thuốc, nghĩ nhớ vắn vơ hết chuyện này đến chuyện nọ. Vào nhà, ngồi lặng thinh nơi góc salon rồi bỗng thừ ra và có lúc như đã mụ mị đi trong từng khoảnh khắc. Cái điệp khúc này lặp đi lặp lại không biết bao lần trong ngày hôm ấy với tôi.

Cho đến khi nghe những tiếng nổ lụp bụp của pháo bông nơi khoảng không đâu đó bên ngoài và những hình ảnh, âm thanh rộn rã tươi vui trên màn hình đang trực tiếp một chương trình văn nghệ mừng Lễ ở ngoài trời tại một nơi chỗ nào đấy, tôi mới biết trời đã tối lắm và sắp hết ngày. Tôi miên man quên nhớ trong đầu về bao thứ vụn rời quanh quẩn lộn xộn, cứ như những đoạn phim chấp vá không đầu đuôi, chẳng ăn nhập gì với nhau.

Chùng như cũng giống mọi năm trước đây, qua tin tức báo chí và truyền hình, trong ngày Lễ năm nay, cũng có những cuộc

vui công cộng, văn nghệ, diễu hành xe hoa chào mừng của các đoàn thể, bắn pháo bông vào buổi tối... và đương nhiên không thể thiếu những buổi tiệc tùng tràn ngập bia rượu, với món BBQ quen thuộc trong thực đơn nơi các tư gia, công viên, hay quán ăn.

Hình ảnh người dân Mỹ bản xứ mừng vui là một lễ, không có gì ngạc nhiên. Những người Mỹ mới, xuất xứ từ Mễ tây Cơ, hay từ nhiều sắc dân khác cũng đã hết sức nồng nhiệt chan hoà trong cùng một niềm hoan vui. Nhìn nét mặt họ, tôi nghĩ rằng họ mừng vui thật sự. Thấy nhiều người Mỹ gốc Việt Nam cùng hoà lòng đón chào ngày này nhưng tôi không biết chắc về tâm trạng thật của họ ra sao.

Tôi nhớ, qua chuyện trò với người này, người nọ đây đó những năm rồi, nên có biết được ít nhiều điều. Thường ra người Việt mình vẫn cho đây là một dịp nghỉ ngơi đặc biệt nên tổ chức họp mặt bạn bè hàn huyên, ăn uống hát Karaoke... và chỉ thế thôi. Điều thường tình này thật đơn giản, dễ hiểu và có lẽ cũng đúng cho nhiều người Việt Nam sống ở những vùng đất khác nữa mỗi khi vào những ngày nghỉ Lễ, chứ không riêng gì tại Mỹ.

Mấy ngày trước gần đến Lễ, trên vài trang báo giấy cũng như báo mạng của người Việt, có những bài viết mang tính tích cực, nhắc nhở người Mỹ gốc Việt nên có thái độ trân trọng với ngày Quốc Khánh Hoa Kỳ, quê hương thứ hai, đất nước đã dang rộng vòng tay cứu mang, đỡ nâng biết bao con người Việt Nam khổ hạnh, kể từ cái ngày 30 tháng 4 bi thảm ấy. Liên tưởng tới nếp sống của nhiều đồng hương mình tại thành phố Houston tôi đang sống đây, và cũng như ở nhiều nơi khác nữa mà tôi biết, tôi nhớ ra và hiểu ý bài viết của ông John Logan, giáo sư môn xã hội học

người Mỹ thuộc Đại học Brown, đã đề công nghiên cứu tìm hiểu và nói rằng người Mỹ gốc Việt thích (hay phải chọn cách tự nhiên?) cuộc sống tách biệt với xã hội Mỹ.

Tôi không định tâm so sánh và phân tích hay thẩm định về sự bày tỏ đối với ngày 4 tháng 7 cũng như nước Mỹ.

Rất thật lòng, với riêng tôi cho đến lúc này, đã nhiều năm rồi, ngày Lễ Độc Lập Hoa Kỳ cũng thế, vẫn chỉ như thêm một ngày Chủ nhật mà thôi, không hề (hay chưa) khơi dậy trong tôi một tâm thức mãnh liệt nào. Có chăng là thoáng nhớ đôi chút về lịch sử thời lập quốc của đất nước Hoa Kỳ qua những bài học Thế giới sử hồi còn Trung học hay gần đây, mới năm ngoái, qua những câu hỏi và trả lời trong tập sách tài liệu giúp chuẩn bị việc đi phỏng vấn nhập tịch. Tôi đã loay hoay suy nghĩ và cố tìm ra lời giải đáp về thái độ cũng như tâm trạng của mình.

* * *

Tôi đến Mỹ cuối năm 2006, tính ra đã được hơn sáu năm rưỡi, theo một trong những chuyến tàu vét dành cho những sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã từng bị đi tù cải tạo Cộng sản. Chương trình đi định cư ở Hoa Kỳ, quen gọi là H.O đã đóng lại từ lâu rồi và sau hàng chục năm được mở lại một đợt cuối cùng nữa cho những người chưa từng nộp đơn trước đây như trường hợp của tôi.

Dù chẳng còn bận tâm chuyện hiếu đạo với bố mẹ, vì bố tôi đã qua đời hơn hai thập niên, rồi mẹ tôi mất cũng vừa giáp năm và mẹ tôi là một trong mấy lý do mà lần trước tôi không nộp đơn để xin đi. Ở lần này, thoát đầu tôi vẫn phân vân do dự và ngần ngại

lắm, không có được sự dứt khoát chọn việc ở lại như năm xưa khi bắt đầu có tin tức về chương trình đi Hoa Kỳ định cư. Bạn hữu thân thiết thường nói tôi khó lòng thích ứng với đời sống xứ Mỹ. Tôi cũng tự biết điều đó. Nhưng khi vợ tôi, người đã khổ hạnh nhiều vì tôi và cho tôi, nhẹ nhàng nói rằng đây có thể là lối thoát, bởi sợ rằng còn ở lại, chắc gì con người đã bị vào sổ đen của an ninh cộng sản, nhưng vẫn luôn mang trong đầu ý thức phản kháng như tôi, thuộc thành phần luôn luôn bị chế độ để ý và theo dõi, tránh sao được việc rất dễ dàng sẽ phải đi tù lần nữa. Và khi điều đó xảy đến thì chưa biết gia đình lo tính mọi việc cách nào. Chuyện là, sau thời gian gần 6 năm tù cải tạo về, hơn ba năm sau tôi đã lại bị bắt và bị đưa ra toà án chế độ Cộng sản nhận thêm vài năm tù nữa trong vụ án liên lạc và gửi bài ra hải ngoại khá ồn ào một thời cùng với các hiền huynh, hiền hữu tên tuổi. Ai mà không biết về những nỗi khổ nhục của một gia đình có người thân đi tù, nhất là lao tù Cộng sản.

Nghe nói tới điều đó, tôi đã không còn được phép chần chừ và có một chọn lựa nào khác. Thế rồi mọi thủ tục với Lãnh sự quán Hoa Kỳ và thời gian chuẩn bị cho chuyến đi thật nhanh gọn, không nhiều khê tốn phí gì nhiều và cũng không phải mỗi mòn chờ đợi như các bạn tôi ở thời kỳ chương trình trước đây. Chỉ sau vài tháng từ ngày nộp đơn, vợ chồng tôi và cô con gái út đã đặt chân đến một xứ Mỹ đầy bờ ngõ và xa lạ, bỏ lại phía sau biết bao nỗi vẩn vương và bồi hồi xao xuyến.

* * *

Thật ra, ngay từ những ngày xao động cuối tháng tư năm 1975, tôi đã một lần không chọn đi Mỹ mà quyết định ở lại, cho

dù vẫn biết rằng rồi sẽ khổ nhọc lắm. Thời gian ấy, người anh lớn của tôi đang làm việc cho cơ quan DAO của Mỹ và đã đem về một danh sách di tản có đầy đủ tên tuổi cả nhà với chữ ký của viên chức toà Đại sứ và con dấu nổi. Bố tôi nói chúng tôi phải đưa nhau đi chứ không thể nào ở lại được. Anh em đã căng thẳng nặng lời bàn cãi với nhau mãi về việc đi hay ở như thế nào của gia đình, chỉ vì bố mẹ tôi dứt khoát không muốn đi cùng chúng tôi, cho rằng tuổi già sẽ vướng bận con cháu nơi đất lạ quê người, phần khác trong nhà lại còn bà nội đã ngoài 80 tuổi mà bố tôi là con một. Kết cục tôi là người con trai trong gia đình không lên máy bay vào thời điểm đó. Đánh rằng một phần vì gia đình, nhưng dường như còn có thêm điều gì đó khác nữa không rõ ràng, thôi thúc tôi trong cách chọn lựa này. Tôi cũng thoáng thấy thật băng khuâng vu vơ khi nhìn vợ và hai đứa con còn nhỏ trong suốt nhiều đêm dài trần trọc, liền sau ngày 30 tháng 4 cay đắng ấy của đất nước.

* * *

Ngay khi nộp hồ sơ cho Lãnh sự quán Hoa Kỳ, tôi đã chuẩn bị tinh thần để biết rằng sự xa lạ và lạnh lùng sẽ gặp khi đặt chân đến Mỹ là điều thường tình đương nhiên vì đâu quan trọng gì việc có thêm vào cái dòng người hồi hải ngày ngày ấy một con người nhỏ nhoi lạc lõng nữa.

Cái vốn liếng hiểu biết ít ỏi về nước Mỹ từ những năm tháng xa xưa hồi Trung học qua những trang sách giáo khoa Anh văn chả còn chút dấu vết nào. Kể cả quãng thời gian vừa lên Đại học, tôi đã từng có dịp lồm bồm đàm thoại nhiều lần về dăm ba điều chuyện của xứ Mỹ với một chàng Binh nhất lính thợ Mỹ, đã nhận

Bố tôi làm cha nuôi, vì đạo ấy ông làm cho hăng thâu quân đội Hoa Kỳ trong phi trường Tân Sơn Nhất và anh chàng hay theo Bố tôi về nhà chơi trong những ngày cuối tuần. Thêm nữa, thời gian ở lính, nơi văn phòng tôi phục vụ cũng có mấy ông cố vấn Mỹ và tôi cũng đã phải làm quen với vài thứ xã giao chào hỏi của văn hoá xứ sở họ. Hay còn với những trang văn thơ của một vài tác giả Hoa Kỳ thời danh hồi đó đã được dịch sang Việt ngữ mà tôi cũng tập tễnh mê mải tìm đọc và mua về vài quyển, cẩn thận bày trên giá sách. Sài Gòn và những thành phố quê nhà đạo ấy bắt đầu có đầy bóng dáng người Mỹ, tràn ngập nhiều thứ sản phẩm các loại của Mỹ và cũng loáng thoáng không khí Mỹ trong vài thứ sinh hoạt. Tôi nhớ còn đọc qua vài tập sách hướng dẫn người nhập cư khi mới đến Hoa Kỳ từ trước ngày lên đường

Tất cả đều trôi tuột đi đâu mất tiêu lạnh tanh, hình như chả giúp gì để cho tôi cảm thấy gần gũi nước Mỹ hay đưa nước Mỹ đến gần với tôi hơn. Không dối lòng, dường như cho tới tận bây giờ, dù đã qua nhiều năm tháng ở nơi đây mà tâm trạng tôi vẫn cứ như thế thì phải. Đây cũng là điều tôi luôn tự hỏi và chưa trả lời được rõ ràng rằng tại sao.

Hồi mới qua, nhiều ngày tôi lên chuyến xe buýt có phần lớn lộ trình chạy dọc theo con đường nơi khu vực tôi cư ngụ, trạm đầu ở gần lối vào trung tâm thành phố và trạm cuối là một khu dân cư thưa thớt vắng vẻ. Tôi ngồi lặng thinh nơi băng ghế , giữa đám hành khách thuộc nhiều sắc dân, nhìn qua ô cửa kính, những dãy nhà chấp chới, những dòng xe hối hả chấp chới, những hàng cây, cột điện chấp chới, đầu óc thì lơ mơ những chuyện lộn xộn đủ thứ và dường như chả có điều gì nhắc bảo rằng tôi đang ở Mỹ.

Cứ thế rồi khi hết lộ trình, tôi lại đứng lên đếm mấy đồng các bỏ vào khe thùng tiền để tiếp tục một lượt đi nữa. Có lần ông tài xế người Mỹ đen cao lớn dềnh dàng nhìn thấy, đã lên tiếng hỏi vì có vẻ ngạc nhiên về người hành khách khác lạ nhưng quen mặt qua nhiều lượt đi về. Tôi nói mới đến Mỹ nên muốn sử dụng xe buýt cho biết và tìm cảm giác chơi vầy thôi. Ông cười vui và nói như thể tôi không cần phải trả tiền nữa. Từ bữa đó tôi và ông quen nhau. Đêm về, trong giấc ngủ chập chờn, chiếu gối lạ lẫm chưa quen hơi, tôi thấy hơi văng vát, bồng bênh giống như sau mỗi lần chuyển trại nơi thời gian lao tù từ trong Nam ra đến ngoài Bắc.

Thời gian đầu nơi xứ người, ngày Chúa nhật đi dự Lễ ở nhà thờ một giáo xứ Mỹ gần nhà, tôi đã sa chước cảm dỗ biết mấy vì chẳng có được chút sốt sắng nào để cầm giữ lòng trí cho nên. Tôi nghe loáng thoáng tiếng vị Linh mục người bản xứ đang cử hành Thánh Lễ trên bàn thờ mà chẳng hiểu được chút ý nghĩa nào. Một lát sau tâm trí bắt đầu mê mẩn, quên mất Chúa, đi lang thang ra khỏi ngôi thánh đường, thấy lại toàn những nơi chốn và những con người mãi tận đâu, khuôn dáng quen lạ cứ lẫn vào nhau, từ những thời gian lộn xộn không rõ ràng và hết chỗ này lại chuyển qua chỗ nọ toàn khung cảnh Việt Nam, tuyệt nhiên chẳng thấy chút gì dính dáng đến nước Mỹ, người Mỹ, nơi tôi đã đến.

Nhiều lần, trạng thái tương tự như vậy cứ diễn ra hoài ở trong tôi. Sau này, lúc mua được chiếc xe để đi lại, mỗi khi về ngang qua hồ nước trong công viên nằm sau Home Depot nơi góc Bellaire và Beltway 8, tôi cứ u hoài mừng tượng đến Hồ Xuân Hương Đà Lạt biết mấy. Hoặc nữa, khi có việc đi lên hướng Bắc thành phố, tôi vẫn luôn chọn đi theo đường Gessner để được vượt

qua một đoạn dốc nhỏ, hơi quanh co một chút, có hàng thông xanh giữa khoảng vườn khá rộng và những căn nhà kiến trúc mang đôi nét vùng cao nguyên quê nhà để thấy mình bỗng lặng đi, lòng thì bồi hồi man mác khi nhớ về cái thành phố đáng nguyên rủa ấy, thành phố ghi giữ những kỷ niệm êm đềm một thời tuổi trẻ yêu dấu của tôi.

Cứ vậy, tôi như một anh nhà quê lúc nào cũng cố thu mình vào bên trong cái vỏ ốc cũ kỹ xấu xí và xù xì. Nhiều người quen biết hỏi rằng thấy đời sống ở Hoa Kỳ ra sao. Tôi trả lời cũng vậy, một cách trả lời để trả lời thế thôi. Cái ý niệm hội nhập gì đó với tôi sao thật xa lạ quá. Hồi xưa đi học, mỗi lần chuyển trường đổi lớp, tôi cũng đâu có dễ dàng gì mà hoà ngay vào được sinh hoạt của đám học sinh cũ, có niên khoá cứ phải lặng lẽ một mình cho đến hết năm học. Bây giờ chung quanh tôi dường như đủ thứ lạ lẫm hơn nhiều so với cái khung cảnh nhà trường thuở còn đi học. Như vậy có phải điều cực đoan không, hay còn vì một duyên cớ tiềm ẩn nào đây, tôi phân vân tự hỏi mình.

Cuộc sống trầm lặng với thái độ tự chọn lấy sự cô đơn và cô độc không chừng cũng là một điều hay, chí ít cho suy nghĩ chủ quan của tôi, sau khi cũng có dịp tham dự vài sinh hoạt hội đoàn. Suốt thời gian đi học ngày xưa, tôi đã dốt lại còn lười và ham vui với đủ thứ linh tinh ngoài phố hơn việc chú ý mũi vào sách vở nên cứ vác cặp lang thang hết trường này sang trường khác mà toàn trường tư cả thôi. Lên đại học vẫn chứng nào tật nấy và mấy chứng chỉ cần thiết chưa có đủ để lấy văn bằng cử nhân, thành ra coi như huê vốn. Trong khi đó, ở bên này, mấy hội ái hữu đều mang tên những ngôi trường công lập tiếng tăm và các cựu học

sinh, sinh viên bạn hữu của tôi một thời, giờ đều là những người sinh hoạt cộng đồng lấy lòng với các danh tính chức vụ kèm theo, làm sao tôi có thể gần gũi lui tới, dù vẫn thường được mời đón thân tình. Rồi khi vào lính, dù ở trong một quân chủng có tiếng hào hoa phong nhã, nhưng tôi lại chỉ là cái anh ngồi văn phòng rờ giấy suốt, chả dính dáng trực tiếp tí nào với bay bổng trời mây. Bây giờ mỗi khi sinh hoạt hội họp, chuyện trò hay văn chương báo chí có dính dáng đến quân chủng của tôi ở đây, thấy nhắc kể toàn về những hào hùng chiến đấu nơi khắp vùng trời bao la tổ quốc, một thời tung mây lướt gió_ ăn chơi thì lệch đất nghiêng trời, lính văn phòng hạng xoàng như tôi đương nhiên không dễ dàng gì để tham gia .

Có thể con người tôi đã bị chai sạn từ lúc nào rồi chẳng mà sao như thể đứng đưng với hết thấy mọi thứ đến vậy. Nơi cuộc sống này đâu ai dám tự cho rằng mình độc quyền ôm giữ tất cả những nỗi đau đớn, sự khổ hạnh đắng cay và mọi muôn phiền nhân thế. Và cũng chẳng thể nào so sánh những điều ấy của riêng mỗi người với nhau.

* * *

Tôi nhận ra được rằng hình như từ lâu rồi thì phải, cũng không biết bắt đầu hồi nào, đã có một điều gì đó rất vu vơ và tạo thành sự phản kháng trực cảm của tôi cũng thật vu vơ, với nước Mỹ. Tôi nhớ lại kỷ niệm đắm thắm thời trung học với cô bạn ở cùng xóm muống ven bờ kênh Nhiêu Lộc, dọc bên đoạn đường rầy dẫn ra cổng xe lửa số 6. Thời gian đó người Mỹ hiện diện mỗi ngày một đông ở Sài Gòn và các thành phố. Khi đến họ đã đem theo đủ loại công việc tại các cơ quan, hãng xưởng mà mức lương khá

chênh lệch so với đời sống xã hội Việt Nam bình thường. Đây có lẽ là một trong những nguyên nhân gây ra nhiều sự xáo trộn, thay đổi nơi mỗi con người, từng gia đình hay có thể cả một phần xã hội Việt Nam, do bị động khách quan hay chủ động, cũng khó mà phân tích hay kết luận. Cô bạn H. của tôi là một trường hợp trong số đó cũng nên. Lúc ấy, tôi nhớ chỉ còn vài tháng nữa sẽ đến kỳ thi Tú tài I nhưng H. đã bỏ ngang để đi làm ở một sở Mỹ gần khu vực phi trường Tân Sơn Nhất. Tôi cũng hiểu do hoàn cảnh gia đình vì H. là chị lớn của một bảy ba bốn đứa em còn nhỏ, ông bố H. công chức bậc thường, lương bổng chừng mực thôi và bà mẹ chỉ ở nhà lo việc nội trợ. Tôi thật cảm thông với H. Tình bạn của chúng tôi không có nhiều những lãng mạn của hẹn hò với cỏ cây hoa lá trắng sao, nhưng gần gũi thân thiết với nhau từ hồi còn học đệ ngũ, đệ tứ và nhiều kỷ niệm êm đềm khó phai quên của tuổi học trò nơi khung cảnh xóm nhỏ.

Khi H. mới đi làm, chúng tôi vẫn còn thường hay gặp nhau vào buổi sáng nơi con ngõ dẫn ra đường phố chính phía ngoài, vì cùng giờ đi học và đi đến sở. Trong màu áo dài thay đổi mỗi ngày, có hôm là jupe ngắn và thêm phấn son trang điểm, mái tóc cắt cao chải chuốt điệu dàng, chừng như H. đã trở thành một con người khác lạ hoàn toàn. Cả cái dáng đi chậm rãi yếu điệu thướt tha trên đôi giày cao gót để ra đầu ngõ chờ xe sở đến đón cũng thật xa cách với tôi. Không còn mái tóc đen nhánh xoã ngang bờ vai tà áo trắng Trưng Vương quen thuộc và cách phóng Solex có chút tinh nghịch để qua mặt tôi vào những buổi trưa khi tan trường về, mà bất chợt gặp được nhau trong con ngõ dài sâu hút, như trước đây nữa. Thoạt đầu tiên, H. cũng tỏ ra hơi lúng túng, gượng gạo mỗi khi chúng tôi gặp nhau và tôi cũng thấy mình bối rối làm sao.

Lúc H. có vẻ bắt đầu tự nhiên hơn thì chúng tôi ít gặp nhau vì trái giờ, cũng có thể là H. tìm cách tránh mặt. Sau đó, không nhớ gia đình H. dọn nhà đi hồi nào và chúng tôi đã chẳng một lần từ giã nhau. Tôi bắt luôn tin tức về H. từ ngày ấy và buồn bã một thời gian dài. Cho dù chưa bao giờ chúng tôi nói với nhau về tình yêu hay cầm lấy tay nhau, nhưng tôi vẫn có cảm giác như bị mất đi một thứ gì đó rất băng quơ gần lắm trong tiếc nuối xa xăm. Tự nhiên, tôi mang thành kiến với người Mỹ sau dạo ấy.

Cũng cùng trong thời khoảng này, như tâm trạng chung của tuổi trẻ hồi đó, tôi thấy bất bình và thật phần nộ với cách hành xử giao tiếp xô bồ, nhiều khi lỗ lã, thô lỗ thái quá của những ông lính Mỹ với người Việt trong các sinh hoạt, nhất là cảnh suồng sã với các cô gái quán bar nơi đường phố mà tôi thường gặp. Những điều này còn thấy trên tin tức báo chí và rồi tôi đâm ra ác cảm, thù ghét luôn cả nước Mỹ.

Đến khi ra đời, trưởng thành hơn, có chút hiểu biết về vai trò và những tính toán sắp xếp của người Mỹ trong cuộc chiến cũng như chung quanh việc ký kết Hiệp định Paris 27.1.1973. Tiếp theo, đến biến cố 30 tháng 4 năm 1975 đầy cay đắng, chua xót và nghẹn ngào, như nhiều người Việt Nam khác, tôi vẫn cứ luôn bị dằn vặt và ám ảnh mãi không thôi về thái độ đồng minh nửa vời rồi buông rơi của người Mỹ đối với đất nước mình.

Khởi đi từ đó và cho tới mãi tận hôm nay, dù vẫn tiềm ẩn bàng bạc, chẳng những điều ấy có dự phần gì trong việc hình thành nơi tôi một thái độ không mấy thiện cảm với nước Mỹ hay không, tôi không dám đoan chắc. Nhưng rồi như cách nói trong dân dã, ghét của nào trời trao của ấy. Tôi cứ hay lẩn thẩn nghĩ ngợi hoài về

việc mình đến Mỹ và cuộc sống ở nơi đây. Có khi tôi cũng như thầm như thể tự an ủi rằng trong hai sự khốn khổ thì đành phải chọn lấy sự khốn khổ nào ít khốn khổ hơn vậy thôi. Hoặc nữa, tôi cho mình chỉ cơm ngang khách tạm chứ chẳng mong cơm nặng áo dây lâu dài với nước Mỹ, nghe tệ bạc làm sao chẳng.

Tôi biết nhiều người cũng mang những tâm trạng khác nhau khi đặt chân đến xứ này. Vợ một người bạn tôi được cô con gái làm hồ sơ bảo lãnh sang để trông con cho vợ chồng cô đi làm. Bà ngoại trông cháu thì vẫn tốt hơn thuê mướn người ngoài hay đem con đi gửi. Khi tôi điện thoại hỏi thăm, chị thở than cứ như bị giam lỏng, thỉnh thoảng mới được cô con gái có ngày nghỉ, đưa đi chợ Việt cho biết và nhân tiện để cắt tóc vậy thôi.

Năm vừa rồi, hôm đi dự buổi phỏng vấn nhập tịch Hoa Kỳ, sau khi đã đạt kết quả, phải chờ để lấy giấy báo đi tuyên thệ, tôi ngồi tại khu vực chờ đợi cùng có mấy người Việt Nam gần quanh và nghe được vài mẩu chuyện. Một cô, tôi đoán chừng làm nghề nail, nói rằng thành công dân Mỹ thì cũng vậy, vẫn cây chết mẹ và gặp mấy thứ trời ơi hoài tránh sao khỏi nắng. Cô bạn bên cạnh đối đáp lại, vậy có ngon lành *dzia* lại bên bên mà sống, khỏi mất công tuyên thệ. Tôi cười một mình vì chẳng hiểu được ý của họ. Bất gặp nụ cười đồng cảm của cô gái khá trẻ ngồi ghế kế bên, đã chào xã giao khi gặp nhau ngoài sân đậu xe trước lúc vào làm thủ tục trong này, tôi hỏi cô về việc sang Mỹ. Liếc nhanh người đàn ông đưa cô đến đây vẫn đang đi tới lui bên ngoài hành lang kia mà tôi đoán là người bảo lãnh, cô nói nhỏ rằng cũng như lấy chồng Đài Loan, Hàn Quốc vậy thôi. Nghe như có gì gượng gạo đầy cam chịu và chua chát quá. Tôi lặng thinh và tự nghĩ, còn

mình vào quốc tịch Hoa Kỳ, có lẽ cũng như được nhập hộ khẩu ở Việt Nam chăng.

* * *

Tôi không thể nào quên được cảm xúc hôm ngồi trên khán đài dự Lễ tuyên thệ để chính thức trở thành công dân Hoa Kỳ. Khung cảnh chung quanh với những thứ âm thanh, màu sắc rộn rã tươi vui chẳng lan tỏa được gì đến tôi. Tôi ngồi lặng thinh như kẻ vô hồn, trong lòng cứ lóng ngóng vương vất điều gì đó không rõ ràng và thêm một chút day dứt nhẹ nhàng nữa, cứ lẫn lộn hoài nỗi xao xuyến băng khuâng. Khi vị chủ tọa buổi lễ là một ông quan Toà trong trang phục pháp đình uy nghiêm, tươi cười kết thúc bài diễn từ giữa tràng pháo tay của mọi người, tôi bỗng thấy bàng hoàng hụt hẫng quá, như thể vừa bị đánh rơi mất một thứ gì đó rất quen thuộc mà cũng thật xa xôi. Tai tôi như ù đi, chừng như tôi có nghe ông ấy từ tốn nói lời chào mừng những người công dân mới của đất nước Hoa Kỳ, và xin mọi người hãy bắt đầu nhận lấy nơi đây làm quê hương mới chính thức từ ngày hôm nay.

Một ai đó đã nói nơi nào sinh sống có tự do thì nơi đấy là quê hương. Không lẽ đơn giản như vậy thôi sao. Cũng ai đó sự đoan quyết mạnh mẽ rằng chúng ta phải lìa xa quê hương nhưng không bao giờ quê hương có thể xa lìa chúng ta được. Cho dù thế nào thì quê hương vẫn mãi là nỗi hoài vọng khắc khoải khôn cùng. Và nỗi nhớ cố hương vẫn mãi một nỗi nhớ dần vật dẫu dằng. Qua năm tháng biển dâu vùi dập, căn nhà thân quen ngày cũ đã phải thay phủ bằng lớp sơn khác nào đấy và nhiều người trong căn nhà ấy chắc chừng đã quên đi mọi thứ, rồi vui thích với màu sơn mới chẳng, nhưng đoan quyết vẫn còn những con người dù cách xa,

luôn yêu nhớ mãi hoài nét đơn sơ thuần khiết màu sơn cũ kỹ thuở ban đầu của nếp nhà. Quê hương ở đâu trong mắt dõi nhìn đau đáu phương trời vô vọng. Ở đây chẳng có được một bờ ao tịch liêu nào để chiều chiều ngẩn ngơ bước ra ngóng trông về quê cũ. Nhìn phương trời nào thì cũng xa tít tắp mênh mông quá quê hương ơi, sao mà da diết đến vậy...

“...quê hương ơi! Tóc sương mẹ già yêu dấu... tiếng ru nỗi niềm thơ ấu...”

...quê hương ơi! Bóng đa ôm đàn em bé, nắng trưa im lìm trong lá, những con trâu lành trên đồi, nằm mộng vì chờ nghe tôi thổi khúc sáo chơi vui...”

và đơn giản dung dị biết bao trong nỗi nhớ:

“...lửa bếp nồng, vòm tre non, làn khói ẩm hương thôn...”

...ôi bóng hình từ bao lâu còn ghi mãi sắc màu...”

rồi đợi mong đến một ngày:

“...để riêng tôi mua lại mảnh đời thơ ngây...”

(Tình hoài hương. Phạm Duy)

Như vậy quê hương phải chăng là nơi chốn mãi mãi thiêng liêng cao vời, được tạo dựng và nuôi dưỡng bằng bao khổ nhọc sinh thành, khởi đi từ một nguồn cội, gắn bó qua những nỗi trôi thăng trầm của lịch sử, suốt tháng năm đặng đặng, buồn vui và khổ hạnh đắng cay. Biết bao thế hệ đã tiếp nối hiện diện qua mỗi thời đoạn ở đó. Thế chế lúc này lúc khác nhưng một và chỉ một quê hương mà thôi. Người ta khoác mặc bên ngoài thứ trang phục

thay đổi nào đó cho thích hợp với nơi chỗ phải tham dự, nhưng vẫn luôn một thân hình bên trong. Quê hương không phải thủ tục hay nghi thức nào đó để thay đổi hay nhận lấy.

Quê hương ơi, từ đau thương gãy đôi chia lìa một ngày tháng 7 nơi tháng năm 1954 xa xăm ấy, rồi 30 tháng Tư 1975 và những đau xót cay đắng dồn dập liên tục mãi nữa thế, cứ oằn lên thân phận nhược tiểu nhọc nhằn, đẩy đưa những nhấp nhô lia xa hoài vậy sao. Bóng quê hương khuất chìm dần vào muôn trùng chấp chới và cố níu giữ cho gần lại sao vẫn cứ vời vợi mệnh mang. Giấc mơ hồi hương có luôn thấm đẫm những cơn mộng dài từng đêm đất khách quê người hay rồi cũng sẽ dần phai quên nhạt nhòa đi mất mà thôi.

Ăn theo thuở, ở theo thì và nhập gia tùy tục. Đạo nghĩa còn dạy rằng ai làm điều ơn cho mình phải luôn ghi nhớ mãi. Tôi đã đến đây, dầu gì cũng nặng nợ cơm áo nơi này rồi. Tôi vẫn luôn nhắc mình sống tử tế ở một đất nước tử tế. Nhưng rất thật lòng, việc nhận lấy chỗ này làm quê hương và bày tỏ được lòng yêu mến thực sự thì...

Ngọc Tụ

(nhân ngày Lễ Độc Lập Hoa Kỳ)

Bốn Chị Em Gặp Lại

Quan Dương



Trái qua phải: Dương Phương Hiền- Dương Bé- Dương Công Quan- Dương Công An

Trong tấm hình này có bốn người đứng chụp chung trên bờ biển New Brighton của Vancouver. Đó là tấm hình bốn chị em chúng tôi chụp vào ngày 29/04/2018. Trong hình là một người phụ nữ và ba người đàn ông đã già. Tấm hình rất bình thường chẳng có đặc điểm gì nhưng nó là tấm hình ghi dấu lần đầu tiên sau 43 năm tính từ ngày 30/04/1975 bốn chị em từng lưu lạc để rồi cuối cùng có một lần gặp lại.

Chị Phương Hiền lớn nhất cư trú tại Canada, anh Bê và tôi từ Mỹ bay sang và chú An người em kế tôi thì từ Đức. Anh Dương Bê là đại đội trưởng một đại đội trực thuộc Tiểu khu Pleiku trấn đóng trên đèo Mang Yang. Ngày 17/03/75 sau khi Pleiku di tản theo tỉnh lộ 7 xuống Tuy Hoà, đại đội anh mất liên lạc với tiểu khu buộc lòng anh phải xé rừng theo hướng đông. Khi xuống được thị trấn An Khê anh chứng kiến thị trấn này đang hấp hối. Kết quả anh bị đưa ra Bắc ở tù 8 năm.

Trong bốn chị em gặp nhau lần này thì chú An, người em kế tôi, là người mà hai anh em chúng tôi chưa hề gặp nhau kể từ năm 1973. Chú An là trung sĩ pháo binh thuộc sư đoàn 22 Bộ Binh dưới quyền chỉ huy của đại tá Nguyễn Hữu Thông, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 42, người đã khước từ lệnh di tản để ở lại cùng binh sĩ và đã hy sinh trong những ngày đầu của tháng 04/75 tại Qui Nhơn cho mãi đến hôm nay vẫn chưa tìm ra xác của người.

Ngày 31/03/75 khi Qui Nhơn hấp hối tôi đang ở Bình Định còn nghe tin chú ấy đang ở Truong Bà Đòn cách tôi 8 cây số. 12 giờ trưa tôi đứng ở cầu Bà Gi có ý định đợi đơn vị chú rút quân xuống để hai anh em chúng tôi đi cùng nhưng không đợi được. Chiều hôm đó khi tôi ra ghe để di tản về hướng Nam thì đơn vị

chú ấy mới rời Truong Bà Đồn tiến dọc theo Diêu Trì để hướng ra bờ biển Qui Nhơn hy vọng tàu Hải Quân đến đón. Theo lời chú kể sáng ngày 01.04.1975, trung đội pháo binh của chú (thiếu úy Theo cũng là dân Ninh Hoà là trung đội trưởng) cùng đoàn quân khi đến Diêu Trì thì bị việt cộng dùng B41 bắn vào đoàn xe. Chiếc xe jeep đi đầu có gắn hoả tiễn Tow bị trúng đạn. Thiếu úy Sư trưởng toán tử trận nằm gục trên xe. Chú phải cùng với toán trình sát quãng lựu đạn vô mấy cái chốt việt cộng ở dọc đường để mở đường máu mà đi. Chiến đấu trong tuyệt vọng không còn lệnh lạc của cấp trên không còn yểm trợ của các đơn vị bạn và không còn gì. Cuối cùng việc gì đến cũng đã đến trung đội của chú bị đánh tan hàng .

Tối 01.04/75, sáu mạng còn sống nấp trong một ngôi nhà ven biển. Sáng ngày 02.04.1975, có hai binh sĩ trong nhóm quyết định ôm cánh cửa gỗ bơi ra tàu. Bốn người còn lại như con rắn mất đầu kéo vào quân y viện Qui Nhơn nằm dọc theo bờ biển trú và phò mặc cho số phận. Bên trong nhà xác của Quân y viện nhiều xác của những quân nhân tử trận còn bị bỏ lại. Người sĩ quan tên Trứ là bác sĩ của Quân y viện nói, "Họ là những anh em của mình, chúng ta nên làm một điều gì đó để đáp nghĩa." Những người còn sống đang chờ chết khiêng những người đã chết xếp hàng dưới trụ cờ. Họ lần lượt chôn đồng đội mình trong niềm tuyệt vọng. Tổng cộng 47 người lính được xếp ba lớp chồng lên nhau. Những người có hòm thì được chôn dưới cùng, chồng lên trên là những binh sĩ được bọc trong những tấm ra trải giường và trên cùng là xác của những người không còn gì để quẩn. Tính đến tháng 4/2021 này nữa là đúng 46 năm không biết những kẻ thắng trận có biết dưới chân trụ cờ trong quân y viện Qui Nhơn là nắm mồ

tập thể với 47 xác của những người lính VNCH trong ngày tàn cuộc chiến hay không.

Bốn mươi sáu năm oan nghiệt, những linh hồn của những người lính trong nắm mồ tập thể kia đã được siêu thoát hay chưa và những người còn sống giờ ai còn hay mất? Những người đào hố chôn đồng đội giờ chỉ còn hai người lưu lạc nơi hải ngoại. Chú An em của tôi là một trong hai người đó. Đó là những chứng nhân bất đắc dĩ cho ngày cuối cùng của cuộc chiến tại bờ biển Qui Nhơn. Sau khi lấp đất xong đưa tay chào vĩnh biệt đồng đội những người lính còn sống mới chịu buông tay cho phe thắng trận tiến vào bắt trời và dẫn đi. Đó là ngày 05/04/75.

Những ngày đầu tháng tư Qui Nhơn vẫn còn hâm hấp nóng dù ngoài khơi có gió biển thổi vào. Em của tôi ở tù cho đến năm 1979 sau khi được thả ra theo gia đình bên vợ vượt biên sang Đức. Khi chú đi thì tôi và anh Dương Bê vẫn còn đang ở tù cho nên xem như anh chúng tôi không gặp nhau kể từ năm 1973. Tính đến ngày viết những dòng chữ này, 30/04/2018, mới gặp lại thì anh em chúng tôi xa cách nhau vì chiến tranh đúng 45 năm. Bốn mươi lăm năm gặp lại, chúng tôi kể cho nhau nghe chuyện quá khứ. Có nhiều người cho rằng, đã là quá khứ thì hãy quên đi để sống cho hiện tại, vì không ai có thể thay đổi được quá khứ nên nhớ chỉ cho nặng lòng. Nghĩ cho cùng thì khi bạn mua một đôi giày mới chẳng lẽ bạn đi chân đất đến cửa tiệm. Lẽ dĩ nhiên khi đến đó bạn vẫn phải mang đôi giày cũ. Chuyện đó giống như một quá khứ của một con người. Hiện tại của bạn dù bạn có mang đôi giày mới thì hai bàn chân bạn cũng đã từng mang đôi giày cũ. Cho dù bạn đã cởi nó ra nhưng đôi chân đó đã từng quá khứ đi cùng. Quá khứ

đó là ký ức. Dù bạn có muốn phủ nhận và quên nhưng sẽ là không thể.

Ba má tôi có 9 người con, bảy trai và hai gái. Sau biến cố năm ‘75 đưa đẩy, bốn người ra nước ngoài và năm người còn kẹt lại Việt Nam. Bảy tên con trai trong đó đã có năm người là lính của phía miền Nam, nên sau ngày 30/04/75 đều phải vô tù trong các trại tập trung của phe thắng trên khắp ba miền đất nước. Bên cạnh những âu lo của má, người phụ nữ chỉ biết tần tảo bám chợ Ninh Hòa kiếm sống bằng cách đắp đổi qua ngày thì năm anh em chúng tôi bình thân đi ở tù phò mặc số phận chứa đầy bất định. Khi còn chiến tranh, lòng má tôi luôn trĩu nặng vì ngày đêm phải nghe tiếng súng và tin chiến sự khắp nơi, nhưng khi tiếng súng không còn thì sự âu lo đó không vì thế mà bớt đi. Lòng má tôi rối bời lại cộng thêm bất ổn vì những đứa con đang bị cưỡng bức lao động khổ sai nơi chốn rừng sâu nước độc.

Bé Thảo, con chị Phương Hiền, ra đón hai vợ chồng tôi từ phi trường. Xe chạy vào thành phố Vancouver. Ven theo hai bên những hàng cây hoa anh đào màu trắng và màu hồng che mát. Đây là lần thứ ba tôi từ Mỹ bay qua sau 25 năm rời bỏ Ninh Hoà. Thảo nói thành phố đang chìm vào mưa từ đầu tháng Tư cho đến khi đón cậu bay qua từ Mỹ trời mới nắng. Kể ra điều đó cũng an ủi phần nào cho cuộc đời của những người con cùng cha mẹ sinh ra nhưng lại không có được sống cạnh cùng.

Bốn chị em chúng tôi tóc ai cũng đã bạc màu sương khói. Lần gặp nhau đây cũng có thể là lần duy nhất bởi vì cuộc sống và thời gian còn lại để hiện hữu trên thế gian không còn bao nhiêu lâu nữa.

Con bé Tuyển còi cọc, đưa con gái út theo chị Phương Hiền từ VN sang, nay là một thạc sĩ vô cùng xinh đẹp. Hôm nay là đám cưới của nó, tạo cơ hội cho bốn chị em tôi gặp nhau. Đám anh chị của nó cũng là cơ hội con cháu của chúng tôi được nghe kể lại chuyện nhà họ Dương giữa cơn biến động của lịch sử đúng vào ngày 30/04 của 43 năm về trước. Chúng nó và bốn chị em tôi ngồi cùng nhau. Nhìn hình ảnh sum họp này tôi thoáng thấy trong cuộc sống không có kẻ già đi mà chỉ có những người trẻ được thời gian tặng thêm vài nếp nhăn mà thôi.

Khoảnh khắc đó được buộc dừng lại qua những tấm hình đúng 43 năm Việt Nam rơi vào tay cộng sản đẩy một nửa gia đình tôi đến tận nơi này.

Vancouver 30/04/2018

Quan Dương

Băng tửu

Lâm Vân An



Giới sành điệu rượu không ai là không biết băng tửu. Tên gốc là einswine (icewine).

Lần đầu tiên tôi được mời einswine là ở Rotterdam, Hoà Lan từ bác sếp người Đức Altman Frisberg tại một buổi tiệc cuối năm của công ty. Tôi đang lang thang chơi các trò chơi trong hội trường lớn thì bác sếp vẫy tay “Hello! Come on, hãy bỏ ly Heineken qua một bên đi, lại đây và thử cái này, cô có nghe qua einswine chưa?” “Dạ, chưa!” “Ôi, đây là đặc sản Đức đấy, cô nhất định phải thử.” Thế là bác bước lại quầy einswine, nơi bác phụ trách phần phục vụ, mỉm cười rót cho tôi hân một ly einswine vàng óng như champagne, vừa trao ly rượu vừa chỉ sang khay chocolate bên cạnh, “Uống cái này cô phải ăn chocolate hay bánh ngọt thật béo mới sành điệu nhé.”

À, thì ra einswine là rượu dessert - để uống tráng miệng chứ không như các loại cabernet, merlot, pinot, chardonnay..., để uống kèm với các món chính.

Quao, rượu vừa chảy qua cuống họng là tôi đã cảm nhận được vị ngọt của nó. Rượu gì kỳ lạ quá? Tôi nhớ mình đã thắc mắc, sao mà trên đời có thể có loại rượu ngọt ngào, thanh cảnh, tao nhã đến

mức này? Không hề chua, không hề đắng, không hề gắt. Vị ngọt dịu êm ái của nó làm tôi không thể không nhớ đến câu, “Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi,” mình từng học. Mà “bồ đào mỹ tửu” thì đã từng được các nhà “tửu học” giải mã rồi. Đó chỉ là rượu nho mà thôi... thế đây là rượu gì? Icewine là cái gì? Tôi im lặng không dám hỏi các anh Tây xung quanh, đơn giản là không muốn tỏ ra là mình là người... ngu ngốc. Ký ức về ly băng tửu ngọt ngào đẹp đẽ đó nằm trong tôi mãi đến thập niên sau.

Sau này sang Mỹ, các bạn bè Mỹ rủ tôi uống icewine made in Canada với cheesecake, tôi đã có duyên gặp lại icewine...

Tìm hiểu thêm thì tôi mới biết icewine có nguồn gốc từ Đức và Áo, từ thế kỷ 18, khi mùa đông nước Đức phủ đầy vạn vật và các bác nông dân Đức không kịp giờ để thu hoạch, người Đức bị buộc phải làm ra một giống rượu mới - einswine để tránh hoang phí nhiên liệu. Thế là einswine ra đời! Dù vậy, hiện nay Canada là nhà sản xuất chính trên thế giới về loại rượu này; chiếm 70% sản lượng icewine thế giới.

Băng tửu – icewine thật ra là một loại rượu nho nhưng cách thức làm hoàn toàn khác với các loại rượu thông thường. Nho không được hái để ủ rượu vào mùa thu hoạch như các loại rượu trắng, rượu đỏ thông thường mà phải để trên cành đợi mùa đông tới. Khi nhiệt độ ngoài trời thật thấp, xuống độ âm, băng tuyết rơi xuống, nước bên trong quả nho đông cứng lại, và lượng đường bên trong vẫn nguyên vẹn là lúc các nhà làm rượu chuyên nghiệp quyết định những quả nho ấy có nên được hái xuống (bằng tay - handpicked) hay chưa; có đúng lúc để đưa vào sản xuất để cho ra đời mẻ icewine mới hay chưa.

Chai icewine nhỏ xíu (200ml) chỉ bằng nửa dung tích rượu thường nhưng “rất đắt”; vì sao? Vì phải mất gấp 3-4 lượng nho bình thường mới ra được từng ấy rượu. Bạn cứ tưởng tượng hàng nghìn, chục nghìn quả nho đông cứng như đá, bỏ vào cối xay/ nghiền để lấy ra lượng juice

cần thiết thì phải mất bao nhiêu nho và bao nhiêu lâu mới ủ được băng tửu? “Giá đắt” là đúng rồi, phải không?

Những đêm mùa hạ năm nay tôi không biết bạn sẽ uống rượu gì, nhưng nếu được, bạn hãy thưởng cho mình một ly băng tửu.

Xuân Diệu tiên sinh từng viết, *“Tôi không quên được chất rượu Xuân năm ấy. Nó sánh quện đầu lưỡi, ngọt mà tê lịm, mềm môi mà say ngất lúc nào không biết. Rượu đọng trong nậm sứ cổ, rót vào chén nhỏ men trắng như ngọc. Chưa bao giờ tôi uống được thứ rượu ngon như thế. Không phải tôi chủ quan. Tất cả các anh em đều công nhận là rượu tuyệt ngon: thuần chất hơn Mai Quế Lộ, say đượm hơn Thanh Mai, thanh khiết hơn các thứ rượu Cúc, rượu Cẩm. Uống rượu ngon thì biết là rượu ngon nhưng không ai đoán được biết được là rượu gì!”* Thạch Lam cười bí mật, gọi người nhà bung cả vò rượu lớn ra, chỉ vào tờ giấy hồng điều dán làm nhãn hiệu. Tờ giấy viết bốn chữ nho “Bồ Đào Mỹ Tửu”

Năm nay biết đâu băng tửu - icewine sẽ là “bồ đào mỹ tửu” của bạn. Thương chúc bạn một mùa hè sạch bóng covid và ấm áp yêu thương!



Thơ Trần Ngọc Tự

Khúc quân ca mới

*nơi những năm tháng lưu đày ở trại tù cải tạo Yên Bái-Phong
Quang (Lào Cai)- Vĩnh Quang (Vĩnh Phú) 1977-1981*

Thế rồi đất nước bỗng xa khơi
Chinh chiến ta đi tiếp một đời
Hát khúc quân ca hồn phơi phới
Chẳng chút nao lòng tổ quốc ơi.

Những nông trường từng sớm bình minh
Đắm mồ hôi nhòe mắt lung linh
Còn chặng cuối này qua cho nốt
Đoạn đời hay đoạn đường chiến binh.

Như bước vào mùa huấn nhục mới
Tay cuốc dài thay khẩu súng trường
Thêm tên gọi nào đời trai trẻ
Cho dài mãi ra những nẻo đường.

Ta thấy ta trong mắt đồng đội
Có còn chằng ánh lửa niềm tin
Thoáng chút gì băng khuâng xao xuyến
Đừng vội bối rối hãy ngẩng nhìn.

Vẫn cười vui giữa cuộc thương khó
Vai áo tù ngõ sắc chiến bào
Hát nhảm quân hành mơ vào trận
Mộng mãi cho đầy gối chiêm bao.

thoảng trong chiều luân lạc

quần quanh cơm áo quê người
vai nghiêng bóng lệch rồi bởi hoàng hôn
thấp thỏm đi qua nỗi buồn
bước chân xiêu vẹo nghe hồn lặng thinh
chợt ra bỗng thấy thương mình
bao mùa lưu lạc ngõ hình như thôi
cầm bằng cũng đã pha phôi
quê nhà xa lắc cuối trời mây sương
thần thờ ngồi xuống bên đường
vu vơ vẫy gọi đoạn trường băng khuâng

khi rời bến cũ

bến xa nào gọi thuyền tôi
buông hờ con nước bồi hồi nhỏ neo
tần ngần nhắc nửa mái chèo
một u uẩn ấy còn treo mạn thuyền
nơi bến mới có bình yên
những con sóng lạ trữu phiền nào đây
chưa đi đã nhớ bến này
xuôi dòng viễn xứ tháng ngày hoài hương
bâng khuâng trước buổi lên đường
mơ ngày cổ quận vẫn vương tay chèo

tra vấn

bồi hồi tôi chợt hỏi tôi
đã bao ngày tháng bước đời thấp cao
này khi giữa những lao đao
nhẹ vai túi nhỏ tiêu dao nửa vời
giờ thì rong ruổi quê người
bỗng nghe quen lạ giọng cười nhân gian
chiều phai ly khách ngõ ngang
ngồi quanh thình lặng mệnh mang cô sầu
mây trắng ấy bay về đâu
phương nào quê cũ phai nhầu một tôi

kẻ xa quê nhắؑ gửi

mai bạn về thăm lại quê cũ
cho ta gửi theo trọn nỗi lòng
và rồi còn thêm gì nữa nhĩ
đường như cũng chỉ những hoài mong

từ độ xa quê chiều hôm ấy
trong ta thường khắc khoải khôn nguôi
bao điều ngổn ngang loay hoay mãi
lặng thẳm theo mỗi buổi mây trôi

đêm này quê người như lạnh quá
khẽ ép mẩu gió vào tim hoang
không nghe chút hương thừa nồng ấؑ
ta gọi ta thẳؑ thốt bàng hoàng

ly rượu vơi đầy sao nhạt thếch
bao giờ mới cạn sầu tha hương
để ta rũ sạch bụi viễn khách
đốc ngược cho khô đáy hồ trường

bạn về thừa giùm lời khát hện
rằng ta vẫn nhớ nợ quê xưa
canh cánh bên lòng luôn thao thức
đau đáu mãi thôi biết sao vừa

30 tháng tư về

Nhạc & Lời: Huỳnh Công Anh

Slow rock ♩ = 75

Bốn mươi lăm năm qua người ở lại người đi xa
 Bốn mươi lăm năm qua người ở lại người đi xa
 quê hương vẫn còn mãi đó hàng me xanh cánh phượng
 ra đi đã nhìn thấy rõ thật...
 đó tiếng sáo đều ngân nga... ..bốn thà vớ dơi
 trá không thể chung một nhà bốn mươi lăm năm
 qua ai không xót xa ai không thương nhớ quê nhà
 mỗi lần tháng tư đến mùa xuân xưa vang tiếng súng Sài
 Gòn từ đó đã mất tên bốn mươi lăm năm mất Sài
 Gòn bốn mươi lăm năm thao thức mỗi mòn bốn mươi lăm
 năm vẫn đợi khăn tang trắng xác Sài Gòn vẫn
 hái mùa mưa nắng hồn Sài Gòn lang thang ở đâu

Me và mùa xuân

Slow rock

Nhạc và lời: Hoàng Công Anh

Thời gian qua như dòng sông trôi mẹ ơi con đang
sống xa xôi ngậm ngùi từng mùa xuân qua theo vật mấy
bây vương lên mái đầu bạc màu năm tháng
Con như chim én không có mùa xuân thân lữ thứ mang hồn lưu
vong như sương khói tan vào mênh mông nhớ thương thương
nhớ ngập lòng Mẹ đi từ xuân này qua xuân

Việt Nam Quê Hương Tôi

Allegro ♩ = 120

Nhạc & Lời: Yên Sơn

Việt Nam tôi rên xiết thương đau. Lòng người dân sao vẫn σ thờ.

Hoàng Trường Sa nay giặc đã cướp. Bán Giốc Nam Quan cũng bị chia đôi.

Việt Nam tôi đất nước ngàn đời Vồn liếng Lạc Hồng sấp mặt thật

rồi. Việt Nam tôi sấp mặt thật rồi Sao nỡ vô tâm!

42 **Allegro ♩ = 128**

Ai nghe

chẳng tiếng hò non sông réo gọi lòng trai đuổi giặc ngoại xâm. Ai nghe

chẳng tiếng Mẹ Việt Nam thúc giục toàn dân kết đoàn cùng nhau. Quyết một

Copyright © 2019 Yên Sơn

59 F Gm Dm Gm Am⁷ Dm
 lòng! Phơi xác thù! Bảo vệ non sông giành lại biển đảo.

66 F Gm Dm Gm Am⁷ Dm
 Đứng lên nào! Pha máu đào! Bảo vệ quê hương xứng danh Rồng Tiên.

73 **Allegro** ♩ = 120 Dm F Dm Gm
 Việt Nam ơi! Nay đã xa lia. Lòng quân đau nhớ nước thương

81 Dm C Dm C Dm Am⁷
 nhà. Sợ mai đây thân vùi đất khách. Non nước điêu linh chỉ ngậm ngùi

89 Dm F C Gm F Dm
 đau. Việt Nam ơi! quê hương nghìn trùng khuất bóng mặt mờ

97 Am Am⁷ Dm C F
 Sắp hết một đời. Việt Nam ơi! bóng dáng vời

102 Am Am⁷ Dm
 vời Thương nhớ khôn nguôi.

Trong Số Đây:

Lời Ngỏ - Vĩnh Tuấn	1
Tường trình sinh hoạt VBNHK – Lê Thị Hoài Niệm	3
Truyện ngắn “Thằng Thời” – Trường Sơn Lê Xuân Nhị	9
Người lính và vợ lính – Thu Nga	35
Cánh đồng bao la – Nguyễn Đức Nhơn	47
Truyện dịch “Nguồn gốc của dự án 1619” – Ngô Sỹ Hân	57
Tiên sư anh Tào Tháo – Ngô Không Phí Ngọc Hùng	65
Bến Thanh Bôi – Nguyễn Đình Từ Lam	82
Chỉ là giấc mơ – Lê Thị Hoài Niệm	93
Đánh rơi hạnh phúc – Linh Vang	106
Hồ xuân sương khói – Cao Trúc Giang	115
George Orwell – Mai Thanh Tuyết	128
Ngõ đá quê hương – Ánh Nguyệt	142
Hương chiều – Thiên Lý	145
Bão rớt – Phạm Tương Như	149
Nhập tửu bất tri thiên địa – Út Bạch Lan	160
Tháng Tư niên khứ hề - Út Bạch lan	164
Thơ Yên Sơn	170
Thơ Tuý Hà	174
Thơ Nguyễn Kim Kiều	180

Quê Hương trong trái tim tôi – thơ Nguyễn Mạnh An Dân	182
Thơ Vĩnh Tuấn	184
Thơ Mỹ Nhung	187
Thơ Ánh Nguyệt	189
Thơ Bạch Cúc	193
Sau mùa chinh chiến – thơ Nguyễn Đức Nhơn	195
Ta muốn say – thơ Như Ly	197
Thơ dịch – Nguyễn Lập Đông	198
Thơ dịch – Trần Quốc Bảo	200
Thảm hồn binh – thơ Nhật Hồng Nguyễn Thanh Vân	201
Thương tích thời gian – thơ Phạm Tương Như	202
Thơ Huỳnh Công Ánh	204
Bong bóng nước – thơ Minh Xuân 538	207
Nếu anh có về - thơ Trang Y Hạ	208
Bạn hỏi tôi – thơ Quan Dương	210
Những đám mây trên đỉnh Phổ Đà – Phạm Tín An Ninh	213
Ngôi nhà cấp bốn – Trang Y Hạ	223
Một ngày nghĩ nhớ vụ rời – Ngọc Tự	242
Bốn chị em gặp lại – Quan Dương	257
Băng tửu – Lâm Văn An	263
Thơ Trần Ngọc Tự	266
Nhạc Huỳnh Công Ánh	270
Nhạc Yên Sơn	272



Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ

www.vanbutnamhoaky.com

7103 Plaza Del Sol Dr. Houston TX77083

Chủ tịch Đào Vĩnh Tuấn: vinhtuan@sbcglobal.net

Tổng Thư ký Lê Thị Hoài Niệm: lethihoainiem@yahoo.com

Thủ Quỹ Phạm Tương Như: muoinhu@yahoo.com
PO Box 681822, Houston, TX 77268

Bài vở gửi tạp chí Tin Văn: tinvannhk2018@gmail.com

Bài gửi đăng Website VBNHK: tuyha007@gmail.com



TT VĂN BÚT NAM HOA KỲ HÀN HẠNH ĐOÀI THIỆU TÁC PHẨM MỚI CỦA CỘNG TÁC VIÊN TIN VĂN
(Muốn có tác phẩm xin liên lạc qua Email tác giả hoặc: tinvanhk2018@gmail.com)



ofamily@oi.com



yen_son88@yahoo.com



phingochung82@gmail.com



Truongvanuk20@gmail.com



thienly88@gmail.com



tuynh887@gmail.com

